NHƯ LAI PHẬT BỘ

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

THAY LỜI TỰA

Xưa nay Phật Giáo được truyền dạy khắp nơi với một mục đích duy nhất nhằm giúp cho mọi người có thể tự mình “**Chuyển mê khai ngộ, lìa khổ được vui**”.

Một trong các cách thức lưu truyền Giáo Lý của Đấng **Phật Đà** (Buddha) là dùng hình tượng để biểu hiện cho Pháp tu học: từ dáng vẻ, tay Ấn, Chân Ngôn, vật khí cầm tay, tòa ngồi, các Tôn hầu cận... đều hàm chứa Lý Thú giải thoát, gợi mở cho người tu học tự tìm ra con đường giải thoát của chính mình

Trong thời gian gần đây, với sự yêu cầu của các bạn đồng tu muốn tự mình nắm vững hơn về ý nghĩa của Hồng Danh, Tôn Hình, Chân Ngôn, Thủ Ấn của chư Tôn trong Phật Giáo; nên tôi cố gắng sưu tầm, phiên dịch, tổng hợp và ghi chép lại vào tập sách này

Điều không thể tránh khỏi là tập ghi chép vẫn còn nhiều thiếu sót. Ngưỡng mong các Bậc Cao Tăng Đại Đức, chư vị Thiện Tri Thức hãy rũ lòng Từ Bi chỉ dạy, giúp cho tôi kịp thời sửa chữa những lỗi lầm và hoàn thiện phần ghi chép này.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Thích Quảng Trí** và Thầy **Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ và thúc đẩy con nghiên cứu Phật Pháp cho chính đúng.

Tôi xin cám ơn em Mật Trí **(Tống Phước Khải**) và các con tôi đã nhiệt tình hỗ trợ tài liệu, phương tiện giúp cho việc hoàn tất bản ghi chép này.

Tôi xin chân thành cám ơn nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** và Đệ Tử của Thầy **Pháp Quang** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch kinh bản.

Tôi xin chân thành cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Cuối cùng nguyện xin hồi hướng Công Đức này đến toàn thể chúng hữu tình trong ba cõi sáu đường đều mau chóng xa lìa mọi ách nạn khổ đau, thường được an vui, thọ hưởng Pháp Vị Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Hạ năm Quý Tỵ (2013)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Thích Ca Mâu Ni, tên Phạn là Śākya-muṇi dịch âm là Thích Ca Văn Ni, Xả Ca Dạ Mâu Ni, Thích Ca Mâu Nẵng, Thích Ca Văn…. lược xưng là Thích Ca, Mâu Ni, Văn Ni. Dịch ý là Năng Nhân, Năng Nhẫn, Năng Tịch, Tịch Mặc, Năng Mãn. Hoặc xưng là Thích Ca Tịch Tĩnh. Lại xưng là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thích Ca Mâu Ni (Śākya-muṇi) lại được dịch là **Năng Nhân Tịch Mặc** trong đó **Năng Nhân** (Śākya) là dòng họ Thích Ca và **Tịch Mặc** (Muṇi) là bậc Đại Thánh. Như vậy Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là Bậc Đại Thánh của dòng họ Thích Ca.

Theo ý nghĩa khác thì **Năng** biểu thị cho Đại Hùng Lực, **Nhân** biểu thị cho Đại Từ Bi, do **Năng Nhân** cho nên chẳng trụ ở Niết Bàn. **Tịch Mặc** biểu thị cho Đại Trí Giác, do **Tịch Mặc** cho nên chẳng trụ ở sinh tử. Như vậy Hồng danh **Thích Ca Mâu Ni** biểu thị cho Bi Trí kèm vận, Chân Tục song dung, Phước Trí viên mãn của Đấng Toàn Giác.

Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi-buddha) là Đức Phật thứ tư trong đời **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa) tại Thế Giới **Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) và là Đấng mở bày con đường **Chính Pháp Giải Thoát** hóa độ chúng sinh, hình thành Phật Giáo ngày nay.



Vào khoảng hơn 500 trước Tây Lịch, Ngài giáng sinh làm con trai của vua **Tịnh Phạn** (Śuddhodana) với hoàng hậu **Ma Gia** (Mahā-māyā) tại thành **Ca Tỳ La Vệ** (Kapilavastu) ở Bắc Ấn Độ. Họ là **Kiều Đáp Ma** (Gautama), tên là **Tất Đạt Đa** (Siddhārtha).



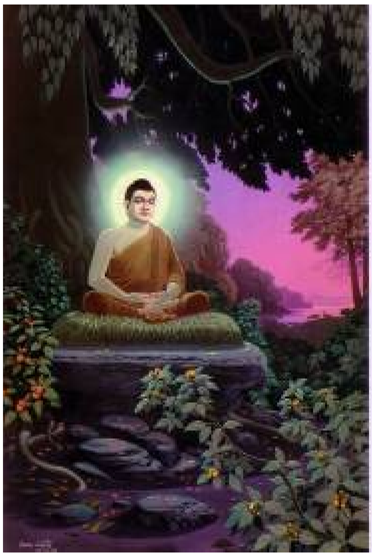
Từ nhỏ, Ngài đã cảm nhận được sự vui thú của nhân gian đều là vô thường, thấu hiểu sâu sắc sự đau khổ của **sinh già bệnh chết** nên luôn phát Tâm tìm con đường thoát khổ.



Năm 29 tuổi (có nơi ghi là 19 tuổi) Ngài từ biệt người vợ xinh đẹp là **Gia Du Đà La** (Yaśodhara) với con trai thân yêu là **La Hầu Ha** (Rāhula), ban đêm lén rời khỏi cung vua, cởi bỏ áo mão vương gia, xuất gia làm **Sa Môn** (Śramaṇa).



Sau 6 năm khổ hạnh, Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, quyết tâm nếu không chứng được Đạo **Vô Thượng Bồ Đề** thì không rời khỏi chỗ ngồi này. Trải qua 7 ngày (có chỗ nói là 49 ngày) vào lúc sáng sớm, nhìn thấy sao Mai liền chứng đạt được sự giác ngộ hoàn toàn viên mãn và được tôn xưng là **Thích Ca Mâu Ni** nghĩa là bậc Hiền Thánh của dòng tộc Thích Ca.



Khi đắc Đạo xong, đầu tiên Đức **Thích Tôn** đến vườn **Nai** (Mṛgadāva:Lộc Dã Viên) độ cho 5 anh em **Kiều Trần Như** (Ājñātakauṇḍinya).



Sau đó Ngài đến thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha) hóa độ cho ba anh em **Ca Diếp** là: **Ưu Lâu Tần Lễ Ca Diếp** (Urubilvā-kāśyapa), **Già Gia Ca Diếp** (Gayā-kāśyapa), **Na Đề Ca Diếp** (Nadī-kāśyapa) thuộc Ngoại Đạo thờ lửa...nhân đấy danh tiếng của Ngài vang dội khắp nơi. Tiếp theo, Ngài độ cho **Tần Bà La Sa** (Bimbisāra) là vua nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha), rồi tiếp đến hóa độ cho **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), **Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-maudgalyāyana)… Ba năm sau, Ngài trở về quê nhà, độ cho phụ vương **Tịnh Phạn** (Śuddhodana), di mẫu **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** (Mahāprajāpatī), các em nội ngoại là **A Nan** (Ānanda), **Nan Đà** (Nanda), **A Na Luật** (Anirudha) và con trai Ngài là **La Hầu La** (Rāhula)...Đến đây giáo đoàn của Đức Thích Ca đã hình thành vững chắc

Trọn 45 năm, Đức Phật thường hoằng Pháp độ sinh ở các nước dọc theo hai bờ **sông Hằng** (Gaṅga) là **Ma Kiệt Đà** (Magadha), **Kiều Tát La** (Kauśala), **Tỳ Xá Ly** (Vaiśali) không hề ngưng nghỉ

Trong thời gian này Đức Phật được sự ủng hộ nhiệt tình của các vua **Tần Bà Sa La** (Bimbisāra), **Ba Tư Nặc** (Prasenajit), **A Xà Thế** (Ajātaśatru) với rất nhiều Tín Chúng…cho nên nhiều Tinh Xá được xây dựng ở các nơi. Đặc biệt có Tinh Xá **Trúc Lâm** (Veṇuvana-vihāra) ở nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha), Tinh Xá **Kỳ Viên** (Jetavana Anāthapiṇḍada-ārāma) ở nước **Xá Vệ** (Śrāvastya) và Tinh Xá **Đại Lâm** (Mahā-vana) ở nước **Tỳ Xá Ly** (Vaiśali)

Đến năm 80 tuổi, Ngài nhập vào **Niết Bàn** (Nirvāṇa) dưới hai cây **Sa La** (Śāla) bên bờ sông **Bạt Đề** (Ajitavatī) tại thành **Câu Thi Na La** (Kuśinagara) trong nước **Mạt La** (Malla)



Sau khi Đức Phật nhập diệt, Tôn Giả **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa) với các Đệ Tử ở thành Vương Xá đã kết tập các lời giảng dạy của Ngài thành Kinh Bản qua sự đọc tụng ghi nhớ. Từ đó về sau dần dần hình thành ba Tạng **Kinh** (Sūtrānta-piṭaka), **Luật** (Vinaya-piṭaka)**, Luận** (Abhidharma-piṭaka) bằng chữ viết và lưu truyền cho đến ngày nay



TÔN TƯỢNG CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được tôn phụng qua bốn loại hình tượng là: tượng đứng, tượng ngồi, tượng dựa và tượng nằm

1_Tượng đứng:
.) Tượng Bồ Tát Đản Sinh:



.) Tượng Bồ Tát Đản Sinh được Rồng phun nước tắm (tượng Cửu Long)



.) Tượng Phật kết Thí Vô Úy Ấn (Abhaya-mudrā)



.) Tượng Phật kết **Đắc Giáo Nghĩa Ấn** (Sandarśana-mudrā: Đắc Chiếu Kiến Ấn)



.) Tượng Phật kết **Dữ Nguyện Ấn** (Vara-mudrā:Thắng Diệu Ấn, Nguyện Vọng Ấn)



.) Tượng Phật kết **An Ủy Ấn** (Śvasa-mudrā):



.) Tượng Phật kết **Giải Thuyết Ấn** (Vyākhyāna--mudrā):



.) Tượng Phật với Thủ Ấn khác



3_ Tượng ngồi:
.) Tượng Khổ Hạnh:



.)Tượng Phật kết **Thiền Định Ấn** (Dhyāna-mudrā):



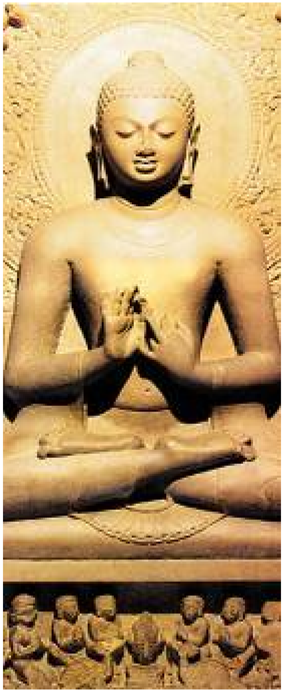




.) Tượng Phật kết **Pháp Luân Ấn** (Dharma-cakra-mudrā):







.)Tượng Phật kết **Giáo Hóa Ấn** (Vitarka-mudrā)









.) Tượng Phật kết **Thần Biến Ấn** (Prātihārya-mudrā)





.) Tượng Phật kết **Xúc Địa Ấn** (Bhūmi-sparsh-mudrā)







.) Tượng Phật kết **Đắc Giáo Nghĩa Ấn** (Sandarśana-mudrā: Đắc Chiếu Kiến Ấn)



.) Tượng Phật kết **Thí Vô Úy Ấn** (Abhaya-mudrā)



.) Tượng Phật kết một số Thủ Ấn khác









3_Tượng dựa:







4_Tượng nằm:
.)Tượng nằm nghỉ:



.) Tượng vào Niết Bàn





Hiện nay tại hang động PIN-DA-YA tọa lạc tại bang Shan của **Miến Điện**, đồ chúng Phật Giáo còn lưu giữ các Tôn Tượng của Đức Phật với nhiều dạng thức kết Thủ Ấn khác nhau.



1_ Vyākhyāna-mudrā: Giải Thuyết Ấn
2_Padma-hasta-mudrā: Liên Hoa Thủ Ấn
3_Uttara-bodhi-mudrā: Vô Thượng Bồ Đề Ấn



4_Tarjanī-mudrā: Kỳ Khắc Ấn
5_Dana-mudrā: Bố Thí Ấn
6_Vismaya-mudrā: Kỳ Đặc Tưởng Ấn
7_Santida-mudrā:



8_Buddha-patta-mudrā:
9_Triṇa-kiraṇa-mudrā: Thảo Phóng Ấn (Ấn phát cỏ)
10_Cin-mudrā



11_Vajra-hūṃ-kara-mudrā: Kim Cương Hồng Ca La Ấn
12_Samāhita-mudrā: Đẳng Dẫn Ấn
13_Prātihārya-mudrā: Thần Biến Ấn, Thần Lực Ấn



14_Bhūtadamara-mudrā:
15_Pustaka-mudrā: Kinh Điển Ấn
16_Trailokya-vijaya-mudrā: Giáng Tam Thế Ấn



17_Hazana-mudrā:
18_Bhūmi-sparsh-mudrā: Xúc Địa Ấn
19_Tripaṭaka-hasta-mudrā: Tam Tạng Thủ Ấn



20_Abhaya-mudrā: Thí Vô Úy Ấn
21_Karaṇa-mudrā: Sự Nghiệp Ấn, Năng Thành Biện Ấn



22_Dhyāna-mudrā: Thiền Định Ấn
23_Vitarka-mudrā: Giáo Hóa Ấn



24_Kaṭaka-mudrā: Hoàn Xuyến Ấn
25_Sandarśana-mudrā: Đắc Giáo Nghĩa Ấn, Đắc Kiến Chiếu Ấn



26_Amida-mudrā:
27_Saṃdarśa-mudrā: Khai Thị Ấn



28_Dharma-cakra-mudrā: Pháp Luân Ấn
29_Jñāna-mudrā: Trí Ấn



30_Siṃha-karṇa-mudrā: Sư Tử Nhĩ Ấn
31_Buddha-śramaṇa-mudrā: Phật Sa Môn Ấn
32_Patra-mudrā: Bát Ấn



33_ Kāruṇa-mudrā: Bi Ấn
34_
35_Varada-mudrā: Thí Nguyện Ấn
36_Vara-mudrā: Dữ Nguyện Ấn, Thắng Diệu Ấn, Nguyện Vọng Ấn

Ngoài 4 loại Tôn Tượng trên, Đức Phật Thích Ca còn được phụng thờ chung với chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng qua nhiều dạng thức khác nhau.

_ **Tam Thế Phật**: tức là Phật của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây là đối tượng sùng kính chủ yếu của Phật Giáo Bắc Truyền, thông thường được xưng là **Tam Bảo Phật**.

Nếu nhằm chỉ Thể Tính chân thật sáng tỏ màu nhiệm luôn tồn tại khắp không gian và xuyên suốt thời gian của các đức Phật thì **Tam Thế Phật** được xưng tụng là **Tam Thế Thường Trụ Diệu Pháp Thân**. Trong dạng thức này thì Tôn Tượng Tam Thế Phật được minh họa qua 3 Đức Phật với hình tướng giống hệt nhau



_Căn cứ theo Triết Học của Ấn Độ thì thời gian và không gian được trộn lẫn với nhau. Do đây, nếu dùng thời gian để tính toán thì có **Tung Tam Thế Phật** (Phật ba đời theo chiều dọc), nếu dùng không gian để tính toán thì có **Hoành Tam Thế Phật** (Phật ba đời theo chiều ngang)

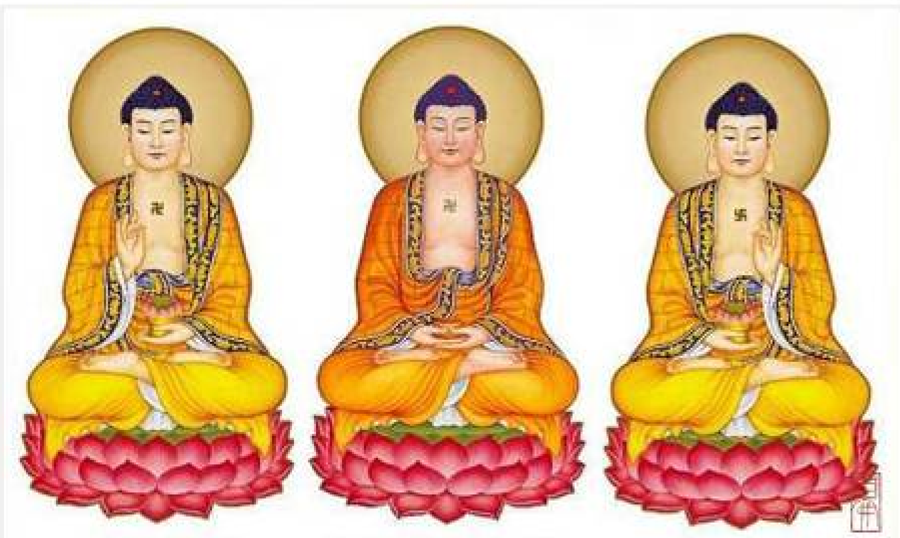
Tung Tam Thế Phật được phụng thờ qua ba Đức Phật là: Quá khứ **Nhiên Đăng Phật** (Dipaṃkara-buddha), Hiện Tại **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākyamuṇi-buddha), Vị Lai **Di Lặc Phật** (Maitreya-buddha).





Cũng có thuyết cho rằng **Hoành Tam Thế Phật** gồm có: Quá Khứ **Ca Diếp Phật** (Kāśyapa-buddha), Hiện Tại **Thích Ca Mâu Ni Phật**, Vị Lai **Di Lặc Phật**





Hoành Tam Thế Phật được phụng thờ qua ba Đức Phật là: Đông Phương **Dược Sư Phật** (Bhaiṣaijya-guru-buddha), Trung Ương **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākyamuṇi-buddha), Tây Phương **A Di Đà Phật** (Amitāyus-buddha:Vô Lượng Thọ Phật) và xưng là **Tam Bảo Phật**, **Tam Phương Phật.**









Đông Phương Dược Sư Phật chủ quản Thế Giới **Tịnh Lưu Ly** (Vaiḍurya-prabhsa) ở phương Đông. Ngài có hai vị Bồ Tát theo hầu là **Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát** (Sūrya-prabha-vairocana-bodhisatva, hay Sūrya-prabha-bodhisatva: Nhật Quang Bồ Tát), **Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát** (Candra-prabha-vairocana-bodhisatva, hay Candra-prabha-bodhisatva: Nguyệt Quang Bồ Tát) và được tôn xưng là **Đông Phương Tam Thánh**, hay **Dược Sư Tam Tôn**. Vì Đức Phật Dược Sư có Thệ Nguyện trợ giúp cho người đời được tiêu tai, kéo dài tuổi thọ, trừ khử bệnh tật… cho nên mục đích chủ yếu của nhân sinh là lễ cúng Ngài để cầu mong được an vui ngay trong đời hiện tại



Trung Ương Thích Ca Mâu Ni Phật chủ quản Thế Giới **Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) ở trung ương. Ngài có hai vị Bồ Tát theo hầu là Đại Trí **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Maṃjuśrī-bodhisatva), Đại Hạnh **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva) và được tôn xưng là **Hoa Nghiêm Tam Thánh**, hay **Thích Ca Tam Tôn**. Ngài là đấng giáo hóa cho Thế Giới này, là Giáo Chủ của Phật Giáo. **Pháp Thân** (Dharma-kāya) của Ngài là **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata)… cho nên mục đích chủ yếu của nhân sinh là lễ cúng Ngài để cầu mong được thấu hiểu Chính Pháp Giải Thoát sinh tử



Tây Phương A Di Đà Phật chủ quản Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī) ở phương Tây. Ngài có hai vị Bồ Tát theo hầu là Đại Bi **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva), Đại Lực **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva) và được tôn xưng là **Tây Phương Tam Thánh**, hay **Di Đà Tam Tôn**. Do Ngài có nguyện lực đưa dẫn chúng sinh đến Thế Giới Cực Lạc, thoát lìa nạn khổ luân hồi, cho nên Ngài cũng có Hiệu là **Tiếp Dẫn Phật**. Nhân Đức Phật này có Thọ Mệnh và ánh sáng vô lượng nên cũng được xưng là **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha), **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha)… cho nên mục đích chủ yếu của nhân sinh là lễ cúng Ngài để cầu mong sau khi chết thì được sinh về Thế Giới Cực Lạc



Giới Phật Giáo có nói Pháp ghi nhận **Hoành Tam Thế Phật** là đồng một Đức Phật, chẳng qua vì muốn cứu độ chúng sinh nên hiện ra **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) chẳng đồng nhau

Như Lai Uyên Nguyên Khảo ghi nhận là: "Vì sao **Di Đà** được nói là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)? Do ban bố thuốc men ắt được tuổi thọ vô lượng, đây tức là Pháp kéo dài tuổi thọ (diên thọ) của Dược Sư Như Lai. Vì sao **Di Đà** được nói là **Vô Lượng Quang** (Amitābha)? Vì **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana-buddha) tức là ánh sáng vô lượng. Cho nên biết chư Phật đồng Thể khác tên, đều vì chúng sinh mà khéo léo hóa hiện vậy"

_Nhằm nhấn mạnh Chính Pháp Giải Thoát của chư Phật được tiếp hiện từ đời này qua đời khác nên giáo đồ Phật Giáo còn thờ phụng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chung với **Đa Bảo Như Lai** (Prabhūta-ratna-tathāgata) hoặc 6 Đức Phật ở thời quá khứ

.) Tôn Tượng của hai Đức Phật Đa Bảo và Thích Ca Mâu Ni





.) Thất Phật Man Đa La:

Bảy Đức Phật gồm có 3 Đức Phật trong **Trang Nghiêm Kiếp** (Vyūha-kalpa) ở đời quá khứ với 4 Đức Phật trong **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa) ở đời hiện tại.

Kinh **Trường A Hàm, quyển 1** ghi chép là: Gom chung với quá khứ thì có 7 Đức Phật

1_ **Tỳ Bà Thi Phật** (Vipaśyīn-buddha):

Tỳ Bà Thi (Vipaśyīn) dịch ý là **Thắng Quán**. Do Đức Phật ấy như trăng tròn, Trí mãn cho nên nói là **Biến Kiến (**nhìn thấy khắp). Vì **Phách** (thể vía) hết, **Hoặc** (phiền não) tan nên nói là **Tịnh Quán.** Đã tròn trịa lại trong sạch, nên nói là **Thắng Quán, Thắng Kiến**. Đây là vị đầu tiên trong 7 Đức Phật.



Chân Ngôn là :

***) Namo buddhāya**
Namo dharmāya
Namo sañghāya
Namo Vipaśyin-tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddhāya
Oṃ_ hāra harā _ hiri hiriya
Namo kīlikalāya svagāmogha-nāya
Namo namaḥ_ svāhā

2_ **Thi Khí Phật** ('Sikhìn-buddha):

Thi Khí ('Sikhìn) dịch ý là **lửa** (hỏa), lại nói là **Trì Kế** (giữ gìn búi tóc). Ấy là Trí không có phân biệt, tối vi tôn thượng, nơi chốn ở **đỉnh của Tâm** (tâm đỉnh). Sau Đức Phật **Tỳ Bà Thi** 30 Kiếp thời vị này được thành **Chính Giác**



Chân Ngôn là :
***) Namo buddhāya**
Namo dharmāya
Namo sañghāya
Namo Śikhiṇi-tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddhāya
Oṃ_ Bhaga bhaga bhaga bhaga_ sarva bhūtānāṃ cchinda-kārāya prabhītānāṃ_ svāhā

3_ **Tỳ Xá Phù Phật** (Vi'svabhū-buddha):
Tỳ Xá Phù (Vi'svabhū): dịch ý là **Biến Nhất Thiết Tự Tại** (Khắp tất cả tự tại). Ấy là chặt đứt hết phiền não, ở tất cả nơi chốn không có chỗ nào chẳng tự tại. Đây là Đức Phật cuối cùng trong một ngàn Đức Phật ở **Trang Nghiêm Kiếp**



Chân Ngôn là :
***) Namo buddhāya**
Namo dharmāya
Namo sañghāya
Namo Viśvabhū-tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddhāya
Oṃ_ Kara kara kara kara_ kuru kuru kuru kuru_ kruthadhānāṃ kuru _ sarva gahānāṃ_ svāhā

4_ **Câu Lưu Tôn Phật** (Krakucchanda-buddha):
Câu Lưu Tôn (Krakucchanda) dịch ý là **Sở Ứng Đoạn** (Chặt đứt chỗ cần chặt). Ấy là chặt đứt tất cả phiền não, dứt hẳn hết không có dư sót. Trong Kiếp giảm ở đời **Hiền Kiếp**, khi tuổi thọ của con người giảm đến sáu vạn tuổi thời Ngài ra đời thành Phật, là vị đầu tiên trong một ngàn Đức Phật đời Hiền Kiếp



Chân Ngôn là :
***) Namo buddhāya**
Namo dharmāya
Namo sañghāya
Namo Krakucchanda-tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddhāya
Oṃ_ Kaṭa kaṭa kaṭa kaṭa_ kaṭi kaṭi kaṭi kaṭi
Namo sarva-tathāgatebhyu arhate-samyaksaṃbuddhebhyaḥ _ svāhā

5_ **Câu Na Hàm Mâu Ni Phật** (Kanaka-muṇi-buddha):

Câu Na Hàm Mâu Ni (Kanaka-muṇi) dịch ý là **Kim Tịch** (sự lặng yên của vàng). Ấy là **vàng** (Kanaka:Kim) tức hiện sáng tỏ, **Tịch** (Muṇi) tức là không có ngăn ngại.

Đại Trí Độ Luận nói: "Lại gọi là **Ca Già Na Ca Già Mâu Ni**, tiếng Hoa nói là **Kim Tiên Nhân** vì thân thể có màu vàng ròng vậy"

Khi tuổi thọ của con người giảm đến bốn vạn tuổi thời Ngài ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa) ra đời thành Phật



Chân Ngôn là :
***) Namo buddhāya**
Namo dharmāya
Namo sañghāya
Namo Kanakamuṇiya_tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddhāya
Oṃ_ Bhara bhara bhara bhara_ śiri śiri śiri śiri_ śira-bhaya dhama dhama dhama dhama_ dhumu dhumu dhumu dhumu_ dhuma-bhaya
Namo namaḥ kanakamuṇiya-tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddhāya _ siddhyantu mantra-bala _ svāhā

6_ **Ca Già Diệp Phật** (Kā'syapa-buddha):

Ca Già Diệp (Kā'syapa) lại dịch âm là **Ca Diếp**, dịch ý là **Ẩm Quang** (uống ánh sáng. Ấy là thân thể tỏa ra ánh sáng rực rỡ, hay uống che tất cả ánh sáng. Khi tuổi thọ của con người giảm đến hai vạn tuổi thời Ngài ra đời thành Phật.



Chân Ngôn là :

***) Namo buddhāya**

Namo dharmāya

Namo sañghāya

Oṃ _ hāra hāra hāra hāra _ ha ha ha

Namo kāśyapāya-tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddhāya siddhyantu mantra-pāda _ svāhā

7_ **Thích Ca Mâu Ni Phật** ('Sākyamuṇi-buddha):

Thích Ca Mâu Ni ('Sākyamuṇi) dịch ý là **Năng Nhân Tịch Mặc**. Do **Tịch Mặc** (Muṇi) cho nên chẳng trụ ở sinh tử, do **Năng Nhân** ('Sākya) cho nên chẳng trụ tại **Niết Bàn** (Nirvāṇa). Do chuyển vận **Bi** (Kāruṇa) **Trí** (Jñāna) song song, lợi vật không cùng tận cho nên dựng lập tên Hiệu này vậy. Khi tuổi thọ của con người giảm đến một trăm tuổi thời Ngài ra đời, là Đức Phật thứ tư trong đời Hiền Kiếp.



Chân Ngôn là :

***) Namo buddhāya**

Namo dharmāya

Namo sañghāya

Namo Śākyamuṇiya tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: Kume kume mahā-kume_ tāre tāre mahā-tāre_ cale cale mahā-cale_ dhare dhare mahā-dhare_ dhiri dhiri mahā-dhiri_ ha ha_ kare kare mahā-kare_ culu culu mahā-culu_ mili mili mahā-mili_ dhiri dhiri mahā-dhiri_ dhume dhume mahā-dhume_ cale cale mahā-cale_ kili kili mahā-kili_ cili cili mahā-cili_ svāhā

Trong Kinh Văn của **Cao Vương Quán Thế Âm Chân Kinh** có ghi **Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn** là:

"Ly bà, ly bà đế, cầu ha, cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế, tỳ lê ni đế, ma hà già đế, chân lăng càn đế, thoa cáp"

(**Repa repate, kuha kuhate, tranite, nigala rite, vima rite, mahā gate, śantiṃ kṛte, svāhā**)

Chân Ngôn này trích từ **Đại Phương Đẳng Đà La Ni Kinh**. Đức Thế Tôn nhân vào sự thỉnh cầu của **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử** (Maṃjuśī-dharma-rāja-putra) nói câu Chú mà bảy Đức Phật quá khứ đã từng tụng qua. Nếu một người gây tạo bốn tội nặng, năm tội Nghịch thời chẳng những đời sau chịu khổ báo rất lớn mà đời này cũng chẳng được bình yên. Vì muốn tiêu diệt hết tội chướng đã gây, nên rất thích hợp trì tụng **Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn**



_ Hệ Thống Phật Giáo còn thờ phụng Đức Phật Thích Ca chung với hai vị Tôn Giả là **Đại Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa), **A Nan** (Ānanda) nhằm nhắc nhở các đồ chúng Phật Giáo luôn luôn ghi nhớ và thực hiện Chính Pháp giải thoát, lợi mình lợi người, lìa khổ được vui, chuyển mê khai ngộ



_Phật Giáo Đông Độ nhận định rằng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Giáo Chủ của Thế Giới **Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) hiện tại. Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara) có hạnh nguyện **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) luôn quán sát lắng nghe âm thanh cầu cứu của chúng sinh liền hóa hiện vô số Hóa Thân đến cứu khổ. Bồ Tát **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha) đã nhận lời phó chúc của Đức Phật Thích Ca, ở trong thời đại không có Phật cho đến lúc Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) thành Đạo, Ngài sẽ làm vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi ở cõi Sa Bà này thì mới thành tựu **Nguyện** (Praṇidhāna) của mình. Vì thế mới thiết lập tượng thờ Đức Phật Thích Ca chung với hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm, Địa Tạng và hợp xưng là **Sa Bà Tam Thánh** (hay Ta Bà Tam Thánh).





Do tâm lý của giáo đồ Phật Giáo phương Đông, khi sống gặp nạn khổ thì mong cầu vào sự cứu giúp của Bồ Tát Quán Thế Âm, khi chết đi thì trông cậy vào sự hóa độ của Bồ Tát Địa Tạng… thế nên Tôn Tượng **Sa Bà Tam Thánh** được phổ truyền rất rộng rãi trong dân gian, có ảnh hưởng rất sâu rộng trong đời sống văn hóa và tâm linh của người đời.

_Theo ý nghĩa khác, Bồ Tát Địa Tạng được xưng tán là **U Minh Giáo Chủ** tức là sự biểu hiện nhắc nhở cho người đời biết rằng muốn thoát khỏi cảnh khổ đau ở Địa Ngục thì cách tốt nhất là **đừng làm các việc ác** mà hại mình hại người. Bồ Tát Quán Thế Âm với Tâm Nguyện **Đại Bi** luôn lắng nghe âm thanh kêu cầu cứu liền hiện thân đến cứu khổ, tức là sự biểu hiện nhắc nhở cho người đời **cần phải biết làm việc hiền thiện**, trợ giúp cho chúng sinh nhằm lợi mình lợi người. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Đấng giác ngộ viên mãn, Tâm Ý luôn thanh tịnh không còn vướng mắc, thông hiểu Lý Sự của vạn vật như thật … tức là sự biểu hiện nhắc nhở cho người đời **cần phải tự tịnh Tâm Ý của mình** thì mới đạt được sự giác ngộ viên mãn vượt thoát sinh tử luân hồi.

Như vậy Tôn Tượng **Sa Bà Tam Thánh** còn minh họa cho Giới Luật xuyên suốt của Phật Giáo là:

"Các việc Ác đừng làm (dứt trừ Tập Đế)
Các việc Thiện nên làm (dứt trừ Khổ Đế)
Tự tịnh Tâm Ý mình (tu tập Đạo Đế)
Đó là lời Phật dạy (thành tựu Diệt Đế)"

_Theo ý nghĩa sâu xa hơn thì Tôn Tượng **Sa Bà Tam Thánh** tượng trưng cho **Tự Tính Tam Bảo**, trong đó Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tượng trương cho **Tự Tính Phật Bảo**, Quán Thế Âm Bồ Tát tượng trưng cho **Tự Tính Pháp Bảo**, Địa Tạng Bồ Tát tượng trưng cho **Tự Tính Tăng Bảo**… tức là ba báu vốn có trong mỗi một con người.

Phàm ở trong bất kỳ thời đại nào (có giáo lý của Đức Phật, hay không có giáo lý của Đức Phật) thì vẫn luôn luôn tồn tại ba điều trong con người:

1_ Có ước muốn chân thật trong sạch, sống hoà hợp với vạn vật chung quanh, tức là **Tịnh** hay ***trong lành*** (biểu thị cho Tự Tính Tăng Bảo)

2_ Cố gắng thực hiện chính đúng vai trò trách nhiệm của chính mình để tịnh hoá Nghiệp Thức, tức là **Chính** hay ***Định Tĩnh*** (biểu thị cho Tự Tính Pháp Bảo)

3_ Luôn luôn mong đạt được sự hiểu biết sáng suốt không mê lầm, tức là **Tuệ** hay ***sáng suốt*** (biểu thị cho Tự Tính Phật Bảo).

Trong ba điều này thì việc "*cố gắng thực hiện chính đúng vai trò trách nhiệm của chính mình để tịnh hoá Nghiệp Thức"* là nền tảng thực hiện được hai điều còn lại.

Thế nên khi chúng ta kính lễ Tôn Tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì nên quán tưởng rằng: *"Đức Phật này chính là biểu tượng của sự sáng suốt hoàn toàn, thông hiểu Lý Sự của vạn vật như thật. Nguyện cho con mau chóng đạt được* Trí Tuệ *như vậy"*

Khi chúng ta kính lễ Tôn Tượng Quán Thế Âm Bồ Tát thì nên quán tưởng rằng: "*Đức Bồ Tát này là bậc luôn quán chiếu vạn Pháp ngay trong thật tại nhằm dứt trừ mọi phiền não khổ đau và chính là biểu tượng của đường lối giúp cho chúng Hữu Tình mau chóng vượt thoát biển sinh tử luân hồi. Nguyện cho con mau chóng tìm được* Chính Pháp cá nhân *để thực hiện được những điều cần làm một cách viên mãn. Đồng thời nguyện cho con đạt được* sự định tĩnh, tự tri, tự giác, tự chủ, điều dụng, vị tha *ngay trong đời hiện tại này"*.

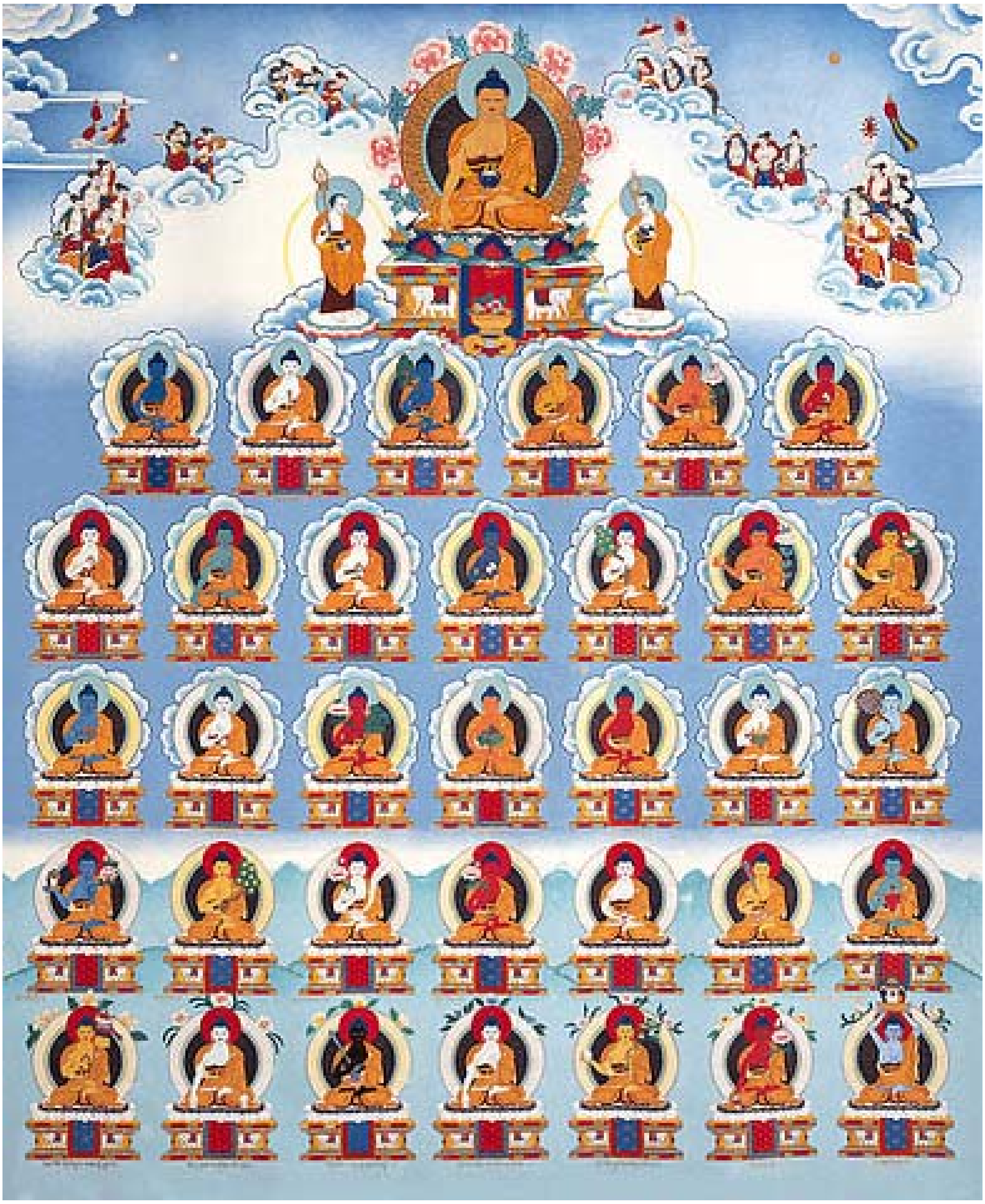
Khi chúng ta kính lễ Tôn Tượng Địa Tạng Bồ Tát thì nên quán tưởng rằng: *"Đức Bồ Tát hiện bày tướng Tỳ Kheo này chính là biểu tượng của các bậc cao thượng đang tiến bước trên con đường giải thoát. Nguyện cho con mau chóng gặp được vị Đạo Sư chân chính để nương theo Ngài,* tịnh hóa *được các Tâm Thức:* Ảo tưởng kiêu mạn, ganh tỵ tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, trì độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận. *Đồng thời nguyện cho con đạt được cuộc sống* hiền thiện, ngay thẳng, mực thước, chân chính, vị tha *ngay trong đời hiện tại này"*.

Nếu chúng ta thường xuyên kính lễ Tôn Tượng **Sa Bà Tam Thánh** kèm theo sự quán tưởng như trên thì đây là điều kiện luôn nhắc nhở chúng ta quyết chí tu sửa thân tâm, thực hành Chính Pháp vượt thoát sinh tử luân hồi và năng lực của ý chí này sẽ dẫn dắt chúng ta từ kẻ phàm phu chuyển dần dần thành bậc Thánh giải thoát



_Ngoài ra Tôn Tượng Thích Ca Mâu Ni còn được thờ phụng chung với 7 Đức Phật Dược Sư, hoặc 34 Đức Phật, hoặc 87 Đức Phật trong **Hồng Danh Bảo Sám**






八十八佛

_Mật Tông Phật Giáo thờ phụng Đức Phật Thích Ca chung với tám vị Bồ Tát qua Đàn Pháp được xưng là **Bát Đại Bồ Tát Man Đa La**:

Kinh **Bát Đại Bồ Tát Mạn Trà La** ghi rằng: "Này Thiện Nam Tử ! Có **Bát Đại Mạn Trà La** là Pháp Yếu thâm sâu của tám vị Đại Bồ Tát. Nếu có hữu tình y theo Pháp xây dựng Bát Đại Mạn Trà La này một lần thì hết thảy tội: mười Ác, năm Nghịch, phỉ báng Kinh **Phương Đẳng**…thảy đều tiêu diệt, tất cả Nghĩa Lợi, Thắng Nguyện đã mong cầu đều được thành tựu .

Liền ở trong **Mạn Trà La** (Maṇḍala) tưởng Đức Như Lai với thân sắc màu vàng ròng có đủ 32 Tướng, ngồi trên đài hoa sen.



Như Lai Mật Ngôn là:
Oṃ_ mahā-vīra svāhā

Liền tưởng **Thánh Quán Tự Tại** (Ārya-Avalokiteśvara) trong Mạn Trà La với thân màu đỏ, tay trái cầm hoa sen, tay phải tác **Thí Nguyện**, trong mão báu trên đầu có Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus)



Quán Tự Tại Bồ Tát Mật Ngôn là:
Hūṃ Hrīḥ Haḥ padma-śrīye svāhā

Ở phía sau Quán Tự Tại Bồ Tát, tưởng **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya) với thân màu vàng, tay trái cầm bình Quân Trì, tay phải tác **Thí Vô Úy**, trong mão có cái tháp **Tốt Đổ Ba** (Stūpa), ngồi Bán Già



Di Lặc Bồ Tát Mật Ngôn là:
Mehaḥ raṇa svāhā

Ở sau lưng Đức Phật, tưởng **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha), tay trái cầm báu để ở trên trái tim, tay phải ban bố, tuôn ra vô lượng báu.



Hư Không Tạng Bồ Tát Mật Ngôn là:
Āḥ garbhāya svāhā

Bên trái Hư Không Tạng Bồ Tát, tưởng **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) đội mão Ngũ Phật, thân màu vàng, tay phải cầm cây kiếm, tay trái **Thí Nguyện**, ngồi Bán Già.



Phổ Hiền Bồ Tát Mật Ngôn là:
Hrīḥ jaya svāhā

Ở bên trái Đức Như Lai, tưởng **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi) tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái an ở háng, đội mão Ngũ Phật, thân màu xanh, ngồi Bán Già.



Kim Cương Thủ Bồ Tát Mật Ngôn là:
Oṃ_ Vaṃ rava svāhā

Ở phía trước Kim Cương Thủ Bồ Tát, tưởng **Mạn Thù Thất Lợi Đồng Chân Bồ Tát** (Maṃjuśrī-kumāra-bhūta) có năm búi tóc, hình Đồng Tử, tay trái cầm hoa sen xanh, trong hoa có chày Ngũ Cổ Kim Cương, tay phải tác **Thí Nguyện**, thân màu vàng, ngồi Bán Già.



Văn Thù Bồ Tát Mật Ngôn là:
Śrī aragha svāhā

Ở bên phải Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát, tưởng **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** (Nīvaṇa-viṣkaṃbhin) thân màu vàng, tay trái cầm cây phướng Như Ý, tay phải **Thí Nguyện**, ngồi Bán Già.



Trừ Cái Chướng Bồ Tát Mật Ngôn là:
Nīvaraṇa svāhā

Ở phía trước Như Lai, tưởng **Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣiti-garbha) với mão trên đầu, Anh Lạc, diện mạo vui vẻ tịch tĩnh, thương nhớ tất cả hữu tình, tay trái để dưới rốn, nâng cái bát, úp lòng bàn tay phải hướng xuống dưới với ngón cái vịn ngón trỏ, tưởng tác an ủi tất cả hữu tình .



Địa Tạng Bồ Tát Mật Ngôn là:
Kṣaḥ hāra jaḥ svāhā

_Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì tám vị Đại Bồ Tát: Di Lặc, Quán Âm, Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, Hư Không Tạng, Trừ Cái Chướng, Kim Cương Thủ … biểu thị cho việc chuyển hóa **tám Thức** (Aṣṭau-vijñānāni) của chúng sinh thành Tướng thanh tịnh màu nhiệm. Trong đó

Di Lặc Bồ Tát (Maitreya-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Nhãn Thức** (Cakṣur-vijñānaṃ)

Quán Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Nhĩ Thức** (Śrotra-vijñānaṃ)

Địa Tạng Bồ Tát (Kṣiti-garbha-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Tỵ Thức** (Ghrāṇa-vijñānaṃ)

Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Thiệt Thức** (Jihvā-vijñānaṃ)

Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Thân Thức** (Kāya-vijñānaṃ)

Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Ý Thức** (Mano-vijñānaṃ)

Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Mạt Na Thức** (Manas-vijñānaṃ)

Kim Cương Thủ Bồ Tát (Vajra-pāni-bodhisatva) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **A Lại Gia Thức** (Ālaya-vijñānaṃ)

Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì Kim Cương Thủ Bồ Tát chính là **thân phẫn nộ** (Krodha-kāya) của **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva)

1_ Di Lặc Bồ Tát: Hai tay cầm hoa sen tác **Thuyết Pháp Ấn**. Trên hoa sen bên trái có Pháp Luân, trên hoa sen bên phải có cái bình báu làm dấu hiệu



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Di Lặc Bồ Tát có thân hình màu vàng, hai tay tác Ấn **Chuyển Pháp Luân** đều cầm hoa sen, đỉnh đầu đội cái bình làm biểu tượng



2_ Quán Âm Bồ Tát: Tay trái cầm hoa sen, vai trái khoác da hươu. Úp bàn tay phải đè trên đầu gối phải



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Quán Âm Bồ Tát có thân hình màu trắng, vai trái khoác da hươu, tay trái cầm hoa sen, ngửa tay phải trên đầu gối phải tác **Dữ Nguyện Ấn**



3_Địa Tạng Bồ Tát: Tay trái kết **Quy Ấn**, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có báu Ma Ni



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Địa Tạng Bồ Tát có thân hình màu vàng, tay trái co trước ngực tác **Cát Tường Ấn** cầm hoa sen, ngửa tay phải ở đầu gối phải cầm quả trái



4_Văn Thù Bồ Tát: Hai tay cầm hoa sen tác **Thuyết Pháp Ấn**. Trên hoa sen của tay phải có cây kiếm Trí Tuệ, trên hoa sen của tay trái có Kinh Thư



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Văn Thù Bồ Tát có thân màu vàng, hai tay cầm hoa sen tác **Thuyết Pháp Ấn**. Trên hoa sen của tay phải có cây kiếm Trí Tuệ, trên hoa sen của tay trái có Kinh Thư. Ngồi Kiết Già trên tòa sen



5_Phổ Hiền Bồ Tát: Tay trái ở trước ngực tác **Thí Dữ Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trời chiếu khắp chúng sinh trong đời Hiền Kiếp



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Phổ Hiền Bồ Tát có thân hình màu đỏ hồng, co tay phải trước ngực, duỗi tay trái đè trên tòa sen và cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trời



6_Hư Không Tạng Bồ Tát: Tay trái tác **Quy Y Ấn**, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có cây kiếm báu chỉ hướng lên trên hư không



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Hư Không Tạng Bồ Tát có thân hình màu xanh lam nhạt, hai tay tác **Thuyết Pháp Ấn**, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có cây kiếm báu tỏa lửa rực, chỉ hướng lên trên hư không



7_Trừ Cái Chướng Bồ Tát: Tay trái ở trước ngực tác **Quy Y Tam Bảo Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trăng trong mát diệt hết chướng ngại nóng bức phiền não của chúng sinh. Úp tay phải đè cổ tay trên đầu gối phải



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Trừ Cái Chướng Bồ Tát có thân hình màu trắng, co tay trái ở trước ngực tác **Quy Y Tam Bảo Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có vành mặt trăng trong mát diệt hết chướng ngại nóng bức phiền não của chúng sinh. Ngửa tay phải trên đầu gối phải cầm cái bình báu



8_Kim Cương Thủ Bồ Tát: Tay phải ở trên đầu gối phải tác **Bố Thí Ấn**, cầm hoa sen, trên hoa sen có chày Kim Cương làm trang nghiêm. Úp tay trái che trên đầu gối trái



Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng Kim Cương Thủ Bồ Tát có thân hình màu xanh lam đậm, tay trái co trước ngực cầm chày Kim Cương, duỗi bàn tay trái đè trên tòa sen



Khi tám vị Đại Bồ Tát này được an bày chung quanh Đức Phật thì được xưng là **Bát Đại Bồ Tát Man Đa La**



释迦牟尼佛与八大菩萨

Nếu có hữu tình y theo Pháp xây dựng Bát Đại Bồ Tát Man Đa La này một lần thì hết thảy tội: mười Ác, năm Nghịch, phỉ báng Kinh **Phương Đẳng**…thảy đều tiêu diệt, tất cả Nghĩa Lợi, Thắng Nguyện đã mong cầu đều được thành tựu .

_**Thích Ca Văn Phật Kim Cương Nhất Thừa Tu Hành Nghi Quỹ Pháp** ghi nhận Man Đa La phụng thờ Đức Phật Thích Ca với bốn vị Bồ Tát: Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Âm, Di Lặc như sau:

"Nếu muốn báo ân đức của Đức Thế Tôn Vô Thượng. Trước tiên nên làm Mạn Trà La. Chính giữa Đàn vẽ tượng **Thích Ca Mâu Nẵng**, thân màu vàng ròng có đủ 32 tướng, mặc áo Cà Sa với tướng **Ứng Thân nói Pháp**. Tay phải kết Ấn Cát Tường, tay trái hướng lên trên để trước rốn, ngồi Kiết Già trên đài hoa sen trắng. **Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Âm, Di Lặc** trụ ở 4 góc như Thai Tạng nói. Ở trước mặt Phật có **Như Lai Bát** (Bình Bát của Như Lai), ở bên phải Phật có **Hiền Bình** chứa đầy hoa, ở phía sau Phật có cây **Tích Trượng**, ở bên trái Phật có cái **Loa báu** đều để trên cánh hoa, chung quanh tỏa lửa sáng".



1_ Thích Ca Mâu Ni Như Lai (Śākya-muṇi):

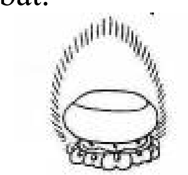
Trong Man Đa La này thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trung ương tượng trưng cho **Ứng Thân nói Pháp**



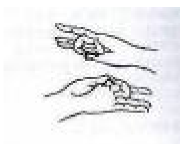
Chữ chủng tử là: BHAḤ (ഭ:)

Mật Hiệu là: **Tịch Tĩnh Kim Cương.** Biểu thị cho sự xa lìa khỏi 5 Độc của Thế Gian

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình bát.



Tướng Ấn là: Kết Cát Tường Ấn hoặc Bát Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA _ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA _ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

2_ Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra-bodhisatva)

Lại xưng là Biến Cát Bồ Tát, ý là đầy đủ vô lượng Hạnh Nguyện, thị hiện ở khắp tất cả Bồ Tát của cõi Phật.

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 1 ghi là: "Phổ Hiền Bồ Tát. **Phổ** (Samanta) nghĩa là khắp tất cả nơi chốn, **Hiền** (Bhadra) nghĩa là Tối Diệu Thiện. Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị cho sự đã khởi Hạnh Nguyện của Tâm Bồ Đề với thân khẩu ý thảy đều bình đẳng, khắp tất cả nơi chốn thuần một Diệu Thiện, đầy đủ mọi Đức cho nên có tên gọi là Phổ Hiền"

Phổ Hiền đại biểu cho Hạnh Bồ Tát rộng lớn. Khi một cá nhân thực hiện viên mãn Hạnh Bồ Tát thì gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Còn viên mãn quả vị của Phổ Hiền Bồ Tát tức là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Chúng sinh đang đợi đầy đủ Nhân của Phổ Hiền, đấy tức là Tính của Tỳ Lô Giá Na Phật

Trong Man Đà La, Phổ Hiền Bồ Tát ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh **Thâm Nhập Tâm Bồ Đề**, tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề

Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, đầu đội mão báu 5 Phật, tay trái cầm hoa sen, trên hoa để cây kiếm bén chung quanh rực lửa sáng, tay phải mở cánh tay giương duỗi ngửa lòng bàn tay, kết Tam Nghiệp Thiện Diệu Ấn, co ngón vô danh với ngón út



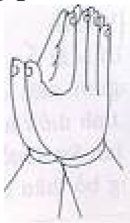
Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương**

Chữ chủng tử là: AṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm trên hoa sen, hay Hiền Bình

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Nhất Thiết Chi Phần Sinh Ấn :** Còn gọi là Tùng Phật Chi Phần Sinh Ấn. Chắp 2 tay lại như hình đóa hoa chưa nở (Vị Khai

Phu Hoa Hợp Chưởng) dựng thẳng đứng 2 ngón cái rồi hơi co lại. Biểu thị cho Đức của Tâm Bồ Đề được sinh ra từ từng phần của Đức Phật.



Chaân Ngoân laø :

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ AṂ AḤ _ SVĀHĀ

3_ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Maṃjuśrī-bodhisatva)

Lại xưng là Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất Lợi . Lược xưng là Văn Thù. Trong các Kinh Điển Khác lại có các danh hiệu là: Diệu Đức, Diệu Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ, Diệu Cát Tường...

Văn Thù Sư Lợi còn gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Văn Thù Sư Tử Đồng Bồ Tát, Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát (Maṃjuśrī-kumāra-bhūta)

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát với Phổ Hiền Bồ Tát cùng theo hầu cận Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và được xưng chung là **Thích Ca Tam Thánh**. Do Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng Thủ trong hết thảy Bồ Tát Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nên được gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Ngài có hình tượng là Cầm cây kiếm ngồi trên lưng sư tử biểu thị cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây kiếm báu Kim Cương chặt đứt tất cả phiền não của chúng sinh, dùng tiếng rống của sư tử không sợ hãi, trấn tỉnh chúng sinh đang bị mê đắm.

Trong Man Đa La này, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ở góc Tây Nam biểu thị cho Hạnh **Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề**, tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã

Tôn Hình: Thân hiện màu vàng, tay trái cầm hoa sen, bên trên có chày Tam Cổ hoặc Ngũ Cổ, tay phải cầm quyển Kinh

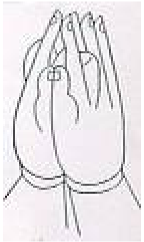


Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖁)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương trên hoa sen xanh, hoặc hoa sen xanh

Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng, hay **Pháp Trụ Ấn:** còn gọi là Như Lai Pháp Trụ Ấn. Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) mở bung 2 ngón giữa. Biểu thị cho Đức trụ bền lâu nơi tất cả Pháp Môn nên gọi là Pháp Trụ.



Chân Ngôn là :

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖁 𑖪𑖸𑖟 𑖪𑖰𑖟𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ Ā VEDA VIDE _ SVĀHĀ

4_ Quán Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara-bodhisatva)

Quán Âm Bồ Tát tức Quán Tự Tại Bồ Tát. Lại xưng là Quang Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Tự Tại Bồ Tát, Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát, Hiện Âm Thanh Bồ Tát. Xưng riêng là Cứu Thế Bồ Tát, Liên Hoa Thủ Bồ Tát, Viên Thông Đại Sĩ…

Quán Âm Bồ Tát đại biểu cho Tâm Đại Bi của tất cả chư Phật, hay lắng nghe âm thanh khổ nạn của tất cả chúng sinh mà cứu độ như con ruột. Ngoài ra Quán Âm Bồ Tát còn đại biểu cho sự giác ngộ Phật Tính viên mãn của mỗi một cá nhân.

Trong Man Đa La này, Quán Âm Bồ Tát ở góc Tây Bắc biểu thị cho Hạnh **Toàn Thiện Tâm Bồ Đề**, tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề

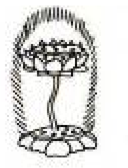
Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, tay trái để trước ngực thành Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm hoa sen, đầu đội mão báu, trên mão có Vô Lượng Thọ Như Lai



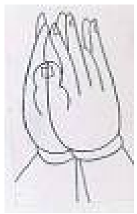
Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: BU (𑖤𑖲)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở hoặc Pháp Trụ Ấn



Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng, hay **Đà La Ni Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Đà La Ni Ấn. Dựa theo Vị Khai Phu Hoa Hợp Chưởng, co 2 ngón giữ vào trong lòng bàn tay. Biểu thị cho nghĩa Tổng Trì là Thể Tính Pháp Môn



Chân Ngôn là :

_𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠 𑖠𑖯𑖨𑖜𑖰 𑖭𑖿𑖦𑖴𑖝𑖰 𑖤𑖩𑖯 𑖠𑖯𑖡 𑖎𑖨𑖰 𑖠𑖯𑖨 𑖠𑖯𑖨 𑖠𑖯𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖰 𑖁𑖎𑖯𑖨 𑖪𑖝𑖰 𑖭𑖦𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ BUDDHA DHĀRAṆI SMṚTI _ BALĀ DHĀNA KARI _ DHĀRA DHĀRA DHĀRĀYA _ SARVA BHAGAVATI ĀKĀRA VATI SAMAYE _ SVĀHĀ

5_ Di Lặc Bồ Tát (Maitreya-bodhisatva)

Di Lặc Bồ Tát có tên gọi là **Vô Năng Thắng** (Ajita), hiệu là **Từ Thị** (Maitreya). Ngài là vị Phật thứ năm kế tiếp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xuất hiện trên trái đất này. Hiện Ngài đang ở cung Trời **Đâu Suất** (Tuṣita) giáo hóa chúng sinh. Do đó Ngài còn được xưng là Nhất Bổ Xứ Bồ Tát, Bổ Xứ Bồ Tát hoặc Di Lặc Như Lai.

Trong đời đời kiếp kiếp Ngài thường tu tập **Từ Tâm Tam Muội,** hành **Từ Hạnh** để cứu độ chúng sinh. Do Đức đặc biệt này mà Ngài có hiệu là **Từ Thị**

Trong Man Đa La này, Di Lặc Bồ Tát ở góc Đông Bắc biểu thị cho Hạnh **Kết Kim Cương Thân**, tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn

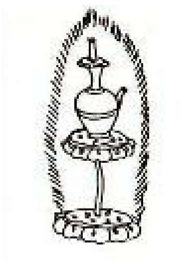
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái tác Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm hoa sen, bên trên có Táo Bình, đầu đội mão báu, trên có tháp báu



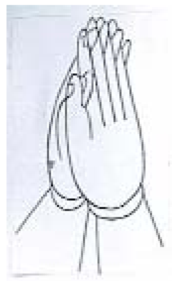
Mật Hiệu là: **Tấn Tật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: YU (𑖧𑖲)

Tam Muội Gia Hình là: Táo Bình trên hoa sen, hoặc Tấn Tật Ấn trên hoa sen



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn, hay **Tấn Tật Trì Ấn** Còn gọi là Thế Tôn Tấn Tật Trì Ấn. Hai tay kết Hư Tâm Hợp Chưởng, đan chéo 10 đầu ngón tay với nhau, bên phải đè bên trái, cùng nhau gia trì rồi tự xoay chuyển. Biểu thị cho lực gia trì nhanh chóng của sức Thần Biến Bí Mật của Như Lai.



Chân Ngôn là :

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ MAHĀ-YOGA YOGINI YOGEŚVARI _ KHAṂ JARĪKE _ SVĀHĀ

_Theo hệ thống Thuần Mật thì Đức Phật Thích Ca được xem là **Thân Biến Hóa** (Nirmāṇa-kāya) của Pháp Thân Phật tức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata)

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Đức Phật Thích Ca là Tôn Chủ của **Thích Ca Viện**. Viện này biểu thị cho việc nói Pháp lợi sinh của Đại Nhật Như Lai, Diệu Đức của phương tiện nhiếp hóa

Các Tôn trong viện Thích Ca gồm có :

a) Thích Ca Như Lai biểu thị cho **Phật Bảo**, Quán Tự Tại Bồ Tát biểu thị cho **Pháp Bảo**, Hư Không Tạng Bồ Tát biểu thị cho **Tăng Bảo**. Cả 3 Tôn này biểu thị cho 3 Đức đầy đủ của Tam Bảo.

Hai Tôn: Vô Năng Thắng Minh Vương và Vô Năng Thắng Minh Phi biểu thị cho Đức **Giáng phục 4 Ma** của Đức Thích Ca khi Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề thành Đạo.

b) Tám Phật Đỉnh biểu thị cho **Quả Đức u thâm huyền diệu** của Như Lai. Các Tôn Tượng này tức đại biểu cho nơi khởi hiện của Phật Trí vô thượng

.) 3 Phật Đỉnh: Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Am Thanh Phật Đỉnh biểu thị cho **3 đức tính của 3 Bộ** trong Thai Tạng Giới, hay thỏa mãn tất cả mọi Nguyện

.) 5 Phật Đỉnh: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh biểu thị cho **5 Trí của Đức Thích**

Ca Như Lai, ở trong tất cả Công Đức giống như một loại Chuyển Luân Thánh Vương (Cakra-vartin-rja) có đầy đủ đại thế lực

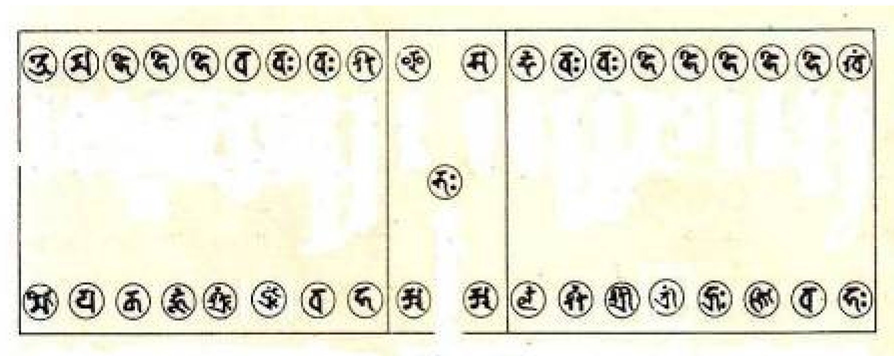
.) Nhất Thiết Như Lai Bảo, Như Lai Từ, Như Lai Bi, Như Lai Mẫn, Như Lai Hỷ, Như Lai Xả. Sáu Tôn này biểu thị cho con mắt Từ Bi nhìn ngó chúng sinh

.) Như Lai Hào Tướng, Như Lai Nha, Như Lai Thiệt, Như Lai Ngữ, Như Lai Tiếu, Như Lai Xước Khất Để. Sáu Tôn này biểu thị cho **Tự Tính Pháp Thân thường trụ** của Đức Thích Ca Như Lai

.) Đa Ma La Hương Tích Chi Phật, Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật, Luân Bức Tích Chi Phật, Bảo Bức Tích Chi Phật, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diệp Bà, Tu Bồ Đề, Câu Hy La, A Nan, Ca Chiên Diên, Ưu Bà Ly, Câu Hy La, Trí Câu Hy La, Cúng Dường Vân Hải. 14 Tôn này biểu thị cho Công Đức phân biệt đã đầy đủ của Như Lai.

Viện này tổng cộng có 39 Tôn được trình bày như sau





_ Lớp bên trái (từ trái qua phải):gồm 17 Tôn

.) Hàng trên có 9 Tôn

1_ Như Lai Xả ( )
2_ Như Lai Hỷ ( )
3_ Xá Lợi Phất ( )
4_ Ca Diếp Bà ( )
5_ Tu Bồ Đề ( )
6_ Đại Mục Kiền Liên ( )
7_ Đa Ma La Hương Tích Chi Phật ( )
8_ Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật ( )
9_ Như Lai Thước Khất Để ( )

.) Hàng dưới có 8 Tôn:

1_ Như Lai Từ ( )
2_ Như Lai Mẫn ( )
3_ Như Lai Bi ( )
4_ Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh ( )

5_ Cao Phật Đỉnh ([illegible])
6_ Chuyển Luân Phật Đỉnh ([illegible])
7_ Như Lai Hào Tướng ([illegible])
8_ Nhất Thiết Như Lai Bảo ([illegible])
_ Lớp chính giữa gồm 5 Tôn
.) Hàng trên có 02 Tôn:
1_ Bên trái: Hư Không Tạng ([illegible])
2_ Bên phải: Quán Tự Tại ([illegible])
.) Chính giữa có 01 Tôn là Thích Ca Mâu Ni Như Lai ([illegible])
.) Hàng bên dưới có hai Tôn
1_ Bên trái: Vô Năng Thắng Phi ([illegible])
2_ Bên phải: Vô Năng Thắng Kim Cương ([illegible])
_ Lớp bên phải (từ trái qua phải) gồm 17 Tôn
.) Hàng trên có 9 Tôn:
1_ Như Lai Nha ([illegible])
2_ Luân Bức Tích Chi Phật ([illegible])
3_ Bảo Bức Tích Chi Phật ([illegible])
4_ Câu Hy La ([illegible])
5_ A Nan ([illegible])
6_ Ca Chiên Diên ([illegible])
7_ Ưu Bà Lợi ([illegible])
8_ Trí Câu Hy La ([illegible])
9_ Cúng Dường Vân Hải ([illegible])
.) Hàng bên dưới có 8 Tôn:
1_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh ([illegible])
2_ Thắng Phật Đỉnh ([illegible])
3_ Tối Thắng Phật Đỉnh ([illegible])
4_ Quang Tụ Phật Đỉnh ([illegible])
5_ Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh (Tồi Toái Phật Đỉnh) ([illegible])
6_ Như Lai Thiệt ([illegible])
7_ Như Lai Ngữ ([illegible])
8_ Như Lai Tiếu ([illegible])

1_ Thích Ca Mâu Ni Như Lai (Śākya-muṇi):

Śākya-muṇi dịch âm là Thích Ca Văn Ni, Xả Ca Dạ Mâu Ni, Thích Ca Mâu Nẵng, Thích Ca Văn…. lược xưng là Thích Ca, Mâu Ni, Văn Ni. Dịch ý là Năng Nhân, Năng Nhẫn, Năng Tịch, Tịch Mặc, Năng Mãn. Hoặc xưng là Thích Ca Tịch Tĩnh. Lại xưng là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thích Ca Mâu Ni (Śākya-muṇi) lại được dịch là **Năng Nhân Tịch Mặc** trong đó **Năng Nhân** (Śākya) là dòng họ Thích Ca và **Tịch Mặc** (Muṇi) là bậc Đại Thánh. Như vậy Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là Bậc Đại Thánh của dòng họ Thích Ca.

Theo ý nghĩa khác thì **Năng** biểu thị cho Đại Hùng Lực, **Nhân** biểu thị cho Đại Từ Bi, **Tịch Mặc** biểu thị cho Đại Trí Giác. Như vậy Hồng danh **Thích Ca Mâu Ni** biểu thị cho Phước Trí viên mãn của Đấng Toàn Giác.

Trong viện này thì Thích Ca Mâu Ni Phật tượng trưng cho **Phật Bảo.**

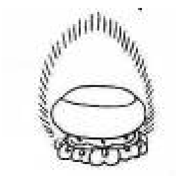
Tôn Hình: Hai tay để ngang ngực kết Thuyết Pháp Ấn. Thân màu vàng rực, khoác cà sa màu đỏ, ngồi Kiết Già trên hoa sen



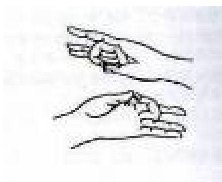
Chữ chủng tử là: BHAḤ (𑖥𑖾)

Mật Hiệu là: **Tịch Tĩnh Kim Cương.** Biểu thị cho sự xa lìa khỏi 5 Độc của Thế Gian

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình bát.



Tướng Ấn là: Kết Cát Tường Ấn hoặc Bát Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA _ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA _ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

2_ Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokiteśvara):

Avalokiteśvara dịch âm là A Bà Lô Cát Đế Thước Bát La, A Phộc Lô Chỉ Đề Thấp Phiệt La…Dịch ý là Quán Tự Tại Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát…

Tôn này là vị Bồ Tát có bản nguyện dùng Từ Bi cứu độ chúng sinh.

Trong Viện này thì Quán Tự Tại Bồ Tát là vị theo hầu bên phải Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đại biểu cho **Pháp Bảo** và biểu thị cho Đức **Chân Tướng**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm cây phất trắng, tay trái chống eo, đứng thẳng trên hoa sen.



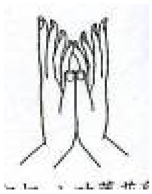
Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương** , hoặc **Chính Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phất trắng, hoặc hoa sen chưa hé nở.



Tướng Ấn là: Bát Diệp Liên Hoa Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖭

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SA

3_ **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha, hoặc Gagana-gañja):

Ākāśa-garbha dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà

Gagana-gañja dịch âm là Nga Nga Nẵng ngạn nhạ.

Tôn này đại biểu cho hai tạng báu **Phước Đức, Trí Tuệ** vô lượng ngang bằng với hư không rộng lớn vô biên.

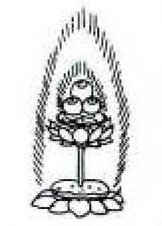
Lại xưng là Hư Không Dựng Bồ Tát hay tuôn ra vô lượng Pháp Bảo ban bố khắp cho người có mong cầu, lợi ích chúng sinh.

Trong Viện này thì Hư Không Tạng Bồ Tát là vị theo hầu bên trái Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và đại diện cho **Tăng Bảo**

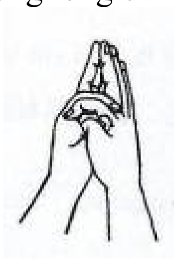
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón trỏ ngón giữa cầm cây phất trắng. Tay trái úp quyền để phía trước rốn cầm hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc màu xanh lục, khoác Thiên y, đứng thẳng trên tòa hoa sen.



Mật Hiệu là: **Vô Tận Kim Cương**
Chữ chủng tử là: I (𑖂)
Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Hư Không Tạng Ấn (Hư Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón trỏ để bên dưới hai ngón giữa, đưa ngón cái vào trong lòng bàn tay).

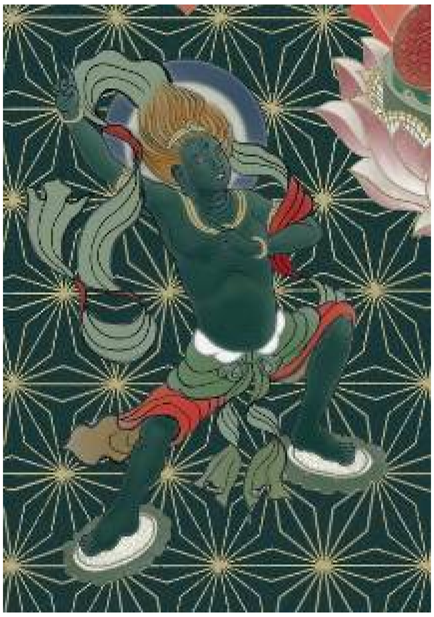


Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀKĀŚA SAMANTA-ANUGATA VICITRĀṂ VARA-DHARA_ SVĀHĀ

4_Vô Năng Thắng Phi (Aparājitā-rājñi):
Tôn này là vợ của Vô Năng Thắng Minh Vương.
Tôn này biểu thị cho sức mạnh **Giác Ngộ** của Đức Phật Thích Ca

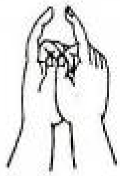
Tôn Hình: Thân màu đen xanh, có 3 mắt, khoác Thiên Y.



Mật Hiệu là: **Trường Sinh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: A (𑖀)
Tam Muội Gia Hình là: Cây búa lớn, hoặc cầm hoa sen.



Tướng Ấn là: Vô Năng Thắng Minh Phi Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖀𑖢𑖨𑖯𑖕𑖰𑖝𑖸 𑖕𑖧𑖽𑖝𑖰 𑖝𑖯𑖚𑖰𑖝𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ APĀRAJITE JAYAṂTI TĀḌITE_ SVĀHĀ

5_ Vô Năng Thắng Kim Cương (Aparājitā-vajra):

Aparājitā-vajra dịch âm là A Ba La Nhĩ Đa. Lại xưng là Vô Năng Thắng Bồ Tát, Vô Năng Thắng Minh Vương. Là một trong 8 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo.

Khi Đức Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, vừa mới thành Đạo thời dùng sức của Minh Chú **Vô Năng Thắng** giáng phục quân Ma và đẩy lui mọi chướng ngại.

Tôn này được xem là một Hóa Thân của Đức Thích Ca, biểu thị cho sức mạnh chiến đấu và chiến thắng

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, có 4 mặt 4 cánh tay. Bốn mặt đều nhìn ngó giận dữ, tóc dựng dài như lửa rực. Bên phải: tay thứ nhất dựng Quyền duỗi ngón trỏ để trước ngực, tay thứ hai đem ngón giữa, ngón vô danh đè nóng ngón cái và duỗi thẳng ngón trỏ, co khuỷu tay hướng lên trên. Bên trái: tay thứ nhất cầm cây búa, tay thứ hai cầm Tam Kích Xoa.



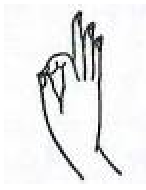
Mật Hiệu là: **Thắng Diệu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀) hay DHRIṂ (𑖠𑖿𑖨𑖱𑖽) nghĩa là khiến cho chúng sinh trong Pháp Giới lìa bụi dơ

Tam Muội Gia Hình là: Cái miệng lớn trên hoa sen đen, hay cây búa lớn.



Tướng Ấn là: Vô Năng Thắng Ấn (Tay phải để ngang trái tim, làm dạng cầm hoa sen. Tay trái duỗi cánh tay nâng cao lên, duỗi năm ngón tay).



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHRIṂ DHRIṂ_ RIṂ RIṂ_ JRIṂ JRIṂ_ SVĀHĀ

_Tám Phật Đỉnh biểu thị cho **Quả Đức u thâm huyền diệu** của Như Lai. Các Tôn Tượng này tức đại biểu cho nơi khởi hiện của Phật Trí vô thượng

Ba Phật Đỉnh: Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh biểu thị cho **3 đức tính của 3 Bộ** trong Thai Tạng Giới, hay thỏa mãn tất cả mọi Nguyện

Năm Phật Đỉnh: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh biểu thị cho **5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai,** hay 5 Tôn này biểu thị cho Công Đức của **Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng** (Tướng nhục kế của Như Lai không thể thấy biết được) ở trong tất cả Công Đức giống như một loại **Chuyển Luân Thánh Vương** (Cakra-vartin-ràja) có đầy đủ đại thế lực

1_ Quảng Đại Phật Đỉnh (Mahā-uṣṇīṣa-cakra-vartin):

Mahā-uṣṇīṣa-cakra-vartin lại xưng là Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh, Đại Luân Phật Đỉnh, Quảng Sinh Phật Đỉnh, Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh, Hội Thông Đại Phật Đỉnh, Hoàng Sắc Phật Đỉnh, Hội Thông Đại Chuyển Luân. Là một trong 3 Phật Đỉnh, hoặc một trong 8 Phật Đỉnh .

Tôn này Biểu thị cho Đức của **Phật Bộ** (Buddha-kulāya) là con đường giác ngộ viên mãn, Lý Trí đầy đủ.

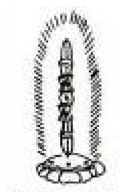
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, thị hiện hình Bồ Tát, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ, tay phải cầm hoa sen bên trên sen có cái chày Độc Cổ dựng đứng, tay trái đem ngón cái vịn ngón giữa, dựng thẳng ngón trỏ, hướng mặt về bên trái.



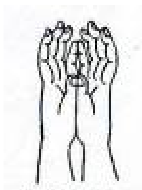
Mật Hiệu là: **Phá Ma Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ṬRŪṂ (𑖝𑖿𑖨𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Tướng Ấn là Như Ý Bảo Ấn: Hư Tâm Hợp Chưởng, hai tay đem ngón út, ngón cái cùng hợp nhau, hơi co các ngón còn lại như hoa sen nở rộ.



Chân Ngôn là:



Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Ṭrūṃ uṣṇīṣa svāhā

2_ Cực Quảng Đại Phật Đỉnh (Abhyudgata-uṣṇīṣa):

Abhyudgata-uṣṇīṣa được xưng là Cao Phật Đỉnh, Quảng Sinh Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Tối Cao Phật Đỉnh. Là một trong năm Phật Đỉnh, một trong tám Phật Đỉnh

Thường nhớ niệm Tôn này thì vào lúc đấu chiến, luận lý, tranh tụng thời đều được tốt lành. Nếu viết Chân Ngôn này ở trên đầu thì có thể được sự tốt lành trong sạch, diệt tội được phước và được Biện Tài không ngăn ngại.

Tôn này biểu thị cho Đức của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) là Đại Tuệ Tam Muội của Như Lai hay làm cho rạng rỡ muôn điều lành.

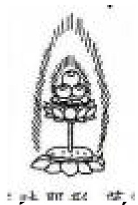
Tôn Hình: Thân màu vàng, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ, tay phải dựng lòng bàn tay co ngón vô danh, tay trái để ở eo lưng cầm hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc màu xanh lục (Lục Châu).



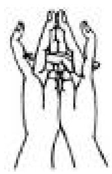
Mật Hiệu là : **Nan Đổ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ŚRŪṂ (𑖫𑖿𑖨𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen.



Tướng Ấn là **Cao Phật Đỉnh Thủ Ấn:** Chắp hai tay lại, co ngón vô danh cùng cài chéo nhau để bên ngoài, hai ngón út, hai ngón giữa cùng hướng lên trên giữ nhau, duỗi ngón trỏ co lóng thứ ba khiến chẳng dính nhau, giống như hạt lúa mạch, hai ngón cái hơi co.



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Śrūṃ uṣṇīṣa svāhā

3_ Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh (Ananta-svara-ghoṣa-cakra-vartin)

Lại xưng là Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh, Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh, là một trong ba Phật Đỉnh, chủ yếu biểu dương Đức Phật Đà dùng vô lượng âm thanh màu nhiệm nói Pháp khiến cho chúng sinh đều được mở rõ sự hiểu biết (khai giải).

Tôn này biểu thị cho Đức của **Kim Cương Bộ** (Vajra Kulāya) là sức tác dụng Trí Tuệ của Như Lai hay nghiền nát 3 chướng (Hoặc, Nghiệp, Khổ) của tất cả chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, tay trái cầm hoa sen bên trên có cái vỏ ốc (Loa Bối), tay phải dựng đứng lòng bàn tay co ngón trỏ, ngón giữa.



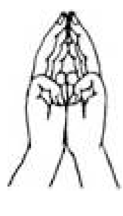
Mật Hiệu là: **Diệu Hưởng Kim Cương**

Chữ Chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Vỏ ốc trên hoa sen.



Tướng Ấn là **Pháp Loa Ấn**: Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, đem hai ngón trỏ quấn đè bên trên ngón cái sao cho móng ngón tay cùng chạm dính nhau.



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Hūṃ jayoṣṇīṣa svāhā

Chân Ngôn chung của 3 Phật Đỉnh nãy là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Hūṃ hūṃ saṃ huṃ_ hūṃ ṭrūṃ

4_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh (Sitātapatra-Uṣṇīṣa, hay Sitātaptatroṣṇīṣa):

Sitātapatra dịch âm là Tất đát bát đát la, dịch ý là Bạch Tản Cái, Bạch Tán, Bạch Tán Cái. Đây là cái lọng màu trắng chủ về Tịnh Đức của Đức Phật Đà hay che chắn tất cả hữu Tình.

Sitātaptatroṣṇīṣa dịch âm là Tất đát bát đát la Ô Sắt Nị Sa. Dịch ý là Bạch Tản Phật Đỉnh, Tản Cái Phật Đỉnh, Tản Phật Đỉnh, Bạch Tản Cái Phật Đỉnh. Là một trong 5 Phật Đỉnh, một trong 8 Phật Đỉnh.

Tôn này dùng cái lọng Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh làm Bản Thệ.

Tôn này biểu thị cho mọi tướng của Như Lai.

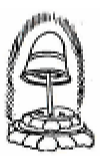
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, trên sen có cái lọng trắng. Co cánh tay phải lên trên kèm co 5 ngón, đem ngón cái vịn ngón trỏ. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



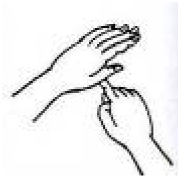
Mật Hiệu là: **Dị Tướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: LAṂ ( ) tượng trưng cho ý dùng ánh sáng Trí của **Vô Tướng chẳng thể đắc** che chắn chúng sinh trong Pháp Giới.

Tam Muội Gia Hình là: Cái lọng trắng trên hoa sen, hay là cái lọng.



Tướng Ấn là **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn**: Chưởng trái hơi mở các ngón tay rồi úp chưởng xuống. Tay phải nắm thành quyền, dựng đứng ngón trỏ chỉ vào tâm lòng bàn tay trái thành hình cái lọng



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Laṃ_ sitātapatra-uṣṇīṣa svāhā

5_ Thắng Phật Đỉnh (Jaya-Uṣṇīṣa hay Jayoṣṇīṣa)

Jayoṣṇīṣa dịch âm là Nhạ Dục Ổ Sắt Nê Sái. Lại xưng là Thắng Đỉnh Luân Vương, Thắng Phật Đỉnh Chuyển Luân. Là một trong năm Phật Đỉnh, một trong tám Phật Đỉnh.

Do Tôn này đã đoạn trừ gốc rễ của Vô Minh cho nên đã chứng ngộ Niết Bàn vắng lặng, là sự vắng lặng rộng lớn của Như Lai. Sự vắng lặng này không có gì ngang bằng, không gì có thể so sánh, là Đỉnh của Đại Tịch cho nên xưng là Thắng Phật Đỉnh.

Tôn này biểu thị cho Đại Tịch của Như Lai.

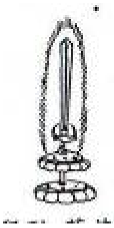
Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Bồ Tát. Tay phải cầm hoa sen chưa nở. Tay trái nắm quyền cầm hoa sen, trên sen có cây kiếm chung quanh rực lửa sáng. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



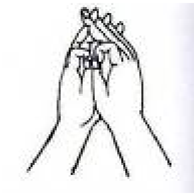
Mật Hiệu là: **Đại Tôn Kim Cương, Vô Tỷ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ŚAṂ (𑖫𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu trên hoa sen



Tướng Ấn là **Đại Tuệ Đao Ấn**: Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, co hai ngón trỏ cùng hợp móng ngón, kèm dựng hai ngón cái đè bên cạnh móng hai ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Śaṃ_ Jaya-uṣṇīṣa svāhā

6_ Tối Thắng Phật Đỉnh (Vijayoṣṇīṣa):

Tối Thắng Phật Đỉnh là một trong 5 Phật Đỉnh , một trong 8 Phật Đỉnh.... chủ yếu làm lộ rõ Đức đặc biệt chuyển bánh xe Pháp của Đức Phật.

Tôn này biểu thị cho Thần Thông thọ lượng bí mật của Như Lai.

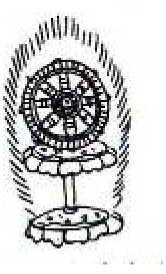
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có để bánh xe, ngồi trên hoa sen



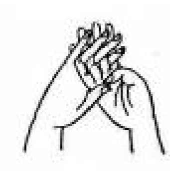
Mật Hiệu là:**Tối Thắng Kim Cương** hoặc **Thượng Hạnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ŚRĪ (𑖫𑖿𑖨𑖱) hay ŚĪ (𑖫𑖱)

Tam Muội Gia Hình là:Bánh xe Kim Cương trên hoa sen.



Tướng Ấn là **Chuyển Pháp Luân Ấn:** Hai tay để ngược nhau, cùng cài chéo các ngón tay, hai ngón cái cùng hợp đầu ngón.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖫𑖱𑖫𑖱 𑖪𑖰𑖕𑖧 𑖄𑖬𑖿𑖜𑖱𑖬 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Śī_sī _ vijaya-uṣṇīṣa svāhā

7_ Quang Tụ Phật Đỉnh (Tejorāśi-uṣṇīṣa):

Tejorāśi-uṣṇīṣa dịch âm là Đế Nhu La Thi Ổ Sắt Nê Sái. Là một trong 5 Phật Đỉnh của Mật Giáo, một trong 8 Phật Đỉnh. Lại xưng là Hỏa Tụ Phật Đỉnh, Hỏa Quang Phật Đỉnh, Phóng Quang Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh Luân Vương… Bản Tôn tượng trưng cho Đức đặc biệt của ánh sáng Như Lai chiếu phá hắc ám của chúng sinh cho nên có tên là Quang Tụ Phật Đỉnh

Thường niệm Thánh Hiệu của Quang Tụ Phật Đỉnh hay phá hoại tất cả chướng ngại, khu trừ Quỷ Mỵ khó điều phục, có thể thành tựu tất cả việc Phật rộng lớn.

Tôn này biểu thị cho ánh sáng Định Tuệ của Như Lai hay phá trừ sự ám chướng.

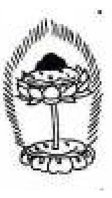
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ. Tay phải dựng nghiêng co ngón vô danh ngón út. Tay trái để ở eo cầm hoa sen, trên sen có hình Phật Đỉnh



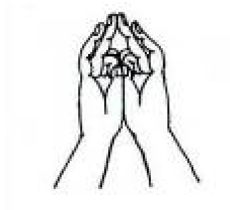
Mật Hiệu là: **Thần Thông Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TRĪṂ (𑖝𑖿𑖨𑖱𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Hình Phật Đỉnh trên hoa sen, hoặc hình báu trên hoa sen màu vàng.



Tướng Ấn là **Quang Tụ Phật Đỉnh Ấn**: Chắp tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), hai ngón vô danh, hai ngón út cùng hợp móng ngón nhập vào trong lòng bàn tay; hai ngón trỏ phụ dính lưng hai ngón giữa, kèm dựng hai ngón cái, liền thành hình của ba con mắt



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖝𑖿𑖨𑖱𑖽 𑖝𑖸𑖕𑖺𑖨𑖯𑖫𑖰𑖄𑖬𑖿𑖜𑖱𑖬 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Trīṃ_ Tejorāśi-uṣṇīṣa svāhā

8_ Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh (Tồi Toái Phật Đỉnh_ Vikiraṇoṣṇīṣa)

Vikiraṇoṣṇīṣa lại xưng là Trừ Chướng Phật Đỉnh, Xả Trừ Phật Đỉnh, Tôn Thắng Phật Mẫu, Đỉnh Kế Thắng Phật Mẫu. Gọi đơn giản là Tôn Thắng Mẫu, cùng với Vô Lượng Thọ Phật, Bạch Độ Mẫu được gọi là ba Tôn Trường Thọ (Trường Thọ Tam Tôn)

Trong tất cả Phật Đỉnh thì Tồi Toái Phật Đỉnh hay khử trừ tất cả phiền não nghiệp chướng, phá hoại tất cả sự đau khổ của nẻo uế ác… cho nên lại xưng là Tôn Thắng Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh. Là một trong 5 Phật Đỉnh, một trong 8 Phật Đỉnh

Tôn này biểu thị cho Đỉnh Lực Vô Sở Úy Thần Thông của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của Nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui.

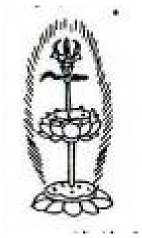
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen , trên sen có để móc câu Độc Cổ. Tay phải co ngón vô danh, dựng đứng lòng bàn tay ngang ngực, ngồi trên hoa sen đỏ



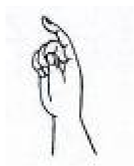
Mật Hiệu là: **Trừ Ma Kim Cương**.

Chữ chủng tử là: HRAḤ (𑖮𑖿𑖨𑖾) hay HRŪṂ (𑖮𑖿𑖨𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là:Móc câu để trên hoa sen.



Tướng Ấn là **Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn:** Tay phải tác Liên Hoa Quyền, dựng đứng ngón trỏ co lóng trên như hình móc câu.



Chân Ngôn là:



Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Hrūṃ_ vikiraṇa paṃca-uṣṇīṣa svāhā

_ 6 Tôn Nhất Thiết Như Lai Bảo, Như Lai Từ, Như Lai Bi, Như Lai Mẫn, Như Lai Hỷ, Như Lai Xả biểu thị cho con mắt Từ Bi nhìn ngó chúng sinh

1_ Nhất Thiết Như Lai Bảo (Sarva-tathāgata-maṇi):

Tôn này tức là **Phật Nhãn Phật Mẫu** (Buddha-locana), là nơi hóa hiện của Bát Nhã Trung Đạo Diệu Trí. Là Tổng Mẫu sinh ra chư Phật, Bồ Tát trong hai Bộ **Kim, Thai**. Dùng điều ấy làm Mẫu sinh ra công đức của Phật Bộ, cho nên xưng là Phật Mẫu. Lại do dùng đủ 5 loại mắt cho nên có tên gọi là Phật Nhãn.

Trong Thích Ca Viện thì Phật Nhãn Phật Mẫu lại được xưng là Năng Tịch Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Bảo. Pháp tu ấy chủ về Tức Tai hoặc Giáng Phục. Điều đặc sắc nhất là Tôn này dùng các Tinh Tú làm quyến thuộc.

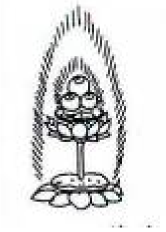
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón giữa ngón vô danh; hơi co ngón út, duỗi ngón cái và ngón trỏ. Tay trái co cánh tay cầm hoa sen bên trên có viên ngọc Như Ý. Hướng mặt về phương bên trái hơi ngước nhìn.



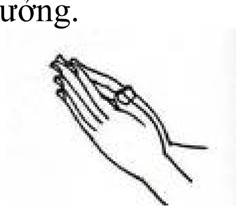
Mật Hiệu là: **Bảo Tướng Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: HA (𑖮) hay TA (𑖝)

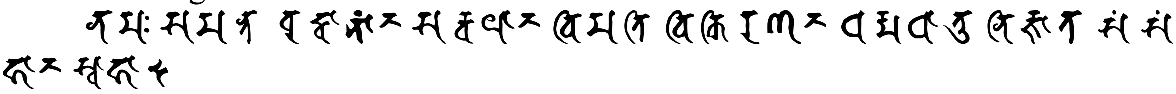
Tam Muội Già Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen, hoặc Phật Đỉnh Nhãn.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVATHĀ VIMATI VIKIRAṆA DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAṂ SAṂ HĀ SVĀHĀ

2_ Như Lai Từ Bồ Tát (Tathāgata-matrī):

Tathāgata-matrī dịch âm là Đát Tha Nga Đa Muội Để Lợi.

Tôn này biểu thị cho Tâm **Từ Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, giao ống chân ngồi trên lá sen, mặc quần áo có đường viền, hai tay cầm lá sen, trên lá chứa đầy hoa sen.

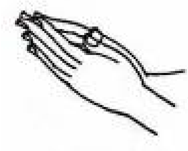


Mật Hiệu là: **Hộ Niệm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MO (𑖦𑖺) hay MAI (𑖦𑖹)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen, hay viên ngọc Như Ý.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖦𑖮𑖯𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖸𑖧 𑖭𑖿𑖣𑖨
Oṃ_ mahā-maitreya sphara

3_ Như Lai Bi Bồ Tát (Tathāgata-kāruṇa):
Tathāgata-kāruṇa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ca Lỗ Noa.
Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Bi Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y rũ xuống che hai khuỷu tay, hai tay chắp lại, giao ống chân ngồi trên lá sen.

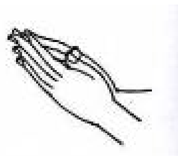


Mật Hiệu là: **Bi Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KA ( ) .
Tam Muội Gia Hình là: Hợp Chưởng Ấn, hoặc viên ngọc Như Ý.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:



Oṃ_ mahā-kāruṇāya sphara

4_ Như Lai Hỷ Bồ Tát (Tathāgata-muditā):

Tathāgata-muditā dịch âm là Đát Tha Nga Đa Mẫu Nĩ Đa.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Hỷ Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

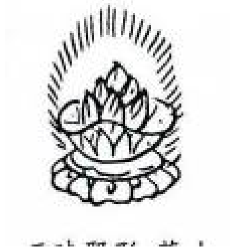
Tôn Hình: Thân màu thịt, mặc áo cà sa che kín vai phải với ngực, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực, co ngón giữa ngón vô danh ngón út. Tay trái cầm lá sen chứa đầy hoa, ngồi trên hoa sen.



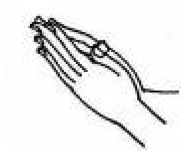
Mật Hiệu là: **Xứng Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MA () hay MU ()

Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen, hoặc hoa sen màu vàng.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Śuddha-pramudita sphara

5_ Như Lai Xả Bồ Tát (Tathāgata-upekṣa):

Tathāgata-upekṣa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ô Bế Khất Tẩy.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Xả Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, lòng bàn tay phải đè trên đùi, hướng ngón cái vào bên trong, hướng 4 ngón còn lại ra ngoài. Tay trái cầm viên ngọc màu trắng, hơi nghiêng mặt về bên trái, giao chéo ống chân ngồi trên lá sen.

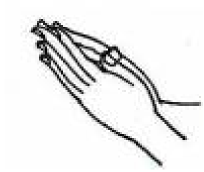


Mật Hiệu là: **Bình Đẳng Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: Ū (𑖌) hay PE (𑖢𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc màu trắng.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖦𑖮𑖺𑖢𑖸𑖎𑖿𑖬 𑖭𑖿𑖣𑖨
Oṃ_ mahā-upekṣa sphara

6_ Như Lai Mẫn Bồ Tát (Tathāgata-amṛḍitā):
Tathāgata-amṛḍitā dịch âm là Đát Tha Nga Đa Mẫu Lật Đề Đa.
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, mặc quần áo có đường viền, rũ ngửa bàn tay phải cầm lá sen chứa đầy hoa. Tay trái cầm viên ngọc báu, trên viên ngọc có lửa rực sáng, giao ống chân ngồi trên lá sen.

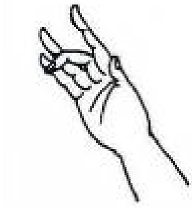


Mật Hiệu là: **Giáo Lệnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: YA (𑖧), hay MRE (𑖦𑖿𑖨𑖸), hay YAṂ (𑖧𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu, hoặc hoa báu



Tướng Ấn là: Bi Niệm Giả Ấn: Úp tay phải che ức ngực, hơi co ngón giữa.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ YAṂ KĀRUṆĀMREḌITA SVĀHĀ

_ 6 Tôn: Như Lai Hào Tướng, Như Lai Nha, Như Lai Thiệt, Như Lai Ngữ, Như Lai Tiếu, Như Lai Xước Khất Để…biểu thị cho **Tự Tính Pháp Thân thường trụ** của Đức Thích Ca Như Lai

1_ Như Lai Hào Tướng Bồ Tát (Tathāgata-ūrṇa):

Lại xưng là Thích Ca Hào Tướng Bồ Tát, Chân Đa Ma Ni Hào Tướng Bồ Tát.

Tôn này là Bồ Tát chủ về ảnh tượng thuộc Đức đặc biệt của tướng Bạch Hào (sợi lông trắng xoáy tròn theo bên phải ở tam tinh) trong 32 tướng của Như Lai.

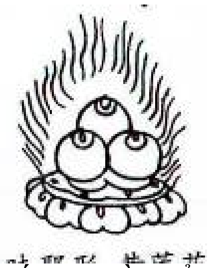
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, ngửa lòng bàn tay phải để dưới rốn, tay trái cầm hoa sen bên trên có viên ngọc báu, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



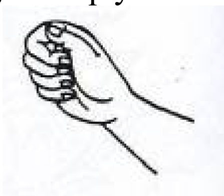
Mật Hiệu là: **Diệu Dụng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA (𑖪) hoặc HŪṂ (𑖮𑖳𑖽) hay TA (𑖝)

Tam Muội Gia Hình là: Ánh sáng trên hoa sen màu vàng, hoặc viên ngọc báu Như Ý.



Tướng Ấn là: Tay phải làm dạng nắm quyền để ở vai.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VARĀDE VARA-PRĀPTE HŪṂ SVĀHĀ

2_ Như Lai Nha Bồ Tát (Tathāgata-daṃṣṭra):

Tôn này chủ về Phật Đức hay tồi phá sự chấp trước sai biệt về chúng sinh và Phật Đà để đạt được Pháp Vị vô thượng

Tôn Hình: Thân màu thịt, để lòng bàn tay phải trước ngực phải, hơi co ngón giữa ngón vô danh. Tay trái nắm quyền cầm hoa sen, trên sen có răng nanh, ngồi trên hoa sen đỏ.



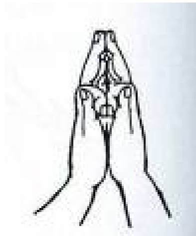
Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương, Điều Phục Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Răng nanh trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Như Lai Nha Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA DAṂṢṬRA_ RASA RASA-AGRA SAṂPRĀPAKA _ SARVA-TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA_ SVĀHĀ

3_ Như Lai Thiệt Bồ Tát (Tathāgata-jihva):

Tathāgata-jihva dịch âm là Đát Tha Nga Tha Nỉ Hà Phộc. Tôn này chủ yếu hiển bày tướng lưỡi nói Pháp của Đức Phật Đà, thường làm Đức của lời nói chân thật (chân thật ngữ).

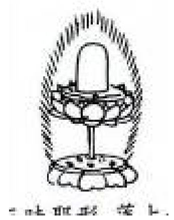
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải duỗi giương ngửa lòng bàn tay lên trên để trước ngực. Tay trái cầm hoa sen nở rộ, trên sen để cái lưỡi, trên lưỡi có lửa rực sáng, ngồi trên hoa sen đỏ.



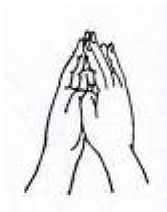
Mật Hiệu là: **Biệt Thuyết Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JI (𑖕𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Cái lưỡi trên hoa sen



Tướng Ấn là: Như Lai Giáp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA-JIHVA SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA _ SVĀHĀ

4_ Như Lai Ngữ Bồ Tát (Tathāgata-vaktra):

Vaktra có ý chỉ vật khí của ngôn ngữ, cũng tức là miệng phát ra lời nói cho nên Tathàgata-vaktra được xưng là Như Lai Ngữ Môn Bồ Tát, Như Lai Khẩu Bồ Tát (hay Như Lai Thần)

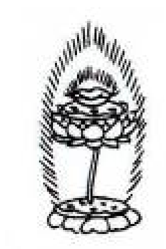
Do Đức Như Lai dùng âm thanh vi diệu diễn nói Đại Pháp khiến các loài chúng sinh tùy nghe được hiểu mà Tôn này lại do Trí của Như Lai sinh ra cho nên chủ về Đức **phát ra lời diễn nói** của Đức Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực. Dựng lòng bàn tay trái cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu.

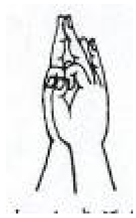


Mật Hiệu là: **Tính Không Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Cái môi trên hoa sen, hay hình báu trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Như Lai Ngữ Môn Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖽 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝 𑖦𑖮𑖯𑖪𑖎𑖿𑖝𑖿𑖨 𑖪𑖰𑖫𑖿𑖪𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡𑖽 𑖦𑖮𑖺𑖟𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA MAHĀ-VAKTRA VIŚVA-JÑĀNĀṂ MAHODAYA_ SVĀHĀ

5_ Như Lai Tiếu Bồ Tát (Tathāgata-hāsa):

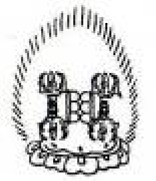
Tathāgata-hāsa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ha Sa. Tôn này nguyên là tướng răng của Đức Như Lai biểu thị cho Đức chủ về sự vui vẻ của Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu thịt, há miệng lộ răng, nâng cánh tay phải, úp lòng bàn tay xuống dưới che, để bên cạnh miệng. Tay trái nắm quyền để cạnh eo, cầm hoa sen nở rộ, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

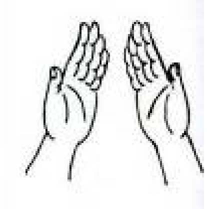


Mật Hiệu là: **Hoan Hỷ Kim Cương, Phá Nhan Kim Cương**

Chữ chủng tử là :HAḤ (𑖮𑖾) hay HĀ (𑖮𑖯)
Tam Muội Gia Hình là: Trong chày Tam Cổ có bộ răng.



Tướng Ấn là: Hai lòng bàn tay ngửa bên miệng,bung tán.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖮𑖭
OṂ_ VAJRA-HĀSA

6_ Như Lai Thước Khất Để (Tathāgata-śakti):

Śakti dịch ý là cây giáo (sóc) cây thương (thương). Lại xưng là Như Lai Sóc, Như Lai Sóc Bồ Tát.

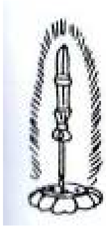
Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt thuộc các loại phương tiện bảo hộ chúng sinh của Như Lai

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải hướng ra ngoài cầm cây giáo, tay phải để ở eo, ngồi trên hoa sen đỏ.

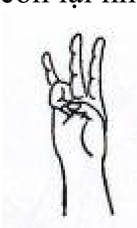


Mật Hiệu là: **Chúng Hạnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: ŚA (𑖫)

Tam Muội Gia Hình là: Mâu Kích.



Tướng Ấn là: Tay trái ngửa lòng bàn tay để trên Già Phu, tay phải đem ngón cái vịn ngón vô danh và duỗi thẳng ba ngón còn lại như dạng Tam Kích Xoa.



Chân Ngôn là:

OṂ_ TATHĀGATA- ŚAKTI SVĀHĀ.

_ 14 Tôn: Đa Ma La Hương Tích Chi Phật, Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật, Luân Bức Tích Chi Phật, Bảo Bức Tích Chi Phật, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diệp Bà, Tu Bồ Đề, Câu Hy La, A Nan, Ca Chiên Diên, Ưu Bà Ly, Câu Hy La, Trí Câu Hy La, Cúng Dường Vân Hải biểu thị cho các Công Đức phân biệt đã đầy đủ của Đức Như Lai.

1_ Đa Ma La Hương Tích Chi Phật (Tamāla-patra-pratyeka-buddha):

Tamàla-patra-pratyeka-buddha dịch âm là Tác Đa Ma La Bả Đát La Bát-La Để Duệ Kế Mẫu Đà. Lại xưng là Đa Ma La Bạt Hương Tích Chi Phật, Đa Ma La Diệp Duyên Phật.

Tamāla-patra dịch ý là Hoắc Diệp Hương có tính hiền không có dơ. Đây là loại hương do Hoắc Diệp chế tạo thành, là thứ tối thắng trong các loại hương.

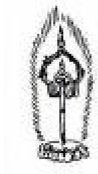
Tôn này đồng thể với Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật, biểu thị cho **Thắng Đức** của Đấng Phật Đà.

Tôn Hình: Hình Như Lai hơi gầy ốm, toàn thân màu vàng trắng. Tay trái nắm góc áo cà sa để trước ngực. Tay phải co cánh tay giương lòng bàn tay và co ngón vô danh ngón út, ngồi trên tòa hoa sen đỏ.

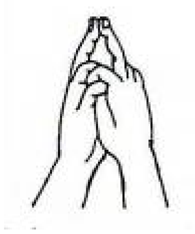


Mật Hiệu là: **Uân Huân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖪𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



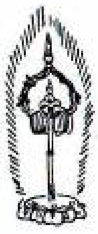
Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑗘𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖪𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

2_ Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật (Candana-gandha-pratyeka-buddha):
Pratyeka-buddha (Tích Chi Phật) dịch ý là Duyên Giác, hay Độc Giác. Do tự mình quán sát mà chẳng tuân theo người nào khác, quán ngộ lý của 12 Nhân Duyên mà đắc Đạo.
Tôn Hình: Thân màu vàng, dựng lòng bàn tay trái, hướng tâm chưởng ra ngoài. Tay phải cầm góc áo cà sa.

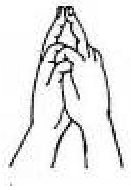


Mật Hiệu là: **Thanh Lương Kim Cương.**
Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖪𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

3_ Luân Bức Tích Chi Phật (Nemi-pratyeka-buddha):

Nemi-pratyeka-buddha lại xưng là Luân Phúc Tích Chi Phật, Luân Bức GIả, Luân Phúc Giả. Là một trong 4 vị Duyên Giác thuộc Thích Ca Viện.

Tôn này do quán sự luân hồi của 12 Nhân Duyên mà có tên gọi.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt **tồi phá chúng sinh** của Đức Phật

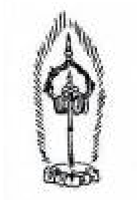
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái cầm góc áo cà sa, tay phải nắm quyền để ngang ngực, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ.



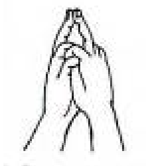
Mật Hiệu là: **Tồi Chướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAḤ (…)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖪𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

33_ Bảo Bức Tích Chi Phật (Ratna-nemi-pratyeka-buddha):

Ratna-nemi dịch âm là La Đát Na Nỉ Nhĩ. Trong đó **Ratna** là báu, **Nemi** là căm xe. **Ratna-nemi** có nghĩa là Luân Bảo Viên Mãn

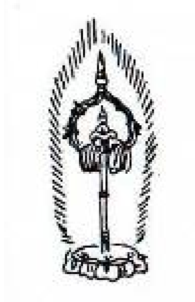
Ratna-nemi-pratyeka-buddha là một trong 4 vị Duyên Giác thuộc Thích Ca Viện.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, hiển hình Như Lai, tay phải hướng lòng bàn tay ra ngoài để ngang ngực. Tay trái cầm hai góc áo cà sa để dưới rốn, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ.

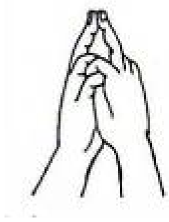


Mật Hiệu là: **Viên Tịch Kim Cương**
Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖪𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

5_ Xá Lợi Phất (Śāri-putra):

Śāri-putra dịch âm là Xá Lợi Phất Đa, Xá Lợi Phất La, Xá Lợi Phất Đát La, Xá Lợi Phất Đa La, Sa Lợi Phú Đa La, Sa Lợi Phất Đát La, Xá Lợi Phất Đa La. Dịch ý là Thu Lộ Tử, Cù Dục Tử. Phạn Hán cùng dịch là Xá Lợi Tử, Xá Lê Tử. Ngài là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca, do Trí Tuệ vượt hẳn mọi người trong Chúng nên được tôn xưng là bậc **Trí Tuệ Đệ Nhất.**

Xưa dịch là **Thân Tử** tức đã sai lầm đem chữ **Śāri** (loài chim Xá Lợi) dùng thành chữ **Śarīra** (thân thể)

Tiếng Phạn **Putra** dịch ý là đức con (tử). Mẹ của Ngài là nữ luận sư Bà La Môn ở tại thành Vương Xá của nước Ma Già Đà, lúc sinh ra thời dùng con mắt của loài chim Xá Lợi, nên có tên gọi là Xá Lợi. Do đó tên gọi Xá Lợi Phất tức là đứa con của bà Xá Lợi. Tên gọi riêng của Ngài là **Upatīsya**, dịch âm là Ưu Ba Để Sa, Ưu Ba Đề Xả, Ưu Ba Đế Tu… Dịch ý là Đại Quang (Ánh sáng to lớn) tức theo cha mà có tên gọi này.

Thuở ấu thơ, Xá Lợi Phất có hình mạo đoan nghiêm, tu tập các kỷ nghệ, thông hiểu bốn bộ **Phệ Đà** (Veda). Năm 16 tuổi đã có thể ngồi luận nghị khuất phục người khác khiến cho con em giòng Quý Tộc phải quy phục.

Từ nhỏ Xá Lợi Phất đã kết bạn với Mục Kiền Liên và cùng nhau theo vị Thầy Ngoại Đạo là Sanjaya-vairatti-putra để học Đạo, khoảng 7 ngày 7 đêm liền quán thông Giáo Chỉ của vị ấy và được 250 người trong chúng Hội tôn làm bậc Thượng Thủ. Nhưng Ngài vẫn cảm thấy mình chưa thực sự đạt được sự giải thoát rốt ráo.

Sau này Xá Lợi Phất được Tỳ Khưu **Mã Thắng** (Aśvajit) tuyên nói Pháp **Nhân Duyên** (Hetu-pratyaya) nên hiểu ngộ chút ít liền cùng với Mục Kiền Liên kéo theo Đồ Chúng quy y Đức Phật Đà.

Khi đắc quả A La Hán, Xá Lợi Phất thường phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh và trọn đời nêu gương sáng cho Đồ Chúng noi theo.

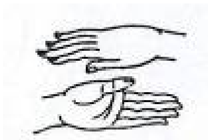
Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thịt, chắp hai tay ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

6_ Đại Mục Kiền Liên (Mahā-maudgalyāyana):

Lại xưng là **Mục Kiền Liên** (Maudgalyāyana), Đại Mục Càn Liên, Đại Mục Liên, Mục Liên. Tên gọi riêng của Ngài là **Câu Luật Đà** (Kolita), Câu Luật, Câu Lý Đa, Câu Ly Ca. Dịch ý là **Thiên Bão.**

Tôn này là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca, được xưng là bậc **Thần Thông Đệ Nhất** hoặc **Thần Túc Đệ Nhất**.

Trước kia, Mục Kiền Liên và **Xá Lợi Phất** (Śāri-putra) đều là đệ tử của vị Ngoại Đạo Sañjaya. Sau khi quy y Đức Phật Thích Ca, hai Ngài cùng tinh tiến tu Đạo và trở thành bậc Thượng Thủ trong chúng Đệ Tử của Đức Phật và thường phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh.

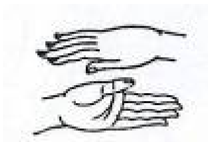
Tôn Hình: Hiện bày hình Sa Môn, thân màu thịt, tay phải nắm quyền duỗi giương ngón trỏ. Tay trái nắm góc áo cà sa, hướng mặt về bên trái, ngồi trên tòa hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Diệu Dụng Kim Cương**
Chữ chủng tử là: VA (𑖪) hay HE (𑖮𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

7_ Ca Diếp Bà (Kāśyapa):

Kà'syapa tức là **Đại Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa). Lại xưng là Ma Ha Ca Diếp, Ca Nhiếp Ba. Dịch ý là **Ẩm Quang** (nuốt ánh sáng), là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca. Do chuyên tu hạnh Đầu Đà nên được xưng là **Đầu Đà Đệ Nhất.**

Tôn này thuộc giòng tộc Bà La Môn ở ngoại ô của thành Vương Xá. Khi quy y Đức Phật xong thì tám ngày sau liền chứng nhập vào Cảnh Địa của A La Hán.

Sau khi Đức Phật vào Niết Bàn thời Đại Ca Diếp liền triệu tập Đồ Chúng kết tập Kinh Điển lần thứ nhất tại thành Vương Xá. Cuối đời Ngài đến núi **Kê Túc** nhập định, giữ gìn Y Bát của Đức Phật chờ đến lúc Đức **Phật Di Lặc** (Maitreya-buddha) ra đời thì mới vào Niết Bàn.

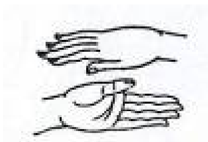
Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thịt. Tay trái nắm góc áo cà sa đưa lên ngang ngực. Tay phải giương lòng bàn tay hướng ra ngoài, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Ly Trần Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

8_ Tu Bồ Đề (Subhūti):

Subhūti lại xưng là Tô Bồ Đề, Tu Phù Đề, Tu Phù Đế, Tẩu Phù Đế Tu, Phù Đế, Tu Phong. Dịch ý là Thiện Nghiệp, Thiện Cát, Thiện Hiện, Thiệt Thật, Thiện Kiến, Không Sinh. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca, dùng Trí Tuệ khéo giải **Tính Không** (Śūnyatā: tính trống rỗng) nên được xưng là bậc **Giải Không Đệ Nhất**

Tôn này nguyên là con của vị Bà La Môn tại nước Xá Vệ thuộc Ấn Độ cổ đại. Ngài có Trí Tuệ hơn người nhưng tính rất ác liệt, tràn đầy sân hận. Do thân hữu chán ghét nên rời khỏi nhà vào rừng núi đi theo Đạo của Sơn Thần. Khi đến chỗ Đức Phật

ngự, được nghe Đức Phật nói về tội lỗi của sự sân hận nên Ngài tự trách mình và sám hối lỗi lầm. Sau này được quả Tu Đà Hoàn, lại chứng quả A La Hán.

Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thịt. Tay trái nắm góc áo cà sa đưa lên ngang vai. Tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Vô Tướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

9_ Ca Chiên Diên (Kātyāyana):

Kātyāyana lại xưng là **Ma Ha Ca Chiên Diên** (Mahā-katyāyana), Ma Ha Ca Đa Diễn Na, Ma Ha Ca Để Gia Dạ Na, Ma Ha Ca Chiên Diên. Hoặc xưng là Đại Ca Chiên Diên, Ca Chiên Diên. Dịch ý là Đại Tiễn Dị Chủng Nam, là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca.

Ca Chiên Diên là người của nước **A Bàn Đề** (Avanti) thuộc Tây Ấn Độ. Giòng Tộc với nhân duyên xuất gia quy y Phật của Ngài thì có nhiều thuyết khác nhau.

Căn cứ vào Kinh **Phật Bản Hạnh Tập, quyển 31, phẩm Na La Đà xuất gia** thời **Ca Chiên Diên** là con thứ hai của vị Bà La Môn **Đại Ca Chiên Diên** ở tụ lạc **Tiển Hầu Thực**, tên gọi của Ngài là **Na La Đà** (Nālaka). Thoạt tiên Ngài vào trong núi **Tần Đà** thuộc khu vực lân cận của thành **Ưu Thiền Gia Ni** theo ông ngoại là Tiên Nhân **A Tư Đà** học tập giáo nghĩa của Phệ Đà (Veda). Sau khi tiên **A Tư Đà** nhìn thấy tướng tốt trang nghiêm của Thái Tử **Tất Đạt Đa** lúc mới sinh ra và dự đoán ngày sau vị này sẽ thành Phật cho nên khi mệnh chung tiên A Tư Đà đã để lại lời nhắn khuyên Ca Chiên Diên nên lễ Đức Thích Tôn làm Thầy.

Sau khi Ngài xuất gia, quy y Phật xong thời tùy theo họ chính mà xưng là **Đại Ca Chiên Diên**. Ngài siêng năng tu hành chẳng biếng trễ nên chứng được quả A La Hán.Khi Đức Phật diệt độ, Ngài vẫn còn sống và thuận theo việc giáo hóa, luận chiến với nhóm Ngoại Đạo.

Ở trong chúng Đệ Tử của Đức Phật thời Ngài được tôn xưng là bậc **Luận Nghị Đệ Nhất.**

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, dựng lòng bàn tay phải, co ngón vô danh ngón út. Tay trái cầm góc áo cà sa để trước ngực, ngồi trên tòa lá sen.



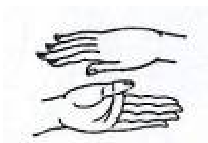
Mật Hiệu là: **Biện Tài Kim Cương** , hoặc **Dũng Tuyền Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (ह)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

10_ A Nan (Ānanda):

A Nan xưng đầy đủ là **A Nan Đa** (Ānanda). Dịch ý là Hoan Hỷ, Khánh Hỷ, Vô Nhiễm. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca

A Nan là em họ của Đức Phật Thích Ca, sau khi xuất gia hơn 20 năm thì làm Thị Giả theo hầu Đức Phật, khéo ghi nhớ. Đối với các Pháp do Đức Phật tuyên nói thì Ngài thường nhớ tụng chẳng quên cho nên được xưng là **Đa Văn Đệ Nhất**

A Nan có dung mạo đoan chính, mặt như trăng đầy, mắt như hoa sen xanh, toàn thân sáng trong như gương sáng. Cho nên tuy đã xuất gia nhưng hay gặp phải phụ nữ dụ dỗ, tuy nhiên Ngài giữ vững ý chí, cuối cùng vẫn bảo toàn được Phạm Hạnh.

Khi Đức Phật còn tại Thế thì A Nan chưa thể khai ngộ. Lúc Đức Phật nhập diệt thời Ngài buồn thảm khóc rống lên. Sau khi được Ma Ha Ca Diếp răn dạy thì Ngài bực tức mới dụng công để khai ngộ. Trong hội Kết Tập Kinh Điển đầu tiên thời Ngài được tuyển chọn làm người đọc tụng Kinh Văn. Đối với việc truyền giữ Kinh Pháp thời Ngài có công rất lớn

Thời kỳ đầu, Di Mẫu của Đức Phật là **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** (Mahāprajāpatī: Đại Ái Đạo, Đại Thế Chủ) muốn nhập vào Giáo Đoàn thì A Nan rất ủng hộ và tích cực cầu xin Đức Phật cho phép. Cuối cùng nương vào sự cho phép của Đức Phật mà Giáo Đoàn **Tỳ Khưu Ni** (Bhikṣunī) được thành lập, cho nên công của Ngài rất lớn

Sau khi Đức Phật nhập diệt khoảng từ 20 năm đến 25 năm thì A Nan thị tịch trên giòng sông Hằng.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, chắp tay ngồi trên lá sen.



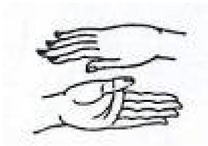
Mật Hiệu là: **Tập Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

11_ Ưu Bà Lợi (Upāli):

Upāli lại xưng là Ưu Bà Ly, Ổ Ba Ly, Ưu Ba Ly, Ưu Ba Lợi. Dịch là Cận Thủ, Cận Chấp. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca.

Ưu Bà Lợi xuất thân từ giai cấp Thủ Đà La (Sudra), là thợ hớt tóc trong cung đình. Khi Đức Phật Đà thành Đạo 6 năm thời 7 người thuộc nhóm Vương Tử **bạt Đà, A Na Luật, A Nan** … xuất gia. Lúc đó Ưu Bà Lợi cũng tùy xin xuất gia chung

Sau khi xuất gia, Ưu Bà Lợi tinh tiến giữ gìn Giới Luật, tu trì nghiêm mật nên được tôn xưng là bậc **Giới Luật Đệ Nhất.**

Trong Hội kết tập Kinh Điển lần thứ nhất thời Ngài được chọn làm vị tuyên đọc Giới Luật và **Luật Tạng** do Ngài kết tập đã được lưu truyền cho đến ngày nay.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, ngồi trên lá sen.



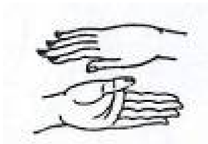
Mật Hiệu là: **Thi La Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

12_ Câu Hy La (Kauṣṭhila):

Câu Hy La lại xưng là **Ma Ha Câu Hy La** (Mahā-kauṣṭhila), Ma Ha Câu Sắt Chỉ La, Câu Sắt Để La. Dịch ý là Đại Tất, Đại Đỗ Trì, Đại Thắng. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca.

Sau khi theo Đức Phật Đà xuất gia thời Câu Hy La đắc quả A La Hán, chứng được lý **năm Uẩn đều trống rỗng** (Ngũ Uẩn giai Không) cho nên xưng là **Ngộ Không.**

Kinh **Tạp A Hàm, quyển 12** ghi rằng: "Khi Câu Hy La ở tại núi Kỳ Xà Quật thời Xá Lợi Phất đi đền hỏi về nghĩa của 12 Nhân Duyên, Câu Hy La mỗi mỗi trả lời. Xá Lợi Phất khen ngợi Ngài đã đạt rõ Trí Tuệ, khéo điều thuận không có sợ hãi như viên ngọc vô giá trên đỉnh đầu"

Kinh **Tăng Nhất A Hàm, quyển 3 , phẩm Đệ Tử** ghi nhận Ma Ha Câu Hy La có đủ 4 Biện Tài.

Kinh **Tạp A Hàm**: quyển 9, quyển 10, quyển 14 cùng với các Kinh Trung **A Hàm**: quyển 7, Kinh **Câu Hy La:** quyển 58, Kinh **Đại Câu Hy La…** cũng ghi chép việc luận Pháp giữa Câu Hy La và Xá Lợi Phất. Có điều sự tích **về cuộc sống của Ngài thì chẳng rõ.**

Ngoài ra, ở Kinh **Soạn Tập Bách Duyên,** quyển 19**; Đại Trí Độ Luận** quyển 1**; Hữu Bộ Tỳ Nại Gia Xuất Gia Sự,** quyển 1, quyển 2 đều nói Câu Hy La tức là Trường Trảo Phạm Chí, cậu của Xá Lợi Phất.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, tay trái cầm góc áo cà sa, ngồi trên lá sen.

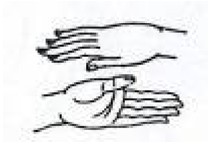


Mật Hiệu là: **Ngộ Tính Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖮𑖸𑖝𑖲 𑖢𑖿𑖨𑖝𑖿𑖧𑖧 𑖪𑖰𑖐𑖝 𑖎𑖨𑖿𑖦 𑖡𑖰𑖨𑖿𑖕𑖯𑖝 𑖮𑖳𑖽
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

13_ Trí Câu Hy La Bồ Tát (Jñāna-kauṣṭhila):

Tôn này chủ về Đức đặc biệt **Tinh Tiến** của Đức Phật. Tay cầm hoa sen chưa hé nở biểu thị cho sự Từ Hộ nuôi nấng hạt giống Tâm Bồ Đề của chúng sinh.

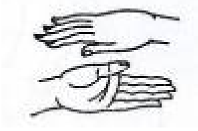
Tôn Hình: Thân màu thịt, chắp hai tay lại, trong lòng bàn tay cầm hoa sen chưa hé nở, ngồi ngay thẳng trên lá sen.



Mật Hiệu là: **Chính Viên Kim Cương,** hay **Túc Tuệ Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở, hoặc hứng hoa.



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

14_ Cúng Dường Vân Hải (Pūja-megha-sāgaraḥ):

Pūja-megha-sāgaraḥ dịch âm là Bố Nhạ Mê Già Sa Kiệt La, dịch ý là biển mây cúng dường (cúng dường vân hải)

Tôn này biểu thị cho việc cúng dường khắp tất cả, rộng làm Phật Sự.

Tôn Hình: Hiện hình Sứ Giả, hai tay cầm lá sen, trên lá để hoa sen, quỳ ngồi trên tòa lá sen. Hoặc cầm cái mâm vàng, trên mâm chứa đầy hoa.



Mật Hiệu là: **Phổ Phú Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KHAṂ ( ) hay PU ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYO VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ KHAṂ UDGATE SPHARA HĪMAṂ GAGANAKAṂ SVĀHĀ

CHỦNG TỬ, THỦ ẤN, CHÂN NGÔN CỦA THÍCH CA MÂU NI PHẬT

_Chữ chủng tử là: BHA (𑖥), BHAḤ (𑖥𑖾), BHRŪṂ (𑖥𑖿𑖨𑖳𑖽)

.) BHA (𑖥): là tất cả Pháp **Hữu** chẳng thể đắc. Do tất cả Hữu là 3 Hữu cho đến 25 Hữu nên BHA biểu thị cho nghĩa **Được Tự Tại trong các Hữu** , thường hay phá nát các Pháp ***dời đổi*** (thiên biến) hiển lộ Pháp Tự Tại. Vì thế BHA còn biểu thị cho **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā) là phương cách trong đó công hạnh tu tập 6 Độ được chuyển sang để giác ngộ kẻ khác. BHA biểu thị cho Ứng Hóa thân là ***Sinh Thân*** Thích Ca Mâu Ni Phật ở phương Bắc, hiển thị mọi giáo nghĩa giúp chúng sinh vượt ra khỏi nhà lửa của Tam Giới. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni Phật còn được xưng tán là PHÁ HỮU PHÁP VƯƠNG

.) BHAḤ (𑖥𑖾): biểu thị cho nghĩa đã chứng đạt viên mãn Pháp của chữ BHA

.) BHRŪṂ (𑖥𑖿𑖨𑖳𑖽): được kết hợp bởi bốn âm tự là BHA, RA, Ū, MA. Trong đó

BHA (𑖥): biểu thị cho **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā) là phương cách trong đó công hạnh tu tập 6 Độ được chuyển sang để giác ngộ kẻ khác

RA (𑖨) là tất cả Pháp **Lìa bụi nhiễm**. Do hay phá nát sự nhiễm ô của 6 Trần hiển lộ sự thanh tịnh vô cấu nên RA được biểu thị cho **Nguyện Ba La Mật** (Praṇidhāna-pāramitā) là ý chí hành 6 Độ để giác ngộ kẻ khác.

Ū (𑖄) là tất cả Pháp **Tổn giảm chẳng thể đắc**. Do tất cả Pháp Hữu đều không lìa được thể Tổn Giảm nên Ū hàm chứa nghĩa **Diệu hữu chân thiện** và biểu thị cho **Lực Ba La Mật** (Bala-pāramitā) là khả năng có thể nuôi lớn 6 Độ để giác ngộ kẻkhác.

MA (𑖦) được ký hiệu thành âm tiêu (𑖽) đặt trên đầu chữ là thanh Tam Muội, biểu tượng của Trí Đại Không thường hay phá nát các Pháp **Ngô Ngã** hiển lộ Pháp **Đại Không cực thiện**. Do đó, MA được biểu thị cho **Trí Ba La Mật** (Jñāna-pāramitā) tức hiểu rõ được đặc tính của 6 Độ là phương cụ để giác ngộ kẻ khác.

Do 4 Ba La Mật: ***Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí*** xuất phát từ **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pāramitā) nên BHRŪṂ biểu thị cho một giai đoại không chứng nhập quả vị Niết Bàn mà lao vào thế gian sinh tử, thi hành vạn hạnh Đại Bi, hóa độ chúng hữu tình, hoàn thiện mọi thiện căn, chứng nhập từng phần Pháp Thân để viên mãn quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác của các vị **Bồ Tát Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika-bodhisatva).

Lại nữa:

BHA (𑖥): biểu thị cho **Ứng Hóa thân** là ***Sinh Thân*** Thích Ca Mâu Ni Phật ở phương Bắc, hiển thị mọi giáo nghĩa giúp chúng sinh vượt ra khỏi nhà lửa của Tam Giới.

RA (𑖨) biểu thị cho **Báo Thân** là Sa La Thọ Vương Phật ở phương Nam, hiển thị cho sự mở bày vạn Đức, nuôi lớn Tâm Bồ Đề, viên mãn vạn hạnh Đại Bi để thành Chính Giác.

Hai chữ BHA và RA đều hàm chứa chữ A biểu thị cho Pháp Thân Đại Nhật Như Lai, biểu thị nghĩa Vạn Pháp thảy đều Bất Sinh thường trụ. Điều này có nghĩa là Hóa Thân Thích Ca ở phương Bắc (𑖥) sau khi hết hạn hóa duyên sẽ nhập vào chữ RA (𑖨) ở phương Nam là Trí **Đại Thành Pháp Thân Nội Chứng Pháp Giới**, phân chia ngọc Xá Lợi còn mọi tướng tốt đẹp của thân thể đều biến thành một chữ BHRŪṂ để nhiếp trì Chính Pháp. Tức là: ***Biến Hóa Thân vô thường quy về Pháp Thân Thường Trụ Kim Cương Bất Hoại Xá Lợi***

Như vậy, hai chữ BHA, RA là nội chứng ngoại dụng, Sinh Thân Pháp Thân, chủng tử của Lý Trí, Trí Đức Phước Đức, công đức của hai Bộ. Từ hai chữ này sinh ra hóa dụng của **Đại Trí** (Mahā-jñāna), **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa)

Ū (𑖌) là nghĩa Tối Thắng của Kim Cương, biểu thị cho Chân Thiện Diệu Hữu.

MA (𑖦) là Kim Luân Tối Thắng vạn đức trang nghiêm cụ túc viên mãn, hiển thị cho Trí Đại Không.

Do các ý nghĩa này nên BHRŪṂ được xem là chủng tử Pháp Thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

_Thích Ca Mâu Ni Phật Thủ Ấn:

.) **Bát Ấn**:

Kéo dẫn một góc áo cà sa bên tay trái và góc áo vắt trên vai khiến cho quấn qua cánh tay trái, nắm hai góc ấy như hai lỗ tai quấn nhau ngau trong lòng bàn tay trái, nắm ngay trước rốn, ngửa lòng bàn tay trái lên trên. Tay phải giống như dạng này, hướng lên trên chồng lên nhau, hai ngón cái cùng chạm nhau hơi thành vòng tròn, thành hình dạng của cái bát. Hoặc như dạng Pháp Giới Định Ấn, hai bàn tay chồng lên nhau, duỗi ló góc áo cà sa, xưng là Thích Ca Đại Bát Ấn, Bát Ấn, Như Lai Bát Ấn, là Ấn Đại Bát của Thai Tạng.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖎𑖿𑖩𑖸𑖫 𑖡𑖰𑖬𑖲𑖟𑖡 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖪𑖫𑖰𑖝𑖯𑖾 𑖢𑖿𑖨𑖯𑖢𑖿𑖝 𑖐𑖐𑖡 𑖭𑖦𑖯𑖭𑖦 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA _ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA _ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

.) **Trí Cát Tường Ấn**:

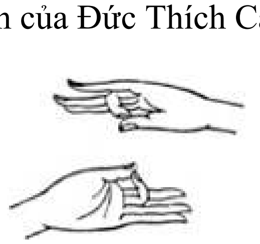
Hai tay đều tự đem ngón cái nắm dính ngón giữa thành dạng búng ngón tay (đàn chỉ), duỗi thẳng đầu các ngón còn lại. Tay trái để trước ngực, hướng lòng bàn tay lên trên. Bàn tay phải úp bên trên nhưng không không chạm nhau.

Bên trái là **Thượng Cầu** (bên trên cầu), bên phải là **Hạ Hóa** (bên dưới hóa độ). Hoặc dùng Ấn này là Ấn của Báo Thân Thuyết Pháp.

Pháp Thân Thuyết Pháp là đem ngón cái nắm ngón vô danh

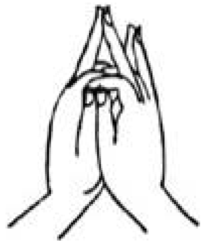
Ứng Thân Thuyết Pháp là: đem ngón cái nắm ngón trỏ, dùng nói Pháp thì xưng là Trí Cát Tường Ấn. Tức có nói Pháp tác dụng Hậu Đắc Trí, chúng sinh y theo đây có thể được đến cát tường.

Trí Cát Tường Ấn là Ấn căn bản của Đức Thích Ca Như Lai.



Chân Ngôn giống như trước.

.) **Trí Cát Tường Ấn**: Hai tay tác Nội Phộc, dựng hai ngón giữa, hai ngón út bằng nhau cùng hợp một.



Chân Ngôn giống như trước.

CHÂN NGÔN CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

_Hệ Thuần Mật thường dùng câu **Thích Ca Mâu Ni Phật Bát Ấn Chân Ngôn**:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA _ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA _ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

Namaḥ samanta-buddhānāṃ: Quy Mệnh khắp cả Đấng Giác Ngộ

Bhaḥ: Chữ chủng tử của Thích Ca Mâu Ni

Sarva kleśa nirsudana: Tồi phá nhiếp phục tất cả phiền não

Sarva dharma vaśitaḥ prāpta: Tất cả Pháp được Tự Tại

Gagana sama-asama svāhā: Quyết định thành tựu Đẳng Vô Đẳng như hư không)

_ Thích Ca Mâu Ni Phật Diệt Ác Thú (nẻo ác) **Vương Căn Bản Chú:**

OṂ NAMO BHAGAVATE DURGATE-PARIŚODHANI-RĀJĀYA TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ ŚODHANI SARVA-PĀPAṂ VIŚODHANI, ŚUDDHE VIŚUDDHE, SARVA-KARMA-ĀVARAṆA VIŚUDDHE KURU_ SVĀHĀ

Oṃ namo bhagavate durgate-pariśodhani-rājāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya: Quy Mệnh kính lễ Thế Tôn **Tịnh Trừ Nhất Thiết Ác Thú Vương** Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Tadyathā: Như vậy, nói Thần Chú là

Oṃ: Nhiếp triệu

Śodhani: Thanh tịnh

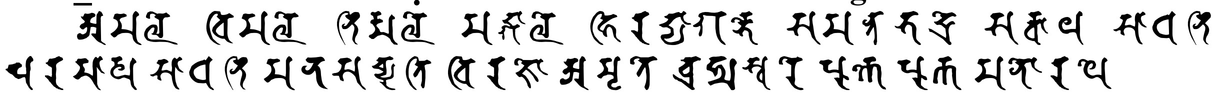
Sarva-pāpaṃ viśodhani: Khiến cho tất cả tội lỗi đều thanh tịnh

Śuddhe viśuddhe: thanh tịnh, khiến cho thanh tịnh

Sarva karma-āvaraṇa viśuddhe kuru:Làm cho tất cả Nghiệp Chướng đều được thanh tịnh

Svāhā: Quyết định thành tựu

_ Thích Ca Mâu Ni Phật Tồi Tà Hiển Chính Chân Ngôn:



AMALE VIMALE NIRMALE MAṄGALE HIRAṆYA-GARBHE SAMANTA-BHADRE SARVĀRTHA-SĀDHANI PARAMĀRTHA-SĀDHANI MANAS ACYUTI BRAHMASVARE PŪRṆE, PŪRṆA MANORATHE

Amale: Vô cấu

Vimale: Ly cấu

Nirmale: Bất cấu

Maṅgale: Cát tường, cát khánh

Hiraṇya-garbhe: Bên trong Kim Tạng

Samanta-bhadre: Bên trong Phổ Hiền

Sarvārtha-sādhani: Nghi thức của tất cả nghĩa lợi

Paramārtha-sādhani: Nghi thức lợi ích tối thắng

Manas acyuti viraje: Suy tư về Định Nghiệp bên trong sự lìa các bụi dơ phiền não

Amṛte brahmasvare pūrṇe: đầy đủ âm thanh khiết tịnh bên trong sự Bất Tử

Pūrṇa manorathe: Ý nguyện mong muốn được đầy đủ

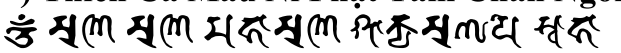
[Bản khác thì ghi nhận thêm câu VIMUKTI SUVIMUKTI SVĀHĀ ở phần cuối Chân Ngôn

Vimukti: Khiến cho Giải thoát

Suvimukti: Khéo khiến cho Giải Thoát

Svāhā: Quyết định thành tựu]

***) Thích Ca Mâu Ni Phật Tâm Chân Ngôn:**



OṂ _ MUṆI MUṆI MAHĀ- MUṆI _ ŚĀKYAMUṆĀYE _ SVĀHĀ

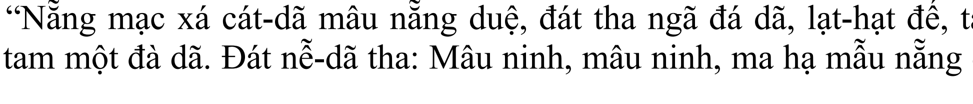
Oṃ: Quy mệnh

Muṇi muṇi mahā-muṇi: Tịch Mặc, tịch mặc, đại tịch mặc. Biểu thị cho sự tịch mặc của ba Thừa

Śākyamuṇāye svāhā: Quyết định thành tựu Thích Ca Mâu Ni đẳng

_**Phật nói Kinh Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật** ghi nhận Chân Ngôn này có tên gọi là **Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật Đa Chân Ngôn**:

"Nẵng mạc xá cát-dã mâu nẵng duệ, đát tha ngã đá dã, lạt-hạt đế, tam ma dược ngật tam một đà dã. Đát nễ-dã tha: Mâu ninh, mâu ninh, ma hạ mẫu nẵng duệ, sa-phộc hạ"



NAMAḤ ŚĀKYAMUṆĀYE TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA (Quy mệnh Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Úng Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ: MUṆI MUṆI MAHĀ-MUṆĀYE SVĀHĀ

Đức Phật bảo Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật Đa Chân Ngôn này. Tất cả chư Phật do đây mà được **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề** (Anuttāra-samyaksaṃbuddhi). Ta cũng do Tiểu Tự Bát Nhã Ba La Mật Đa Chân Ngôn này cho nên được Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề. Xưa kia có Đức Phật tên là **Thích Ca Mâu Ni Như Lai**, Ta ở chỗ của Đức Phật ấy

nghe được Pháp này. Đức Phật đó nói rằng: "***Như vậy tất cả chư Phật ba đời, do Pháp này mới được thành Phật***"

***) Thần Chú Thỉnh triệu Bản Sư Thích Ca Mâu Ni:**

Từ đóa sen lòng sùng kính trong tim con
Hỡi Đức Thầy Từ Bi! Chỗ mong cậy duy nhất của con
Hãy xuất hiện che chở con trong cơn nguy khốn
Bởi các nghiệp quá khứ và cảm xúc hỗn loạn
Như viên ngọc an trú trên đầu con, MAN ĐA LA của Đại lạc
Khơi dậy tỉnh giác và sáng suốt trong con
Xin Thầy !
OṂ ĀḤ ŚĀKYAMUṆĀYE BHRŪṂ HŪṂ (3 lần)

Con khẩn cầu Thầy: Vị chủ tể của bốn thân
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Vị chủ tể Pháp thân vô ngại
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Vị chủ tể Báo thân phước lạc
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Vị chủ tể vô lượng Ứng thân
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả các Bậc Thầy
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả các vị Trời
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả chư Phật
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả Pháp
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của Tăng Già
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả Nam Thần
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của chư Thần Hộ Pháp
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ
Con khẩn cầu Thầy: Hiện thân của tất cả chỗ Quy Y
OṂ ŚĀKYAMUṆĀYE VAJRA-DHĀRA HŪṂ BHRŪṂ

Hỡi Đức Bản Sư Tôn Quý của con
Xin hãy an vị trên tòa sen trong vành trăng trên đỉnh đầu của con
Xin xót thương con vì lòng bi mẫn
Cho con thành tựu về Thân, Lời, Ý
OṂ ĀḤ HŪṂ_ ŚĀKYAMUṆĀYE _ SIDDHI HŪṂ (3 lần)

BÀI TÁN 108 TÊN CỦA ĐỨC PHẬT

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Khanh_ Truyền Giáo Đại Sư (kẻ bầy tôi là) PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

_ Quy mệnh **Nhất Thiết Trí**
Thầy tất cả Thế Gian
Mâu Ni Đại Pháp Vương
Trăm lẻ tám (108) danh hiệu
Biển Công Đức vô biên
Đầy đủ mọi tốt lành (cát tường)
Diệt tội nghiệp, phiền não
Của tất cả Hữu Tình
Nay con quy mệnh lễ

_Nhất Thiết Đại Cát Tường
Cứu độ các quần sinh
Khiến được an vui lớn
Nay con quy mệnh lễ

_ Bi Mẫn Nhị Túc Tôn
Viên mãn nơi chúng sinh
Tất cả việc tốt lành
Nay con quy mệnh lễ

_ Vô Tướng Vô Thượng Tôn
Thành tựu Thiên Trung Thiên (Trời trong Trời)
Nghĩa Đại Minh bí mật
Như Lai Chính Đẳng Giác
Lợi lạc nơi Thế Gian
Trăm tám (108) tên tối thượng
Nay con gom tập nói
Nam mô **Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu**
Nam mô **Chính Đẳng Giác**
Nam mô **Nhất Thiết Trí**
Nam mô **Đại Thích Tử**
Nam mô **Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vô Úy**
Nam mô **Đại Kim Tiên**
Nam mô **Công Đức Hải**
Nam mô **Như Lai**
Nam mô **Ứng Cúng**
Nam mô **Thiện Thệ**
Nam mô **Thế Tôn**
Nam mô **Nhất Thiết Thế Gian Giải**
Nam mô **Ly Nhất Thiết Cấu Nhiễm**
Nam mô **Tối Thượng Pháp Đăng**
Nam mô **Vô ÚyTịnh Phạn Vương Tử**

Nam mô **Cam Giá Vương Chủng**
Nam mô **Cồ Đàm**
Nam mô **Nhật Tộc**
Nam mô **Cát Tường Đại Mâu Ni**
Nam mô **Lam Nghĩ La Sa Tộc**
Nam mô **Thiên Nhân Sư**
Nam mô **Thập Lực Giáng Ma**
Nam mô **Ly Quá Trừ Độc**
Nam mô **Điều Ngự Trượng Phu**
Nam mô **Diệu Giải Thoát**
Nam mô **Trừ Chướng Ám**
Nam mô **Chỉ Tức Giáng Chư Căn**
Nam mô **Thanh Tịnh Giới**
Nam mô **Vô Cấu Vương**
Nam mô **Diệt Tội Vô Ngã Tướng**
Nam mô **Vô Kinh Vô Bố Úy**
Nam mô **Đệ Nhất Pháp Viên Mãn**
Nam mô **Vô Biên Vô Khả Dụ**
Nam mô **Đại Luận Sư**
Nam mô **Hy Hữu Bất Tư Nghị Tinh Tiến**
Nam mô **Tam Giới Thân Từ Phụ**
Nam mô **Tam Minh Tri Tam Thế**
Nam mô **Diệt Tam Độc**
Nam mô **Cụ Túc Tam Biến Thông**
Nam mô **Thuyết Tam Thừa Bồ Đề**
Nam mô **Vô Tướng Diệc Vô Lão**
Nam mô **Vô Ngã Vô Nhị Chấp**
Nam mô **Vô Oán Vô Hý Luận**
Nam mô **Vô Nghiệp Vô Bố**
Nam mô **Thí Nguyện Vô Úy**
Nam mô **Sư Tử Nhị Túc Tôn**
Nam mô **Điều Phục Trừ Phiền Não**
Nam mô **Tối Thượng Ý Thanh Tịnh**
Nam mô **Minh Hạnh Túc**
Nam mô **Tự Tại Biến Hoá Vương**
Nam mô **Điều Phục Tâm Thanh Tịnh**
Nam mô **Ly Trần Vô Thượng Sĩ**
Nam mô **Chỉ Túc Nhất Thiết Tội**
Nam mô **Đắc Thanh Lương**
Nam mô **Đắc Tịch Tĩnh**
Nam mô **Cứu Độ Thế Gian Sư**
Nam mô **Dũng Mãnh Đại Thanh Tịnh Trí**
Nam mô **Viên Mãn Cát Tường Tướng**
Nam mô **Năng Trừ Oán**
Nam mô **Sa Môn Nguyệt**
Nam mô **Thích Sư Tử**
Nam mô **Tác Thiện Thanh Tịnh Nghiệp**
Nam mô **Lục Phật Pháp Trang Nghiêm**

Nam mô **Lục Căn Thanh Tịnh**
Nam mô **Đệ Nhất Lục Thần Thông**
Nam mô **Lục Thú Đáo Bỉ Ngạn**
Nam mô **Vô Sư Tự Nhiên Giác**
Nam mô **Thiện Thệ Đức Thành Tựu**
Nam mô **Nhất Thiết Thế Gian Vi Ái Lạc**
Nam mô **Vô Đẳng Đại Trí Tuệ**
Nam mô **Hằng Nhập Tam Ma Địa**
Nam mô **Nhất Thiết Hữu Tình Lợi Ích Chủ**
Nam mô **Chân Thật Giáng Chư Căn**
Nam mô **Nhất Thiết Thế Gian Tôn**
Nam mô **Phổ Biến Hữu Tình Tinh Tiến Giả**
Nam mô **Vĩnh Quá Luân Hồi Khổ**
Nam mô **Viên Mãn Chư Sở Cầu**
Nam mô **Giáng Phục Đắc Tối Thắng Thuyết Tứ Đế**
Nam mô **Đáo Bỉ Ngạn Độ Tha Đại Long Vương**
Nam mô **Đắc Tối Thượng Niết Bàn**
Nam mô **Tôn Sư Đại Phạm Hạnh**
Nam mô **Đệ Nhất Tịch Tĩnh Lạc**
Nam mô **Bí Mật Tối Thắng Đại Trượng Phu**
Nam mô **Điều Phục Thanh Văn Giả**
Nam mô **Vô Lợi Ích Chư Hữu Tình**
Nam mô **Thế Gian Cúng Dường Xuất Thế Trí**
Nam mô **Thánh Trí Chiếu Thế Gian**
Nam mô **Ly Thế Pháp Lợi Dưỡng**
Nam mô **Xuất Thế Vi Như Lai**
Nam mô **Đại Pháp Chủ**
Nam mô **Đại Pháp Vương**
Nam mô **Điều Ngự Minh**
Nam mô **Cứu Độ Đệ Nhất Nhị Túc Tôn**
Nam mô **Hành Nhẫn Nhục**
Nam mô **Thiện Ý Đoan Nghiêm Tướng**
Nam mô **Thiện Trì Thiện Giới Tướng**
Nam mô **Kim Sắc Quang Thiện Thệ**
Nam mô **Thiện Du Ái Tôn Trọng**
Nam mô **Nhân Sư Tử Cát Tường Vân**
Nam mô **Phật Đà**
Nam mô **Vô Úy Độc Trừ Ám**
Nam mô **Vô Biên Lợi Thế Gian**
Nam mô **Vô Đẳng Tam Hữu Sư**
Nam mô **Năng Đoạn Chư Kết Phộc**
Nam mô **Vô Ngã Tối Đệ Nhất**
Nam mô **Phổ Chiếu Nhất Thiết Nhãn**
Nam mô **Chứng Lý Tịnh Tuệ Nhãn**
Nam mô **Tam Tuệ Chân Thật Nhãn**

Một trăm lẻ tám (108) tên như vậy. Nếu lại có người vào lúc sáng sớm, phát Tâm chí thành, hoặc đọc tụng, hoặc lễ niệm, hoặc nhớ giữ, hoặc lắng nghe sẽ đạt được

Phước Đức tốt lành tối thượng, hết thảy tất cả phiền não với các nghiệp tội...mau được trong sạch, chẳng thọ nhận luân hồi, sẽ được giải thoát cho đến thành Phật.

_ Tên **Công Đức Đại Mâu Ni** này
Nay Con đọc tụng với lễ niệm
Đem khắp hồi thí cho quần sinh
Đồng được chứng thành Bồ Đề Quả

BÀI TÁN 108 TÊN CỦA ĐỨC PHẬT
Hết

THÍCH CA SÁM NGUYỆN

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con lìa hẳn ba nẻo ác

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con luôn hiểu thấu Phật Pháp

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con mau dứt tâm tham lam

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con xa lìa sự giết hại

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con an nhẫn không oán giận

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con tinh tiến lìa lười biếng

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con định tĩnh trừ tán loạn

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con sáng suốt diệt ngu si

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con mau chứng đạt Thánh Trí

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con chẳng thoái Tâm Bồ Đề

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con rộng độ các chúng sinh

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nguyện con mau chóng thành Phật Quả

ĐẠI NHẬT NHƯ LAI

Đại Nhật Như Lai, tên Phạn là **Vairocana**, dịch âm là Tỳ Lô Giá Na, dịch ý là: Biến Chiếu, Quang Minh Biến Chiếu, Tịnh Mãn, Tam Nghiệp Mãn, Quảng Bác Nghiêm Tịnh... tức là Báo Thân hoặc Pháp Thân của Phật Đà.

Trong Hoa Nghiêm Tông, **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) là giáo chủ của Thế Giới **Liên Hoa Tạng** (Padama-garbha), bao hàm chư Phật của mười phương, hiển bày hình tướng siêu việt là **Pháp Thân Phật** của **Phật Pháp Tự Thân**.

Pháp Tướng Tông dùng Tôn này là **Tự Tính Thân** (Svabhāva-kāya) của Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi).

Thiên Đài Tông dùng Tôn này là **Pháp Thân** (Dharma-kāya) của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Mật Giáo đã Phật Cách Hóa **Thật Tướng của vũ trụ** thành Đại Nhật Như Lai là Đức Phật căn bản, là Bản Địa của tất cả chư Phật Bồ Tát với Tổng Đức căn bản của Phổ Môn thị hiện

Mật Giáo phụng thờ Ngài là giáo chủ của Chân Ngôn Mật Giáo, dịch là **Đại Nhật Như Lai**, hoặc xưng là **Ma Ha Tỳ Lô Giá Na** (Mahā-vairocana) dùng làm Bản Tôn ở trung tâm của Kim Cương Giới và Thai Tạng Giới Man Đa La.

Mật Giáo nhận định rằng Đại Nhật Như Lai không chỉ là Bản Tôn mà còn là hạch tâm (tâm hạt quả) của giáo lý Mật Giáo. Do ánh sáng Trí Tuệ của Đức Như Lai này chiếu khắp tất cả nơi chốn, hay khiến cho vô biên Pháp Giới phóng khắp ánh sáng để giúp cho chúng sinh khai mở Phật Tính vốn có, căn lành, hoàn thành sự nghiệp thuộc Thế Gian với Xuất Thế Gian. Do đó dùng **Đại Nhật** làm danh hiệu

Vairocana-tathāgata: Hán dịch lại có các danh hiệu là: Ma Ha Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Biến Nhất Thiết Xứ Như Lai, Quang Minh Biến Chiếu Như Lai, Đại Nhật Như Lai…là Bản Tôn rất căn bản của Mật Giáo. Trong Đại Pháp của Mật Giáo, tại hai Bộ Thai Tạng Giới và Kim Cương Giới đều là Pháp Thân Như Lai, là Pháp Giới Thể Tính Tự Thân, là Đấng Phật Đà căn bản được hiển hiện bởi Thật Tướng.



Danh xưng của Đại Nhật Như Lai có các ý nghĩa là:

a_**Tuệ Nhật Nhất Thiết Trí Quang**: phóng tỏa ánh sáng Chân không (Chân không Quang minh) soi khắp cõi Lục Phàm Đồng Cư Thế Gian, nhằm phá tan sự tối tăm của Kiến Tư Phiền Não cho chúng sinh.

b_**Tuệ Nhật Đạo Chủng Trí Quang**: phóng tỏa ánh sáng Diệu Hữu (Diệu Hữu Quang Minh) soi khắp cõi Nhị Thừa phương tiện Thế Gian, nhằm phá tan sự tối tăm của Trần sa phiền não cho chúng sinh.

c_**Tuệ Nhật Nhất Thiết Chủng Trí Quang**: phóng tỏa ánh sáng Trung Đạo (Trung Đạo Quang minh) soi khắp cõi Thật Báo Thế gian, nhằm phá tan sự tối tăm của Vô Minh phiền não cho chúng sinh.

Do ý nghĩa này hồng danh **Đại Nhật** (Vairocana) còn biểu thị cho nghĩa "**Trừ ám biến Minh**"

_Mật Giáo Tây Tạng ghi nhận Tôn Tượng của Đại Nhật Như Lai kết Trí Quyền Ấn ngồi trên tòa sư tử



_Trong **Trung Đài Bát Diệp Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Đại Nhật Như Lai ở phương chính giữa biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-parakṛti-jñāna) là Trí thâm nhập khắp nơi trong Pháp giới, chuyển hóa Tâm thức cá vị thành Tâm Thức tổng quát.

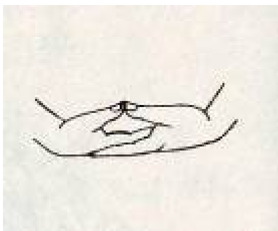
Tôn Hình: Thị hiện hình Bồ Tát, thân màu vàng chói như vàng của cõi Diêm Phù Đàn, thân khoác áo sa lụa trắng, đầu đội mão báu 5 Phật, tay kết Pháp Giới Định Ấn, ngồi yên trên tòa hoa sen báu.



Mật Hiệu là : **Biến Chiếu Kim Cương**
Chữ chủng tử là : A (𑖀), hoặc AḤ (𑖀𑖾), hoặc ĀḤ (𑖁𑖾),hoặc ĀṂḤ
Tam Muội Gia Hình là: Suất Đổ Ba Ấn, hoặc Như Lai Đỉnh Ấn



Tướng Ấn là: **Pháp Giới Định Ấn**. Bàn tay phải trên bàn tay trái với hai ngón cái nối lại thành hình bầu dục.



Năm ngón tay trái tượng trưng cho năm Đại của chúng sinh, năm ngón tay phải tượng trưng cho năm Trí Ấn… là dấu hiệu của sự chẳng chia hai, sự kết hợp giữa người và Phật. Ánh sáng phát xuất từ Thân của Đại Nhật Như Lai biểu tượng cho hành tung của Trí Tuệ trải khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới

Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖀𑖾 𑖪𑖰𑖨 𑖮𑖳𑖽 𑖏𑖽

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Aḥ vira hūṃ khaṃ

_Trong **Thành Thân Hội** (Karma) của **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Đại Nhật Như Lai tượng trưng cho sự tồi hoại phiền não của chúng sinh. Đạt được Trí Tuệ giáng phục phiền não nên ví dụ là **Kim Cương** (Vajra) biểu thị cho sự bền chắc chẳng hoại, đại biểu cho Thế Giới Trí Tuệ của Như Lai.

Trong Hội này thì Đại Nhật Như Lai là Chủ của **Phật Bộ** (Buddha-kulāya), đại biểu cho việc chuyển **Thức thứ 9** (Amala-vijñāna: Vô Cấu Thức) thành **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-parakṛti-jñāna) và được xem là **Thường Trụ Tam Thế Tịnh Diệu Pháp Thân**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, đầy đủ 32 tướng tốt , 80 vẻ đẹp, đầu đội mão báu năm Phật, khoác áo Trời màu nhiệm.



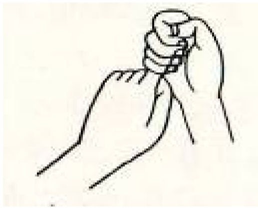
Mật Hiệu là: **Biến Chiếu Kim Cương, Vô Chướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAṂ (वं)

Tam Muội Gia Hình là: Suất Đổ Ba (Stūpa: cái tháp)



Tướng Ấn là: Trí Quyền Ấn



Ấn này hàm chứa ý nghĩa thâm sâu là: Lý Trí Bất Nhị (Lý và Trí vốn chẳng phải hai), Sinh Phật Nhất Như (Chúng sinh với Phật vốn là một Chân Như), Mê Ngộ Nhất Thể (Mê với Ngộ vốn là một Thể).

Tay trái biểu thị cho thân năm Đại của chúng sinh

Tay phải là cái mão báu của năm Trí, năm Phật.

Hình dạng của việc đem cái mão báu đội cho chúng sinh được xưng là Đại Trí Quyền Ấn. Lại xưng là Bồ Đề Tối Thượng Khế, Bồ Đề Dẫn Đạo Đệ Nhất Trí Ấn, Năng Diệt Vô Minh Hắc Ám Ấn, Kim Cương Quyền Ấn, Đại Nhật Pháp Giới Ấn…Trong đó, Ấn được Đại Nhật Như Lai kết tại Nhất Ấn Hội trong Kim Cương Giới là Ấn của Pháp Thân độc nhất.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖯𑖝𑖲 𑖪𑖽

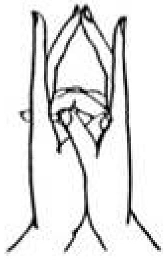
Oṃ_ Vajra-dhātu vaṃ

_Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) trong Kim Cương Giới Man Đa La thì Đại Nhật Như Lai có chữ chủng tử là: A (𑖀) hay ÀH (𑖁𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Để chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, bên trên có cái tháp. Biểu thị cho thân tâm trong sạch, viên mãn Bồ Đề rộng khắp Pháp Giới. Đây là chỗ nhiếp của Phật Bộ ở phương trung ương, tức là Pháp Giới Thể Tính Trí.



Tướng Ấn là **Kim Cương Giới Tự Tại Khế**: Kết Kim Cương Ngoại Phộc, dựng hai ngón giữa cùng vịn nhau rồi hơi co lại như hình cây kiếm, duỗi hai ngón trỏ phụ lưng hai ngón giữa



Chân Ngôn là:

𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡 𑖁𑖾

VAJRA-JÑĀNA ĀḤ

_Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) trong Kim Cương Giới Man Đa La thì Đại Nhật Như Lai có chữ chủng tử là: VAṂ (𑖪𑖽)

Tôn Hình: Thân an đặt ở chày Tam Cổ, còn lại lược đồng với Thành Thân Hội.



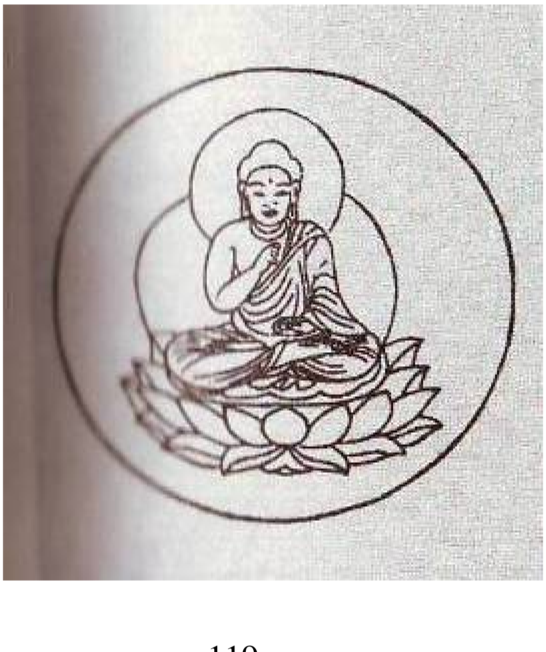
Chân Ngôn là:

𑖌𑖽 𑖭𑖳𑖎𑖿𑖬𑖿𑖦 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡 𑖭𑖦𑖧 𑖮𑖳𑖽

OṂ_ SŪKṢMA-VAJRA –JÑĀNA-SAMAYA HŪṂ

_Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) trong Kim Cương Giới Man Đa La thì Đại Nhật Như Lai có chữ chủng tử là: VAṂ (𑖪𑖽)

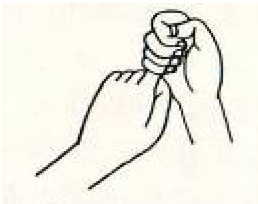
Tôn Hình: Hiện hình Như Lai.



Tam Muội Gia Hình là : Suất Đổ Bà (Stūpa: cái tháp)



Tướng Ấn là: Trí Quyền Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA VAJRA-DHĀTU ANUTTARA-PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

_Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) trong Kim Cương Giới Man Đa La thì Đại Nhật Như Lai có chữ chủng tử là: VAṂ ( )

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA MUṢṬI VAṂ

_Tại **Nhất Ấn Hội** (Eka-mudra) trong Kim Cương Giới Man Đa La thì Đại Nhật Như Lai có thân màu thịt trắng ngồi trong vành trăng lớn, đầu đội mão báu 5 Phật, mặc áo khoác ngoài màu trắng, trụ trong Trí Quyền Ấn, tượng trưng cho nghĩa 5 Trí viên mãn cùng một Pháp Thân.

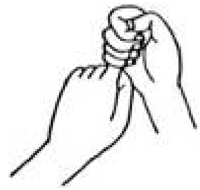


Chữ chủng tử là: VAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Suất Đổ Ba (Stūpa: cái tháp)



Tướng Ấn là: Trí Quyền Ấn. Trong đó quyền phải đại biểu cho Phật Giới, quyền trái đại biểu cho Chúng Sinh Giới. Ngón trỏ của quyền trái hợp với ngón cái của quyền phải đại biểu cho nghĩa **chúng sinh và Phật chẳng phải hai** (Sinh Phật Bất Nhị)



Chân Ngôn là:

OṂ _ MAHĀ-VAIROCANA _ VAṂ

Hay

OṂ _ VAJRA-DHĀTU VAṂ

_Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) trong Kim Cương Giới Man Đa La thì Đại Nhật Như Lai có chữ chủng tử là: VAṂ ( )

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, bên trên có cái Tháp.



Chân Ngôn là:

OṂ _ MAHĀ-VAIROCANA _ VAṂ

_Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) trong Kim Cương Giới Man Đa La thì Đại Nhật Như Lai có chữ chủng tử là: OṂ ( )

Tam Muội Gia Hình: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, bên trên có cái Tháp. Biểu thị cho thân tâm trong sạch, viên mãn Bồ Đề rộng khắp Pháp Giới. Đây là chỗ nhiếp của Phật Bộ ở phương trung ương, tức là Pháp Giới Thể Tính Trí.

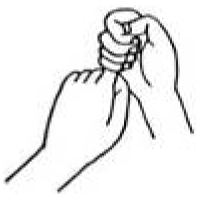


Chân Ngôn là:

OṂ_ KRODHA-VAJRA-JÑĀNA-SAMAYE HŪṂ

_Kinh **Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni, quyển 2, Phẩm Đà La Ni, chi hai** ghi nhận Pháp Quán **Đại Nhật Như Lai** là:

"Thiện Nam Tử! Bồ Tát Ma Ha Tát cũng lại như vậy. Nếu muốn nhập vào Quán, trước tiên nên nhập vào **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Tam Muội**, nghĩa là quán thân thể của mình thành Kim Cương bền cứng chẳng thể hoại. Nên dùng thân làm **Kim Cương Kiết Già** nghĩa là đem bàn chân phải đè trên bắp đùi trái, thẳng thân ngồi ngay ngắn, hơi động gốc lưỡi, môi răng hợp nhau, tác **Kim Cương Ngữ**. Kim Cương Ngữ là không có tiếng nói, chỉ dùng Tâm niệm thầm, dùng Trí bền chặt quán sát kỹ lưỡng, trái tim của mình dùng làm vành trăng ở ngay đầu lỗ mũi chẳng cho chạy tan, trong sạch tròn đầy, màu như tuyết đọng, sữa bò, thuỷ tinh….Song, vành trăng này là **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), Tâm Bồ Đề này vốn không có sắc tướng. Vì các chúng sinh chưa thành tựu, cho nên nói như vành trăng. Nên dùng tay phải tác **Kim Cương Quyền** để ngang trái tim nắm ngón cái của tay trái.



Đây gọi là **Năng Dữ Vô Thượng Bồ Đề Tối Tôn Thắng Ấn**, tức là Ấn của Bản Sư Tỳ Lô Giá Na Như Lai.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói Đà La Ni là:

"Án, hồng, nhạ, hộ, sa"



Oṃ_ hūṃ ja ho sa

Quán sát Đà La Ni này như thế nào? Nên đem chữ **Án** (: Oṃ) an trong vành trăng đã quán lúc trước, để ở trên đỉnh đầu. Quán chữ **Án** này có màu như **Kha Tuyết** (tuyết trắng tinh). Tưởng này thành xong, liền thấy thân của mình ngồi trong vành trăng, liền được thành tựu **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana), dùng vô lượng vô biên số bụi nhỏ **Trí** (Jñāna) của nhóm như vậy thành tựu thân này. Đây tức gọi là **đủ tất cả Trí** (Cụ Nhất Thiết Trí) cũng được tên gọi là **đủ Trí Kim Cương** (Cụ Kim Cương Trí).

Tu Quán này là Trí của **Du Già** (Yoga), cũng là **Bát Nhã Ba La Mật Đa** (Prajña-pāramitā), cũng tức gọi là Quả của các Bồ Tát. Quả này hay được ba loại chân thật. Nhóm nào là ba? Một là được **Chân Thật Bất Khả Tư Nghị Nhất Thiết Trí Trí Chư Phật Cảnh Giới Tam Muội** lúc trước, hai là được Chân Ngôn bí mật chân thật lúc trước, ba là được Ấn Khế bí mật chân thật lúc trước.

Quán lúc trước thành xong. Liền tưởng trên đỉnh đầu tuôn ra ánh sáng trắng, lại dùng trăm ngàn vạn ức ánh sáng để làm quyến thuộc, bên dưới đến Địa Ngục **A Tỳ** (Avīcī), bên trên đến cõi Trời **A Ca Ni Tra** (Akaniṣṭha-deva:Sắc Cứu Cánh Thiên). Trong đó hết thảy tất cả chúng sinh sống chết từ vô thuỷ, Vô Minh đen tối, mù loà không có **con mắt Trí** (Jñāna-cakṣu:Trí Nhãn) do ngọn đèn Bát Nhã Ba La Mật Đa này mở được **con mắt Phật** (Buddha-cakṣu Phật Nhãn) ấy. Như chỗ u ám trong sơn cốc sâu thẳm là nơi mà ánh sáng của mặt trời mặt trăng chẳng thể soi chiếu đến, nếu thắp một ngọn đèn thì sự tăm tối lâu dài được trừ bỏ tất cả. Tại sao thế? Do **Pháp** như vậy, cho nên **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Tam Muội** phóng ánh sáng màu trắng cũng lại như vậy”.

LÔ XÁ NA PHẬT

Lô Xá Na tên Phạn là Vairocana là **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) hoặc **Pháp Thân** (Dharma-kāya). Lại xưng là Tỳ Lô Giá Na, Lô Già Na, Lưu Xá Na, Tịnh Mãn

Các Tông Phái nói Pháp chẳng giống nhau. Như **Hoa Nghiêm Tông** dùng Lô Xá Na là lược xưng của Tỳ Lô Giá Na, là Báo Thân Phật, là Giáo Chủ của Thế Giới **Liên Hoa Tạng** như Kinh Hoa Nghiêm đã nói

Thiên Đài Tông (Thiên Thai Tông) dùng Tỳ Lô Giá Na là **Pháp Thân Phật**, dùng Lô Xá Na là **Báo Thân Phật**, dùng Thích Ca là **Ứng Thân Phật** (Nirmāṇa-kāya)

_Phật Thuyết Kinh **Phạm Võng**, Phẩm Bồ Tát Tâm Địa ghi nhận rằng: (Bản dịch của Hòa Thượng **Thích Trí Tịnh**"

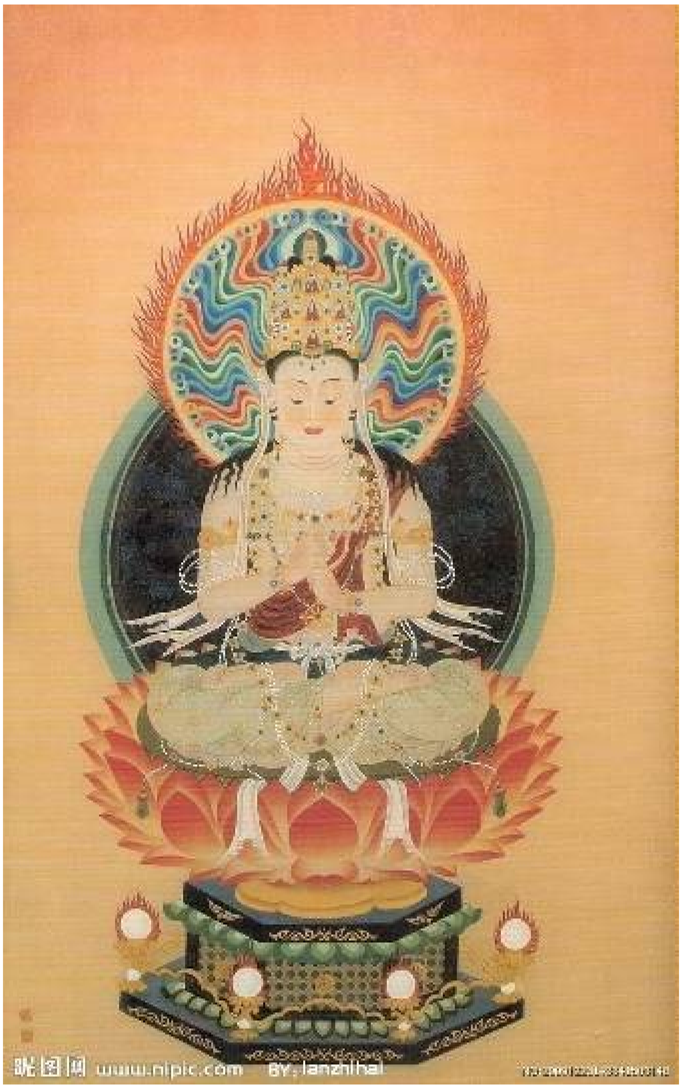
"Nay ta là Lô Xá Na
Đương ngồi trên đài Liên Hoa.
Trên nghìn cánh sen đơm vòng.
Mỗi cánh sen trăm ức cõi.
Một cõi một Phật Thích Ca
Đều ngồi dưới cội Bồ Đề
Đồng thời thành chánh giác đạo.
Nghìn trăm ức Phật như vậy
Lô xá na là bổn thân.
Nghìn trăm ức Phật Thích Ca
Đều đem theo vi trần chúng
Cùng nhau đến tại chỗ ta
Để nghe ta tụng Phật giới,
Ta liền giảng môn Cam Lộ"

_Kinh **Phạm Võng** ghi nhận" "**Lô Xá Na Phật** ngồi Kiết Già trên hoa sen ngàn cánh, tay phải đặt trên đầu gối trái, tay trái dơ lên nhẹ nhàng"



Ngoài ra còn có các Tôn Tượng khác là:









BẢO TRÀNG NHƯ LAI

Bảo Tràng Như Lai tên Phạn là Ratna-ketu, dịch âm là La Đát Nẵng Kế Đổ. Lại xưng là Bảo Tràng Phật, Bảo Tinh Phật… Là một vị Phật ở phương Đông trong **Trung Đại Bát Diệp Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala).



Vị Phật này chủ về Diệu Đức của Tâm Bồ Đề, dùng cây phướng báu đại biểu cho nghĩa **phát Tâm Bồ Đề** ví như quân tướng thống ngự đại chúng cần phải có cờ xí nghiêm chỉnh, sau đó mới chia thành đội ngũ thống thất chỉ huy để có thể phá quân địch thành công danh lớn. Phương Hạnh của Như Lai cũng như vậy, dùng Trí Nguyện làm cờ xí, ngồi dưới gốc cây Bồ Đề giáng phục chúng Ma Quân cho nên lấy đó làm tên gọi là **Bảo Tràng**

Lại có Thuyết nói: Bảo Tràng Như Lai cùng với Đức **Bảo Sinh Như Lai** ở phương Nam trong Kim Cương Giới, Đức Phật **Bảo Tướng** ở phương Tây trong Kinh A Di Đà, Đức **Đại Bảo Tràng Như Lai** ở phương Tây trong Kinh **Xưng Tán Tịnh Thổ Phật Nhiếp Thọ** là đồng một Tôn



_Trong **Trung Đài Bát Diệp Viện**, Bảo Tràng Như Lai ở phương Đông biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) vốn là cái tối sơ của muôn Hạnh, đại biểu cho **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) là cái Trí xa lìa tất cả phân biệt cấu nhiễm, tính tướng thanh tĩnh như tấm gương tròn lớn chiếu soi khắp cả Lý Sự của vạn tượng. Do đó Đại Viên Kính Trí được xem là **Tự Thọ Dụng Pháp Thân** (Svasaṃbhoga-dharma-kāya) của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), tức là Trí Pháp Nhiên Thủy Giác, tự thọ dụng Pháp Lạc

Tôn Hình: Thân màu vàng tía, khoác áo cà sa đỏ, hở vai phải, tay trái hướng vào bên trong cầm giữ hai góc áo cà sa để trước ngực, tay phải co cánh tay, hơi dựng thẳng hướng ra ngoài mở, lại hơi ngửa lòng bàn tay buông rũ các ngón tay làm Dữ Nguyện Ấn, ngồi Kiết Già trên hoa sen báu



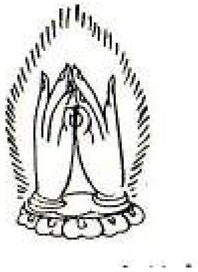
Mật Hiệu là: **Phước Tụ Kim Cương** , hay **Phước Thọ Kim Cương**

Bảo Tràng Như Lai kết Ấn **Dữ Nguyện** với tay trái nắm góc áo cà sa biểu thị cho cái lọng giải thoát có nghĩa là **phát Tâm**, tay phải mở nghiêng thành Dữ Nguyện Ấn biểu thị cho Đất. Tay trái là **Tự Hành**, tay phải là **Hoá Tha** cho nên Bảo Tràng là vị Phật ban bố sự giàu sang (Pháp_dharma) kho tàng của muôn loài, tuỳ theo nhu cầu của họ mà bảo vệ cho họ khỏi sự nguy hại và thương tổn. Do đó Ngài được xem là vị Kim Cương của sự ban Phước và sống lâu (**Phước Thọ Kim Cương**)

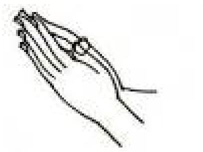
Theo ý nghĩa khác thì phương Đông chủ về mùa xuân, tất cả cây cỏ mầm giống nương theo mùa ấy mà sinh trưởng, vì thế nơi phát tâm thì hàm chứa vạn Pháp. Lại nữa phương Đông biểu thị cho **thức thứ tám** (Ālaya-vijñāna:Tàng Thức) là nơi chứa giữ vạn Pháp nên nói là Phước Tụ Diệu Lạc, lúc chuyển thức thứ tám thì thành Tự Thọ Dụng Pháp Thân, do đó Bảo Tràng Như Lai có Mật Hiệu là **Phước Tụ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (अ) hoặc RAṂ (ṃ)

Tam Muội Gia Hình là : Quang Diễm Ấn



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Hay **Đại Uy Đức Sinh Ấn**: Chắp hai tay lại giữa trống không (Không Tâm Hợp Chưởng) bung tán 2 ngón trỏ, 2 ngón út như phóng tán ánh lửa



Ấn này do Đại Uy Đức của Đại Nhật Như Lai sinh ra (Thế lực của Tâm Bồ Đề thanh tịnh) nên gọi là **Đại Uy Đức Sinh,** biểu thị cho Tâm Bồ Đề thanh tịnh hay sinh ra vạn Đức

Chân Ngôn là :

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑗘𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖨𑖽 𑖨𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RAṂ RAḤ_ SVĀHĀ

KHAI PHU HOA VƯƠNG NHƯ LAI

Khai Phu Hoa Vương Như Lai, tên Phạn là Saṃkusumita-rāja-tathāgata, dịch âm là Tam Cú Tô Nhĩ Đa La Nhạ Đát Tha Nga Đa. Lại xưng là Sa La Thọ Vương Hoa Khai Phu Phật, Khai Phu Hoa Phật, Hoa Khai Phu Phật. Là một trong năm vị Phật của Thai Tạng Giới, có vị trí ở phương Nam trong Trung Đài Bát Diệp Viện của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala).



Kinh nói là ***Hoa Khai Phu***.

Sớ 4 nói là: "Phương Nam quán ***Sa La Thọ Vương Hoa Khai Phu Phật,*** thân màu vàng ròng phóng ánh sáng, Như trụ Tướng tiêu biểu của **Ly Cấu Tam Muội**, từ hạt giống Bồ Đề của mình nuôi lớn vạn Hạnh **Đại Bi** khiến thành **biến giác** (hiểu biết khắp cả) mở bày vạn Đức.. cho nên dùng làm tên gọi"

Có Thuyết nói rằng Khai Phu Hoa Vương Như Lai là **Bảo Sinh Như Lai** trong Kim Cương Giới vì đồng Mật Hiệu là **Bình Đẳng Kim Cương** (Sama-vajra), là Thân **Tha Thọ Dụng** trong bốn loại Thân

_Trong **Trung Đài Bát Diệp Viện**, Khai Phu Hoa Vương Như Lai ở phương Nam biểu thị cho sự thành tựu vạn Hạnh Đại Bi, viên mãn vạn Đức, mở bày Tâm Phật. đại biểu cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là Trí thấy biết sự nhất thể sâu kín, căn bản của các thực thể. Do Trí này mà mọi tình cảm ích kỷ riêng tư được chuyển hóa thành tình thương bao quát tất cả. Đây là Trí quán sát tất cả Pháp **Tự Tha** Hữu Tình thảy đều bình đẳng. Do tương ứng hỗ cộng với Đẳng Đại Bi mà bình đẳng phổ độ chúng sinh. Vì thế Bình Đẳng Tính Trí được xem là **Tha Thọ Dụng Pháp Thân**

(Parasaṃbhoga-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai (Vairocana-tathāgata) là Thân ứng hiện Thập Địa gia trì cho Chúng Bồ Tát để họ tự Nội Chứng được Pháp Thân

Tôn Hình là: Hiện thân màu vàng ròng, phóng khắp ánh sáng, khoác áo cà sa che kín hai vai, tay phải ngửa lòng bàn tay tác Thí Vô Úy Ấn, tay trái nắm góc áo cà sa để bên cạnh rốn, ngồi Kiết Già trên hoa sen báu



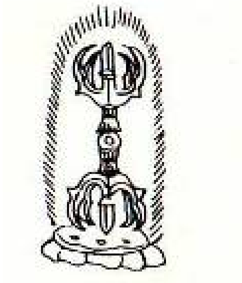
Khai Phu Hoa Vương Như Lai kết **Ấn Vô Uý** với tay trái nắm góc áo cà sa để ngang rốn biểu thị cho Đức thuộc nước Trí của Đại Bi. Tay phải tác Ấn Vô Uý biểu thị cho sự trải rộng **lòng Từ** (Maitri-citta) đến các chúng sinh một cách bình đẳng nên Ngài được xem là vị Kim Cương của bình đẳng (**Bình Đẳng Kim Cương**:Sama-vajra). Do Ngài nhập vào Tam Muội **ly Cấu** biểu thị cho sự mở bày vạn Đức, nuôi lớn Tâm Bồ Đề, viên mãn vạn Hạnh của Đại Bi để thành **Chính Giác** (Saṃbodhi). Ly Cấu có nghĩa là **Đại Không** (Mahā-śūnya), khi chứng Đại Không này thời giống như vàng ròng đã được tôi luyện, các chất bụi dơ đều hết sạch. Đây là loại vàng thượng diệu của Thế Gian rất sáng suốt và trong sạch, do vậy sắc tướng của Ngài có màu vàng ròng rất tốt đẹp biểu thị cho sự viên mãn vạn Đức.

Lại nữa phương Nam chủ về mùa Hạ biểu thị cho sức sống của cành lá hoa quả nên mang nghĩa là thành tựu vạn Hạnh. Do chuyển **Thức thứ bảy** (Manas-vijñāna: Mạt Na Thức) thành **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) nên là Tha Thọ Dụng Thân của Đại Nhật Như Lai, cho nên Ngài có Mật Hiệu là **Bình Đẳng Kim Cương**, trụ ở **Tam Muội Gia** (Samaya) bình đẳng để giúp cho chúng Bồ Tát tu hành chứng quả.

Mật Hiệu là **Bình Đẳng Kim Cương**

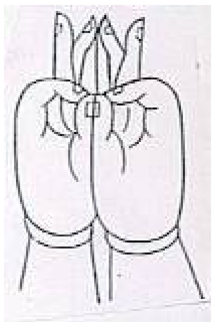
Chữ chủng tử là: Ā (𑖁) hay VAM (𑖪𑖽)

Tam Muội Gia Hình là chày Ngũ Cổ Kim Cương hay Kim Cương Bất Hoại Ấn



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Kim Cương Bất Hoại Ấn:** Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng , co 2 ngón trỏ đặt trên 2 ngón cái như hình chữ Phộc (_VA), dựng thẳng bung tán 2 ngón giữa.

Trí kiên cố bất hoại của Đại Nhật Như Lai giống như Kim Cương nên gọi là **Kim Cương Bất Hoại,** biểu thị cho địa vị đạt đến Kim Cương chân thật.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAṂ VAḤ_ SVĀHĀ

THIÊN CỔ LÔI ÂM NHƯ LAI

Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai (tên Phạn là: Divya-duṇḍubhi-megha-nirghoṣa). Lại xưng là Cổ Âm Như Lai, Cổ Âm Vương. Là một trong năm vị Phật của Thai Tạng Giới, có vị trí ở phương Bắc của Trung Đài Bát Diệp Viện trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala)



Kinh **Đại Nhật** ghi rằng: "Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai an trụ ở tướng **Tịch Định** hiển bày Công Đức của Niết Bàn rộng lớn. Do đó xưng là **Bất Động**. Lại do Niết Bàn không có Tướng nên có dạng giống như cái trống Trời, tuy không có hình tướng lại hay diễn nói Pháp Âm của Như Lai, hoàn thành tất cả sự nghiệp. Do đó có tên gọi là Cổ Âm Như Lai".

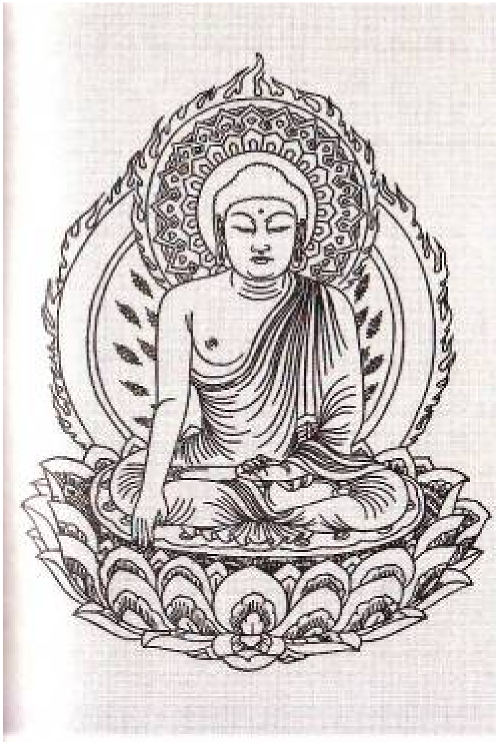
Nói theo cách khác Đức Phật này trụ ở tướng vắng lặng, lìa nhiệt độc được trong mát (thanh lương). Đây là Trí Niết Bàn của Như Lai, nghĩa là chẳng lay động (bất động) nên được gọi là **Bất Động Phật** (Acala-buddha) chứ chẳng phải là tên gọi của Ngài. Tên chính của Ngài là **Thiên Cổ Âm Như Lai** như cái trống Trời không có hình tướng và cũng không có trụ xứ nhưng có thể diễn nói **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa), cảnh giác chúng sinh. **Đại Niết Bàn** (Mahā-nirvāṇa) cũng vậy, chẳng phải như hàng Nhị Thừa vĩnh viễn vắng lặng, không có diệu dụng. Do đó tên chính của Ngài là lấy cái dụng mà nói.

Lại có Thuyết nói Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai đồng với Đông Phương A Súc Như Lai trong Kim Cương Giới

_Trong **Trung Đài Bát Diệp Viện**, Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai ở phương Bắc biểu thị cho Trí Niết Bàn của Như Lai, là sự chứng nhập vào cảnh giới thâm sâu vắng lặng của Đại Niết Bàn, biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là Trí phân biệt rõ ràng các hậu quả của mọi hành động và thành tựu được tất cả công Đức,

tức là Trí giải thoát các nghiệp. Đây là Trí dùng 3 Nghiệp thân khẩu ý của Như Lai làm lợi lạc cho chúng Hữu Tình. Vì chúng sinh hành Thiện, thành Bản Nguyện Lực, Sở Ứng Tác Sự. Do đó Thành Sở Tác Trí được xem là **Đẳng Lưu Pháp Thân** (Niṣyanda-dharma-kāya) của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), là Thân đi vào muôn loài mang đầy đủ uy nghi, âm thanh, tướng mạo của từng loài để hoàn thiện việc Phật và việc Thế Gian

Tôn Hình:Thân hiện màu vàng, tay trái nắm quyền để dưới rốn, tay phải úp xuống sao cho đầu ngón tay chạm đất, ngồi trên hoa sen báu

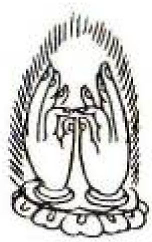


Phương Bắc là Thắng Phương nên tương ứng với vị trí cứu cánh, là địa vị cao cả của Niết Bàn tức biểu thị cho vạn vật vắng lặng của mùa Đông. Đây là dùng phương tiện của Lợi Tha để thành tựu Diệu Nghiệp của Lợi Tha, hay ứng với căn cơ của chúng sinh để đoạn trừ mê vọng.

Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai kết **Ấn Giáng Ma, Đạo Toàn Ấn** (Mārga-mudra) với quyền trái đặt ở rốn, mở lòng bàn tay phải úp xuống sao cho đầu ngón tay chạm đất, tượng trưng cho việc mang sự Giác Ngộ đến cho muôn loài hữu tình trong hằng hà sa số Thế Giới bằng sức mạnh gióng Pháp Âm, nổi đèn Pháp tựa như trống Trời không có hình tướng và cũng không có trụ xứ lại có thể diễn nói Pháp Âm cảnh giác chúng sinh. Cũng như vậy, Đại Niết Bàn chẳng phải như trạng thái vắng lặng vĩnh viễn của hàng Nhị Thừa không có diệu dụng. Do lấy cái dụng mà Ngài có tên gọi là **Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai.**

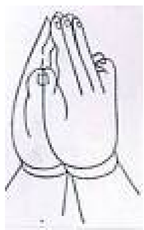
Lại nữa tướng Tịch Định là Trí Niết Bàn của Như Lai nên Ngài có Mật Hiệu là **Bất Động Kim Cương** (Acala-vajra) tức Tâm Tính chẳng động, hay có nghĩa là Định vắng lặng trong mát của Diệu Thể. Do chuyển **5 Thức Thân** thành **Thành Sở Tác Trí** là Trí Tuệ thành biện việc Phật với việc Thế Gian nên Ngài được xem là Đẳng Lưu Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai

Mật Hiệu là: **Bất Động Kim Cương**
Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾) hay HAṂ (𑖮𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Vạn Đức Trang Nghiêm Ấn

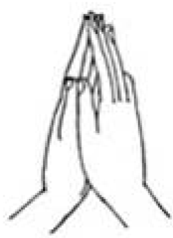


Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Vạn Đức Trang Nghiêm Ấn c**òn gọi là Nội Ngoại Trang Nghiêm Ấn: Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón út vào trong lòng bàn tay.

Các Đức trong ngoài của Như Lai thảy đều đầy đủ nên gọi là **Vạn Đức Trang Nghiêm**, biểu thị cho Đức thành mãn sự nghiệp **tự lợi, lợi tha** nên còn gọi là Nội Ngoại Trang Nghiêm.



Hay **Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai Thủ Ấn**: Liên Hoa Hợp Chưởng, đem hai ngón út để ở trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖽 𑖮𑖽 𑖮𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ HAṂ HAḤ SVĀHĀ

A SÚC NHƯ LAI

A Súc Như Lai tên Phạn là Akṣobhya. Hán dịch là: A Súc, A Súc Tỳ, A Súc Bệ. Dịch ý là Bất Động, Vô Động, Bất Động, Vô Động, Vô Nộ, Vô Sân Khuể, Vô Phẫn Nộ… là Đức Phật Đà của Thế Giới **Diệu Hỷ** (Abhirati) ở phương Đông và là một trong năm Trí Như Lai



A Súc (Akṣobhya) tức là ý nghĩ: ***chẳng tức giận***, ***không có phẫn nộ***. Do đó có tên gọi là Bất Động hoặc Vô Động.

Bất Động này là chỉ sự chẳng động của thân, sự chẳng động của tâm đối với tất cả. Sự chẳng động của Tâm (tâm bất động) chỉ Tâm chẳng thọ nhận nơi dao động của tạp nhiễm, chẳng bị lay động bởi tám loại gió (bát phong); khi mới phát Tâm, trong lý Nhân Duyên chẳng bị lay động bởi Tâm sân (giận dữ). Còn sự chẳng động của thân (thân bất động) là chỉ Tam Muội **Thường Trụ**

Kinh **A Súc Phật Quốc** nói rằng: "Trước đây rất lâu xa, A Súc Phật từng hầu cận phụng sự Đức **Đại Mục Như Lai** (lại dịch là Quảng Mục Như Lai) phát khởi Thệ Nguyện "***đối với chúng sinh chẳng dấy lên sự giận dữ***" mà được tên gọi là **A Súc** (Vô Phẫn Nộ: không có phẫn nộ).Trải qua nhiều kiếp tu hành, liền ở Thế Giới **Diệu Hỷ** (Abhirati) thuộc phương Đông thành Phật. Tại cõi ấy, Đức Phật A Súc có nguyện lực là: "***Ở trong cõi Phật này không có ba nẻo ác, tất cả con người đều hành việc lành, niệm Dâm Nộ Si rất mỏng, không có Tà Thuyết, Ngoại Đạo***". Cõi này không có quốc vương mà dùng A Súc Phật làm **Pháp Vương** (Dharma-rāja), cảnh giới rất thù thắng, tức là nơi cảm nhận Bản Nguyện của Đức Phật A Súc".

Kinh **Đại Bảo Tích** ghi rằng: "Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nghe Pháp Môn Công Đức của A Súc Phật rồi khéo hay thọ trì, đọc tụng thông lợi, nguyện sinh về

cõi nước ấy cho đến khi chết thì Bất Động Như Lai hộ niệm cho người ấy chẳng để cho các Ma với quyến thuộc của Ma làm thoái chuyển Tâm ấy"

_Mật Tông Phật Giáo ghi nhận A Súc Phật là **Thân Đẳng Giác** (Samyaksaṃbodhi-Kāya) của **Kim Cương Bình Đẳng** (samatā-vajra) được tuôn ra từ **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), tượng trưng cho Đức **đặc biệt Bình Đẳng** của tất cả chư Phật. Người mới phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), do duyên gia trì của A Súc Phật mà hay thành chứng viên mãn Tâm Bồ Đề.

Kinh Phật ghi nhận hình tượng của A Súc Phật là: thân màu xanh lam, trật áo hở vai phải, tay trái nắm quyền cầm góc áo cà sa, tay phải duỗi năm ngón, ngón tay chỉ xuống đất, để ở đầu gối phải.







Ngoài ra còn có Tôn Tượng ngồi trên tòa voi



.) Bất Động Như Lai Đại Thân Chân Ngôn:

[illegible]

Namo bhagavate Akṣobhyāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: Oṃ_ Gagani gagani, rucani rucani, traṣani traṣani traṣani traṣani, bhava-rāti bhava-rāti, hatani hatani, prahatani prahatani, sarva karma pariprayākṣobhyāyatu svāhā

[Phật Giáo Tạng Truyền thì ghi nhận câu Chân Ngôn này là

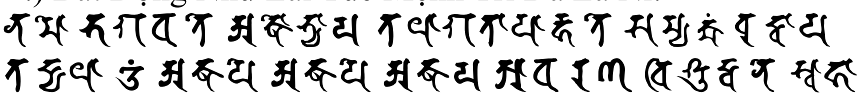


Namo ratna-trayāya_ Oṃ_ kaṃkani kaṃkani, rocani rocani, trotani trotani, trāsani trāsani, pratihana pratihana_ Sarva karma paraṃparāni me, sarva satvanañca svāhā]

Trước lúc lâm chung, nhìn thấy Chú này thời hay tịnh trừ tất cả nghiệp chướng kể cả năm tội Vô Gián. Lắng nghe Chú này chẳng bị rơi vào ba đường địa ngục, quỷ đói, súc sinh.

Nếu trì tụng mười vạn biến thổi hơi gia trì Sa Tử (đá cát cực nhỏ), nước, mè trắng, hạt cải trắng… lại cầm lấy gia trì vào phẩm vật rải trên thân người chết thì có thể giúp cho họ thoát khỏi nẻo ác

.) Bất Động Như Lai Túc Mệnh Trí Đà La Ni:



Namo bhagavate Akṣobhyāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya
Tadyathā: Oṃ_ Akṣaye akṣaye akṣaya āvaraṇa viśuddhane svāhā

_A Súc Như Lai phát nguyện:
"Khi Ta được Bồ Đề
Tại nơi Ta đã du hành đến
Khiến có sen vàng ròng ngàn cánh
Ta khiến hoa ấy đến cõi Phật
Hoa ấy đến xong, xưng tán Ta
Các chúng sinh kia nghe tên Ta, liền sinh mừng vui
Khiến chúng sinh ấy đem hết thảy căn lành
Đều hồi hướng hết, cầu sinh về nước của Ta
Kẻ ấy khi chết đều được sinh vào nước ấy"
(Kinh **Đại Thừa Bi Phân Đà Lợi**)

_ Trong **Thành Thân Hội** (Karma) của **Kim Cương Giới Man Đa Đa** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì A Súc Phật là Chủ của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya), biểu thị cho việc chuyển **Thức thứ 8** (Ālaya-vijñāna: Tàng Thức) thành **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) và được xem là **Kim Cương Kiên Cố Tự Tính Thân**

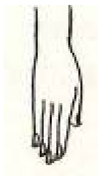
Tôn Hình: Thân màu xanh, tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải kết Xúc Địa Ấn



Mật Hiệu là: **Bất Động Kim Cương, Bố Úy Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang bên trên có chày Độc Cổ dựng đứng



Tướng Ấn là: Xúc Địa Ấn



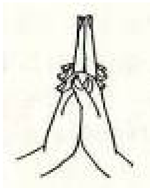
Chân Ngôn là:
𑖌𑖽 𑖀𑖎𑖿𑖬𑖺𑖥𑖿𑖧 𑖮𑖳𑖽
OṂ _ AKṢOBHYA HŪṂ

.) Trong **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) của Kim Cương Giới Man Đa La thì A Súc Như Lai có chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, ở trên chày có chày Ngũ Cổ dựng đứng. Biểu thị cho sự phát Tâm Bồ Đề. Đây là chỗ nhiếp của Kim Cương Bộ ở phương Đông, tức là Đại Viên Kính Trí.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, kèm dựng đứng hai ngón giữa



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-JÑĀNĀṂ HŪṂ

.) Trong **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) của Kim Cương Giới Man Đa La thì **A Súc Như Lai** có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tôn Hình: Tay trái hướng tâm lòng bàn tay lên trên, tay phải kết Xúc Địa Ấn.



Chân Ngôn là:

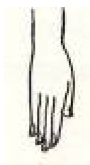
OṂ_ VAJRA-SATVA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪṂ

.) Trong **Cúng Dường Hội** (Pūja) của Kim Cương Giới Man Đa Đa thì **A Súc Như Lai** có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Xúc Địa Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ANUTTARA-PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

.)Trong **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) của Kim Cương Giới Man Đa La thì **A Súc Như Lai** có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tôn Hình: Đầu đội mão báu, hiện tư thế của **Kim Cương Hồng Ca La** (Vajra-hūṃ-kara).



Tam Muội Gia Hình là:Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, ở trên chày có một chày Ngũ Cổ dựng đứng.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖎𑖿𑖬𑖺𑖥𑖿𑖧 𑖀

OṂ_ AKṢOBHYA _ A

.)Trong **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) của Kim Cương Giới Man Đa La thì **A Súc Như Lai** có chữ chủng tử là: MBHA (𑖦𑖿𑖥)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, ở trên chày có một chày Ngũ Cổ dựng đứng. Biểu thị cho sự phát Tâm Bồ Đề. Đây là chỗ nhiếp của Kim Cương Bộ ở phương Đông, tức là Đại Viên Kính Trí.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖭𑖝𑖿𑖪 𑖎𑖿𑖨𑖺𑖠 𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡 𑖭𑖦𑖧𑖸 𑖮𑖳𑖼

OṂ_ VAJRA-SATVA KRODHA- JÑĀNA-SAMAYE HŪṂ

_Kinh **Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni, quyển 2, Phẩm Đà La Ni, chi hai** ghi nhận Pháp Quán **Bất Động Như Lai** là:

"Lại nữa Thiện Nam Tử! Hành Giả từ Tam Muội này khởi xong. Tiếp theo lại nhập vào **Bất Động Tam Muội**, hướng mặt về phương Tây cũng tác **Kim Cương Kiết Già** như lúc trước, thẳng thân ngồi ngay ngắn, nên dùng tay trái nắm lấy hai góc của y phục đã mặc quấn quanh cổ tay trái, dùng Quyền nắm bên trên ló ra hai góc, tay phải đè mặt đất. Đây tức tên là **Năng Tồi Phục Ấn**, tất cả chúng Ma với các Ngoại Đạo, các nhóm **Hoặc Nghiệp** đều chẳng thể lay động. Tức là Ấn của A Súc Như Lai.



Tiếp theo, cũng ngầm tụng **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Chân Ngôn** như trên đã nói (Oṃ_ hūṃ ja ho sa). Nên đem chữ **Hồng** (𑖮𑖳𑖽:Hūṃ) ở trong vành trăng đặt ở trên đỉnh đầu, quán chữ **Hồng** (𑖮𑖳𑖽:Hūṃ) này màu xanh. Quán tưởng thành xong, tiếp theo quán khắp thân đều là màu xanh, thân này liền thành **A Súc Như Lai** (Akṣobhya-tathāgata).

Quán này thành xong, liền từ trên đỉnh đầu phóng ánh sáng màu xanh, cũng dùng vô số trăm ngàn ánh sáng làm quyến thuộc. Trong mỗi một ánh sáng đều có vô lượng Kim Cương Bồ Tát màu xanh hiện ra, đều tác Ấn này, ánh sáng chiếu trong hằng hà sa số Thế Giới ở phương Đông, trong ấy chúng sinh gặp được ánh sáng này thì hết thảy Tâm: lừa dối, cướp đoạt, giết hại thảy đều buông lìa, vắng lặng chẳng động".

BẢO SINH NHƯ LAI

Bảo Sinh Như Lai tên Phạn là Ratna-saṃbhava, dịch âm là La Đát Nẵng Tam Bà Phộc. Thường xưng là Nam Phương Bảo Sinh Phật, hoặc Nam Phương Phước Đức Tụ Bảo Sinh Như Lai. Là một trong năm vị Phật thuộc **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) của Mật Giáo Ấn Độ, có vị trí ở chính giữa vành trăng phương Nam trong năm Luân Giải Thoát tại **Thành Thân Hội** (Karma) của **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)



Bảo Sinh Như Lai dùng Công Đức ***gom tụ Phước Đức của báu Ma Ni*** hay thành mãn ước nguyện của tất cả chúng sinh, lại thêm cho dùng Quán Đỉnh của địa vị Pháp Vương trong ba cõi khiến viên mãn thắng nghĩa **Ta Người bình đẳng** cho nên được nhiếp vào **Bảo Bộ** (Ratna-kulāya) trong năm Bộ, chuyển **thức thứ bảy** (Manas-vijñāna: Mạt Na Thức) của chúng sinh thành Trí Tuệ của Như Lai, chủ về **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-Jñāna) trong năm Trí.

_ Kinh **Kim Quang Minh, quyển 1_ Kinh Quán Phật Tam Muội Hải, quyển 9_ Kinh Đà La Ni Tập, quyển 10** ghi nhận: Trong 4 Phật ở 4 phương thì Bảo Sinh Như Lai tương đương với **Bảo Tướng Phật**

_Kinh **Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, quyển 8** ghi nhận Bảo Sinh Như Lai tương đương với **Bảo Tràng Phật** ở phương Nam

_Lưỡng Bộ Mạn Trà La Nghĩa Ký ghi nhận Bảo Sinh Phật có hiệu là **Đông Phương Bảo Tràng**

Do hình tượng của Bảo Sinh Như Lai tương đồng với Đức **Bảo Tràng Như Lai** ở phương Đông trong **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu) nên xưa nay đều xác nhận hai Tôn này đồng một Thể

_**Phật nói Kinh Bảo Sinh Đà La Ni** ghi chép rằng:

Namo ratna-lakṣmi-candra-pratimaṇḍita-vidyaṃ-teja-ku śeśvara-rājāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: Ratne ratna-kiraṇi, ratna pratimaṇḍite, ratna-sādhani, ratna-prāpti, ratna-udgate svāhā

[**Namo ratna-lakṣmi-candra-pratimaṇḍita-vidyaṃ-teja-ku śeśvara-rājāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya**: Quy mệnh Bảo Cát Khánh Nguyệt Nghiêm Sức Minh Uy Quang Tạng Tự Tại Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Tadyathā: Như vậy, liền nói Chú là

Ratne: Vật báu

ratna-kiraṇi: Sự chói sáng của vật báu

ratna pratimaṇḍite: sự trang hoàng bằng vật báu

ratna-sādhani: Nghi thức báu

atna-prāpti: Đắc được báu

ratna-udgate : Phát sinh báu

svāhā : Quyết định thành tựu]

Nếu có chúng sinh nào đối với danh hiệu Như Lai Đà La Ni này, thọ trì cúng dường thì đời đời người ấy được Địa Vị Chuyển Luân (Chuyển Luân Vị), thành tựu Phạm Hạnh, đủ đại Thần Thông, được mười loại Đà La Ni. Lại được gặp hằng hà sa đẳng chư Phật Như Lai mà chẳng hề có hư vọng. Trải qua câu đê kiếp thường chẳng đi vào nẻo Luân Hồi, chẳng cắt đứt hạt giống Bồ Đề, chẳng mất Tâm Bồ Đề, diệt hết tất cả tội, được Báo Thân Như Lai.

Nếu có người trì tụng mãn 7 ngày thì người ấy sẽ được Thiên Nhãn thanh tịnh.

Nếu người kia được nghe (Đà La ni này) qua lỗ tai thì luôn luôn ghi nhớ và quyết định được Bồ Đề. Hết thảy mọi căn lành đã tạo được ở đời quá khứ đều được hiện tiền.

Nếu truyền cho một người đã gây ra tội nghiệp Vô Gián thì tội đó đều được trừ diệt và cắt đứt hẳn sự luân hồi. Người đó chẳng bị nước, lửa, trộm, cướp, xâm hại,được đầy đủ các căn, chẳng sinh mọi bệnh, chẳng bị dính mắc Quỷ Mỵ, mọi nơi yêu kính, đời sau được thọ trì Pháp vi diệu của Như Lai, cúng dường chư Phật.

Nếu có người nghe xong mà Tâm vui vẻ, lễ bái, ca ngợi thì người ấy có Công Đức vô lượng vô biên, đời đời trong miệng tỏa ra mùi thơm vi diệu bao trùm một Do Tuần. Trên thân thể, trong mọi lỗ chân lông luôn có hào quang thường tự chiếu sáng, thuờng làm mọi việc thắng lợi của Như Lai, như Ngài A Nan Đà, có đủ công đức như vậy chẳng thể luận bàn.



HÌNH TƯỢNG CỦA BẢO SINH NHƯ LAI

Du Già Diệm Khẩu ghi chép là: "Bảo Sinh Phật tại Thế Giới ở phương Nam có thân màu đỏ, phóng ánh sáng lớn, tay cầm báu Ma Ni"



_Kinh **Thủ Hộ** ghi rằng: Ấn Khế của Bảo Sinh Phật là **Mãn Nguyện Ấn** tức tay trái cầm góc áo để ngang trái tim, ngửa lòng bàn tay phải. Lúc tu Pháp thời quán tưởng thân của mình đều hòa tan thành màu vàng. Màu sắc này liền thành Bảo Sinh Như Lai và từ trên đỉnh đầu phóng ra ánh sáng màu vàng ròng, hiện ra vô lượng Bồ Tát màu vàng ròng với mỗi một vị, trong bàn tay đều tuôn mưa báu Như Ý, ánh sáng chiếu khắp hằng hà sa số Thế Giới ở phương Nam, nếu chúng sinh nào gặp được ánh sáng Phật này thì hết thảy sự nguyện cầu đều hay được đầy đủ.

Pháp Quán Tưởng ấy tượng trưng cho Bản Nguyện của Bảo Sinh Phật là: ***"Thỏa mãn đầy đủ sự mong cầu của chúng sinh"***



Ngoài ra còn có Tôn Tượng ngồi trên tòa ngựa



_Trong **Thành Thân Hội** (Karma) của **Kim Cương Giới Man Đa La** thì **Bảo Sinh Như Lai** là thân **Đẳng Giác** (Samyaksaṃbuddhi-kāya) của **Nghĩa Bình Đẳng** được tuôn ra từ **Bình Đẳng Trí** (Sama-jñāna) của Đại Nhật Như Lai, tượng trưng cho Đức đặc biệt hay gom tụ Công Đức thuộc Phước Đức của báu Ma Ni, hoàn thành mọi ước nguyện của chúng sinh, **quán đỉnh** (Abhiṣeka) ban cho địa vị **Pháp Vương** (Dharma-rāja) của ba cõi, khiến cho Ta Người (tự tha) bình đẳng.

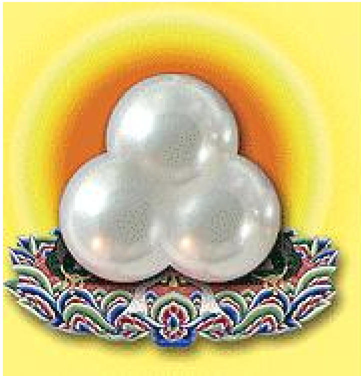
Do Đức Phật Bảo Sinh gia trì cho nên bên trong chứng Bồ Đề, bên ngoài cảm thấy Đức Phật Bảo Sinh ở không trung Quán Đỉnh, thọ nhận địa vị Pháp Vương của ba cõi (Tam Giới Pháp Vương Vị).

Trong Hội này thì Bảo Sinh Như Lai là Chủ của **Bảo Bộ** (Ratna-kulāya), biểu thị cho việc chuyển **thức thứ 7** (Manas-vijñāna: Mạt Na Thức) thành **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) và được xem là **Phước Đức Trang Nghiêm Tụ Thân**

Tôn Hình: Thân màu vàng, tay phải kết Thí Nguyện Ấn, tay trái nắm Kim Cương Quyền để trước eo



Mật Hiệu là: **Bình Đẳng Kim Cương, Đại Phước Kim Cương**
Chữ chủng tử là: TRĀḤ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu

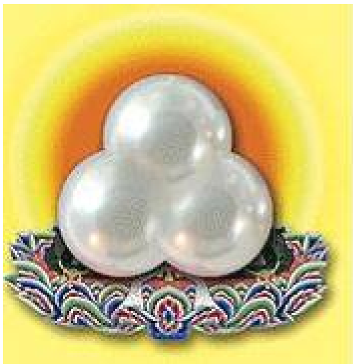


Tướng Ấn là: Mãn Nguyện Ấn (Ấn trao cho ước nguyện)



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖨𑖝𑖿𑖡 𑖭𑖽𑖥𑖪 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾
OṂ_ RATNA-SAṂBHAVA TRĀḤ

_Trong **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) của Kim Cương Giới Man Đa La thì Bảo Sinh Như Lai có chữ chủng tử là: TRĀḤ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu



Tướng Ấn là: Kim Cương Phộc, dựng đứng hai ngón giữa như hình báu, tức là hình viên ngọc báu



Chân Ngôn là:

VAJRA JÑĀNĀṂ TRĀḤ

Hoặc đồng với Chân Ngôn của Bảo Sinh Yết Ma Ấn

_Trong **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) của Kim Cương Giới Man Đa La thì Bảo Sinh Như Lai có Tôn Hình tương tự Thành Thân Hội



Chữ chủng tử là: TRĀḤ ()

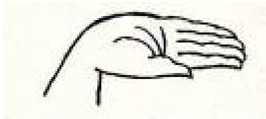
Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-RATNA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA   HŪṂ

_Trong **Cúng Dường Hội** (Pūja) của Kim Cương Giới Man Đa La thì Bảo Sinh Như Lai có Tôn Hình đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chữ chủng tử là: TRĀḤ ( )
Tướng Ấn là: Dữ Nguyện Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA VAJRA-RATNA ANUTTARA-PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

_Trong **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) của Kim Cương Giới Man Đa La thì Bảo Sinh Như Lai có chữ chủng tử là: RA ( )

Tôn Hình: Đầu đội mão báu, che kín vai, tay nắm Kim Cương Quyền giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang, bên trên có Tam Biện Bảo Châu.



Chân Ngôn là:

OṂ_ RATNA-SAṂBHAVA _ RA

_Trong **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) của Kim Cương Giới Man Đa La thì Bảo Sinh Như Lai có chữ chủng tử là: HṆA ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang, bên trên có Tam Biện Bảo Châu. Biểu thị cho nhóm chứa Phước của Công Đức, tỏa ra vô lượng uy quang rự rỡ để mọi mong cầu sẽ được đầy đủ. Đây là chỗ nhiếp của Bảo Bộ ở phương Nam, tức là Bình Đẳng Tính Trí.



Chân Ngôn là:

OṂ_ RATNA-SATVA KRODHA- JÑĀNA-SAMAYE HŪṂ

_Kinh **Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni, quyển 2, Phẩm Đà La Ni, chi hai** ghi nhận Pháp Quán **Bảo Sinh Như Lai** là:

"Này Thiện Nam Tử! Hành Giả từ Tam Muội này (Bất Động Tam Muội) dấy lên xong. Lại ở phương Nam, ngồi hướng mặt về phương Bắc, cũng làm Kim Cương Kiết Già như trên, ngồi ngay ngắn, thân ngay thẳng, tay trái như lúc trước cầm hai góc áo, ngửa lòng bàn tay phải, gọi là **Mãn Nguyện Ấn**. Đây tức là Ấn của **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata)

Tiếp theo, cũng tụng **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Chân Ngôn** lúc trước (Oṃ_ hūṃ ja ho sa), tác quán chữ **Nhạ** (:Ja), nên đem chữ này ở trong vành trăng đặt ở trên đỉnh đầu như màu vàng sáng rực. Quán Tưởng thành xong, dần dần quán khắp thân đều là màu vàng sáng rực, thân này liền thành **Bảo Sinh Như Lai**.



Quán này thành xong, liền từ trên đỉnh đầu phóng ánh sáng màu vàng ròng, cũng dùng vô số trăm ngàn ánh sáng làm quyến thuộc. Trong mỗi một ánh sáng đều có vô lượng Kim Cương Bồ Tát màu vàng ròng hiện ra, đều làm Ấn này, trong bàn tay của mỗi một vị Bồ Tát đều tuôn mưa báu Như Ý, ánh sáng chiếu hằng sa Thế Giới ở phương Nam. Chúng sinh trong ấy gặp được ánh sáng này thì hết thảy nguyện cầu đều được đầy đủ".

BẤT KHÔNG THÀNH TỰU NHƯ LAI

Bất Không Thành Tựu Như Lai tên Phạn là Amogha-siddhi, dịch âm là A Mô Già Tất Địa. Thường xưng là Bắc Phương Bất Không Thành Tựu Phật. Là một trong năm vị Phật thuộc Kim Cương Giới của Mật Giáo Ấn Độ có vị trí ở chính giữa vành trăng phương Bắc trong năm Luân Giải Thoát tại **Thành Thân Hội** (Karma) của **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala). Nhưng trong **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu) thì xưng là Bắc Phương Thiên Cổ Lôi Âm Phật. Kinh Điển của Hiển Giáo thì xưng là Thiên Cổ Âm Phật, hoặc Lôi Âm Vương Phật.



Bất Không Thành Tựu Như Lai dùng phương tiện **Đại Từ** (Mahā-maitri) hay thành tất cả sự nghiệp của Như Lai với sự nghiệp hóa độ chúng sinh. Do ở phương tiện Trí Tuệ khéo léo ấy hay thành tựu Tâm Bồ Đề của tất cả Hữu Tình, rốt ráo chẳng thoái lui, an trụ ở Bồ Đề Đạo Trường, giáng phục chúng Ma, hay biến hóa trân bảo tràn đầy hư không… cho nên nhiếp vào **Nghiệp Bộ** (Karma-kulāya) trong năm Bộ, chủ về **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) trong năm Trí. Bốn phương ấy an trí bốn vị Bồ Tát của nhóm **Kim Cương Nghiệp** (Vajra-karma), **Kim Cương Hộ** (Vajra-rakṣa), **Kim Cương Dược Xoa** (Vajra-yakṣa) [hay **Kim Cương Nha** (Vajra-daṃṣṭra)), **Kim Cương Quyền** (Vajra-saṃdhi).

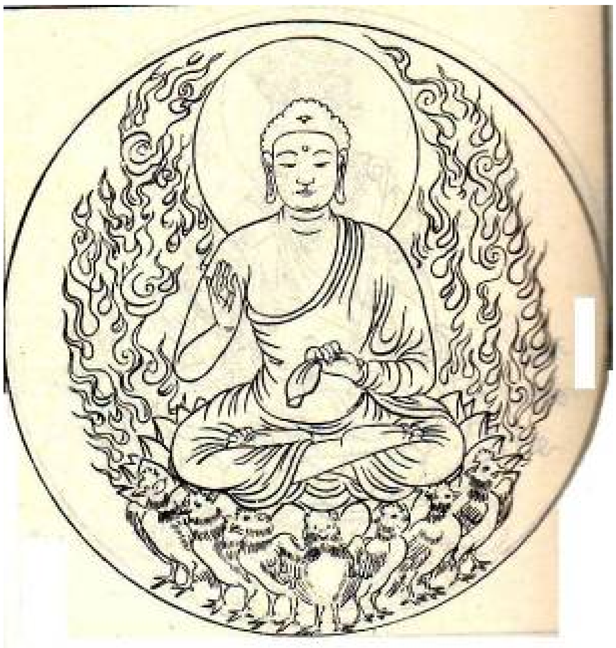
Bất Không Thành Tựu Phật ở trong năm Phật Trí chuyển năm Thức của nhóm mắt, tai, mũi, lưỡi, Thân (5 Thức Thân) thành Trí, đại biểu cho Thành Sở Tác Trí của

Đại Nhật Như Lai. Do đó tượng trưng cho việc dùng phương tiện Đại Từ thành tựu tất cả sự nghiệp của Như Lai với sự nghiệp của chúng sinh.

Y theo sự lưu truyền của Mật Điển thì Người tu Pháp do sự gia trì của Bất Không Thành Tựu Phật nên ngay trên việc của chư Phật với việc của Hữu Tình đều hay thành tựu viên mãn, mà còn hay hoàn thành Diệu Hạnh của hai lợi Tự Tha và xa lìa tất cả phiền não.

HÌNH TƯỢNG CỦA BẤT KHÔNG THÀNH TỰU NHƯ LAI

Hình Tượng căn bản của Bất Không Thành Tựu Như Lai là tay trái để dưới rốn (nắm Kim Cương Quyền, ngửa lòng bàn tay duỗi năm ngón, cầm vật khí…), tay phải tác Ấn (Thí Vô Úy, Giáo Hóa Ấn) để ngang ngực. Ngoài ra còn có Tôn Tượng ngồi trên tòa Kim Sí Điểu













_Trong **Thành Thân Hội** (Karma) của **Kim Cương Giới Man Đa La** thì **Bất Không Thành Tựu Như Lai** là Thân Đẳng Giác (Samyaksaṃbuddhi-kāya) của **Nghiệp Bình Đẳng** (Sama-karma) được tuôn ra từ **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna của Đại Nhật Như Lai, tượng trưng cho việc dùng phương tiện Đại Bi hay thành sự nghiệp của tất cả Như Lai và làm sự nghiệp độ hóa chúng sinh. Do phương tiện Trí Tuệ khéo léo ấy hay thành tựu Tâm Bồ Đề của tất cả hữu tình, rốt ráo chẳng thoái lui, an trụ ở Bồ Đề Đạo Trường, giáng phục chúng Ma, hay biến hóa trân bảo tràn khắp hư không.

Do Đức Phật Bất Không Thành Tựu gia trì nên đối với Phật sự , sự việc của Hữu Tình và điều lợi lạc của sự tu hành thảy đều mau thành tựu.

Trong Hội này thì Bất Không Thành Tựu Như lai là Chủ của **Yết Ma Bộ** (Karma-kulāya: Nghiệp Dụng Bộ), biểu thị cho việc chuyển 5 Thức Thân thành **Thành Sở Tác Trí** và được xem là **Tác Biến Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya)

Tôn Hình: Thân màu xanh lục, tay trái để trước rốn kết Kim Cương Quyền Ấn, tay phải duỗi 5 ngón để ngang ngực





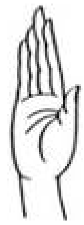
Mật Hiệu là: **Tất Địa Kim Cương, Thành Tựu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: AḤ (अः)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ, bên trên có chày Yết Ma



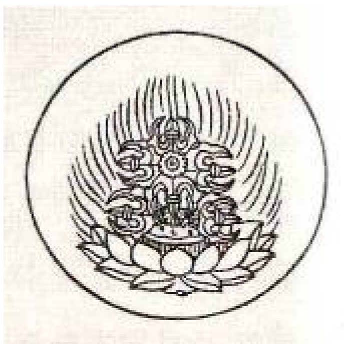
Tướng Ấn là: Tay trái để ở rốn kết Kim Cương Quyền Ấn, tay phải kết Thí Vô Úy Ấn



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖺𑖑𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖰 𑖀𑖾
OṂ _AMOGHA-SIDDHI   AḤ

_Trong **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) của Kim Cương Giới Man Đa La thì **Bất Không Thành Tựu Như Lai** có chữ chủng tử là: A (𑖀) hay AH (𑖀𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma trên chày Ngũ Cổ. Biểu thị cho việc dùng phương tiện Đại Bi hay thành sự nghiệp của tất cả Như lai và làm sự nghiệp của chúng sanh. Do phương tiện của Trí khéo léo của **Tỳ Thủ Yết Ma Bồ Tát** (Viśva-karma-bodhisatva) hay thành tựu Tâm Bồ Đề của tất cả Hữu Tình, rốt ráo chẳng thoái lui, ngồi ở Bồ Đề Đạo Trường giáng phục chúng Ma. Phần lớn các phương tiện không khiến cho tổn hại cũng hay biến Hư Không thành kho tàng, trân bảo trong đó đầy tràn Không Trung, cúng dường tất cả chư Phật nhiều như số bụi nhỏ của mười phương. **Hư Không Khố Bồ Tát** (Vajra-garja-bodhisatva) này tức là tên khác của Tỳ Thủ Yết Ma Bồ Tát, Ấn sở thành của Hạnh Nguyện , truyền Môn Giải Thoát kiên cố hay khéo hộ trì Đại Ấn phương tiện của ba Mật Môn. Đây là chỗ nhiếp của **Nghiệp Bộ** (Karma kulāya), tức Thành Sở Tác Trí (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna)



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, co hai ngón giữa vào trong lòng bàn tay cùng hợp mặt ngón, duỗi dựng hai ngón cái, hai ngón út cùng hợp nhau.



Chân Ngôn là:
𑖪𑖕𑖿𑖨𑖕𑖿𑖗𑖡 𑖀𑖾
VAJRA-JÑĀNA   AḤ

_Trong **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) của Kim Cương Giới Man Đa La thì **Bất Không Thành Tựu Như Lai** có chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

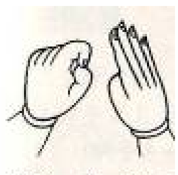
OṂ_ VAJRA-KARMA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪṂ

_Trong **Cúng Dường Hội** (Pūja) của Kim Cương Giới Man Đa La thì **Bất Không Thành Tựu Như Lai** có chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Quyền trái để ở rốn, tay phải duỗi thẳng 4 ngón, hướng ngón cái vào trong lòng bàn tay rồi hơi co lại.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA VAJRA-KARMA ANUTTARA-PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

_Trong **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) của Kim Cương Giới Man Đa La thì **Bất Không Thành Tựu Như Lai** có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma bên trên chày Ngũ Cổ.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖺𑖑𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖰 𑖀

OṂ_ AMOGHA-SIDDHI _ A

_Trong **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) của Kim Cương Giới Man Đa La thì **Bất Không Thành Tựu Như Lai** có chữ chủng tử là: HAḤ (𑖮𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma bên trên chày Ngũ Cổ. Biểu thị cho việc dùng phương tiện Đại Bi hay thành sự nghiệp của tất cả Như lai và làm sự nghiệp của chúng sanh. Do phương tiện của Trí khéo léo của **Tỳ Thủ Yết Ma Bồ Tát** (Viśva-karma-bodhisatva) hay thành tựu Tâm Bồ Đề của tất cả Hữu Tình, rốt ráo chẳng thoái lui, ngồi ở Bồ Đề Đạo Trường giáng phục chúng Ma. Phần lớn các phương tiện không khiến cho tổn hại cũng hay biến Hư Không thành kho tàng , trân bảo trong đó đầy tràn Không Trung, cúng dường tất cả chư Phật nhiều như số bụi nhỏ của mười phương. **Hư Không Khố Bồ Tát** (Vajra-garja-bodhisatva) này tức là tên khác của Tỳ Thủ Yết Ma Bồ Tát, Ấn sở thành của Hạnh Nguyện, truyền Môn Giải Thoát kiên cố hay khéo hộ trì Đại Ấn phương tiện của ba Mật Môn. Đây là chỗ nhiếp của Nghiệp Bộ, tức Thành Sở Tác Trí)



Chân Ngôn là:

OṂ_ KARMA-SATVA KRODHA- JÑĀNA-SAMAYE HŪṂ

_Kinh **Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni, quyển 2, Phẩm Đà La Ni, chi hai** ghi nhận Pháp Quán **Bất Không Thành Tựu Như Lai** là:

"Lại ở phương Bắc, ngồi hướng mặt về phương Nam, cũng làm Kim Cương Kiết Già như trên, ngồi ngay ngắn, thân ngay thẳng, Tay trái như lúc trước cầm hai góc áo, tay phải giương lòng bàn tay dựng thẳng năm ngón tay ngang vai, hướng ra bên ngoài, gọi là **Thí Vô Úy**. Ấn này hay ban cho tất cả chúng sinh an vui không có sợ hãi, tất cả người ác chẳng thể gây não hại, tức là Ấn của **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata)



Tiếp theo, cũng tụng **Tỳ Lô Giá Na Như Lai Chân Ngôn** như trên (Oṃ_ hūṃ ja ho sa), tác quán chữ **Sa** (𑖭:Sa), nên đem chữ này ở trong vành trăng đặt ở trên đỉnh đầu, đủ cả năm màu. Quán Tưởng thành xong, dần dần quán khắp thân đều là năm màu, liền thành **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata)

Quán này thành xong, liền từ trên đỉnh đầu phóng ánh sáng năm màu, cũng dùng vô số trăm ngàn ánh sáng làm quyến thuộc. Trong mỗi một ánh sáng đều có vô lượng Quang Minh Bồ Tát năm màu hiện ra, đều làm Ấn này, đều ban cho sự không sợ hãi, ánh sáng chiếu hằng sa Thế Giới ở phương Bắc. Chúng sinh trong ấy gặp được ánh sáng này đều được sự không sợ hãi".

A DI ĐÀ NHƯ LAI

Hồng Danh **A Di Đà** được ghi nhận qua tên Phạn là **Amṛta** có nghĩa đen là ***bất tử***, nghĩa bóng là ***Cam Lộ*** và Hồng Danh này đã được ghi nhận rất nhiều trong các Đà La Ni của Mật Giáo. Lại do hiển bày đặc tính **Trường Thọ** bằng cách dùng **nước Cam Lộ** (Amṛta), khi uống vào thì chẳng già chẳng chết, nên được tôn là **Cam Lộ Vương** (Amṛta-rāja), hoặc **Cam Lộ Vương Như Lai** (Amṛta-rāja-Tathāgata), **Cam Lộ Đại Minh Vương** (Amṛta-mahā-vidya-rāja) hay **Kim Cương Cam Lộ Thân** (Vajra-amṛta-kāya). Do các danh hiệu này mà Đức Phật A Di Đà được ghi nhận là một trong các Bản Tôn **Diên Mệnh Trường Thọ**.

Sau này Hồng Danh **A Di Đà** được ghi nhận qua tên phạn là **Amita** nghĩa là: **Vô Lượng** và được xưng là **Vô Lượng Phật** (Amita-buddha: biểu thị cho nhân cách Giác Ngộ của Trí Tuệ và Từ Bi không có cùng tận). Từ ý nghĩa **Vô Lượng** này cho nên A Di Đà Phật được dịch ý là **Vô Lượng Thanh Tịnh Phật** (Amita-śuddha-buddha: biểu thị cho sự Thanh Tịnh không có cùng tận dứt hẳn mọi bơn nhơ phiền não), **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha: biểu thị cho Trí Tuệ giải thoát), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha: biểu thị cho Đại Định giải thoát).

Kinh **Vô Lượng Thọ** ghi nhận 12 Hồng Danh của Đức Phật A Di Đà là:
1_ Vô Lượng Quang
2_ Vô Biên Quang
3_ Vô Ngại Quang
4_ Vô Đối Quang
5_ Diệm Vương Quang
6_ Thanh Tịnh Quang
7_ Hoan Hỷ Quang
8_ Trí tuệ Quang
9_ Bất Đoạn Quang
10_ Nan Tư Quang
11_ Vô Xứng Quang
12_ Siêu Nhật Nguyệt Quang

Kinh **Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm** ghi nhận 13 Hồng Danh là:
1_ Vô Lượng Quang
2_ Vô Ngại Quang
3_ Thường Chiếu Quang
4_ Bất Không Quang
5_ Lợi Ích Quang
6_ Ái Lạc Quang
7_ An Ổn Quang
8_ Giải Thoát Quang
9_ Vô Đẳng Quang
10_ Bất Tư Nghị Quang
11_ Quá Nhật Nguyệt Quang
12_ Đoạt Nhất Thiết Thế Gian Quang
13_ Vô Cấu Thanh Tịnh Quang

Kinh **Đại Bảo Tích 17_18** ghi nhận 15 Hồng Danh là:
1_ Vô Lượng Quang

2_ Vô Biên Quang
3_ Vô Trước Quang
4_ Vô Ngại Quang
5_ Chiếu Vương Quang
6_ Đoan Nghiêm Quang
7_ Ái Quang
8_ Hỷ Quang
9_ Khả Kiến Quang
10_ Bất Tư Nghị Quang
11_ Vô Đẳng Quang
12_ Bất Khả Xứng Lượng Quang
13_ Ánh Tệ Nhật Quang
14_ Ánh Tệ Nguyệt Quang
15_ Yểm Đoạt Nhật Nguyệt Quang

Kinh **Sukhāvatī-vyūha** ghi nhận 19 Hồng Danh là:
1_ Vô Lượng Quang (Amitābha)
2_ Vô Lượng Quang Minh (Amita-prabha)
3_ Vô Lượng Minh (Amita-prabhāsa)
4_ Vô Đối Chiếu Quang (Asamāpta-prabha)
5_ Vô Trước Quang (Asanghata-prabha)
6_ Diệm Vương Quang (Prabhāśikhotsṛṣṭa-prabha)
7_ Thiên Châu Quang (Sadivya-maṇi-prabha)
8_ Vô Ngại Quang Minh Nhiễm Quang (Apratihata-raśmi-rāga-prabha)
9_ Mỹ Quang (Rājanīya-prabha)
10_ Ái Quang (Premanīya-prabha)
11_ Hỷ Quang (Pramodanīya-prabha)
12_ Từ Quang (Samgamanīya-prabha)
13_ An Ổn Quang (Upoṣanīya-prabha)
14_ Bất Đoạn Quang (Nibandhanīya-prabha)
15_ Cực Tinh Tiến Quang (Ativīrya-prabha)
16_ Vô Đẳng Quang (Atulya-prabha)
17_ Siêu Nhân Vương Chính Kiến Vương Quang (Abhibhūya-narendra-maunayendra-prabha)
18_ Khúc Áp Tĩnh Mãn Nguyệt Nhật Quang (Śraṃtasamcayendu-sūrya-jihmīkaraṇa-prabha)
19_ Khúc Áp Siêu Hộ Thế-Nhân Đà La-Phạm Thiên-Tịnh Cư-Đại Tự Tại-Nhất Thiết Quang (Abhibhūya-lokapāla-śakra-brahma-śuddhāvāsa-maheśvara-sarvadeva-jihmīkaraṇa-prabha)

Tạng Bản ghi nhận 19 Hồng Danh là:
1_ Vô Lượng Quang
2_ Vô Lượng Chiếu
3_ Vô Đối Quang
4_ Vô Trước Quang
5_ Vô Ngại Quang
6_ Thường Phóng Quang
7_ Thiên Châu Quang
8_ Vô Ngại Quang Minh Vương Quang

9_ Thành Ái Quang
10_ Hoan Hỷ Quang
11_ Tối Thắng Hoan Hỷ Quang
12_ Thỏa Mãn Quang
13_ Khả Kiến Quang
14_ Hòa Hiệp Quang
15_ Bất Khả Tư Nghị Quang
16_ Vô Đẳng Quang
17_ Khúc Áp Nhân Vương Thiên Vương Quang
18_ Khúc Áp Nhật Nguyệt Lịnh Ám Muội Quang
19_ Khúc Áp Hộ Thế-Nhân Đà La-Phạm Thiên-Tịnh Cư-Đại Tự Tại-Nhất Thiết Thiên-Lịnh Ám Muội Quang.

Ngoài ra Đức A Di Đà Phật còn có tên gọi là Kỳ Thọ Mệnh Vô Lượng, Quang Minh Vô Lượng, Năng Hộ Hữu Chúng Sinh Viên Mãn Vô Lượng Thọ Mệnh, Vô Lượng Quang Minh.

Phật Giáo Tây Tạng thường xưng tán Ngài qua Hồng Danh **A Di Đà Thiên** (Amita-deva:Vô Lượng Thiên) và trì niệm Tâm Chú là "OṂ AMITA-DEVA HRĪḤ"

A Di Đà Phật là Giáo Chủ của Thế Giới Cực Lạc (Sukhā-vatī) ở phương Tây, dùng Quán Thế Âm và Đại Thế Chí làm hai vị Đại Bồ Tát hầu cận. Trong đó Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara) biểu thị cho **Từ Bi**, còn Bồ Tát **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāmaprāpta) biểu thị cho **Trí Tuệ.**

Trong Kinh nói: Thọ mệnh của Đức Phật ấy với nhân dân kéo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp cho nên có tên là Di Đà.

Trong quốc thổ Cực Lạc, thọ mệnh của chúng sinh là vô lượng, Đức Phật Di Đà cũng có thọ mệnh vô lượng, bởi vì thế giới Cực Lạc là tâm Đại Bi của Phật A Di Đà là nơi thành tựu của sức Đại Nguyện, là Pháp Giới chẳng thể luận bàn.

Thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà là ánh sáng của vô lượng, thọ mạng của vô lượng, cho nên chúng sinh của thế giới Cực Lạc ấy có thọ mạng kéo dài liên tục chẳng dứt, có thể dùng sự bất đoạn đó mà tu hành. Tu hành ở thế giới Cực Lạc có thể đạt được tính nhất quán, cũng ở trong thế giới này nhất định đạt được thành tựu.

Từ Mật ý trên để giảng "**Vô Lượng Thọ**" chẳng phải là toàn bộ thọ mệnh lâu dài của cảnh bên ngoài mà đó là phương diện **Lý** của thế giới Cực Lạc. Tất cả chúng sinh cuối cùng sẽ thành Phật, viên mãn Phật Quả. Mà sau khi viên mãn Phật Quả, tức là an trú tại **Thường Tịch Quang** tức là vĩnh viễn an trú ở cảnh giới Vô Lượng Thọ của cõi Niết Bàn yên tĩnh.

Đức Phật A Di Đà và chúng sinh của Thế Giới **Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) này rất là có duyên nên có thể trợ giúp cho chúng ta thành tựu cảnh giới của Vô Lượng Thọ.

Trong Kinh Phật thường đề cập đến mỗi vị Phật Đà có thọ mệnh ngang bằng một ngàn kiếp nhằm giải thích mỗi loại đều có thời gian dài ngắn, Đó là cách nói để làm rõ ý trên. Nhưng đem Mật Ý trên để nói thì tuổi thọ của Đức Phật không thể đem thời gian dài ngắn mà nói là **Niết Bàn** (Nirvāṇa), tức là Thường Tịch Quang hay phóng tỏa ánh sáng, hay Xuất Ứng bởi vì có nhân có duyên cho nên cũng có thể nói là **Vô Gián Vô Lượng Thọ.**

Trong Tạng truyền Phật Giáo, Đức Phật A Di Đà là một trong ba Tôn trường thọ hay tăng trưởng thọ mệnh với phước Đức Trí Tuệ của chúng sinh, tránh khỏi, diệt trừ cái chết yểu không đúng thời.

Y theo Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** nói: Khi còn ở Nhân Địa, Ngài là vị Tỳ Khưu Pháp Tạng thời ở trước Đức Phật **Thế Tự Tại Vương** (Lokeśvara-rāja) phát khởi Tâm Vô Thượng Đạo, dùng 48 Hoằng Nguyện thề nguyện xây dựng Thế Giới **Cực Lạc**

(Sukhā-vatī) rất trang nghiêm không thể sánh ở trong cõi Phật của mười phương, siêng năng tu tập Bồ Tát Đạo mà thành Phật.

A Đi Đà Phật có **Bi Nguyện** rộng lớn, **Tâm Từ** sâu xa mà Pháp Môn **Niệm Phật** ấy lại đơn giản dễ hành nên trong Phật Giáo Đại Thừa, Đức Phật A Di Đà chiếm địa vị rất trọng yếu. Tại các quốc gia tín ngưỡng Đại Thừa có rất nhiều người tin theo. Trung Quốc cổ đại có nói Pháp: "***Nhà nhà A Di Đà, cửa cửa Quán Thế Âm***" chính là sự phổ biến lưu truyền tín ngưỡng A Di Đà.

Tại Đại Hùng Bảo Điện trong Tự Viện Phật Giáo ở Trung Quốc thường cung phụng Tượng Phật của ba Tôn đại biểu cho ba Thế Giới khác nhau ở Đông, Tây và chính giữa. Tức là **Hoành Tam Thế**, hoặc xưng là **Tam Bảo Phật**, **Tam Phương Phật.** Trong tạo hình này thì A Di Đà Phật được an trí ở bên phải của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngồi Kiết Già trên đài sen, hai tay kết Định Ấn, ngửa lòng bàn tay đặt chồng lên nhau trên bàn chân, trong lòng bàn tay lại có một tòa đài sen biểu thị cho ý "*Tiếp dẫn chúng sinh vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc Tịnh Thổ, hóa sinh ở trong hoa sen*"



HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Trong **Thập Lục Quán Pháp** của Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** chủ yếu là Quán tưởng Thế Giới Cực Lạc và Đức Phật A Di Đà, trong Kinh văn miêu tả nói Thân Tướng của Đức Phật A Di Đà: Thân của Phật Vô Lượng Thọ như trăm ngàn vạn ức sắc vàng ròng Diêm Phù Đàn Trời **Dạ Ma** (Yama), thân Phật cao sáu mươi vạn ức Na Do Tha Hằng Hà Sa Do Tuần, **Bạch Hào** (Ūrṇa: sợi lông mày trắng) giữa hai lông mày (Tam tinh) xoay bên phải uyển chuyển như năm tòa núi Tu Di, mắt Phật như bốn biển lớn xanh biếc , trong trắng rõ ràng, các lỗ chân lông nơi thân Phật phóng tỏa ánh sáng như núi Tu Di. Viên Quang (hào quang tròn) của Phật ấy như trăm ức ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.Trong Viên Quang ấy có trăm ức Na Do Tha Hằng Hà Sa Hóa Phật. Mỗi mỗi Hóa Phật cũng có đông nhiều vô số Hóa Bồ Tát làm Thị Giả.

Thân Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn Tướng tốt . trong mỗi mỗi Tướng tốt còn có tám vạn bốn ngàn Quang Minh, mỗi mỗi Quang Minh chiếu khắp Thập Phương Thế Giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật chẳng bỏ sót. Quang Minh, tướng tốt và Hóa Phật ấy chẳng thể nói đủ hết.

Đó là giải thích nội dung của Quán tưởng hình tượng Phật Vô Lượng Thọ, trong đó Phật A Di Đà có thân cao, Tướng, Bạch Hào, mắt Phật, các lỗ chân lông, đặc biệt là từ trong các lỗ chân lông phóng ra nguồn ánh sáng bất khả tư nghị, vả lại Phật A Di Đà cũng có đầy đủ Hóa Phật, Hóa Bồ Tát và bốn mươi tám ngàn Chủng Tướng.

Hình tượng trên Thế Gian của Đức Phật A Di Đà thường là ngồi xếp bằng theo tư thế Kiết Già Kim Cương ngay ngắn, tay kết **Định Ấn**, tức là bàn tay trái nằm ngửa để ở trên rốn, bàn tay phải nằm ngửa đặt chồng lên tay trái, hai đầu ngón tay cái hơi dính vào nhau. Ấn này cũng là **A Di Đà Như Lai Ấn**, khiến cho tất cả cuồng loạn vọng niệm đều được ngưng dứt, làm cho tâm chú vào một cảnh giới, vào Cực Lạc của Tam Muội là Ấn Tướng Tối Thắng bậc nhất.



Ngoài tượng Phật A Di Đà với tư thế ngồi, cũng có làm tượng Phật A Di Đà đứng với **Ấn Tiếp Dẫn**



Bồ Tát quyến thuộc của Đức Phật A Di Đà rất phổ biến thường là hai vị Đại Sĩ **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokite1svara) và **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta), hai vị đó đi theo Đức Phật A Di Đà Ở Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhā-vatī) để giáo hóa Chúng Sinh, cũng ở trong Thế Giới Ta Bà dùng Đại Bi Cứu Độ tất cả chúng sinh, giúp đỡ cho Đức Phật A Di Đà khiến cho chúng sinh có thể phát nguyện thanh tịnh Vãng Sinh Tịnh Thổ Cực Lạc. Lúc mệnh chung sẽ tiếp dẫn hành nhân về cõi Tịnh Độ. Nhân Gian thường thường tạo tượng Đức Phật A Di Đà ở chính giữa, bên phải là Quán Thế Am Bồ Tát, bên trái là Đại Thế Chí Bồ Tát, hình thành **Tây Phương Tam Thánh** hoặc xưng là **Di Đà Tam Tôn.**



Mật Giáo Tây Tạng còn thờ phụng Tôn Tượng **Tam Thánh** với Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) ở chính giữa, bên phải là **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi: Kim Cương Thủ là tướng phẫn nộ của Bồ Tát Đại Thế Chí) biểu thị cho Trí Tuệ, bên trái là **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Padma-pāṇi, tức Quán Âm Bồ Tát) biểu thị cho Từ Bi





Đức Phật A Di Đà có bốn vị Bồ Tát theo hầu là: **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāmaprāpta), **Long Thọ** (Nāgarjuna) và xưng là **A Di Đà Ngũ Phật** tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc.



Tôn hình của 25 vị Bồ Tát theo hầu Đức Phật A Di Đà, tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:

1_ Quán Thế Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara), chữ chủng tử là A (𑖀)



2_ Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta), chữ chủng tử là Saṃ (𑖭𑖽)



3_ Dược Vương Bồ Tát (Bhaiṣaijya-rāja), chữ chủng tử là Hūṃ (𑖮𑖳𑖽)



4_ Dược Thượng Bồ Tát (Bhaiṣaijya-samudgata), chữ chủng tử là Aṃ (अं)



5_ Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra), chữ chủng tử là A (अ)



6_ Pháp Tự Tại Bồ Tát (Dharmeśvara), chữ chủng tử là Dha (ध)



7_ Sư Tử Hống Bồ Tát (Siṃha-nāda), chữ chủng tử là Vaṃ (𑖪𑖽)



8_ Đà La Ni Bồ Tát (Dhāranī), chữ chủng tử là Dha (𑖠)



9_ Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha), chữ chủng tử là I (𑖂)



10_ Đức Tạng Bồ Tát (Guṇa-garbha), chữ chủng tử là Aṃ (अं)



11_ Bảo Tạng Bồ Tát (Ratna-garbha), chữ chủng tử là Trāḥ (त्राः)



12_ Kim Tạng Bồ Tát (Suvarṇa-garbha), chữ chủng tử là Va (व)



13_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Vajra-garbha), chữ chủng tử là Hūṃ (𑖮𑖳𑖼)



14_ Sơn Hải Tuệ Bồ Tát (Giri-sāgara-mati), chữ chủng tử là Hrīḥ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)



15_ Quang Minh Vương Bồ Tát (Raśmi-prabha-rāja), chữ chủng tử là A (𑖀)



16_ Hoa Nghiêm Vương Bồ Tát (Avataṃsaka-rāja), chữ chủng tử là Aḥ (𑖀𑖾)



17_ Chúng Bảo Vương Bồ Tát (Gaṇa-ratna-rāja), chữ chủng tử là Trāḥ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾)



18_ Nguyệt Quang Vương Bồ Tát (Candra-prabha-rāja), chữ chủng tử là Va (𑖪)



19_ Nhật Chiếu Vương Bồ Tát (Divā-kara-rāja), chữ chủng tử là Ka (क)



20_ Tam Muội Vương Bồ Tát (Samādhi-rāja), chữ chủng tử là Aḥ (अः)



21_ Định Tự Tại Vương Bồ Tát (Samādhīśvara-rāja), chữ chủng tử là A (अ)



22_ Đại Tự Tại Vương Bồ Tát (Maheśvara-rāja), chữ chủng tử là Ma (म)



23_ Bạch Tượng Vương Bồ Tát (Śukla-hasta-rāja), chữ chủng tử là Ga (ग)



24_ Đại Uy Đức Vương Bồ Tát (Mahā-teja-rāja), chữ chủng tử là Hūṃ (हूं)



25_ Vô Biên Thân Bồ Tát (Ananta-kāya), chữ chủng tử là A (अ)



Tôn hình Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:



Tôn hình A Di Đà với các chúng Thánh tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:





Đồ hình **Tây Phương Liên Trì Hải Hội**



_ Hệ Phái **Hiển Mật** thường tạo dựng Tôn Tượng Phật A Di Đà ở chính giữa, hai bên có 8 vị Bồ Tát theo hầu là : **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha), **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) hay **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha), **Văn Thù Sư Lợi** (Mañjuśrī), **Trừ Cái Chướng** (Sarva-nirvaraṇa-viṣkaṃbhin), **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Di Lặc** (Maitreya) và xưng là **A Di Đà Cửu Tôn**



Mật Giáo ghi nhận Tôn Tượng A Di Đà Như Lai ngồi trên tòa chim công (Khổng Tước Tòa)



_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) **A Di Đà được xưng** gọi là **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ngự ở cánh hoa phương Tây biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được quả Đức Tự Chứng nên còn gọi là Chứng Bồ Đề. Lai được biểu hiện cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu.

Phương Tây chủ về mùa Thu là chỗ quy chung của vạn vật nên biểu thị cho Đức của **Niết Bàn** (Nirvāṇa) tương ứng với sự chung cực của Hành Chứng. Đức Vô Lượng Thọ Như Lai có thân màu vàng chói là sắc tu hành viên mãn, nghĩa là chẳng thể phá hoại, chuyển **thức thứ sáu** (Mano-vijñāna:Ý Thức) thành Diệu Quán Sát Trí là Đức của sự nói Pháp chặt đứt nghi ngờ của Đại Nhật Như Lai.

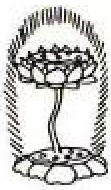
Đức Vô Lượng Thọ Như Lai kết A Di Đà Định Ấn với hai tay đem ngón trỏ nối ngón cái thành hình bầu dục, 3 ngón còn lại đặt chồng lên nhau biểu tượng cho 3 Đại (Đất, Nước, Lửa) dùng để chinh phục 2 Phiền Não Ma là Tham, Sân, Si…còn hình bầu dục tượng trưng cho Niết Bàn. Vì thế Ngài còn được được gọi là **Thanh Tịnh Kim Cương**

Tôn Hình:Thân hiện màu đỏ trắng, tay kết A Di Đà Định Ấn, khoác áo mỏng, ngồi yên trên tòa sen

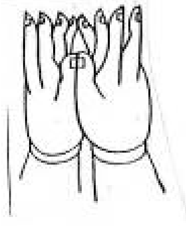


Chữ chủng tử là: AṂ (अं) hay SAṂ (सं)

Tam Muội Gia Hình là hoa sen hé nở hay Sơ Cát Liên Hoa



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Liên Hoa Tạng Ấn:** Còn gọi là Như Lai Tạng Ấn. Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, bung tán 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trỏ như hoa sen 8 cánh, biểu thị cho Đức hàm chứa Đại Bi.



Hoặc **A Di Đà Định Ấn**:

Hai tay cài chéo nhau, duỗi thẳng hai ngón cái cùng chạm đầu ngón, dựng thẳng lóng giữa của hai ngón trỏ sao cho hai đầu ngón trỏ chạm ngón cái. Ngoài ra ngón út,

ngón vô danh, ngón giữa tất cả sáu ngón cài cùng chéo nhau bám lót ngón cái và ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ SAṂ SAḤ _ SVĀHĀ

_Trong **Kim Cang Giới Mạn Trà La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.) Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì A Di Đà Như Lai là Thân Đẳng Giác của **Pháp Bình Đẳng** được tuôn ra từ **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), tượng trưng cho Trí Tuệ Phổ Môn của tất cả Như Lai, khéo vận dụng phương tiện giáo hóa tất cả chúng sinh một cách bình đẳng

Do Đức **Phật Quán Tự Tại Vương** (Lokeśvara-rāja-buddha) gia trì cho nên Ngữ Luân hay nói vô lượng Pháp Môn **Tu Đa La** (Sūtra: Khế Kinh).

Trong Hội này thì A Di Đà được xưng gọi là **Vô Lượng Quang Như Lai** (Amitābha-tathāgata) là Chủ của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya), biểu thị cho việc chuyển **thức thứ 6** (Mano-vijñāna: Ý Thức) thành **Diệu Quán Sát Trí** và được xem là **Thọ Dụng Trí Tuệ Thân**

Tôn Hình: Thân màu đỏ, khoác áo kín vai phải, tay kết Di Đà Định Ấn



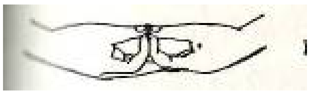
Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương, Đại Bi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRĪḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để chày Ngũ Cổ nằm ngang, trên chày để chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen hé nở



Tướng Ấn là: Di Đà Định Ấn

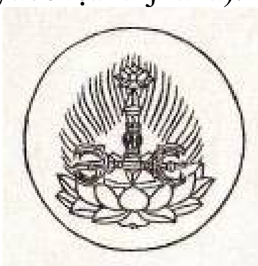


Chân Ngôn là:

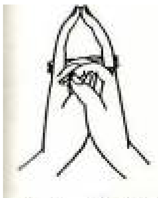
OṂ_ LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ

.) Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRÌH ()

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để chày Ngũ Cổ nằm ngang, trên chày để chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen hé nở. Biểu thị cho **Nhất Thiết Như Lai Tam Ma Địa Trí**. Do mới phát tâm liền hay chuyển bánh xe pháp **Biện Vô Ngôn Thuyết**, Lý không có bờ mé, nơi thâu nhiếp của **Ngữ Bộ** hay khiến cho chúng sanh thông minh lợi trí. Đây là chỗ nhiếp của **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya) ở phương Tây, tức là **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna).



Tướng Ấn là:Hai tay tác Ngoại Phộc, duỗi hai ngón giữa cùng vịn nhau như hình hoa sen



Chân Ngôn là:

VAJRA-JÑĀNA _ HRĪḤ

.) Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRÌH ()

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

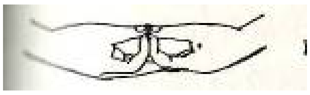
OṂ_ VAJRA-DHARMA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪṂ

.) Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRÌH ()

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Di Đà Định Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA-TATHĀGATA VAJRA-DHARMA ANUTTARA-PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: LO ()

Tôn Hình: Khoác kín vai, hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, trên chày có một chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen nở rộ.

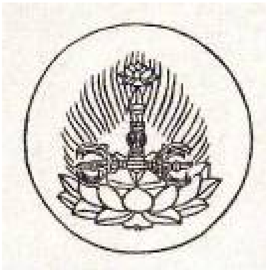


Chân Ngôn là:

OṂ_ LOKEŚVARA _ LO

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì A Đi Đà Như Lai có chữ chủng tử là: YA (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, trên chày có một chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen nở rộ. Biểu thị cho **Nhất Thiết Như Lai Tam Ma Địa Trí**. Do mới phát tâm liền hay chuyển bánh xe pháp **Biện Vô Ngôn Thuyết**, Lý không có bờ mé, nơi thâu nhiếp của **Ngữ Bộ** hay khiến cho chúng sanh thông minh lợi trí. Đây là chỗ nhiếp của **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya) ở phương Tây, tức là **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna).



Chân Ngôn là:

OṂ_ DHARMA-SATVA KRODHA- JÑĀNA-SAMAYE HŪṂ

*) Các Chân Ngôn, Thần Chú, Thủ Ấn thông dụng của Đức A Di Đà Như Lai là:

_ **Tâm Chú:**

OṂ_ AMITĀBHA_ HRĪḤ

_ **Tiểu Chú:**

OṂ_ AMṚTA TEJE HARA HŪṂ

_ **Vãng Sinh Chú:**

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA

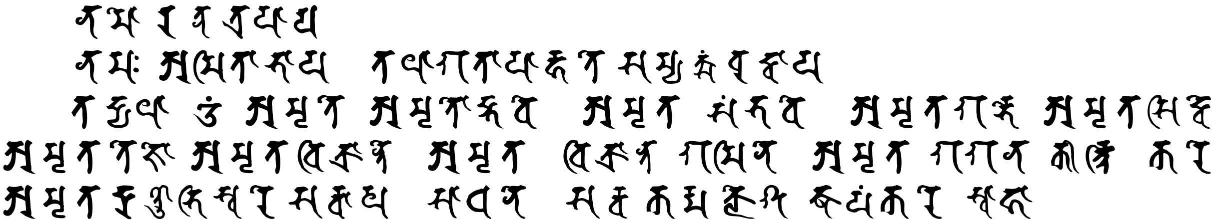
TADYATHĀ: AMṚTODBHAVE AMṚTA-SIDDHAṂBHAVE _ AMṚTA-VIKRĀNTE _ AMṚTA-VIKRĀNTA GĀMINE _ GAGANA KĪRTTI KARE SVĀHĀ

_ **Vãng Sinh Chú** (bản khác)

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA

TADYATHĀ: AMṚTODBHAVE AMṚTA-SAṂBHAVE _ AMṚTA-VIKRĀNTE _ AMṚTA-VIKRĀNTA GĀMINE _ GAGANA KĪRTTI KARE SVĀHĀ

_ **Đại Chú** (Thập Cam Lộ Chú):



NAMO RATNATRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ AMṚTE, AMṚTODBHAVE, AMṚTA SAṂBHAVE, AMṚTAGARBHE, AMṚTA SIDDHE, AMṚTA TEJE, AMṚTA VIKRĀNTE, AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE, AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE, AMṚTA DUṆḌUBHISVARE , SARVA ARTHA SĀDHANE, SARVA KARMA KLEŚA KṢAYAṂ KARE SVĀHĀ

1_**A Di Đà Định Ấn**:

Hai tay cài chéo nhau, duỗi thẳng hai ngón cái cùng chạm đầu ngón, dựng thẳng lóng giữa của hai ngón trỏ sao cho hai đầu ngón trỏ chạm ngón cái. Ngoài ra ngón út, ngón vô danh, ngón giữa tất cả sáu ngón cài cùng chéo nhau bám lót ngón cái và ngón trỏ.

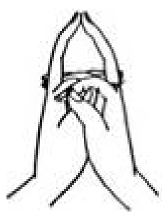


Ấn này biểu thị cho ý nghĩa: "*Chúng sinh trong sáu nẻo hiển được bốn Trí Bồ Đề"*. Như thế khi đánh mở Ấn này tức là Ấn Thuyết Pháp của Hóa Tha Môn. Ở lòng bàn tay, Phong (ngón trỏ) hòa với đỉnh đầu của Không (ngón cái) là thế mở bày, Phong (ngón trỏ) có công năng mở hoa, Phong (ngón trỏ) trong Không (ngón cái) là ý nghĩa *có đủ tự tại tự đắc*

Lại hai độ Thiền (ngón cái) Tiến (ngón trỏ) được ví dụ cho nghĩa *co nuôi dưỡng Thiền Định,* là hiểu rỏ sự cần thiết để dũng mãnh tăng trưởng Tâm Sen của Phật Tính nên khiến Thiền (ngón cái),Tiến (ngón trỏ) cùng hợp nhau, tức làm Ấn này.

2_ **A Di Đà Phật Căn Bản Ấn**:

Đây là Thủ Ấn mà Đức Phật A Di Đà đã kết trong Tam Muội Gia Hội của Kim Cương Giới. Hai tay tác Ngoại Phộc, dựng đứng hai ngón giữa cùng trụ nhau, hai ngón cái cùng cài chéo nhau như dạng cánh sen.



Ngoại Phộc là nghĩa Sinh Tử kết buộc, còn hoa sen biểu thị cho Phật Tính vốn có của chúng sinh, hai cổ tay giơ lên như xem xét Ngũ Cổ, dựng đứng hai cánh tay tức là Độc Cổ. Tám ngón tay của Ngoại Phộc tức chỉ hoa sen tám cánh, cánh sen của ngón giữa biểu thị cho Bản Tôn, Ngũ Cổ bên dưới cánh tay là sự bình đẳng của mười Giới gồm năm Phàm, năm Thánh; biểu thị cho Lý **Phàm Thánh chẳng hai.**

Chân Ngôn là: **Thập Cam Lộ Chú**.

3_ **A Di Đà Phật Cửu Phẩm Ấn**:

Cửu Phẩm Ấn tức là chín loại Ấn Tướng từ Thượng Phẩm Thượng Sinh cho đến Hạ Phẩm Hạ Sinh. Lại xưng là Vãng Sinh Cửu Phẩm ấn.

Căn cứ vào cách nói của Cửu Phẩm Vãng Sinh trong Kinh **Vô Lượng Thọ:** Y theo Nghiệp Tội tu hành của người tu Niệm Phật (Niệm Phật Hành Giả) thời chia ra làm Tướng Ấn của chín giai cấp. Ví như Vãng Sinh có chín phẩm vãng sinh , Thế Giới Cực Lạc có chín Phẩm Tịnh Thổ , chín phẩm niệm Phật cho nên Đức Phật A Di Đà cũng có phân biệt chín Phẩm Di Đà để biểu hiện cụ thể, tức là Cửu Phẩm Ấn.

Tướng Ấn liên quan đến Cửu Phẩm Ấn thời có nhiều loại giải thích.So sánh các điều thường thấy thì Tướng Ấn của Thượng Phẩm là chồng hai tay lên nhau để ở trên đùi (duỗi ba ngón tay, tay phải để bên dưới tay trái) như Di Đà Định Ấn.Tướng Ấn của Trung Phẩm là hai tay để trước ngực, hướng hai lòng bàn tay ra ngoài đặt cạnh nhau như Ấn Thuyết Pháp. Hạ Phẩm tức là hướng lòng bàn tay ra bên ngoài, tay phải hướng lên trên, tay trái hạ xuống dưới như Thí Vô Úy Ấn và Dữ Nguyện Ấn

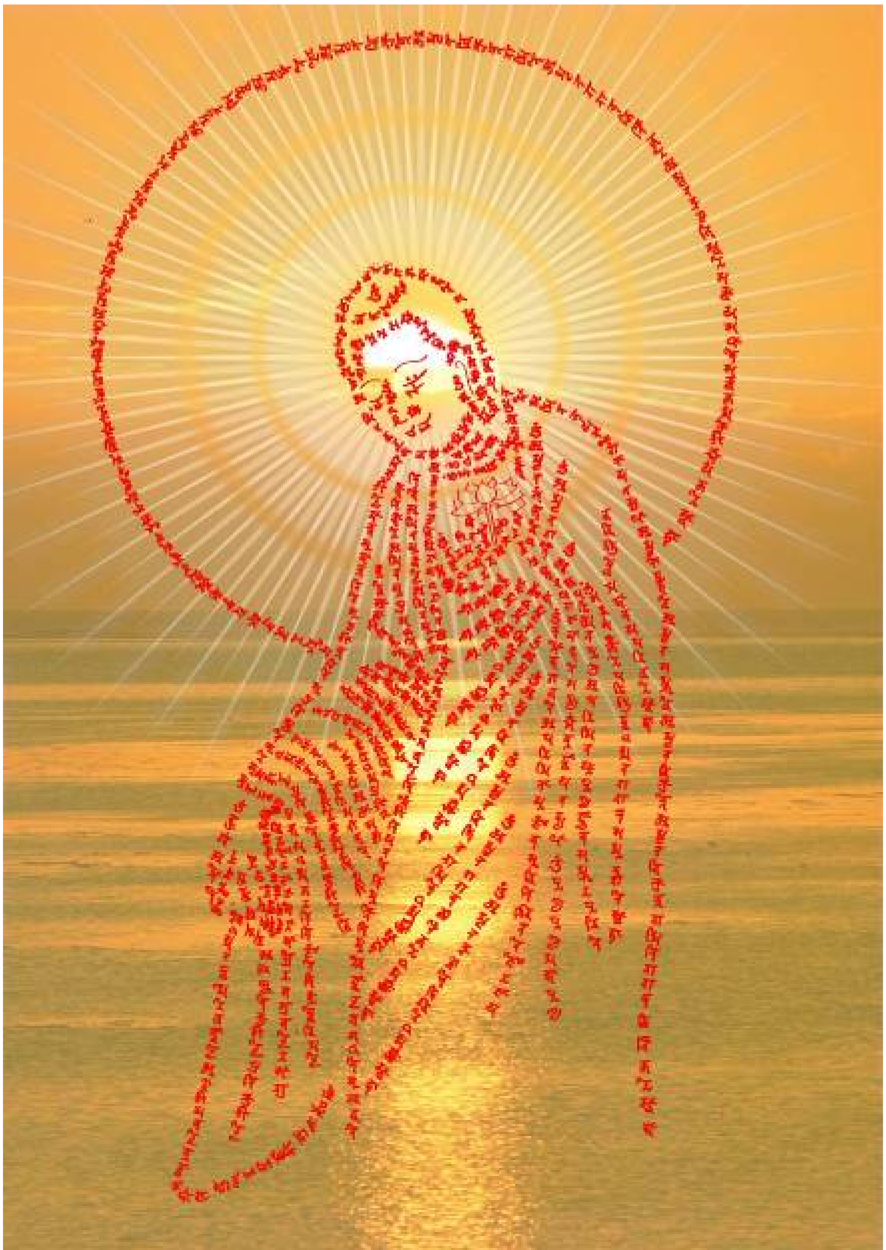
Trong đó, Tướng Ấn của Thượng Sinh là đem ngón cái và ngón trỏ đã co cong lại cùng hợp nhau. Tướng Ấn của Trung Sinh là đem ngón cái và ngón giữa đã co cong lại cùng hợp nhau. Hạ Sinh là đem ngón cái và ngón vô danh đã co cong lại cùng hợp nhau.

Như thế, các Ấn của các Phẩm Vãng Sinh đều dựa theo đấy mà kết hợp , tức thành chín Phẩm Ấn là: Thượng Phẩm Thượng Sinh, Thượng Phẩm Trung Sinh, Thượng Phẩm Hạ Sinh, Trung Phẩm Thượng Sinh, Trung Phẩm Trung Sinh, Trung Phẩm Hạ Sinh, Hạ Phẩm Thượng Sinh, Hạ Phẩm Trung Sinh, Hạ Phẩm Hạ Sinh.



Trong số đó thì Ấn của Thượng Phẩm Thượng Sinh là Diệu Quan Sát Trí Ấn., lại gọi là Định Ấn, Di Đà Định Ấn; là Thủ Ấn rất thường thấy ở Tượng Phật A Di Đà ngồi. Còn loại Tượng đứng thì dùng Lai Nghênh Ấn, là Tướng Ấn rất phổ biến của Hạ Phẩm Thượng Sinh.Tướng Ấn của Trung Phẩm thì dùng Ấn Thuyết Pháp. Cánh thức này được lưu truyền từ cuối đời nhà Đường trở đi, về sau được truyền vào Nhật Bản. Thuyết này rất thịnh hành trong Chân Ngôn Tông với Tịnh Độ Tông.

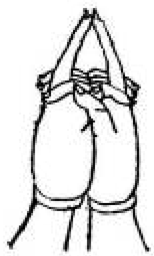
Trong " **Bạch Bảo Khẩu Sao**" để cập đến " Ấn Chữa Bệnh " của Phật A Di Đà: Pháp Ấn chữa bệnh của Phật A Di Đà. Bàn tay trái nằm ngửa, bốn ngón tay co lại, lấy bàn tay phải đè úp lên bàn tay trái, bốn ngón tay cũng co lại đầu các ngón đều trụ vào tâm lòng bàn tay trái cùng câu móc với bàn tay trái sao cho lóng đốt các ngón tay trụ ở tâm lòng bàn tay, hai ngón tay cái thẳng, trạng thái giận dữ, Giáng Phục tất cả Quỷ Thần ác, liền khỏi bệnh.



THẬP CAM LỘ ĐÀ LA NI



Kết **Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Ấn**: 2 tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyền, hai ngón giữa đứng thẳng dựa đầu nhau như cánh sen. Kết Ấn xong, tụng **Vô Lượng Thọ Đà La Ni** 07 biến, xả Ấn ở đỉnh đầu.



Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Đà La Ni Chân Ngôn là :

𑖡𑖦𑖺 𑖨𑖝𑖿𑖡𑖝𑖿𑖨𑖧𑖯𑖧
𑖡𑖦𑖾 𑖁𑖨𑖿𑖧𑖯𑖦𑖰𑖝𑖯𑖥𑖯𑖧 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖧𑖯𑖨𑖿𑖮𑖝𑖸 𑖭𑖦𑖿𑖧𑖎𑖿𑖭𑖽𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA AMITĀBHÀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ AMṚTE, AMṚTODBHAVE, AMṚTA SAṂBHAVE, AMṚTA-GARBHE, AMṚTA SIDDHE, AMṚTA TEJE, AMṚTA VIKRĀNTE, AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE, AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE, AMṚTA DUṆḌUBHISVARE, SARVA ARTHA SĀDHANE, SARVA KARMA KLEŚA KṢAYAṂ KARE SVĀHĀ

Vô Lượng Thọ Như Lai Đà La Ni này , tụng một biến liền tiêu tội 10 ác, 04 trọng, 05 vô gián trong thân. Tất cả nghiệp chướng đều tiêu diệt.

Nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phạm các tội căn bản, tụng 07 biến liền được trở lại Giới Phẩm thanh tịnh.

Tụng mãn một vạn biến được **Tam Ma Địa** (Samādhi), không mất Tâm Bồ Đề, ở trong thân: **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) sáng tỏ như mặt trăng tròn đầy, khi mệnh chung thấy Vô Lượng Thọ Như Lai cùng vô lượng **Câu Chi** (Koṭi: một trăm triệu) Bồ Tát lại nghinh đón, thân tâm vui vẻ, liền được vãng sanh Cực Lạc Thượng Phẩm Thượng sanh, chứng Bồ Tát Vị.

CỬU PHẨM VÃNG SINH



A Di Đà Cửu Phẩm Mạn Đà La (Vẽ theo **Biệt Tôn Tạp Ký**)

Cõi **Vô Lượng Thọ** có **Cửu Phẩm Tịnh Thức Tam Ma Địa**. Đây tức là cảnh giới của chư Phật, nơi cư ngụ của Như Lai. Chư Phật ba đời đều y theo đấy mà thành Chính Giác, đầy đủ ba Minh , tăng trưởng Phước Tuệ.

I_ THƯỢNG PHẨM:

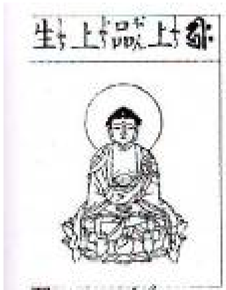
Thượng Phẩm Thượng Sinh **Chân Sắc Địa** dành cho những Tín Đồ đã hoàn thành 03 thái độ: Thành Thật, tin tưởng thâm sâu, giữ niệm bền chắc… được tái sinh vào Tĩnh Thổ, ngồi trên tòa Kim Cương. Tùy theo sự tương ứng với mức độ hoàn thành nên có 03 bậc. Thủ An của Phật A Di Đà khi tiếp dẫn là: ngón cái đặt trên ngón trỏ

1_**Thượng Sinh**: Phát tâm chí thành, tin sâu, hồi hướng phát nguyện

Có 3 hạng Hữu Tình:

- Có lòng thương xót, không giết hại, giữ tròn các Giới Hạnh
- Đọc tụng Kinh Phương Đẳng Đại Thừa
- Tu hành 06 Niệm, hồi hướng phát nguyện sinh về Cực Lạc

Tinh tiến dũng mãnh tu từ 01 ngày cho đến 07 ngày, liền được vãng sinh



Thượng phẩm
thượng sinh

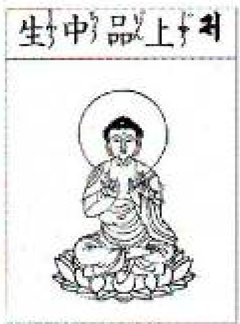
Thủ Ấn: Ngón cái và ngón trỏ của mỗi bàn tay nắm lại, cả hai tay để bên mé mắt hướng ra ngoài

Chân Ngôn là:

OṂ _ AMṚTODBHAVE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

2_ **Trung Sinh**:

Thượng Phẩm Trung Sinh **Vô Cấu Địa.** Chúng sinh tuy thọ trì Kinh Phương Đẳng nhưng khéo hiển nghĩa thú, đối với Đệ Nhất Nghĩa, tâm không kinh động, tin sâu lý nhân quả, không phỉ báng Pháp Đại Thừa. Hành Giả đem Công Đức này, niệm Phật hồi hướng cầu sinh về **Cực Lạc** (Sukhavatī)



Thượng phẩm
trung sinh

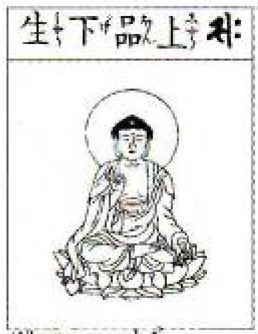
Thủ Ấn là: Hai ngón cái nắm hai ngón giữa ở đầu ngón
Chân Ngôn là:



OṂ _ AMṚTA-SAṂBHAVE DHARMA HRĪḤ   SVĀHĀ

3_ **Hạ Sinh**:

Thượng Phẩm Hạ Sinh **Ly Cấu Địa.** Tuy tin Nhân Quả, không phỉ báng Đại Thừa nhưng chỉ phát tâm cầu Đạo Vô Thượng rồi đem Công Đức đó niệm Phật, nguyện về Cực Lạc



Thượng phẩm hạ sinh

Thủ Ấn: 2 ngón cái đè trên 2 ngón vô danh
Chân Ngôn là:



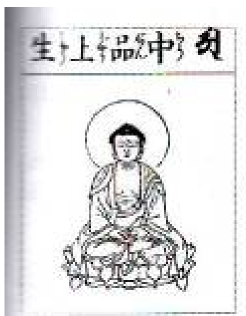
OṂ _ AMṚTA-GARBHE DHARMA HRĪḤ   SVĀHĀ

II_ TRUNG PHẨM:

Dành cho những Tín Đồ dã đi theo những con đường khác hơn là sự sùng mộ duy nhất đối với Phật A Di Đà, tuy vậy vẫn cảm thấy muốn được tái sinh vào Tĩnh Thổ. Tùy theo trình độ thuần khiến, những người này sẽ ngồi trên các tòa sen với 03 độ nở khác nhau theo 03 cấp bậc.Thủ An của Phật A Di Đà khi tiếp dẫn là: ngón cái đặt trên ngón giữa

1_ **Thượng Sinh**:

Trung Phẩm Thượng Sinh **Thiện Giác Địa** Thọ 05 Giới, giữ 08 Quan Trai hoặc tu các Giới khác, không tạo tội 05 Nghịch và các điều lỗi lầm rồi đem căn lành ấy hồi hướng cầu sinh về Cực Lạc



Trung phẩm thượng sinh

Thủ Ấn là: Hai ngón cái nắm hai đầu ngón trỏ để trước ngực, ngửa bàn tay trái, bàn tay phải úp lên cách 02 tấc

Chân Ngôn là:

OṂ _ AMṚTA-SIDDHE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

2_ **Trung Sinh**:

Trung Phẩm Trung Sinh **Minh Lực Địa.** Chính chắn giữ 08 Quan Trai hoặc Giới Sa Di hay Giới Cụ Túc, Trong một ngày đêm, các uy nghi đều toàn vẹn. Đem Công Đức huân tu Giới Hương đó hồi hướng, cầu sinh về Cực Lạc



Trung phẩm trung sinh

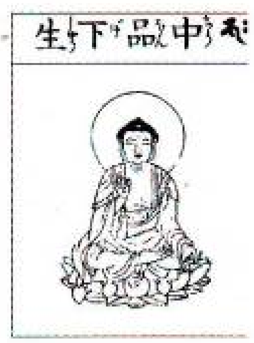
Thủ Ấn là: Ấn như trên nhưng để ở vú

Chân Ngôn là:

OṂ _ AMṚTA-TEJE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

3_ **Hạ Sinh**:

Trung Phẩm Hạ Sinh **Vô Lậu Địa.** Hiếu dưỡng cha mẹ, tu hành nhân từ theo Thế Gian. Khi lâm chung được Thiện Tri Thức giảng cho nghe sự vui nơi cõi Phật A Di Đà và 48 Đại Nguyện của Tỳ Khưu Pháp Tạng. Nghe xong vui vẻ niệm Phật mà qua đời thì Thần Thức sinh về Cực Lạc



Trung phẩm hạ sinh

Thủ Ấn là: Giống Ấn như trên nhưng để trước ngực

Chân Ngôn là:

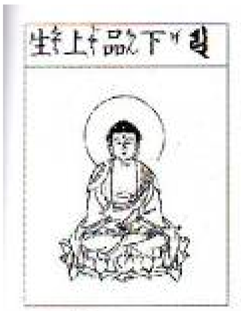
OṂ _ AMṚTA-VIKRĀNTE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

III_ HẠ PHẨM:

Dành cho tất cả mọi người khác, ngay cả những kẻ đã phạm tội nặng. Nhưng tuy vậy đã được Phật hóa độ cho về Tĩnh Thổ cho dù nếu chỉ một lần từng niệm Danh Hiệu Phật A Di Đà vào lúc lâm chung. Thủ Ấn của Phật A Di Đà khi tiếp dẫn là: ngón cái đặt trên ngón vô danh

1_ **Thượng Sinh**:

Hạ Phẩm Thượng Sinh **Chân Giác Địa.** Chúng sinh ngu tối, tuy không phỉ báng Kinh Đại Phương Đẳng nhưng tạo nhiều Nghiệp ác không biết hổ thẹn. Khi lâm chung gặp Thiện Tri Thức nói cho nghe Danh Đề của 12 loại Kinh Đại Thừa, liền trừ diệt nghiệp ác rất nặng trong một ngàn kiếp. Bậc Thiện Tri Thức lại bảo phải chắp tay niệm "**Namo Amitābha buddha".** Do nhân **thành tâm xưng danh hiệu Phật** nên tiêu trừ tội trong 50 ức kiếp sinh tử, Thần Thức theo vị Hóa Phật sinh về Cực Lạc



Hạ phẩm thượng sinh

Thủ Ấn là: Hai cổ tay để tréo nhau, tay phải xoay vào trong, tay trái xoay ra ngoài, hai tay đều để ngón cái trên ngón trỏ, để lên trái tim

Chân Ngôn là:



OṂ _ AMṚTA-VIKRĀNTA GAMINE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

2_ **Trung Sinh**:

Hạ Phẩm Trung Sinh **Hiền Giác Địa**. Chúng sinh ngu tối hủy phạm: 05 Giới, 08 Giới, Cụ Túc Giới, ăn trộm của Tăng Kỳ và vật của Hiện Tiền Tăng, bất tịnh nói Pháp, lòng không hổ thẹn, dùng các Nghiệp ác để tự trang nghiêm nên bị tội đọa Địa Ngục. Khi lâm chung may gặp Thiện Tri Thức nói cho nghe về Uy Đức của 10 Lực, sức thần thông quang minh của Phật A Di Đà với những phương pháp: Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Nghe xong, lòng tín trọng, niệm trừ diệt tội trong 80 ức kiếp sinh tử khiến cho lửa dữ Địa Ngục hóa thành gió mát thổi các hoa lên Trời, trên hoa có Hóa Phật và Hóa Bồ Tát tiếp dẫn về Cực Lạc



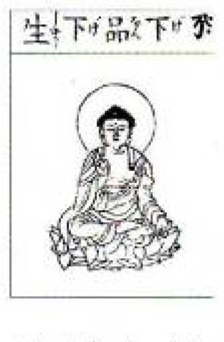
Hạ phẩm trung sinh

Thủ Ấn là:Giống như Ấn trên, chỉ đem ngón cái nắm ngón giữa
Chân Ngôn là:

OṂ _AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

3_ **Hạ Sinh**:

Hạ Phẩm Hạ Sinh **Lạc** (vui vẻ) **Môn Địa.** Chúng sinh tạo tội: 05 Nghịch , 10 Ac, làm các việc chẳng lành đáng bị đọa vào Địa Ngục. Khi lâm chung, gặp Thiện Tri Thức dùng nhiều phương cách an ủi, nói Pháp mầu nhiệm lại dạy bảo tưởng niệm Phật. Nghe xong, vì khổ áp bức nên không thể quán tưởng. Khi đó Thiện Tri Thức lại dạy chí thành xưng **"Nam mô A Di Đà Phật**" (NAMO AMITA BUDDHA) liên tiếp trong 10 niệm, nhờ nhất niệm trừ tội trong 80 ức kiếp sinh tử cho nên khi chết, thấy hoa sen vàng rực hiện ra trước mắt, liền nhất niệm sinh về Cực Lạc.



Hạ phẩm hạ sinh

Thủ Ấn là:Giống như Ấn trên, chỉ đem ngón cái vịn ngón vô danh
Chân Ngôn là:

OṂ _ AMṚTA-DUṆḌUBHISVARE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

Chân Ngôn dùng chung cho cả 09 Ấn của chín phẩm trên là:

OṂ _ AMṚTA SVÀHÀ

Chín Phẩm trên còn gọi là **Cửu Phẩm Tịnh Thức Chân Như Cảnh**. Nội tọa (chỗ ngồi bên trong) đấy có **12 Đại Man Đà La** (Dvadaśa-mahā-maṇḍala) là Chân Tượng (Hình tượng chân thật) của Đại Viên Cảnh Trí. Tên các Chân Tượng ấy là :

1) Nhất Thiết Tam Đạt **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha), chữ chủng tử là A ()



2) Biến Giác Tam Minh **Vô Biên Quang Phật** (Ananta-prabhāsa), chữ chủng tử là Ā (𑖁)



3) Chí Đạo Tam Minh **Vô Ngại Quang Phật** (Apratihata-raśmirāga-prabha), chữ chủng tử là AṂ (𑖀𑖽)



4) Lục Chân Lý Trí Quang Minh **Vô Đối Quang Phật** (Asamāpta-prabha), chữ chủng tử là AḤ (𑖀𑖾)



5) Sắc Thiện Tam Minh **Diễm Vương Quang Phật** (Prabhā-śikhotsṛṣṭaprabha), chữ chủng tử là MA (𑖦)



6) Nhất Thiết Tam Minh **Thanh Tịnh Quang Phật** (Śuddha-prabha), chữ chủng tử là MĀ (𑖦𑖯)



7) Phổ Môn Tam Minh **Hoan Hỷ Quang Phật** (Pramudita-prabha), chữ chủng tử là MAṂ (𑖦𑖽)



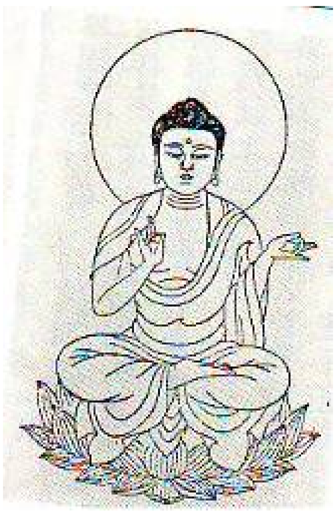
8) Nhập Tuệ Tam Minh **Trí Tuệ Quang Phật** (Prajñā-prabha), chữ chủng tử là MAḤ (म:)



9) Quang Sắc Tam Minh **Bất Đoạn Quang Phật** (Nibandhanīya-prabha), chữ chủng tử là TA (त)



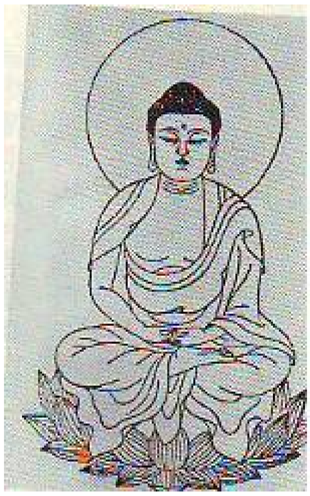
10) Minh Đạt Tam Minh **Nan Tư Quang Phật** (), chữ chủng tử là TĀ (ता)



11) Ngũ Đức Tam Minh **Vô Xứng Quang Phật** (), chữ chủng tử là TAṂ ( )



12) Trí Lực Tam Minh **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật** (Abhibhūya-candra-sūrya-prabha), chữ chủng tử là TAḤ ( )



Chư Phật Như Lai như vậy là chân sắc cụ túc (Đầy đủ sắc tướng chân thật) là nơi y cứ của tướng BI (Kāruṇa-lakṣana) của tất cả Như Lai ba đời.

Nếu có chúng sinh muốn sinh về Tĩnh Thổ Cửu Phẩm như vậy thì nên tôn phụng xem xét 12 **Viên Diệu** ấy. Ngày đêm ba thời xưng danh Cửu Phẩm Tịnh Thổ như vậy, tán thán hiệu của 12 vị **Quang Phật** tức vĩnh viễn ra khỏi nhà lửa của Tam Giới, quyết định sinh Chân Như, xa lìa Hữu Lậu, nhập hẳn vào Vô Lậu.

Nếu có người muốn vào cảnh Tam Ma Địa như vậy, được đầy đủ : Phật Tuệ, Tâm Tịch Tĩnh, Thân Thanh Tịnh thì nên quán niệm **Đại Tam Ma Gia Thật Tướng** Chân Ngôn.

Chú là **:**

*) OṂ_ AMṚTA TEJE HARA _ HŪṂ

Chân Ngôn Phạm Chú như vậy là vị trí thuộc **Lý Trí cứu cánh** của tất cả chư Phật Như Lai ba đời ở 10 phương, là căn bản của 12 KHÔNG NGUYỆN .

Người thọ trì đọc tụng sẽ tăng trưởng Phước Lạc, tăng ích Trí Tuệ Biện Tài, tăng trưởng Thọ Mệnh Sắc Lực, tiêu diệt nghiệp chướng, tiêu diệt vạn bệnh, tăng

trưởng BI ÁI, không có gì không đầy đủ Sắc Thiện. Huống chi chí Tâm viết chép, đọc tụng sẽ độ cho ba đời không còn sinh biến trong nhà lửa Tam Giới . Công năng tụng niệm làm cho Hành Giả vãng sinh về Tĩnh Thổ Cửu Phẩm của Cực Lạc Giới Hội.

_ A Di Đà Phật Đại Tam Muội Gia Thật Tướng Chân Ngôn còn được minh họa qua **Man Đa La** (Maṇḍala) là:



𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝𑖸 𑖝𑖸𑖕 𑖮𑖨 𑖮𑖳𑖽

Oṃ_ Amṛte teja hara hūṃ

1_ A DI ĐÀ Phật:

A Di Đà Phật, dịch ý là **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha) hoặc **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha), là vị giáo chủ của Thế Giới Cực Lạc (Sukhavatī) ở phương Tây.

A Di Đà Phật được phối trí với chữ **OṂ** (𑖌𑖼) ở phương trung ương biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được Quả Đức tự chứng nên còn gọi là **Chứng Bồ Đề**, đại biểu cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖺 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸 𑖀𑖦𑖰𑖝𑖯𑖥𑖯𑖧 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖧 𑖌𑖼

Namo bhagavate amitābhāya tathāgatāya_ Oṃ

2_HƯ KHÔNG TẠNG Bồ Tát

Hư Không Tạng Bồ Tát tên Phạn là **Ākāśa-garbha** dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà hay **Gagana-gañja** dịch âm là Nga Nga Nẵng Ngạn Bà. Tức đầy đủ hai kho tàng Phước Trí không có hạn lượng ngang bằng với hư không; ý là rộng lớn vô biên. Lại xưng là Hư Không Dựng Bồ Tát.

Tôn này hay tuôn ra Pháp Bảo vô lượng ban cho khắp điều ước muốn, làm lợi lạc cho chúng sinh.

Hư Không Tạng Bồ Tát được phối trí với chữ **A** (**𑖀**) ở phương Đông biểu thị cho **Phước Trí Trang Nghiêm** hay sinh ra Trí Nội Chứng và Phước Đức Nội Chứng của 10 Ba La Mật



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖁𑖎𑖯𑖫𑖐𑖨𑖿𑖥𑖯𑖧 𑖀

Oṃ namo ākāśa-garbhāya_ A

3_ PHỔ HIỀN Bồ Tát

Phổ Hiền (Samanta-bhadra) đại biểu cho Hạnh Bồ Tát rộng lớn. Khi một cá nhân thực hiện viên mãn Hạnh Bồ Tát thì gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Còn viên mãn quả vị của Phổ Hiền Bồ Tát tức là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Chúng sinh đang đợi đầy đủ Nhân của Phổ Hiền, đấy tức là Tính của Tỳ Lô Giá Na Phật

Phổ Hiền Bồ Tát được phối trí với chữ **MṚ** (𑖦𑖴) ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖥𑖟𑖿𑖨𑖯𑖧 𑖦𑖴

Oṃ namo samanta-bhadrāya_ MṚ

4_KIM CƯƠNG THỦ Bồ Tát

Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-satva. Lại xưng là Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ, Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ, Trì Kim Cương Cụ Tuệ Giả, Kim Cương Thượng Thủ, Đại Lạc Kim Cương, Tô La Đa Kim Cương, Nhất Thiết Như Lai Phổ Hiền, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Kim Cương Bồ Tát, Kim Cương Thắng Bồ Tát. Kim Cương Tạng, Chấp Kim Cương, Bí Mật Chủ,

Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) tượng trưng cho tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại và ý nghĩa **phiền não tức Bồ Đề.** Tôn này là Bộ Chủ của Đại Trí Kim Cương Bộ, chủ về Đức **chiết phục,** có Bản Thệ là **tồi phá tất cả Ma ác**

Kim Cương Thủ (Vajra-pāṇi) được phối trí với chữ **TA** (ཏ) ở phương Nam, biểu thị cho Diệu Đức Nội Chứng của Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) là **chiết phục và tồi phá tất cả Ma ác**



Chân Ngôn là:

Oṃ namo vajra-pāṇiya_ TA

5_ VĂN THÙ SƯ LỢI Bồ Tát

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tên Phạn là Maṃjuśrī. Lại xưng là Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất Lợi . Lược xưng là Văn Thù. Trong các Kinh Điển Khác lại có các danh hiệu là: Diệu Đức, Diệu Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ, Diệu Cát Tường...

Văn Thù Sư Lợi còn gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Văn Thù Sư Tử Đồng Bồ Tát, **Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī-kumāra-bhūta)

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát với Phổ Hiền Bồ Tát cùng theo hầu cận Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và được xưng chung là **Thích Ca Tam Thánh**. Do Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng Thủ trong hết thảy Bồ Tát Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nên được gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Ngài có hình tượng là Cầm cây kiếm ngồi trên lưng sư tử biểu thị cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây kiếm báu Kim Cương chặt đứt tất cả phiền não của chúng sinh, dùng tiếng rống của sư tử không sợ hãi, trấn tỉnh chúng sinh đang bị mê đắm.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát được phối trí với chữ **TE** (ཏེ) ở góc Tây Nam biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã



Chân Ngôn là:

ꣽ न म मंजुश्रीय ते

Oṃ namo maṃjuśrīya_ TE

6_TRỪ CÁI CHƯỚNG Bồ Tát

Trừ Cái Chướng Bồ Tát, tên Phạn là Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin. Lại xưng là Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát, Giáng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại Bồ Tát, Khí Chư Ấm Cái Bồ Tát.

Tôn này được phối trí với chữ **JE** (जे) ở phương Tây biểu thị cho việc dùng Nhân của Tâm Tịnh Bồ Đề khiến cho tiêu trừ tất cả phiền não, tất cả chướng ngại



Chân Ngôn là:

Oṃ namo sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhinaya_ JE

7_ĐỊA TẠNG Bồ Tát

Địa Tạng Bồ Tát, tên Phạn là Kṣiti-garbha dịch âm là Khất Xoa Để Nghiệt Bà, nghĩa là đất hoặc Trú Xứ, hoặc hàm tàng (che dấu bên trong).

Địa Tạng Bồ Tát giống như Đại Địa hay nâng chịu tất cả Nghiệp Tội của chúng sinh mà an nhẫn chẳng động, đầy đủ Định Tuệ, hay biết rõ tất cả Bí Tạng.

Địa Tạng là vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thì mới nguyện thành Phật.

Tôn này được phối trí với chữ **HA** ( ) ở phương Tây Bắc biểu thị cho Đại Nguyện **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh



Chân Ngôn là:

Oṃ namo kṣiti-garbhāya_ HA

8_QUÁN THẾ ÂM Bồ Tát

Quán Thế Âm Bồ Tát, tên Phạn Ārya-avalokiteśvara có nghĩa là Thánh Quán Thế Âm với **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta) cùng theo hầu cận Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây và được xưng tên chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Quán Tự Tại Bồ Tát đại biểu cho Tâm Đại Bi của tất cả chư Phật, hay lắng nghe âm thanh khổ nạn của tất cả chúng sinh mà cứu độ như con ruột. Ngoài ra Quán Tự Tại Bồ Tát còn đại biểu cho sự giác ngộ Phật Tính viên mãn của mỗi một cá nhân.

Quán Tự Tại Bồ Tát được phối trí với chữ **RA** ( ) ở phương Bắc biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề



Chân Ngôn là:

Oṃ namo avalokiteśvarāya_ RA

9_DI LẶC Bồ Tát

Di Lặc Bồ Tát có tên gọi là **Vô Năng Thắng** (Ajita), hiệu là **Từ Thị** (Maitreya). Ngài là vị Phật thứ năm kế tiếp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xuất hiện trên trái đất này. Hiện Ngài đang ở cung Trời **Đâu Suất** (Tuṣita) giáo hóa chúng sinh. Do đó Ngài còn được xưng là Nhất Bổ Xứ Bồ Tát, Bổ Xứ Bồ Tát hoặc Di Lặc Như Lai.

Trong đời đời kiếp kiếp Ngài thường tu tập **Từ Tâm Tam Muội,** hành **Từ Hạnh** để cứu độ chúng sinh. Do Đức đặc biệt này mà Ngài có hiệu là **Từ Thị**

Di Lặc Bồ Tát được phối trí với chữ **HŪṂ** (𑖮𑖳𑖽) ở góc Đông Bắc biểu thị cho Hạnh Kết Kim Cương Thân, tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn



Chân Ngôn là:

Oṃ namo maitreyāya_ HŪṂ

A DI ĐÀ PHẬT PHÁP ĐÀN



_Đài hoa: **A Di Đà Phật Đại Tam Muội Gia Thật Tướng Chân Ngôn**

Oṃ Amṛta teje hara hūṃ

[OṂ _ AMṚTA TEJE HARA HŪṂ
OṂ : Thân khẩu ý
AMṚTA : Cam Lộ bất tử
TEJE : Uy Quang
HARA : Thâu nhiếp
HŪṂ : Thành tựu mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn
Thân khẩu ý hãy thâu nhiếp ánh sáng uy đức của Cam Lộ Bất Tử mà thành tựu tự tính an vui vắng lặng của Đại Niết Bàn]

_ Tám cánh hoa: **A Di Đà Phật Diệt Tội Ấn Chân Ngôn** và **Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh Chân Ngôn**

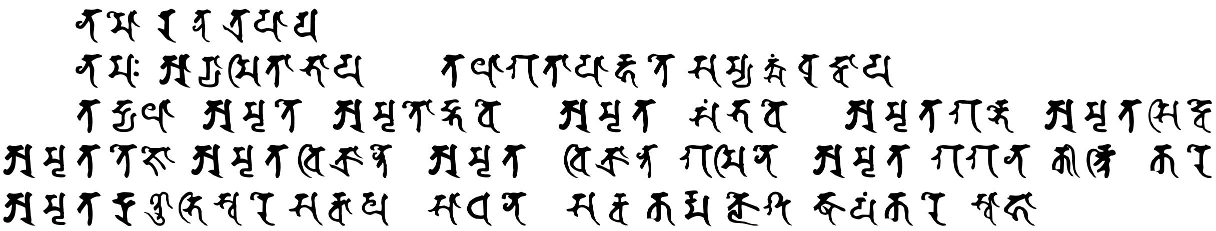
Oṃ hrīḥ a aṃ hrīḥ hrīḥ hūṃ

[OṂ HRĪḤ A AṂ HRĪḤ HRĪḤ HŪṂ
OṂ: Cảnh giác
HRĪḤ: Biết xấu hổ không làm việc bất thiện
A : Không sinh chẳng diệt
AM : Thâm nhập vào sự không sinh chẳng diệt
HRĪḤ: Mau chóng xa lìa các bụi dơ Tham Sân Si chứng được 4 Đức thanh tịnh là Ai Nhiễm Thanh Tịnh, Sân Thanh Tịnh, Uế Thanh Tịnh, Tội Thanh Tịnh
HRĪḤ: Pháp Giới Thanh Tịnh
HŪṂ: Quyết định thành tựu
Hãy biết xấu hổ không làm việc Bất thiện để mau chóng thấu ngộ sự vô sinh bất diệt, xa lìa các bụi dơ tham sân si, quyết định thành tựu Pháp Giới Thanh Tịnh]



Bhrūṃ
[BHRŪṂ:Chủng Tử biểu thị cho nơi quy thú của Tâm Bồ Đề]

_Vòng ngoài cùng: **A Di Đà Phật Thập Cam Lộ Đà La Ni**



Namo ratna-trayāya
Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya
Tadyathā: amṛte, amṛtodbhave, amṛta saṃbhave, amṛtagarbhe, amṛta siddhe, amṛta teje, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, amṛta gagana kìrtti kare, amṛta duṇḍubhisvare , sarva artha sādhane, sarva karma kleśa kṣayaṃ kare svāhā

[NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)
NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AMITĀBHĀYA (Vô Lượng Quang) TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng, Sát Tặc, Vô Sinh, A La Hán) SAMYAKSAṂBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)
TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)
OṂ (Cảnh giác)
AMṚTE (Cam lộ)
AMṚTA (Cam Lộ) UDBHAVE (Hiện lên)
AMṚTA (Cam Lộ) SAṂBHAVE (Phát sinh)
AMṚTA (Cam Lộ) GARBHE (Tạng, kho tàng)
AMṚTA (Cam Lộ) SIDDHE (Thành tựu)
AMṚTA (Cam Lộ) TEJE (Uy quang, uy đức)
AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTE (Dũng mãnh)
AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTA (Dũng mãnh) GAMINE (Đạt đến được)
AMṚTA (Cam Lộ) GAGANA (Hư Không) KĪRTTI (Tương xứng) KARE (Tác làm, tạo tác)
AMṚTA (Cam Lộ) DUṆḌUBHI (Cổ, cái trống) SVARE (Âm Thanh)
SARVĀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SĀDHANE (Nghi thức thành tựu)

SARVA KARMA (Tất cả nghiệp) KLEŚA (Phiền não) KṢAYAṂ (cùng tận, không còn sót) KARE (Tạo tác)

SVĀHĀ (Quyết định thành tựu, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

" Quy mệnh Tam Bảo

Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy : Hỡi Cam Lộ! Hiện lên Cam Lộ. Phát Sinh Cam Lộ. Kho Tàng Cam Lộ. Thành tựu Cam Lộ. Cam Lộ Uy Quang. Cam Lộ Dũng mãnh, đạt đến Cam Lộ Dũng Mãnh. Rải đầy hư không Cam Lộ. Âm thanh của tiếng trống Cam Lộ, thành tựu tất cả nghĩa lợi khiến cho tất cả nghiệp không còn phiền não, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn"]

DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG VƯƠNG NHƯ LAI

Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai, tên Phạn là BHAIṢAIJYA GURU VAIḌURYA PRABHĀ RĀRĀYA TATHĀGATĀYA, dịch âm là **Bệ Sái Xã Lũ Rô Bệ Lưu Ly Bát Lạt Bà Hát Ra Xà Dã Đát Đà Yết Đa Gi**a. Hoặc dịch đơn giản là **Bột Sát Tử Dã Ngu Lỗ Phệ Nữ La Tát Tha Nghiệt Đa** (Bhaiṣaijya-guru-vaiḍurya Tathāgata: Dược Sư Lưu Ly Như Lai), hoặc **Bệ Sái Xã Lũ Rô Đát Đà Yết Đa Gia** (Bhaiṣaijya-guru-tathāgatāya: Dược Sư Như Lai), hoặc **Ma Ha Bột Sát Tử La Gia Một Đà** (Mahā-bhaiṣaijya-rāja-buddha: Đại Y Vương Phật).



Thông thường hay xưng là: **Dược sư Lưu Ly Quang Như Lai** (Bhaiṣaijya-guru-vaiḍurya-prabha-tathāgata), hay xưng đơn giản là **Dược Sư Phật** (Bhaiṣaijya-guru-buddha)

Do Bản Nguyện của Ngài là: "Cứu tất cả bệnh khổ cho các chúng sinh" nên Ngài còn có tên là **Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật**

Danh hiệu khởi đầu của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai là hay nhổ bứt trừ bệnh của sinh tử mà có tên là **Dược Sư** (Bhaiṣaijya-guru), hay chiếu độ sự tối tăm của ba Hữu (3 cõi) cho nên tên là **Lưu Ly Quang** (Vaiḍurya- prabha). Điều này minh họa rằng: Đức Dược Sư Như Lai không chỉ chữa trị bệnh đau nhức trên thân thể của chúng sinh mà còn chữa trị tâm linh chưa được viên mãn thuộc Trí Tuệ Tâm Bi của chúng sinh. Bởi vì lúc đầu chúng sinh không có Pháp cảm thụ nguyện lực thâm sâu của Ngài,

cho nên trước tiên Ngài chữa trị tốt bệnh đau nhức của chúng sinh, rồi mới chữa trị Tâm của chúng sinh.

_ Nguyên khởi của Đức Phật này không được rõ ràng vì có rất nhiều quan điểm khác nhau về **Bản Tịch** của Ngài như :

Ngài là vị Như Lai đồng Thể khác Tên với Đức **A Súc Như Lai** (Akṣobhya-tathāgata)

Ngài là vị Như Lai đồng Thể khác Tên với Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) trong Thai Tạng Giới

Ngài chính là Đức **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākyamuṇāye-buddha)

Ngài chính là Đức **Vô Năng Thắng Như Lai** (Ajita-tathāgata)

Nếu căn cứ vào Chủng Tử của Đức Phật Thích Ca là BHA (𑖥) và Chủng Tử của Đức Phật Dược Sư là BHAI (𑖥𑖹) kèm với Tiểu Chú của Đức Phật Dược Sư là: "**Oṃ_ hulu hulu caṇḍali mataṅgi svāhā**" thì Ngài có tương quan rất mật thiết với Đức Phật Thích Ca vì Bài Chú này chính là câu Chú của **Vô Năng Thắng Minh Vương** (Aparājita-vidyarāja) là một Tôn Phẫn Nộ biểu thị cho Đức ***Giáng Phục Bốn Ma*** của Đức Phật Thích Ca.

_ Phật Dược Sư ở trong Kinh Điển có hai hệ thống:

1_ **Dược Sư Phật** được ghi nhận trong các Kinh: **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyện** do Ngài **Đạt Ma Cập Đa** (Dharma-gupta) dịch năm 615 trong đời Tuỳ, Kinh **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyện Công Đức** (Bhagavān-bhaiṣaijya-guru-vaiḍurya-prabhaṣya-pūrvapraṇidhāna-viśeṣa-vistara) do Ngài **Huyền Trang** dịch ở đời Đường. Các Kinh này còn có tên gọi là **Dược Sư Tuỳ Nguyện**

2_ **Bảy Đức Phật Dược Sư:** được ghi nhận trong Kinh **Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản Nguyện Công Đức** do Ngài **Nghĩa Tịnh** dịch vào năm 707. Kinh này còn có tên gọi là **Thất Phật Dược Sư Kinh**

Từ hai hệ thống chính này, tín ngưỡng Phật Dược Sư được lan tỏa ra khắp mọi nơi.

Do Đức Dược Sư Như Lai có thêm 6 Phân Thân để cùng nhau hóa độ 7 Thế Giới nên được Tôn Xưng là Thất Phật Dược Sư. Bảy Vị Như Lai này có tên là :

1) **Thiện Danh Xưng Cát Tường Như Lai**, hóa độ Thế Giới Quang Thắng ở phương Đông

2) **Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai**, hóa độ Thế Giới Diệu Bảo Quốc ở phương Đông

3) **Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Như Lai**, hóa độ Thế Giới Viên Mãn Hương Tích Quốc ở phương Đông

4) **Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai**, hóa độ Thế Giới Vô Ưu Quốc ở phương Đông

5) **Pháp Hải Lôi Âm Như Lai**, hóa độ Thế Giới Pháp Tràng Quốc ở phương Đông

6) **Pháp Hải Thắng Sắt Du Hý Thần Thông Như Lai** (hoặc Tường Như Lai, hóa độ Thế Giới Vô Ưu Quốc ở phương Đông Pháp Hải Tuệ Du Hý Thần Thông Như Lai) hóa độ Thế Giới Thiện Trú Pháp Hải Quốc ở phương Đông

7) **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai**, hóa độ Thế Giới Tĩnh Lưu Ly Quốc ở phương Đông

Bảy vị Phật Dược Sư này có thể được phiên dịch từ 7 tên Phạn là:

1_Suparikirti-nama-śrī-rāja

2_Ratna-candra-padma- pratimaṇḍita-paṇḍita-tajaḥ-svaraghoṣa-rāja

3_Suvarṇa-bhadra-vimala-ratna-prabha-savrata

4_Aśokottama-śrī
5_Dharma-kirti-sāgara-ghoṣa
6_Dharma-kirti-sāgarāgra-mati-vikriditābhijña-rāja
7_Bhaiṣaijya-guru-vaiḍurya-prabha-rāja
_Căn cứ vào Kinh **Bắc Đẩu Thất Tinh Diên Mệnh** thì 7 vị Phật Dược Sư lại biểu thị cho 7 vì Sao Bắc Đẩu qua bài Kinh xưng tán và ghi nhận là: "Hàng năm nếu gặp tai ách thì lễ Kinh này 7 lạy"

Nam mô **Tham Lang Tinh**, thị Đông phương Tối Thắng Thế Giới **Vận Ý Thông Chứng Như Lai Phật**

(Quy mệnh Tham Lang Tinh là Vận Thông Ý Như Lai Phật của Thế Giới Tối Thắng ở phương Đông _ Phần Kinh bên dưới đều dịch tương tự như vậy)

Nam mô **Cự Môn Tinh**, thị Đông phương Diệu Bảo Thế Giới **Quang Âm Tự Tại Như Lai Phật**

Nam mô **Lộc Tồn Tinh**, thị Đông phương Viên Mãn Thế Giới **Kim Sắc Thành Tựu Như Lai Phật**

Nam mô **Văn Khúc Tinh**, thị Đông phương Vô Ưu Thế Giới **Tối Thắng Cát Tường Như Lai Phật**

Nam mô **Liêm Trinh Tinh**, thị Đông phương Tịnh Trụ Thế Giới **Quảng Đạt Trí Biện Như Lai Phật**

Nam mô **Vũ Khúc Tinh**, thị Đông phương Pháp Ý Thế Giới **Pháp Hải Du Hý Như Lai Phật**

Nam mô **Phá Quân Tinh**, thị Đông phương Lưu Ly Thế Giới **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Phật**

_ Theo Kinh **Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản Nguyện Công Đức** (Sapta-tathāgata-purva-praṇidhāna-vicesavistara) của Phật Giáo Nhật Bản thì Đức Phật Dược Sư có 7 Hóa Thân là:
1_Suvama-bhadra-vimala-ratna-prabhāsa
2_Agokottamagri
3_Dharma-kirti-sāgara-ghoṣa
4_Abhijitbhirāja
5_Ratnagikhin
6_Suparik-n-tinamagri
7_Sabdaghoṣarāja

Có khi người ta thêm vào Đức Phật Thích Ca (Śākyamuṇi) trở thành 8 vị Phật Dược Sư (Không kể Phật Bhaiṣaijya-guru)

_ Phật Giáo Tây Tạng ghi nhận 8 vị Phật Dược Sư là:
1_Suparikirti-tanama-śrī
2_Svasaghoṣa
3_Suparṇa-bhadra-vimala-ratna-prabhāsa (*Hay* Supama-bhadra-vimala-ratna-prabhāsa)
4_Aśokattama-śrī
5_Dharma-kirti-sāgara-ghoṣa
6_Abhijnarāja
7_Bhaiṣajya-guru (*Hay* Bhaiṣajya-guru-vaiḍurya-prabhārāja)
8_Śrijing-śākyamuṇi

_Theo truyền thống Phổ Thông thì Đức Phật Dược Sư có 2 vị Hiếp Thị Bồ Tát (Hai Vị Nhất Bổ Xứ Bồ Tát theo hầu bên cạnh) là **Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát** (Sūrya-prabha-vairocana-bodhisattva hoặc Sūrya-prabha-bodhisattva: Nhật Quang Bồ

Tát) và **Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát** (Candra-prabha-vairocana-bodhisattva hoặc Candra-prabha-bodhisattva: Nguyệt Quang Bồ Tát). Tám vị Thị Giả Bồ Tát là **Mạn Thù Thất Lợi** (Mañjuśrī: Văn Thù Sư Lợi), **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta: Đắc Đại Thế), **Vô Tận Ý** (Akṣaya-matir), **Bảo Đàn Hoa** (Ratna-maṇḍala-puṣpa), **Dược Vương** (Bhaiṣaijya-rāja), **Dược Thượng** (Bhaiṣaijya-samudgate), **Di Lặc** (Maitreya: Từ Thị). Mười hai vị Thần Tướng Dược Xoa là **Cung Tỳ La** Đại Tướng (Kuṃbhīra), **Phạt Chiết La** Đại Tướng (Vajra), **Mê Xí La** Đại Tướng (Mihira), **An Để La** Đại Tướng (Andira), **Ngạch Nễ La** Đại Tướng (Majira), **San Để La** Đại Tướng (Śandira), **Nhân Đạt La** Đại Tướng (Indra), **Bà Di La** Đại Tướng (Pajra), **Ma Hổ La** Đại Tướng (Makura), **Chân Đạt La** Đại Tướng (Siṇḍura), **Chiêu Đổ La** Đại Tướng (Catura), **Tỳ Yết La** Đại Tướng (Vikarala) cùng với 84000 Vị Dược Xoa Hộ Pháp làm quyến thuộc.

Riêng 12 vị Dược Xoa Thần Tướng thường được gọi là Dược Sư Thập Nhị Thần Tướng hoặc Dược Xoa Thập Nhị Thần Tướng. Mười hai Vị Thần Tướng này biểu thị cho việc ứng thuận với 12 Nguyện lớn của Đức Phật Dược Sư mà hóa hiện làm Yết Ma Thần gánh vác chúng sinh và hộ vệ cho mọi người. Do ý nghĩa ấy nên 12 vị Thần Tướng này được xem là phân thân của Đức Dược Sư Phật và cũng chính là 12 vị Thần Hộ Pháp của 12 Thời trong suốt ngày đêm.

_Pháp tu thờ Đức Dược Sư làm Bản Tôn để sám hối tội chướng thì được gọi là **Dược sư Sám**

Nếu thờ Đức Dược Sư làm Bản Tôn để tu các Pháp Tiêu Tai... thì gọi là **Dược Sư Pháp**. Nghi Quỹ của Pháp tu này giống như Pháp bảy Đức Phật Dược Sư.

Hệ **Đài Mật** của Nhật Bản thờ bảy Đức Phật Dược Sư làm Bản Tôn để trừ tai chướng tăng lợi ích qua pháp tu **Dược Sư Hộ Ma**

Xưa nay tại Việt Nam thường lưu hành các bản Kinh **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyện Công Đức** trong đó có ghi nhận bài **Dược Sư Quán Đỉnh Chân Ngôn.** Đây chính là bản được phối hợp giữa hai bản dịch của Ngài **Huyền Trang** và Ngài **Nghĩa Tịnh** và được gọi là **Hợp Bản.** Vì trong bản dịch của Ngài **Đạt Ma Cấp Đa** và bản dịch của Ngài **Huyền Trang** đã lược bỏ câu Chú này, nên người đời sau đã phối hợp với bản dịch của Ngài **Nghĩa Tịnh** tạo thành Hợp Bản để lưu truyền.

TÔN TƯỢNG ĐỨC PHẬT DƯỢC SƯ

Tôn Tượng của Đức Phật Dược Sư có rất nhiều, tùy theo các thệ nguyện mà tạo ra hình trạng khác nhau

Dược Sư Niệm Tụng Nghi Quỹ ghi là: "Đức Như Lai, tay trái cầm bình thuốc gọi là Vô Giá Thù, tay phải kết Bảo Ấn, thân khoác áo cà sa, ngồi Kiết Già trên đài sen"

A Sa Phộc Sao ghi là :

.) Tay phải tác Thí Nguyện, tay trái kết Ấn Thí Vô Úy

.) Chưởng trái cầm viên ngọc báu, tay phải dơ lên nhẹ nhàng

.) Tay trái co ngón út đặt dưới rốn, tay phải cầm bình thuốc, kết Định Ấn

.) Tay cầm Y Bát, Tích Trượng

Trung Hoa và Nhật Bản thường biểu thị Tôn Tượng Phật Dược Sư theo tư thế đứng hoặc ngồi, thân thếp vàng, tay kết Ấn Vô Úy hoặc Dữ Nguyện.


南无药师琉璃光如来






如來賜福　國泰民安




NAM MÔ DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG VƯƠNG PHẬT




Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật



_Phật Giáo Tây Tạng ghi nhận:" Đức Phật Dược Sư khoác áo Cà Sa kẻ ô, ngồi Kiết Già trên Đài sen báu, tay trái mở chưởng ôm bình thuốc đặt dưới rốn, tay phải kết Ấn Dữ Nguyện (Ban bố)"

Hoặc ghi nhận là:"Đức Phật Dược Sư có thân hình màu xanh Lưu Ly, tay phải kết An Tham Thiền đặt ngang đùi và giữ một bình thuốc, tay trái kết Ấn Dữ Nguyện và cầm một nhánh cây Arura (nhánh cây Myrobolan)"

Phật Sống Tây Khang NẶC NA ghi nhận là: :Đức Phật Dược Sư có đầy đủ 32 tướng, thân khoác áo Cà Sa, tướng mạo giống như Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Tay trái kết Định Ấn ôm cái bát, trong bát chứa đầy nước Cam Lộ để trị bệnh. Tay phải cầm quả Ha Tử dùng giáng 3 Độc (Hình dạng giống như Thanh Quả ở Tây Tạng) và duỗi tay ra đặt trên đầu gối"









Sau này có một số Tôn Tượng Phật Dược Sư cầm cái tháp, hoặc được phụng thờ chung với Bồ Tát **Đa La** (Tārā), hoặc thờ chung với 3 hay 5 Đức Phật với các bậc Hiền Thánh







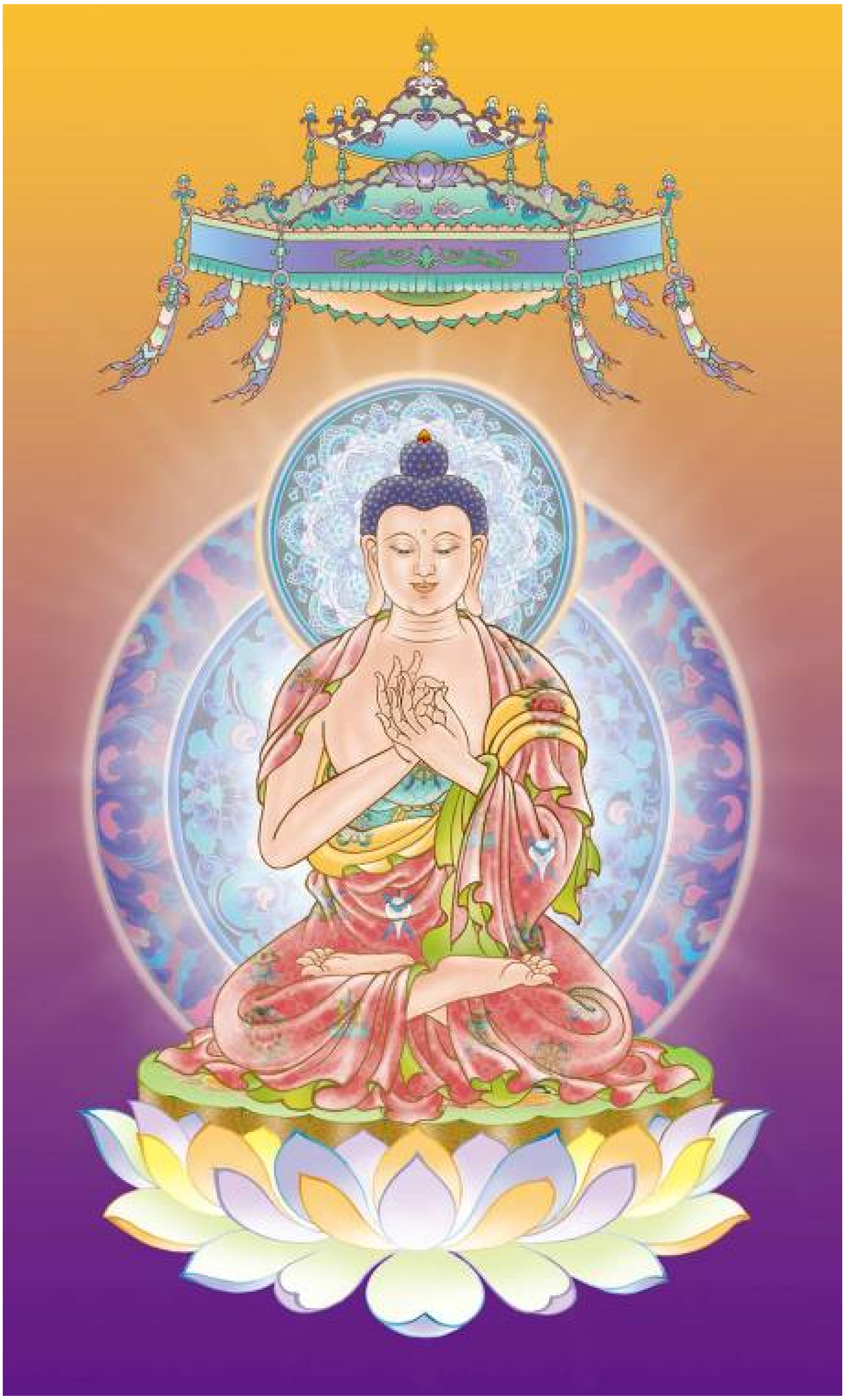




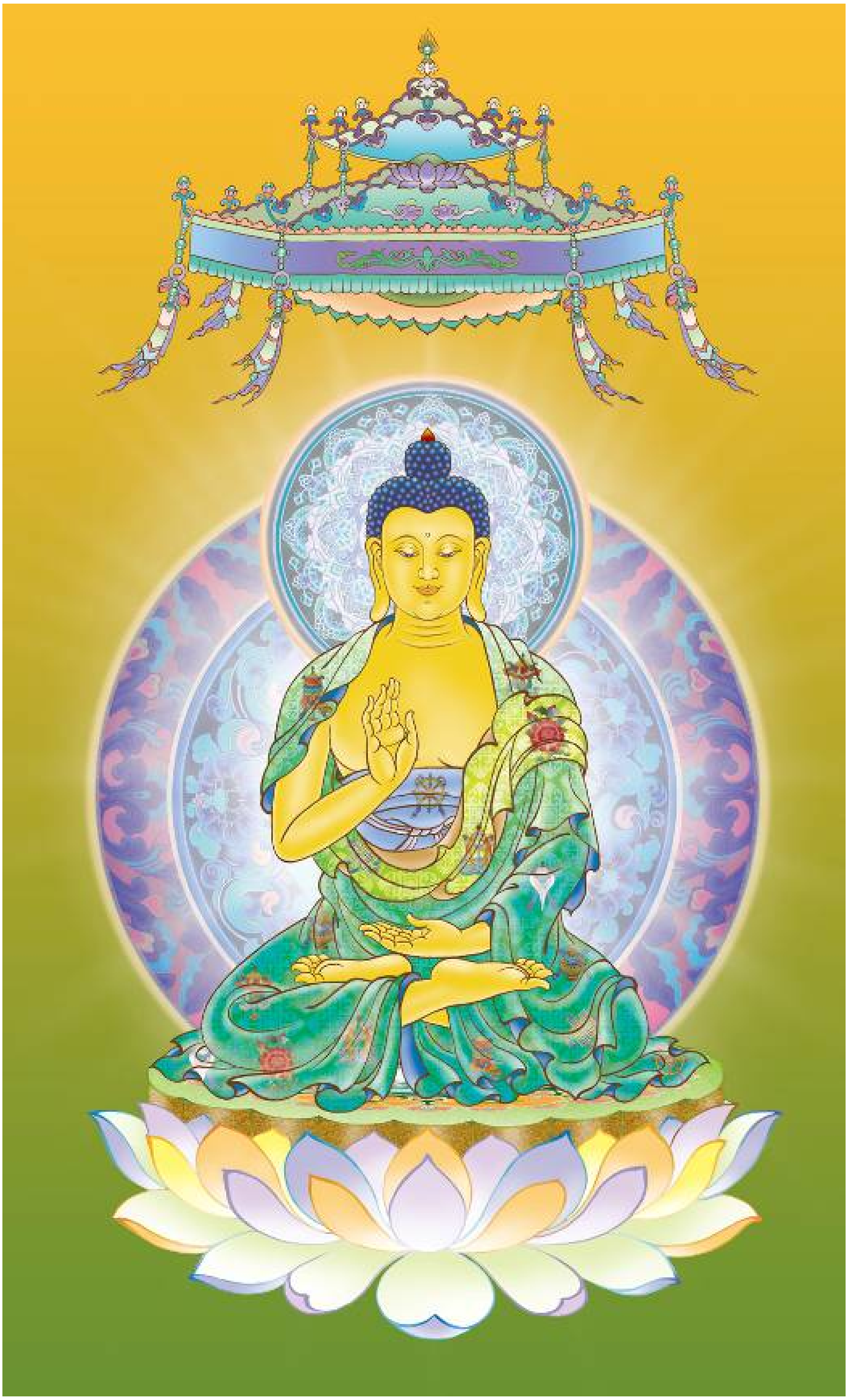
Riêng về bảy Đức Phật Dược Sư thì có hai cách nói: Một là mỗi cá thể của bảy Đức Phật đều có nguyện lực riêng của từng vị, hai là bảy Đức Phật là sự hóa hiện của Dược Sư Như Lai.

*) Theo cách thứ nhất thì Tôn Tượng và Danh Hiệu của bảy Đức Phật được ghi nhận là:

1_**Pháp Hải Lôi Âm Như Lai**: Thân màu đỏ nhạt, hai tay kết **Thuyết Pháp Ấn**



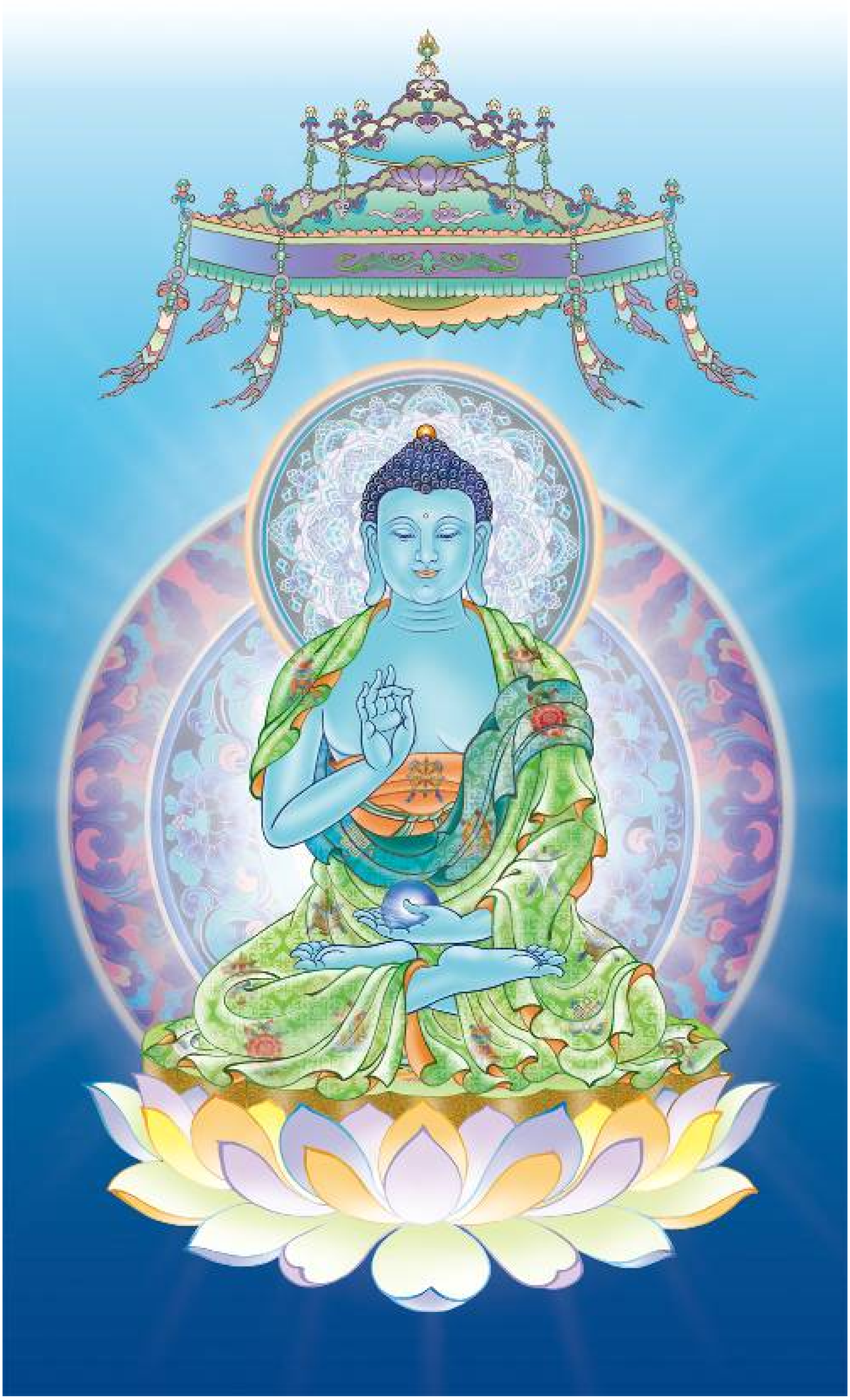
2_ **Thiện Danh Xưng Cát Tường Như Lai**: Thân màu vàng, tay phải kết **Thí Vô Úy Ấn**, tay trái kết **Định Ấn**



3_**Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai**: Thân màu vàng, tay phải kết **Dữ Nguyện Ấn**, tay trái kết **Định Ấn**



4_ **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai**: Thân màu xanh Lưu Ly, tay phải kết **Thí Nguyện Ấn**, tay trái kết **Định Ấn** cầm quả **A Lỗ Lạt**



5_**Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai**: Thân màu vàng cam, hai tay kết **Đẳng Trì Ấn**



6_**Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Như Lai**: Thân màu vàng sáng chói (hoàng kim) hai tay kết **Thuyết Pháp Ấn**

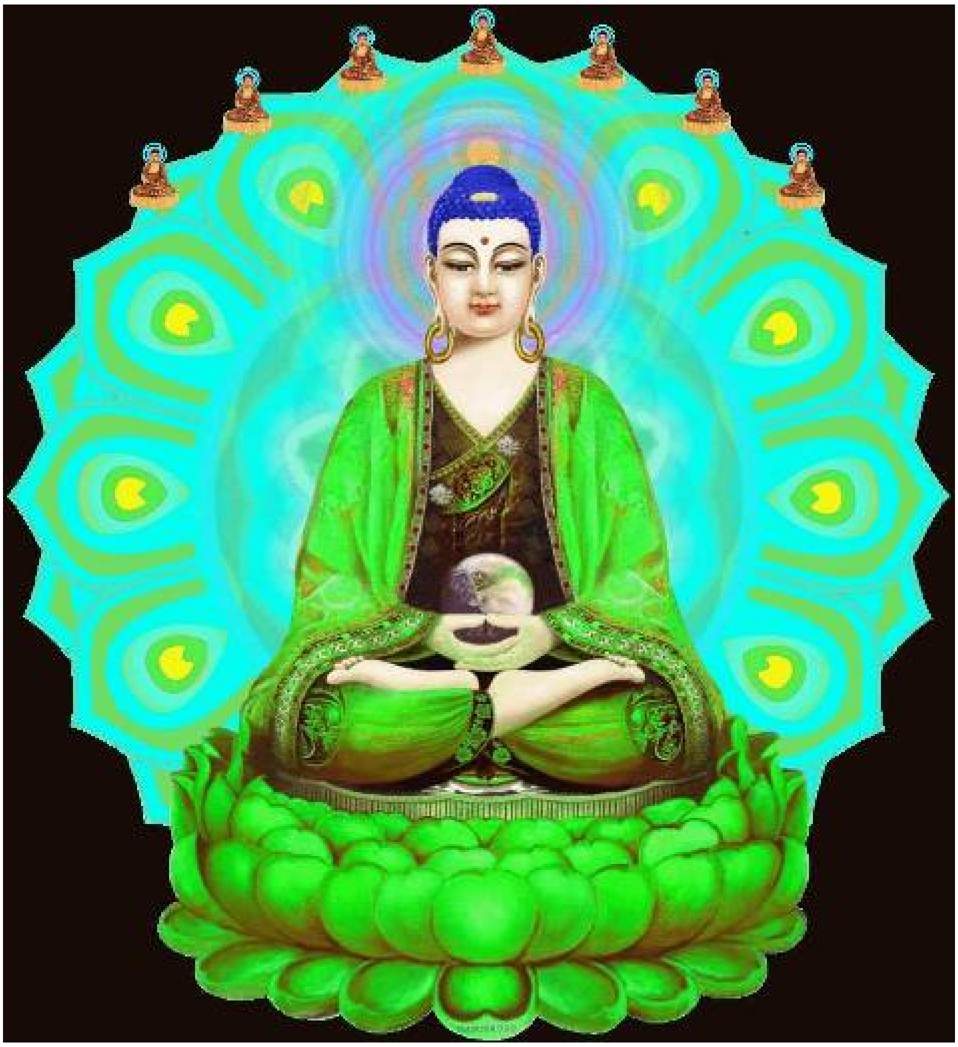


7_ **Pháp Hải Thắng Sắt Du Hý Thần Thông Như Lai**: Thân màu đỏ, tay phải kết **Dữ Nguyện Ấn**, tay trái kết **Định Ấn**





Sau này khi thờ phụng chung trong một Pháp Hội thì người ta thường thêm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Śākyamuṇi) ở bên trên Đức Phật Dược Sư và trở thành 8 vị Phật





*) Theo cách thứ hai thì Đức Dược Sư Như Lai có thêm 6 Phân Thân để cùng nhau hóa độ 7 Thế Giới nên được Tôn Xưng là Thất Phật Dược Sư.

1_**Pháp Hải Lôi Âm Như Lai**: hóa độ Thế Giới **Pháp Tràng** ở phương Đông



2_ **Thiện Danh Xưng Cát Tường Như Lai**: hóa độ Thế Giới **Quang Thắng** ở phương Đông



3_**Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai**: hóa độ Thế Giới **Diệu Bảo** ở phương Đông.



4_ **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai**: hoá độ Thế Giới **Tịnh Lưu Ly** ở phương Đông



5_**Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai**: hóa độ Thế Giới **Vô Ưu** ở phương Đông



6_**Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Như Lai**: hóa độ Thế Giới **Viên Mãn Hương Tích** ở phương Đông



7_ **Pháp Hải Thắng Sắt Du Hý Thần Thông Như Lai**: hóa độ Thế Giới **Thiện Trú Pháp Hải** ở phương Đông



Khi thờ phụng chung trong một Pháp Hội thì ngoài Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người ta còn an trí thêm **Vô Năng Thắng Minh Vương** (Aparājita-vidya-rāja) ở ngay bên dưới Đức Phật Dược Sư







_ Mọi truyền thống đều ghi nhận rằng: Đức Phật Dược Sư hiện tại là đấng Giáo Chủ của Thế Giới **Tịnh Lưu Ly** (Vaiḍurya-prabhāsa) ở phương Đông, lãnh đạo các quyến thuộc của nhóm hai Đại Bồ Tát là **Nhật quang Biến Chiếu** (Sūrya-prabha) và **Nguyệt Quang Biến Chiếu** (Candra-prabha) để hóa đạo chúng sinh và thường phụng thờ qua Tôn Tượng **Dược Sư Tam Tôn**







Hoặc lại phụng thờ chung Dược Sư Tam Tôn với 6 Đức Phật Dược Sư




東方淨琉璃世界

Tôn Tượng **Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát** (hay **Nhật Quang Bồ Tát**)






日光菩薩

Tôn Tượng **Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát** (Hay **Nguyệt Quang Bồ Tát**)




月光菩薩


佛教在线
net.com

Đức Phật Dược Sư và tám vị Đại Bồ Tát





Tôn Tượng 8 vị Đại Bồ Tát là:

1_ Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát (Maṃjuśrī-bodhisatva)
Chữ chủng tử là: MAṂ (𑖦𑖽)
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖦𑖽𑖕𑖲𑖫𑖿𑖨𑖱𑖧
Oṃ namo maṃjuśrīya



2_ Quán Thế Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara-bodhisatva)
Chữ chủng tử là SA (𑖭)
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝𑖸𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧
Oṃ namo avalokiteśvarāya



3_ Đắc Đại Thế Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva)
Chữ chủng tử là SAḤ (𑖭𑖾)
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖦𑖮𑖯𑖭𑖿𑖞𑖯𑖦𑖢𑖿𑖨𑖯𑖢𑖿𑖝𑖯𑖧

Oṃ namo mahā-sthāma-prāptāya



4_ Vô Tận Ý Bồ Tát (Akaṣaya-mati-bodhisatva)
Chữ chủng tử là A (𑖀)
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖀𑖎𑖿𑖬𑖧𑖦𑖝𑖸𑖧
Oṃ namo akṣaya-mateya



5_ Bảo Đàn Hoa Bồ Tát (Ratna-maṇḍala-puṣpa-bodhisatva)
Chữ chủng tử là RA (𑖨)
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖨𑖝𑖿𑖡 𑖦𑖜𑖿𑖚𑖩 𑖢𑖲𑖬𑖿𑖢𑖧
Oṃ namo ratna-maṇḍala-puṣpaya



6_ Dược Vương Bồ Tát (Bhaiṣaijya-rāja-bodhisatva)
Chữ chủng tử là BHAI ( )
Chân Ngôn là:

Oṃ namo bhaiṣaijya-rājāya



7_ Dược Thượng Bồ Tát (Bhaiṣaijya-samudgata-bodhisatva)
Chữ chủng tử là BHAI (𑖥𑖹)
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖥𑖹𑖬𑖹𑖕𑖿𑖧𑖭𑖦𑖲𑖟𑖿𑖐𑖝𑖯𑖧
Oṃ namo bhaiṣaijya-samudgatāya



8 _ Di Lặc Bồ Tát (Maitreya-bodhisatva)
Chữ chủng tử là MAI (𑖦𑖹)
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖸𑖧𑖯𑖧
Om namo maitreyāya



Đức Phật Dược Sư, Nhật Quang Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát và 12 vị Thần Tướng



藥師琉璃光如來、日 & 月光菩薩及十二神將（13 世紀，櫻池院）





Phật Giáo Tây Tạng còn phụng thờ Đức Phật Dược Sư chung với 7 Đức Phật Dược Sư, 10 vị Đại Bồ Tát, 12 vị Đại Tướng Dược Xoa và 4 vị Thiên Vương







雍和宫唐喀 - 药师佛

Riêng việc phối trí 12 vị Thần Tướng với 12 vị Thời Thần thời có ba dòng truyền thừa.

*) Cách thứ nhất (Nguyệt Tướng): bắt đầu khởi từ Hợi ngược lên cho đến Tý (Nguyệt Tướng) tức Cung Tỳ La là Hợi Thần, Bạt Chiết la là Tuất Thần....Tỳ Yết La là Tý Thần.

1) **Tỳ Yết La** (Vikarala_Viên Tác Dược Xoa hay Cần Nộ Đại Tướng) tức Tý Thần, thân màu vàng hoặc đỏ, cầm bánh xe báu hay đinh ba, Bản Địa là **Thích Ca Phật** (Śākyamuṇi-buddha), Chủng Tử là chữ BHA (𑖥)



2) **Chiêu Đổ La** (Catura_ Chấp Động Dược Xoa hay Hộ Thế Đại Tướng) tức Sửu Thần, thân màu xanh lam, cầm cái chày báu hay cây kiếm, Bản Địa là **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva), Chủng Tử là chữ HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)



3) **Chân Đạt La** (Siṇḍura_ Chấp Tưởng Dược Xoa hay Chiết Thủy Đại Tướng) tức Dần Thần, thân màu vàng, cầm sợi dây hay phất trần và cây gậy báu, Bản Địa là **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva), Chủng Tử là chữ AṂ (𑖀𑖽)



4) **Ma Hổ La** (Makura_ Chấp Ngôn Dược Xoa hay Canh Phương Đại Tướng) tức Mão Thần, thân màu trắng, cầm cây Búa báu, Bản Địa là Đức **Dược Sư Phật** (Bhaiṣaijya-guru-buddha), Chủng Tử là chữ BHAI (𑖥𑖹)



5) **Ba Di La** (Pajra_ Chấp Ẩm Dược Xoa hay Lang Long Đại Tướng) tức Thìn Thần, thân màu hồng, cầm cung tên, Bản Địa là **Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī-bodhisatva), Chủng Tử là chữ A (𑖀)



6) **Nhân Đạt La** (Indra_ Chấp Lực Dược Xoa hay Đế Sử Đại Tướng) tức Tỵ Thần, thân màu hồng, cầm cây Mâu hay cây thương, Bản Địa là **Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣiti-garbha-bodhisatva), Chủng Tử là chữ HA (𑖮)



7) **San Để La** (Śandira_ Cư Xử Dược Xoa hay La Sát Đại Tướng) tức Ngọ Thần, thân màu khói, cầm Loa ốc, Bản Địa là **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha-bodhisatva), Chủng Tử là chữ TRĀḤ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾)



8) **Ngạch Nễ La** (Majira_ Chấp Phong Dược Xoa hay Chính Pháp Đại Tướng) tức Mùi Thần, thân màu hồng đỏ, cầm mũi tên hay đinh ba, Bản Địa là **Ma Lợi Chi Bồ Tát** (Marīcī-bodhisatva), Chủng Tử là chữ MA (𑖦)



9) **An Để La** (Andira_ Chấp Tinh Dược Xoa hay Hộ Tỷ Đại Tướng) tức Thân Thần, thân màu xanh, cầm viên ngọc báu, chày vồ hay phất trần. Bản Địa là **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva), Chủng Tử là chữ SA (स)



10) **Mê Xí La** (Mihira_ Chấp Nghiêm Dược Xoa hay Hộ Pháp Đại Tướng) tức Dậu Thần, thân màu vàng, cầm chiếc vòng hay cây gậy, Bản Địa là **A Di Đà Phật** (Amitāyus-buddha), Chủng Tử là chữ HRĪḤ (ह्रीः)



11) B**ạt Chiết La** (Vajra_ Kim Cương Dược Xoa hay Kim Cương Đại Tướng) tức Tuất Thần, thân màu trắng, cầm cây Kiếm báu, Bản Địa là **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva), Chủng Tử là chữ SA (स)



12) **Cung Tỳ La** (Kuṃbhīra_ Cực Úy Dược Xoa hay Khả Úy Đại Tướng) tức Hợi Thần, thân màu vàng, cầm cái chày báu, Bản Địa là **Di Lặc Bồ Tát** (Maitreya-bodhisatva), Chủng Tử là chữ YU (यु)



*) Cách thứ hai (Nguyệt Lệnh): khởi từ Dần thuận đến Tý (Nguyệt Lệnh) tức Cung Tỳ La là Dần Thần, Bạt Chiết La là Mão Thần..... Tỳ Yết La là Sửu Thần.

1_ **Cung Tỳ La** (Dần Thần)



2_ **Bạt Chiết La** (Mão Thần)



3_ **Mê Xí La** (Thìn Thần)



4_ **An Để La** (Tỵ Thần)



5_ **Áng Nễ La** (Ngọ Thần)



6_ **San Để La** (Mùi Thần)



7_ **Nhân Đạt La** (Thân Thần)



8_ **Ba Di La** (Dậu Thần)



9_ **Ma Hổ La** (Tuất Thần)



10_ **Chân Đạt La** (Hợi Thần)



11_ **Chiêu Đổ La** (Tý Thần)



12_ **Tỳ Yết La** (Sửu Thần)



*) Cách thứ ba: khởi từ Tý thuận đến Hợi tức Cung Tỳ La là Tý Thần, Bạt Chiết La là Sửu Thần..... Tỳ Yết La là Hợi Thần.

1)Tý Thần: Cung Tỳ La Đại Tướng



子宮毘羅大将 （くびら） 太刀を持つ十二神将。
子神 第十二願 美衣満足 満足する衣類を得て健全な
精神を宿らせる 天徳院
宮毘羅大将は一般には金比羅さま（こんぴら）、 金比
羅大権現で知られています。



2_ Sửu Thần: Bạt Chiết La Đại Tướng



伐折羅大将 （ばさら） 宝剣を持つ十二神将。
丑神 第十一願 飲食安楽 食事に関する苦悩を除き健全
な食を与える 常喜院



3_Dần Thần: Mê Xí La Đại Tướng



迷企羅大将 （めきら） 独鈷を持つ十二神将。
寅神 第十願 苦悩解脱 人々の苦悩や災難をことご
とく消滅させる 浄菩提院



4_ Mão Thần: An Để La Đại Tướng



底羅大将 （あんてら） 太刀を持つ十二神将。
卯神 第九願 安立正見 心中の邪悪な感情を除き
健全な精神を得る 高野山大師協会本部



5_ Thìn Thần: Án Nễ La Đại Tướng

頞儞羅大将 （あにら） 矢を持つ十二神将。
辰神 第八願 転女得仏 女性的な優しさだけ
でなく力と勇気を得る　　　釈迦文院





6_ Tỵ Thần: San Để La Đại Tướng (Nguyện thứ bảy)

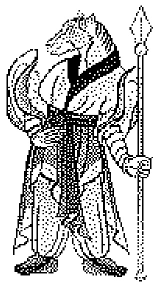
珊底羅大将 （さんてら） 法螺貝を持つ十二神将。
巳神 第七願 除病安楽 人々の病気を完治し、
心身に安楽を与える　　　成就院





7_Ngọ Thần: Nhân Đạt La Đại Tướng





因達羅大将 （いんだら） 鉾を持つ十二神将。
午神 第六願 諸根具足 迷いを生ずる原因を
ことごとく消滅させる 増福院

8_Mùi Thần: Bà Di La Đại Tướng



波夷羅大将 （はいら） 弓矢を持つ十二神将。
未神 第五願 具戒清浄 人々の日々精進させ
るとともに善行を促す 遍照尊院



9_Thân Thần: Ma Hổ La Đại Tướng



10_Dậu Thần: Chân Đà La Đại Tướng



11_Tuất Thần: Chiêu Đổ La Đại Tướng



招杜羅大将 （しょうとら） 太刀を持つ十二神将。
戌神 第二願 随意成弁威徳と人徳により人々を
悟りの境地に導く 報恩院



12_Hợi Thần: Tỳ Yết La Đại Tướng



毘羯羅大将 （びから） 三鈷を持つ十二神将。
亥神 第一願 光明普照 自身から発する光明
で世界を普く照らす 西南院



Mười hai vị Đại Tướng Dược Xoa biểu thị cho việc ứng thuận với 12 Nguyện lớn của Đức Phật Dược Sư như sau:

1_ **Kuṃbhīra** ứng với Nguyện thứ nhất:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Thân sáng rực rỡ chiếu Pháp Giới
Tướng tốt trang nghiêm thân Trượng Phu
Khiến các hữu tình không khác Ta



2_ **Vajra** ứng với Nguyện thứ hai:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Ánh sáng, Công Đức rất rộng lớn
Lưới lửa trang nghiêm hơn Nhật Nguyệt
Chúng sinh u minh đều mở sáng



3_ **Mihira** ứng với Nguyện thứ ba:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Trí Tuệ, phương tiện vô biên lượng
Vật cần thọ dụng đều không tận
Không để chúng sinh có thiếu thốn.



4_ **Andira** ứng với Nguyện thứ tư:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Khiến các Tà Hạnh trụ Chính Đạo
Nếu người hành Thanh Văn, Độc Giác
Đều dùng Đại Thừa mà an lập



5_ **Majira** ứng với Nguyện thứ năm:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Vô biên hữu tình tu Phạm Hạnh
Đều khiến đầy đủ ba **Tụ Giới**
Giả sử có phạm, lại trong sạch



6_ **Śandira** ứng với Nguyện thứ sáu:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình thân kém, chẳng đủ Căn
Nghe tên Ta xong, đủ các căn
Đoan chính, thông tuệ, không bệnh khổ



7_ **Indra** ứng với Nguyện thứ bảy:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình: mọi bệnh, nghèo túng, khổ
Danh hiệu của Ta thoáng qua tai
Thân tâm an vui, đủ của cải



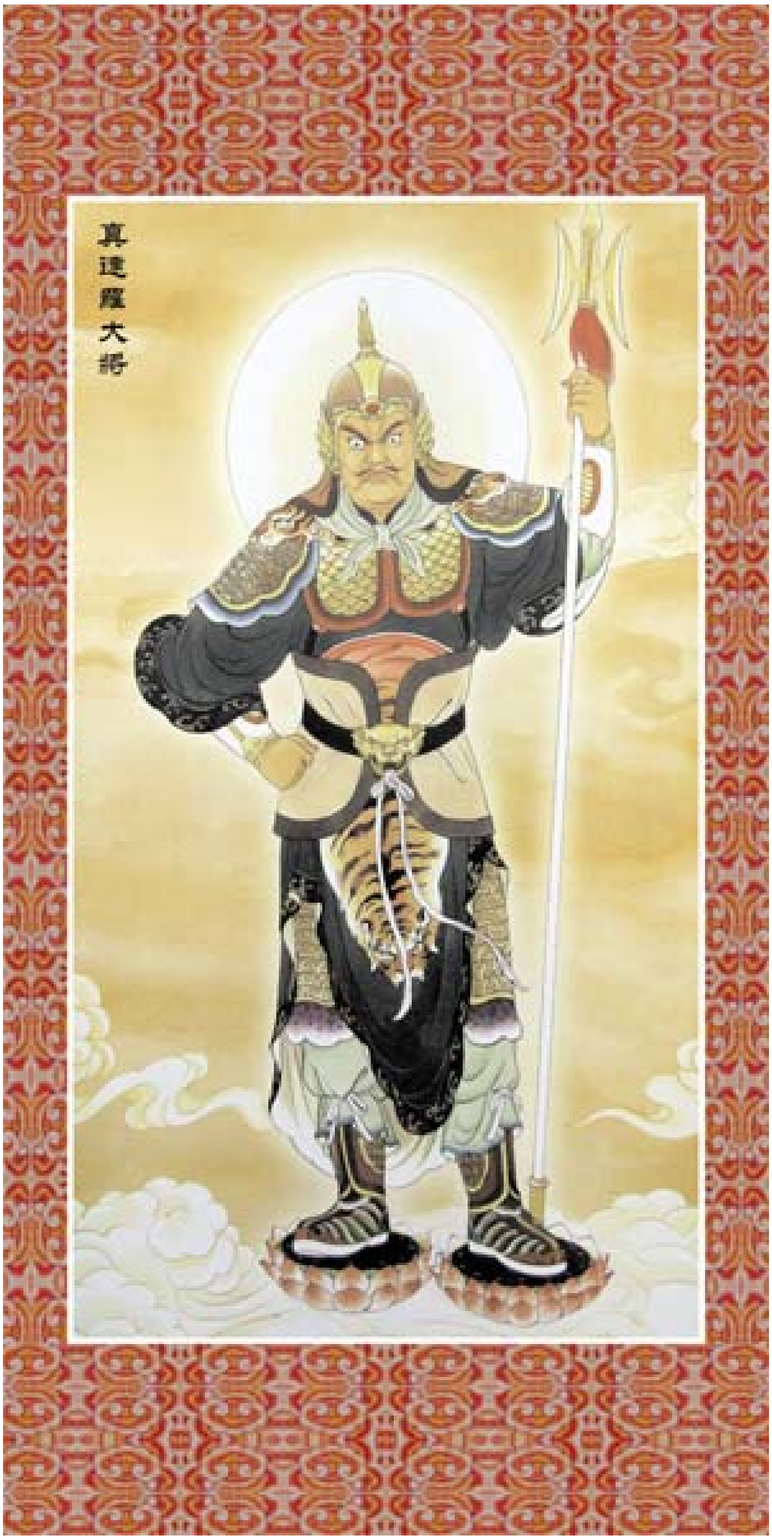
8_ **Pajra** ứng với Nguyện thứ tám:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Người nữ bị trăm ác bức bách
Sinh tâm chán lìa, nghe tên Ta
Liền được chuyển thành thân Trượng Phu



9_ **Makura** ứng với Nguyện thứ chín:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Khiến các hữu tình thoát lưới Ma
Thoát khỏi rừng rậm của Ngoại Đạo
Chính Kiến tu tập Hạnh Bồ Tát



10_ **Siṇḍura** ứng với Nguyện thứ mười:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình bị phép vua gây khổ
Với tai nạn khác ép thân tâm
Dùng uy thần Ta đều giải thoát



11_ **Catura** ứng với Nguyện thứ mười một:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình đói khát nhân tạo nghiệp
Ta cho ăn uống, thân no đủ
Sau dùng Pháp Vị, an vui hết



12_ **Vikarala** ứng với Nguyện thứ mười hai:
Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình không chỗ dựa, nóng lạnh
Chuyên niệm tên Ta được quần áo
Vật trang nghiêm báu cũng đầy đủ

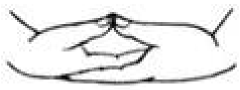


ẤN QUYẾT, CHÂN NGÔN CỦA PHẬT DƯỢC SƯ

Thông thường khi trì tụng các câu Chân Ngôn của Pháp Dược Sư thì dùng tay trái kết Kim Cương Quyền Ấn (Co ngón cái vào trong lòng bàn tay đặt dưới gốc ngón vô danh rồi nắm lại thành quyền) để ngửa trên gối trái, còn tay phải dùng để lần tràng hạt tính biến số .

1_ Thủ Ấn của Dược Sư Như Lai (1) _ Pháp Giới Định Ấn:

Dùng đầu gối trái nâng đỡ bàn tay trái, lòng bàn tay hướng lên trên. Tay phải đồng một cách với bàn tay trái, đặt chồng lên trên bàn tay trái sao cho hai ngón cái cùng trụ đầu ngón.



Hoặc lại có Thuyết nói là: Trên Định Ấn , quán cái bầu thuốc. Trong bầu thuốc nhận chứa thuốc màu nhiệm của 12 Đại Nguyện đến độ thoát chúng sinh.

Chân Ngôn là:

[illegible]

[illegible]

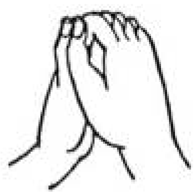
[illegible]

NAMO BHAGAVATE BHAIṢAJYA GURU VAIḌŪYA PRABHĀ-RĀJĀYA TATHĀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ BHAIṢAJYE BHAIṢAJYE BHAIṢAJYA SAMUDGATE SVĀHĀ

2_Dược Sư Như Lai Căn Bản Ấn:

Hai tay tác Nội Phộc, kèm dựng hai ngón cái, hai cổ tay cách nhau khoảng ba thốn (3 tấc Tàu), co cong hai ngón cái cài chéo nhau ba lần.



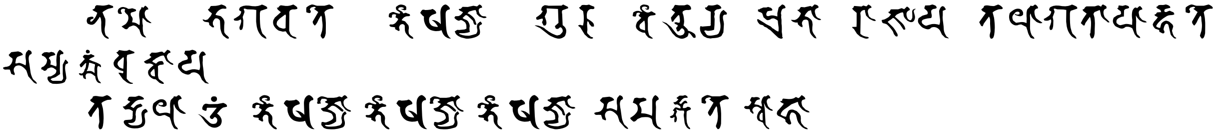
Trong Nội Phộc: Bốn ngón tay trái là bốn Đại của chúng sinh, bốn ngón tay phải là bốn Đại của cõi Phật. Tất cả bệnh chướng, nguyên từ bốn Đại chẳng điều hòa mà khởi, cho nên dùng bốn Đại của cõi Phật làm cho bốn Đại của giới chúng sinh được điều hòa.

Đưa hai ngón cái qua lại rồi co cong cài chéo nhau, nắm ba bệnh thuộc bốn Đại trong Nghiệp Giới của chúng sinh, triệu vời vào trong bầu thuốc thành ba loại thuốc: **Lý, Trí, Giáo**

Lại Nội Phộc biểu thị cho vành trăng, hai ngón cái có nghĩa là loại bỏ hai ***Ngã*** (Năng Ngã, Sở Ngã)**,** dùng triệu thỉnh hai ***Không*** **Nhân Pháp** (Nhân Không, Pháp Không)

Đây là Ấn căn bản của Dược Sư Như Lai, lại gọi là Dược Sư Ấn

Chân Ngôn là:



NAMO BHAGAVATE BHAIṢAJYA GURU VAIḌŪYA PRABHĀ-RĀJĀYA TATHĀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ BHAIṢAJYE BHAIṢAJYE BHAIṢAJYA SAMUDGATE SVĀHĀ

_ **Đại Chú** có tên gọi là **Dược Sư Quán Đỉnh Quang diệt trừ nhất thiết chúng sinh nghiệp chướng bệnh khổ Đà La Ni** hoặc gọi tắt là **Dược Sư Phật Chú** hay **Dược Sư Quán Đỉnh Quang Chân Ngôn**. Chân Ngôn là :

NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAIḌURYA PRABHĀ RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA (Quy mệnh Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng , Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OṂ (Tam thân quy mệnh)

BHAIṢAIJYE (Như thuốc. Đây là Quán Niệm Thiện Căn Dược, tức là thuốc trị Nghiệp Tật và biểu thị cho Ý MẬT)

BHAIṢAIJYE (Như thuốc. Đây là Chú Dược, tức là thuốc trị Quỷ Tật và biểu thị cho NGỮ MẬT)

BHAIṢAIJYA (Thuốc. Đây là Y Dược, tức là thuốc trị bệnh về 4 Đại và biểu thị cho THÂN MẬT)

SAMUDGATE (Thượng Thắng, phát sinh tự độ tự tha)

SVĀHĀ (Quyết định thành tựu. Nguyện xin Đức Dược Sư cho con quyết định thành tựu Chú này)

Công năng của Bài Chú này là: Nếu có người thường thọ trì Chân Ngôn này thì hay bứt nhổ tất cả tội nặng sinh tử của quá khứ trong thân, chẳng phải trải qua Tam Đồ (3 nẻo ác : Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Địa Ngục) miễn lìa cửu hoạnh (9 loại tai nạn xảy xa bất thình lình) vượt mọi nỗi khổ



Tiểu Chú có tên gọi là Dược Sư Phật Tâm Chú. Chú là :



*) OṂ_ HULU HULU CAṆḌALI MATAṄGI _ SVĀHĀ

OṂ (Tam thân quy mệnh)

HULU HULU (Nhanh chóng, cực nhanh chóng)

CAṆḌALI (Tướng bạo ác)

MATAṄGI (Tượng Vương, Voi chúa)

SVĀHĀ (Thành tựu)

Lúc lễ bái Đức Dược Sư Như Lai. Miệng tụng Chân Ngôn này thì được phước báu, tiêu trừ tai nạn.

_Theo Mật Giáo Tây Tạng thì Bài Đại Chú có tên gọi là Dược Sư Phật Chú đồng thời có vài chỗ sai khác là :

OṂ NAMO BHAGAVATE BHAIṢAJYA GURU VAIḌURYA PRABHA RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA (Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OṂ (Quy mệnh)

BHAIṢAJYE (Như Thuốc)

BHAIṢAJYE (Như Thuốc)

MAHĀ-BHAIṢAJYA-RĀJA (Đại Dược Vương)

SAMUDGATE (Thắng Thượng)

SVĀHĀ (Ngài khéo nói như vậy)

Công đức của Bài Chú này chuyên trừ bệnh khổ, tăng thọ mệnh, miễn trừ nạn mưa đá, hay tiêu trừ tất cả tai nghiệp, sau khi chết được vãng sinh về Thế Giới Thanh Tịnh Lưu Ly, vĩnh viễn chẳng bị thoái chuyển, thẳng đến thành Phật



.) Tiểu Chú: "OṂ_ BHAIṢAJYE BHAIṢAJYE MAHĀ-BHAIṢAJYA-RĀJA SAMUDGATE SVĀHĀ" được gọi là **Dược Sư Phật Tâm Chú**

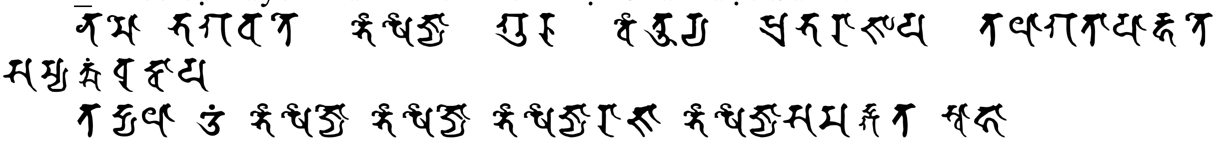
Chú này được dùng để gia trì vào Dược Vật để tác Pháp trị bệnh.

Phật Sống Tây Khang NẶC NA dạy rằng: "Phàm trị bệnh thông thường, lấy Dược Phẩm hoặc nước sạch, hoặc thực vật như quả Trám, Thanh Quả, hồng, táo, trà, gạo…. Một hai thứ rồi chân thành tụng Dược Sư Phật Tâm Chú 1080 biến, quán tưởng Đức Phật Dược Sư giáng lâm Đàn Trường. Do Ấn của chữ HỒNG (𑖮𑖳𑖽: HŪṂ) phóng ra ánh sáng chiếu soi các Dược Vật. Gia trì như vậy xong, uống vào liền khỏi bệnh

Nếu trị các chứng ác hiểm, cố tật cho đến bệnh câm điếc, tất cả bệnh khó trị. Nên lấy Dược Vật đặt trong cái bình sạch, lấy giấy viết chữ HỒNG (𑖮𑖳𑖽: HŪṂ) xếp thành hình vuông, bọc giấy lụa màu hồng, lấy sợi dây tơ màu hồng cột buộc lại rồi đặt lên trên Dược Vật, đầu giấy để thừa một chút bỏ ở ngoài cái bình, dùng lụa màu hồng hoàng đậy miệng bình, lấy chỉ màu hồng lục cột luồn rồi đem cái bình đó cúng ở Tịnh Thất . Vào Đàn đốt hương lễ Phật, tay phải đặt ở vành ngoài cái bình, chân thành tụng Dược Sư Tâm Chú, quán tưởng Đức Phật Dược Sư giáng lâm Đàn Trường.

Trước hết, từ chữ HỒNG (𑖮𑖳𑖽: HŪṂ) ở trong bình phóng ra ánh sáng cúng dường Đức Phật Dược Sư. Tiếp theo, từ chữ HỒNG (𑖮𑖳𑖽: HŪṂ) của Dược Sư Phật Tâm Ấn phóng ra ánh sáng cúng dường 10 phương Phật. Mười phương Phật cũng đều phóng ra ánh sáng tương ứng. Hai luồng ánh sáng tương ứng gặp nhau, hỗn hợp thành một. Mười phương Phật thảy đều biến thành Đức Phật Dược Sư, tất cả chúng sinh ở 6 nẻo của 10 phương với Ta gặp công đức của ánh quang minh này thảy đều tiêu diệt tội nghiệp, khỏi hết bệnh tật, hết thảy biến thành Đức Phật Dược Sư, tất cả đều tụng Dược Sư Phật Chân Ngôn. Như vậy một lúc, tưởng ánh sáng này quay trở lại nhập vào Dược Sư Phật Tâm Ấn tức chữ HỒNG (𑖮𑖳𑖽: HŪṂ) với chữ HỒNG (𑖮𑖳𑖽: HŪṂ) trong bình. Lúc này tất cả công đức của Dược Sư đều tụ ở trong cái bình khiến cho thuốc trong bình đều biến thành Cam Lộ, tất cả bệnh tật đều có thể trị lành. Lúc đấy dứt tuyệt Ngoại Duyên, chân thành trì tụng Dược Sư Phật Tâm Chú và phát Tâm Đại Bồ Đề cứu độ bệnh khổ của tất cả chúng sinh. Mỗi lần trì tụng nên đủ 1080 biến, nhiều hơn càng tốt. Cứ như thế 7 ngày, 21 ngày hoặc 49 ngày. Mỗi ngày tu Pháp: một Đàn, hai Đàn, ba Đàn đều được. Đợi đến mãn kỳ, đem ra dùng ắt không có bệnh gì không trừ ngay được. Nếu chuyên tu Pháp này dùng làm Thời Khóa thì công hiệu càng lớn".

_ Theo sự truyền thừa khác thì bài Đại Chú Dược Sư là:



*) NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAIḌŪRYA PRABHA RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ : OṂ_ BHAIṢAIJYE BHAIṢAIJYE BHAIṢAIJYA-RĀJA BHAIṢAIJYA-SAMUDGATA_ SVĀHĀ

[NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAIḌŪRYA PRABHA RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA (Quy mệnh Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng , Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

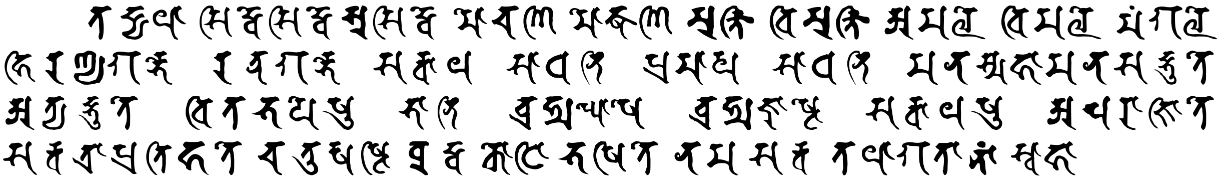
OṂ (Tam thân quy mệnh)

BHAIṢAIJYE (Như thuốc. Đây là thuốc trị các bệnh về thân)

BHAIṢAIJYE (Như thuốc. Đây là thuốc trị các bệnh về Tâm)

BHAIṢAIJYA-RĀJA (Dược Vương Bồ Tát chuyên chữa trị các bệnh về thân thể và khuyến tấn Hành Giả thực hiện viên mãn Phước Đức)
BHAIṢAIJYA- SAMUDGATA (Dược Thượng Bồ Tát chuyên chữa trị các bệnh về Tâm và khuyến tấn Hành Giả thực hiện viên mãn Trí Đức)
SVĀHĀ (Quyết định thành tựu Phật Quả)]

_Kinh **Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản Nguyện Công Đức**, quyển Thượng ghi nhận bài **Đại Lực Minh Chú** của **Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu** Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác là:



Tadyathā: Siddhe siddhe susiddhe_ mocaṇi mokṣaṇi _ mukti vimukti _ amale vimale maṃgale _ hiraṇya-garbhe ratna-garbhe _ sarvārtha sādhani_ pramārtha sādhani _ manas mahā-manas _ adbhute atyadbhute _ vītabhayeṣu bhāni _ brahma-ghoṣe brahma-juṣṭe _ sarvārthaṣu aparājite _ sarvatra apratihate _ caturṣaṣṭi buddha koṭi bhaṣite _ nama sarva tathāgatānāṃ svāhā

[**Tadyathā**: Như vậy, liền nói Chú là
Siddhe siddhe susiddhe: Thành tựu, thành tựu, khéo thành tựu
Mocani: Giải thoát, độ thoát
mokṣaṇi: giải phóng, giải thoát
mukti: hay giải thoát
vimukti: hay giải thoát khắp
amale: vô cấu, không có dơ bẩn
vimale: ly cấu, xa lìa sự dơ bẩn
maṃgale: cát khánh, sự vui sướng tốt lành
hiraṇya-garbhe: bên trong Kim Thạng
ratna-garbhe: bên trong bảo tạng
sarvārtha sādhani: nghi thức của tất cả nghĩa lợi
pramārtha sādhani: nghi thức lợi ích tối thắng, nghi thức của Đệ Nhất Nghĩa
manas: Tâm, Trí lực, tinh thần, tư tưởng, ý chí, tính hướng
mahā-manas: Đại Trí lực, Đại ý chí
adbhute: hiếm có, kỳ đặc, điều chẳng thể nghĩ bàn,
atyadbhute: rất hiếm lạ, chưa từng có
vītabhayeṣu bhāni: Trí Giác chẳng hoảng sợ
brahma-ghoṣe: Phạm âm
brahma-juṣṭe: mùi vị thanh tịnh
sarvārthaṣu aparājite: bên trong tất cả nghĩa lợi không có gì hơn được
sarvatra apratihate: tất cả nơi chốn không có trở ngại
catur-ṣaṣṭi buddha koṭi bhaṣite: Điều mà 64 ức Phật đã nói
nama sarva tathāgatānāṃ: Kính lễ tất cả chư Phật
svāhā: thành tựu cát tường]

_ Kinh **Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản Nguyện Công Đức**, quyển Hạ có ghi nhận Chân Ngôn của 7 Đức Phật Dược Sư tên là **Như Lai Định Lực Lưu Ly Quang**:

Tadyathā: kume kume _ini me dehi_ mati mati_ sapta-tathāgata-samādhi adhiṣṭhite

Ate mate paripāpa śodhane_ sarva pāpa nāśaya

Buddhe buddha-uttame ume kume buddha-kṣatra pariśodhane

Dharme ni dharme mero mero meruśikhare _ Sarva akāla-mṛtyu nivārani

Buddhiṣu buddhe buddha- adhiṣṭhanena rakṣa tume

Sarva devā same asame _ sāman -vā-harantu me

Sarva buddha bodhi-satva śame śame praśamyantu me

Sarva ītī upadhāva

Sarva vyādhana sarva satvānāṃca pūraṇe pūraṇe pūraya me

Sarva āśā vaiḍurya-prabhāse

Sarva pāpa kṣayaṃ-kare _ svāhā

[**Tadyathā :** Như vậy, liền nói Chú là

Kume kume :Sức mạnh, sức lực

Ini me dehi : ban cho tôi năng lực

Mati mati : quyết tâm tin nhớ

Sapta-tathāgata-samādhi adhiṣṭhite : Thần Lực gia trì của bảy **Như Lai Tam Ma Địa**

Ate-mate : Tuệ siêu việt

Paripāpa śodhane :làm cho mọi tội lỗi được trong sạch

sarva pāpa nāśaya : Trừ diệt tất cả tội

Buddhe : Trong sự giác ngộ

Buddha-uttame ume : cột buộc trong sự giác ngộ tốt thượng

kume : Sức lực

Buddha-kṣatra pariśodhane : làm cho cõi Phật đều trong sạch

Dharme ni dharme: Pháp hiện ra trong Pháp

mero mero : Cao lớn, diệu thắng (màu nhiệm vượt hơn hẳn)

meruśikhare : Đỉnh Tu Di

Sarva akāla-mṛtyu nivārani: Chận đứng tất cả sự chết yểu không đúng thời

Buddhiṣu buddhe: Giác ngộ trong mọi sự hiểu biết thông thái

buddha adhiṣṭhanena : Thần Lực gia trì của Đức Phật

rakṣa tume: Hộ giúp cho tôi

Sarva devā same asame: Tất cả hàng Trời không có gì ngang bằng

sāman-vā-harantu me: Thân thuộc (gần gũi) liền khiến cho tôi tiêu trừ tai họa

Sarva buddha bodhi-satva: tất cả Phật Bồ Tát

śame śame: Yên bình, vắng lặng
praśamyantu me: cho tôi sự yên bình thù thắng
Sarva ītī Upadhāva: Vượt qua khỏi tất cả não nạn bệnh tật
Sarva vyādhana: tất cả người mạnh mẽ
sarva satvānāṃca : với tất cả hữu tình
pūraṇe pūraṇe : Đầy đủ hai tư lương ***Phước Đức Trí Tuệ***
pūraya me: tôi được đầy đủ
Sarva āśā vaiḍurya-prabhāse: tất cả ưa muốn ánh sáng lưu ly (Lưu Ly Quang)
Sarva pāpa kṣayaṃ-kare: làm sạch hết tất cả tội lỗi
Svāhā : quyết định thành tựu]

_ Kinh **Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản Nguyện Công Đức**, quyển Hạ có ghi nhận **Chấp Kim Cương Bồ Tát** nói Thần Chú hộ giúp người trì tên của 7 Phật Dược Sư, nhớ nghĩ Bản Nguyện, Công Đức của Đức Phật ấy là:

Namo saptānāṃ-samyaksaṃbuddha

Namo sarva vajra-dhārāṇāṃ

Tadyathā: Oṃ_ vajre vajre mahā-vajre _ vajra-pāśa-dhāraṇi _ sama asama samanta apratihata vajre_ śama śama praśamamyantu _ sarva vyādhaya kuru kuru_ sarva karma aprāṇanī kṣaya samayam-anusmara _ bhagavaṃ vajra-pāṇi _ sarva āśā me paripūraya _ svāhā

[**Namo saptānāṃ-samyaksaṃbuddha** : Quy mệnh 7 Đức Chính Đẳng Chính Giác
Namo sarva vajra-dhārāṇāṃ : Quy mệnh tất cả các vị Trì Kim Cương
Tadyathā : Như vậy, liền nói Chú là
Oṃ : nhiếp triệu
vajre vajre mahā-vajre : bên trong Kim Cương, Kim Cương, Đại Kim Cương. Nghĩa là bên trong sự bền cứng không có hủy hoại (kim cương) của ba Thừa
vajra-pāśa-dhāraṇi : Kim Cương Sách Đà La Ni
sama asama : Đẳng vô đẳng
samanta apratihata vajre : bên trong khắp cả sự bền cứng không có trở ngại
śama śama: Vắng lặng, yên bình
praśamamyantu: ban cho sự vắng lặng thù thắng
sarva vyādhaya kuru kuru: tự mình làm, khiến người làm tất cả hành vi của người săn bắn
sarva karma aprāṇanī kṣaya : Dứt hết tất cả hơi thở chẳng đầy đủ của nghiệp
samayam-anusmara : nhớ lại Bản Thệ Nguyện
bhagavaṃ vajra-pāṇi : Thế Tôn Kim Cương Thủ
sarva āśā me paripūraya : khiến cho tôi đầy đủ ước nguyện
svāhā : Quyết định thành tựu]

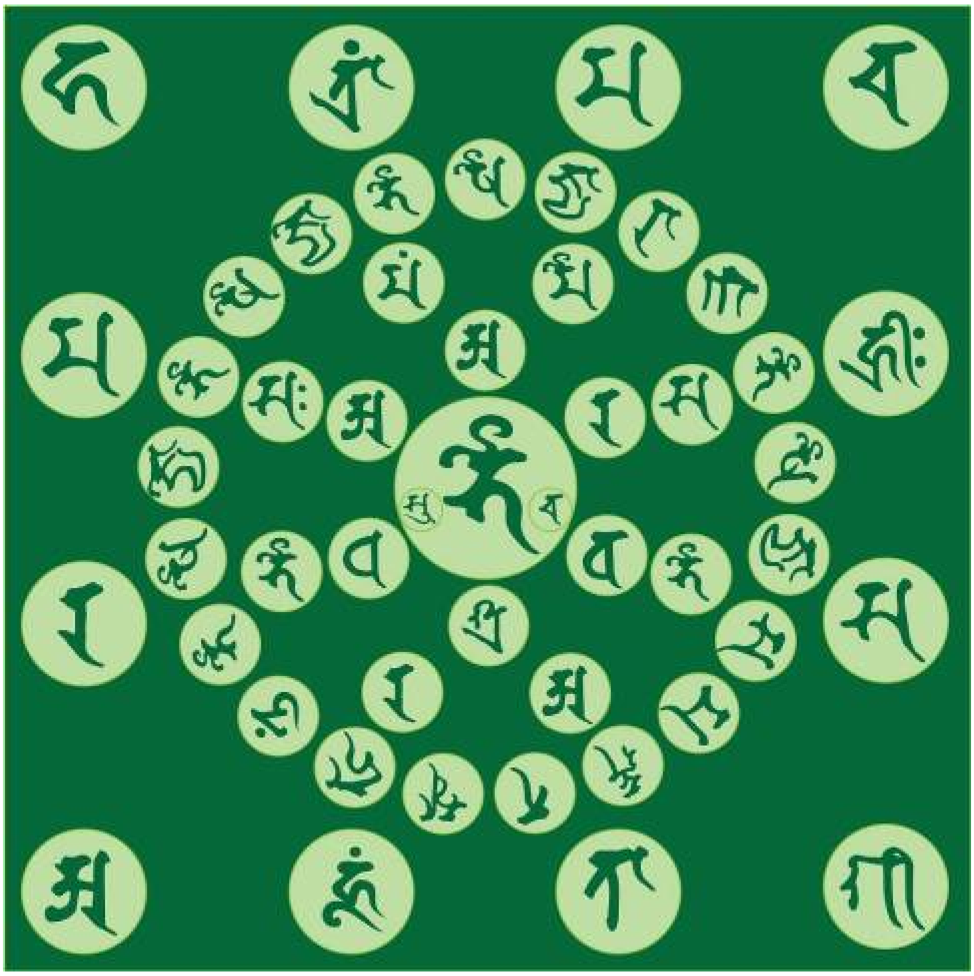
_ Thập nhị Dược Xoa Đại Tướng kết nguyện Thần Chú

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)
NAMO (Quy mệnh)
KUṂBHĪRA (Hợi Thần)
VAJRA (Tuất Thần)
MEHIRA (Dậu Thần)
ANDIRA (Thân Thần)
MAJIRA (Mùi Thần)
ŚANDIRA (Ngọ Thần)
INDRA (Tỵ Thần)
PAJRA (Thìn Thần)
MAKURA (Mão Thần)
SIṆḌURA (Dần Thần)
CATURA (Sửu Thần)
VIKARALA (Tý Thần)
NAMO BHAIṢAIJYA GURU VAIḌŪRYA PRABHĀ RĀJĀYA (Quy mệnh Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương)
TADYATHĀ (Liền nói Chú là)
BHAIṢAIJYE (Thuốc trị Nghiệp Tật)
BHAIṢAIJYE (Thuốc trị Quỷ Tật)
BHAIṢAIJYA (Thuốc trị bệnh 4 Đại)
SAMUDGATE (Phát sinh thắng thượng tự cứu mình cứu người)
SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện gặp phải nhiều chướng ngại, bị tất cả bệnh tật. Sản phụ bị tai ách lúc sinh sản… nguyện cầu mong chuyển họa thành phước và ngăn trừ bệnh nạn khó trị do Quỷ Thần gây ra. Hãy dùng chỉ Ngũ Sắc buộc thành sợi dây rồi gia trì Chú này vào, xong buộc lên cổ tay, cổ chân, eo bụng… của bệnh nhân. Nhưng vẫn nên thỉnh 7 vị Tăng, xây dựng Đạo Trường, làm Tượng Bản Tôn, viết Kinh Dược Sư, hành đạo 6 thời, tạo 7 tầng đèn, phướng Ngũ Sắc dài 49 xích. Mỗi ngày chuyển Kinh 49 lần, phóng sinh 49 mạng chim cá (Sinh vật sống dưới nước với loài sống trên bờ) ân cần cúng dường hoa quả trái theo từng mùa. Chú lên dây Ngũ Sắc và phát nguyện. Lại dùng Ấn Chú gia trì lên dây đủ 49 biến Chú thì kết 49 gút (1 biến Chú kết 1 gút) để làm dây đeo thì bệnh nạn ắt khỏi.

Ấn Quyết của câu Chú trên có tên gọi là Nhất Thiết Dược Xoa Pháp Ấn : Đem 4 ngón tay phải hướng ra ngoài câu móc 4 ngón của tay trái. Dựng thẳng cứng 2 ngón cái rồi đưa qua đưa lại. Câu Chú trên có thể đọc tắt là: "OṂ KUVERA SVĀHĀ", hoặc: "OṂ KUṂBHĪRA VAJRA SVĀHĀ", hoặc: "OṂ KUṂBHĪRA SVĀHĀ". Ấn Chú này còn được dùng để kêu gọi chư vị Dược Xoa Đại Tướng vào Đàn để nhận sự cúng dường.

DƯỢC SƯ PHÁP ĐÀN



I_Lớp thứ nhất ở trung ương

_ Chính giữa: **Dược Sư Như Lai,** chủng tử BHAI ( )

NAMO BHAGAVATE BHAṢAIJYA GURU VAIḌŪRYA PRABHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

_ Bên phải: **Nhật Quang Bồ Tát**, chủng tử SŪ ( )

OṂ _ NAMO SŪRYA-PRABHĀYA

_ Bên trái: Nguyệt Quang Bồ Tát, chủng tử CA ( )

OṂ _ NAMO CANDRA-PRABHĀYA

Chung quanh Đức Phật Dược Sư có sáu Đức Phật theo thứ tự là:

_Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai, chủng tử ŚRA ( )

NAMO BHAGAVATE AŚOKOTTAMA-ŚRĪ TATHĀGATĀYA

_ Pháp Hải Lôi Âm Như Lai, chủng tử DHA ( ))

NAMO BHAGAVATE DHARMA-KIRTI-SĀGARA-GHOṢA TATHĀGATĀYA

_ **Thiện Danh Xưng Cát Tường Như Lai**, chủng tử A (𑖀)

NAMO BHAGAVATE SUPARIKIRTI-NAMA-ŚRĪ-RĀJA TATHĀGATĀYA

_ **Pháp Hải Thắng Sắt Du Hý Thần Thông Như Lai**, chủng tử A (𑖀)

NAMO BHAGAVATE DHARMA-KIRTI-SĀGARĀGRA-MATI-VIKRIDITĀBHIJÑA-RĀJA TATHĀGATĀYA

_ **Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai,** chủng tử RA (𑖨)

NAMO BHAGAVATE RATNA-CANDRA-PADMA-PRATIMAṆḌITA PAṆḌITA-TAJAḤ-SVARAGHOṢA-RĀJA TATHĀGATĀYA

_ **Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Như Lai,** chủng tử VA (𑖪)

NAMO BHAGAVATE SUVARṆA-BHADRA-VIMALA-RATNA-PRABHA-SAVRATA TATHĀGATĀYA

II_ Lớp thứ hai vây chung quanh gồm tám vị Bồ Tát: (khởi đầu từ phương Đông Bắc, thứ tự xoay vòng theo bên phải)

1_ **Văn Thù Sư Lợi,** chủng tử MAṂ (𑖦𑖽)

OṂ _ NAMO MAṂJUŚRĪYA

2_ **Di Lặc**, chủng tử MAI (𑖦𑖹)

OṂ _ NAMO MAITREYĀYA

3_ **Quán Tự Tại,** chủng tử SA (𑖭)

OṂ _ NAMO AVALOKITEŚVARĀYA

4_ **Dược Vương**, chủng tử BHAI (𑖥𑖹)

OṂ _ NAMO BHAIṢAIJYA-RĀJĀYA

5_ **Vô Tận Ý**, chủng tử A (𑖀)

OṂ _ NAMO AKṢAYA-MATEYA

6_ **Bảo Đàn Hoa**, chủng tử RA (𑖨)

OṂ _ NAMO RATNA-MAṆḌALA-PUṢPAYA

7_ **Dược Thượng**, chủng tử BHAI (𑖥𑖹)

OṂ _ NAMO BHAIṢAIJYA-SAMUDGATĀYA

8_ **Đại Thế Chí**, chủng tử SAḤ (𑖭𑖾)

OṂ _ NAMO MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTĀYA

III_ Lớp thứ ba là Đại Chú Dược Sư:

OṂ_ BHAIṢAIJYE BHAIṢAIJYE BHAIṢAIJYA-RĀJA BHAIṢAIJYA-SAMUDGATA_ SVĀHĀ

IV_ Lớp thứ tư vây chung quanh gồm 12 vị Dược Xoa Đại Tướng

1_ **Dần Thần**: chủng tử A (𑖀)

OṂ _ NAMO SIṆḌURĀYA

2_ **Mão Thần**, chủng tử RA (𑖨)

OṂ _ NAMO MAKURĀYA

3_ **Thìn Thần**, chủng tử MA (𑖦)

OṂ _ NAMO PAJRĀYA

4_ **Tỵ Thần**, chủng tử HA (𑖮)

OṂ _ NAMO INDRĀYA

5_ **Ngọ Thần**, chủng tử TRĀṂ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖽)

OṂ _ NAMO ŚANDIRĀYA

6_ **Mùi Thần**, chủng tử MA (𑖦)

OṂ _ NAMO MAJIRĀYA

7_ **Thân Thần**, chủng tử CA (𑖓)

OṂ _ NAMO ANDIRĀYA

8_ **Dậu Thần**, chủng tử HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)

OṂ _ NAMO MEHIRĀYA

9_ **Tuất Thần**, chủng tử SA (𑖭)

OṂ _ NAMO VAJRĀYA

10_ **Hợi Thần**, chủng tử GÌ (𑖐𑖰)

OṂ _ NAMO KUMBHĪRĀYA

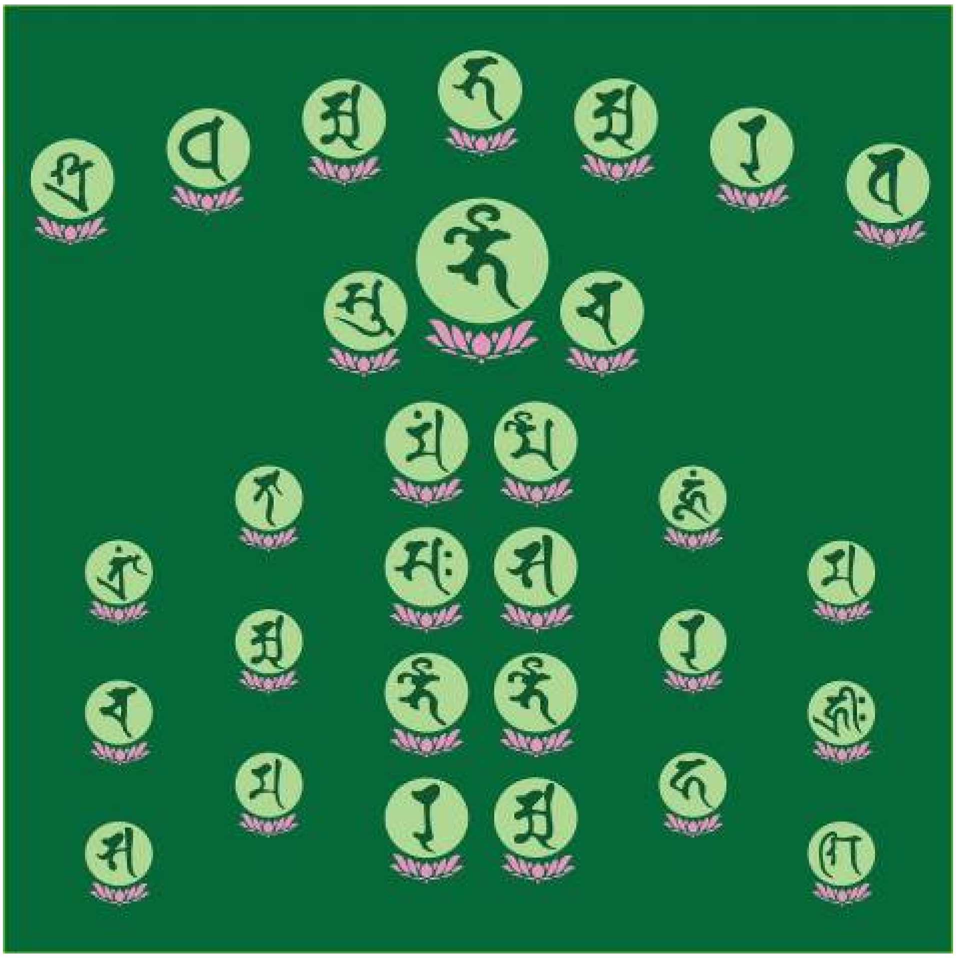
11_ **Tý Thần**, chủng tử TĀ (𑖝𑖯)

OṂ _ NAMO VIKARALĀYA

12_ **Sửu Thần**, chủng tử HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

OṂ _ NAMO CATURĀYA

DƯỢC SƯ ĐÀN



_ Lớp thứ nhất trên cùng từ trái sang phải là 7 Phật Dược Sư:

1) Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai, chủng tử ŚRA ()

NAMO BHAGAVATE AŚOKOTTAMA-ŚRĪ TATHĀGATĀYA

2) Pháp Hải Lôi Âm Như Lai, chủng tử DHA ())

NAMO BHAGAVATE DHARMA-KIRTI-SĀGARA-GHOṢA TATHĀGATĀYA

3) Thiện Danh Xưng Cát Tường Như Lai, chủng tử A ()

NAMO BHAGAVATE SUPARIKIRTI-NAMA-ŚRĪ-RĀJA TATHĀGATĀYA

4) Thích Ca Như Lai, chủng tử BHA ()

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYAMUṆAYE TATHĀGATĀYA

5) Pháp Hải Thắng Sắt Du Hý Thần Thông Như Lai, chủng tử A ()

NAMO BHAGAVATE DHARMA-KIRTI-SĀGARĀGRA-MATI-VIKRIDITĀBHIJÑA-RĀJA TATHĀGATĀYA

6) Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai, chủng tử RA ( )

NAMO BHAGAVATE RATNA-CANDRA-PADMA-PRATIMAṆḌITA PAṆḌITA-TAJAḤ-SVARAGHOṢA-RĀJA TATHĀGATĀYA

7) Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Như Lai, chủng tử VA ( )

NAMO BHAGAVATE SUVARṆA-BHADRA-VIMALA-RATNA-PRABHA-SAVRATA TATHĀGATĀYA

_ Lớp thứ hai từ trái sang phải là :

1) Chính giữa: **Dược Sư Như Lai,** chủng tử BHAI ( )

NAMO BHAGAVATE BHAṢAIJYA GURU VAIḌŪRYA PRABHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

2) Bên phải: **Nhật Quang Bồ Tát**, chủng tử SŪ ( )

OṂ _ NAMO SŪRYA-PRABHĀYA

3) Bên trái: Nguyệt Quang Bồ Tát, chủng tử CA ( )

OṂ _ NAMO CANDRA-PRABHĀYA

_Hai cột dọc ở giữa là 8 vị Đại Bồ Tát:

.) Cột bên trái từ trên xuống dưới:

1_ **Văn Thù Sư Lợi,** chủng tử MAṂ ( )

OṂ _ NAMO MAṂJUŚRĪYA

2_ **Đại Thế Chí**, chủng tử SAḤ ( )

OṂ _ NAMO MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTĀYA

3_ **Dược Vương**, chủng tử BHAI ( )

OṂ _ NAMO BHAIṢAIJYA-RĀJĀYA

4_ **Bảo Đàn Hoa**, chủng tử RA ( )

OṂ _ NAMO RATNA-MAṆḌALA-PUṢPAYA

.) Cột bên phải từ trên xuống dưới:

1_ **Di Lặc**, chủng tử MAI ( )

OṂ _ NAMO MAITREYĀYA

2_ **Quán Tự Tại,** chủng tử SA ( )

OṂ _ NAMO AVALOKITEŚVARĀYA

3_ **Dược Thượng**, chủng tử BHAI

OṂ _ NAMO BHAIṢAIJYA-SAMUDGATĀYA

4_ **Vô Tận Ý**, chủng tử A

OṂ _ NAMO AKṢAYA-MATEYA

_ Bốn cột bên ngoài từ trái sang phải là 12 vị Đại Tướng Dược Xoa:

.) Cột thứ nhất từ trên xuống dưới:

1_ **Ngọ Thần**, chủng tử TRĀṂ

OṂ _ NAMO ŚANDIRĀYA

2_ **Thân Thần**, chủng tử CA

OṂ _ NAMO ANDIRĀYA

3_ **Tuất Thần**, chủng tử SA

OṂ _ NAMO VAJRĀYA

.) Cột thứ hai từ trên xuống dưới:

1_ **Tý Thần**, chủng tử TĀ

OṂ _ NAMO VIKARALĀYA

2_ **Dần Thần**: chủng tử A

OṂ _ NAMO SIṆḌURĀYA

3_ **Thìn Thần**, chủng tử MA

OṂ _ NAMO PAJRĀYA

.) Cột thứ ba từ trên xuống dưới:

1_ **Sửu Thần**, chủng tử HŪṂ

OṂ _ NAMO CATURĀYA

2_ **Mão Thần**, chủng tử RA

OṂ _ NAMO MAKURĀYA

3_ **Tỵ Thần**, chủng tử HA

OṂ _ NAMO INDRĀYA

.) Cột thứ tư từ trên xuống dưới:

1_ **Mùi Thần**, chủng tử MA

OṂ _ NAMO MAJIRĀYA

2_ **Dậu Thần**, chủng tử HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)

𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖦𑖸𑖮𑖰𑖨𑖯𑖧

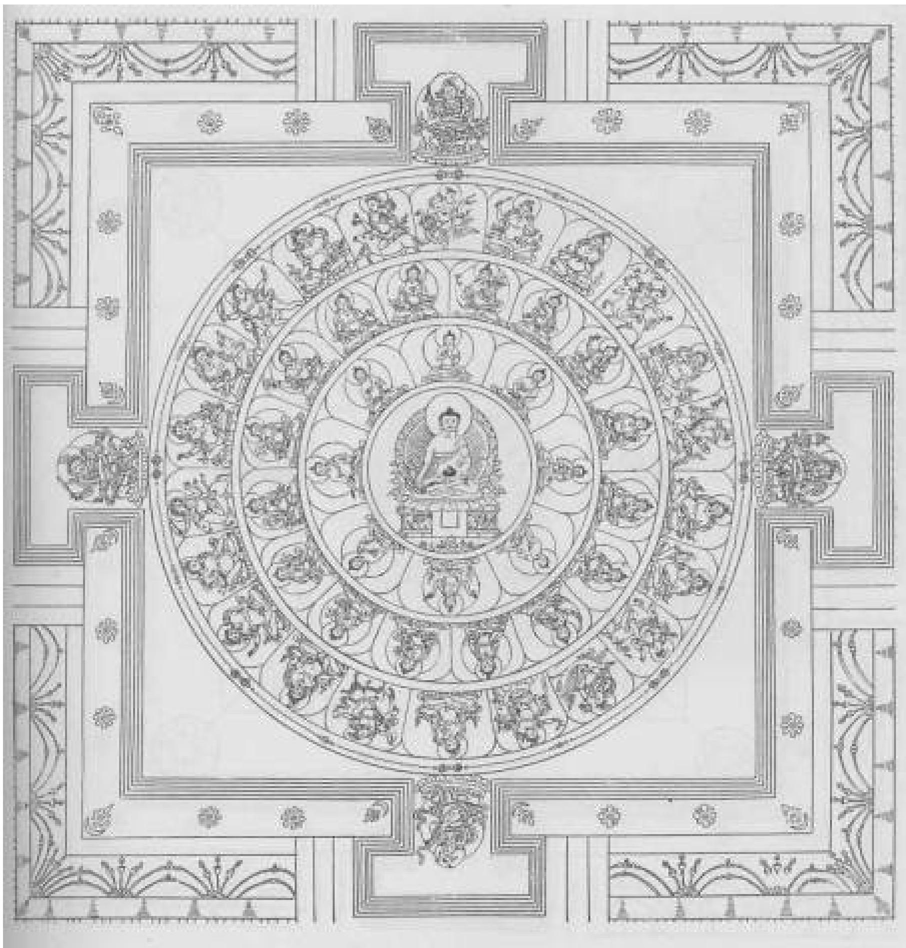
OṂ _ NAMO MEHIRĀYA

3_ **Hợi Thần**, chủng tử GĪ (𑖐𑖱)

𑖌𑖼 𑖡𑖦𑖺 𑖎𑖲𑖽𑖥𑖱𑖨𑖯𑖧

OṂ _ NAMO KUMBHĪRĀYA

51 HÓA THẦN DƯỢC SƯ ĐÀN



3. The 51-deity Bhaiṣajyaguru.

NHIÊN ĐĂNG PHẬT

Nhiên Đăng Phật, tên Phạn là Dīpaṃkara, dịch âm là Đề Hòa Kiệt La, Đề Hoàn Việt. Kinh **Thụy Ứng** nói là **Đĩnh Quang** (Đĩnh là chân của ngọn đèn), **Đại Trí Độ Luận** nói là **Nhiên Đăng**. Trong **Tứ Giáo Tập Giải** nói là: "Cũng có tên là Nhiên Đăng, cũng có tên là Đĩnh Quang. (ngọn đèn) có chân gọi là Đĩnh, không có chân gọi là Đăng. Chữ **Đĩnh** hoặc gọi là chữ **Định** thì chẳng đúng vậy"

Lại xưng là Nhiên Đăng Cổ Phật, tức là Đức Phật ở đời quá khứ đã thọ ký cho Bồ Tát Thích Ca. Ngoài ra còn có các danh xưng là Định Quang Như Lai, Đĩnh Quang Như Lai, Phổ Quang Như Lai, Đăng Quang Như Lai

_Kinh **Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả**, **quyển một** ghi chép: "Ngày Đức Phật này mới sinh ra, bốn phương đều sáng. Mặt trời, mặt trăng, viên ngọc lửa (hỏa Châu) chồng chất chẳng thể dùng. Do có sự kỳ lạ đặc biệt này nên gọi là Phổ Quang"

Đại Trí Độ Luận, quyển 9 cũng nói rằng: "Nhân khi Nhiên Đăng Phật sinh ra thời khắp tất cả thân như ngọn đèn, cho nên gọi là Nhiên Đăng, sau khi thành Phật cũng có tên là Nhiên Đăng"

Trong Nhân Hạnh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi mãn a tăng kỳ kiếp thứ hai thời gặp Đức Phật này ra đời, liền mua năm hoa sen đem cúng dường Đức Phật, trải vải che bùn lầy để cho Đức Phật ấy dẫm qua, xong được thọ ký thành Phật ở đời vị lai

_Kinh **Thụy Ứng** nói: "Thời của Đức Phật Đĩnh Quang thì Bồ Tát Thích Ca có tên là **Nhu Đồng** (Māṇava) thấy con gái của vương gia tên là **Cù Di Giả** cầm bảy hoa sen xanh, nên dùng 500 đồng tiền vàng mua năm hoa sen, hợp với hai hoa sen do cô gái ấy gửi thành bảy hoa sen cúng Phật. Lại thấy đất đầy bùn nên cởi áo che trùm mặt đất, nhưng chẳng đủ, liền duỗi tóc bày trên mặt đất rồi thỉnh Đức Phật dẫm qua. Đức Phật nhân đây thọ ký rằng: "Sau đây 91 kiếp, tên là **Hiền Kiếp** thì ông sẽ thành Phật, hiệu là **Thích Ca Văn Như Lai**"

_Y theo Kinh **Tu Hành Bản Khởi**, quyển Thượng đã thuật: "Xưa kia, nước **Đề Hòa Vệ** (Dīpavatī) có vị Thánh Vương tên là **Đăng Thịnh**, lúc lâm chung đem việc nước giao cho Thái Tử **Đĩnh Quang** (Dīpaṃkara), Thái Tử biết Thế Gian là vô thường bèn đem việc nước giao cho người em của mình, tức thời xuất gia. Sau khi thành Phật, du hành Thế Giới khai hóa quần sinh. Lúc đó có **Phạm Chí** (Brāhmaṇa) **Nhu Đồng** (Māṇavaka, hay Māṇava) gặp Đức Phật Đăng Quang du hóa, liền mua hoa cúng Phật kèm xõa tóc trải vải bày trên con đường bùn lầy rồi thỉnh Đức Phật đi qua. Đức Phật liền vì **Nhu Đồng** thọ ký ở đời vị lai được thành Phật. Vị Nhu Đồng ấy tức là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy"

Trong Kinh Phật nói, trước khi Đức Thích Ca Mâu Ni thành Phật đã từng đem 5 cọng hoa sen cúng dường Đức Phật Nhiên Đăng và được thọ ký sau 91 kiếp trong đời Hiền Kiếp sẽ thành Phật. Ngay trong Kinh Phật đã ghi chép rất nhiều Phật, Bồ Tát đều từng là Đệ Tử bên dưới tòa.

_Kinh **Tăng Nhất A Hàm, quyển 13** và **Tứ Phần Luật, quyển 31** cũng thuật Bản Duyên của Nhiên Đăng Phật, nhưng điều đã nói lược có sai khác

_Trong **Thập Quyển**, **quyển thứ hai** ghi nhận hình tượng của Định Quang Như Lai là: "Ngồi Kiết Già, hai tay để dưới rốn trụ **An Ấn**"



Ngoài ra, Tôn Tượng của Đức Phật Nhiên Đăng được thờ phụng theo nhiều dạng thức khác nhau











Định Quang Phật Chân Ngôn là:
Oṃ_ samādhi-jvala svāhā

PHẬT NHÃN PHẬT MẪU

Phật Nhãn Phật Mẫu Tên Phạn là: Buddha-locanī, dịch âm là: Một Đà Lộ Tả Nẵng, Bộ Đà Lỗ Sa Na. Lại xưng là Phật Nhãn, Phật Nhãn Tôn, Phật Mẫu Tôn, Phật Mẫu Thân, Phật Nhãn Bộ Mẫu, Phật Nhãn Minh Phi, Hư Không Nhãn Minh Phi, Hư Không Tạng Nhãn Minh Phi, Nhất Thiết Như Lai Phật Nhãn Đại Kim Cương Cát Tường, Nhất Thiết Phật Mẫu Tôn. Tôn này được an trí tại hai viện **Biến Tri** và **Thích Ca Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) biểu thị cho **Bát Nhã** (Prajña), **Nhất Thiết Trí** (sarva-jña)



HÌNH TƯỢNG CỦA PHẬT NHÃN PHẬT MẪU

_**Kim Cương Phong Lâu Các Nhất Thiết Du Chỉ Kinh, quyển Hạ**, Phẩm **Kim Cương Cát Tường Đại Thành Tựu** ghi rằng: " **Nhất Thiết Phật Mẫu** trụ ở hoa sen trắng lớn. Thân tác ánh trăng sáng màu trắng, có 2 mắt, mỉm cười, 2 tay để dưới rốn như nhập vào **Sa Ma Tha** (Śamatha: Thiền Chỉ). Từ tất cả chi phần sinh ra Nghi Nga Sa Câu Chi Phật, mỗi một vị Phật đều tác lễ tôn kính nơi đã sinh ra".

_**Bồ Đề Tràng Sở Thuyết Nhất Tự Đỉnh Luân Kinh, quyển 2,** Phẩm **Nghi Quỹ vẽ Tượng** ghi rằng: "Phật Nhãn Minh Phi có hình như Thiên nữ, ngồi toà sen báu, thân màu vàng ròng, các món trang nghiêm tốt đẹp, mắt nhìn xuống chúng hội, khoác áo tơ nhẹ, quấn ràng góc, tay phải cầm báu Như Ý, tay trái Thí Nguyện Ấn, hào quang tròn vòng khắp, ánh sáng rực rỡ, dáng thân tịch tịnh"

_**Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh, quyển 9** ghi rằng: "Tay phải sấp bóng (bối quang), hiển lòng bàn tay trái, duỗi để dưới rốn, ngồi Kiết Già"

_**Đại Thánh Diệu Cát Tường Bồ Tát Thuyết Trừ Tai Giáo Lệnh Pháp Luân** ghi rằng: "Thân màu hoa sen hồng, tay trái kết **Ngũ Nhãn Ấn**, tay phải kết **Như Lai Quyền**"

_Phần lớn đều ghi nhận Phật Nhãn Phật Mẫu nhiếp thuộc **Phật Bộ** (Buddha-kulāya) do Đại Nhật Như Lai đã biến hiện ra. Nhưng **Du Chỉ Kinh** nói Tôn ấy nên nhiếp thuộc **Phật Đỉnh Bộ** (Buddhoṣṇīṣa-kulāya) cùng với **Nhất Tự Kim Luân** (Ekākṣara-Uṣṇīṣa-cakra) đồng Thể, do **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) đã biến hiện ra mà điều đặc sắc nhất là dùng Tinh Tú làm quyến thuộc. Tu tập Pháp này có thể tiêu trừ tai nạn, kéo dài tuổi thọ, tăng trưởng Phước Thọ.

Ngoài ra dùng Tôn này làm Tôn chính giữa (trung tôn) dựng lập Man Đa La thì xưng là **Phật Nhãn Man Đa La**. Tức vẽ ba tầng hoa sen tám cánh. Hoa Viện thứ nhất: ở Trung Đài vẽ **Đại Kim Cương Cát Tường Mẫu**, trên tám cánh vẽ **Nhất Thiết Phật Đỉnh Luân Vương** (tức Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh) và Sứ Giả của **bảy Diệu** (bảy vì sao). Hoa Viện thứ hai vẽ tám vị Đại Bồ Tát đều cầm Tiêu Xí của mình. Hoa Viện thứ ba vẽ tám vị Đại Kim Cương Minh Vương. Lại ở bốn phương bốn góc bên ngoài Hoa Viện vẽ tám vị Đại Cúng Dường với Sứ Giả của nhóm **bốn Nhiếp** đều đội mão sư tử".

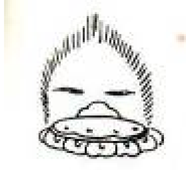
_ Tại **Biến Tri Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Phật Nhãn Phật Mẫu là nơi hóa hiện thuộc **Trung Đạo Diệu Trí** của Bát Nhã, nên là Tổng Mẫu sinh ra chư Phật Bồ Tát. Do là Mẫu sinh ra Công Đức của Phật Bộ nên xưng là Phật Mẫu hay Phật Bộ Mẫu. Lại do Tôn này có đủ năm loại mắt nên xưng là Phật Nhãn.

Pháp tu của Tôn này là Tức Tai và Giáng Phục. Quyến Thuộc của Tôn này là Tinh Tú.

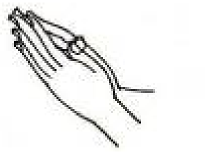
Tôn hình: Thân hiện màu thịt, đầu đội mão báu, tai đeo khoen vàng, cánh tay đeo vòng xuyến, thân khoác áo lụa màu hồng, tay kết Định Ấn, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là **Thù Thắng Kim Cương**
Chủng Tử là GA (𑖐) hoặc GAṂ (𑖐𑖽)
Tam Muội Gia Hình là Phật Đỉnh Nhãn



Tướng Ấn là: Hư Tâm Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖐𑖐𑖡 𑖪𑖨 𑖩𑖎𑖿𑖬𑖜𑖸 𑖐𑖐𑖡 𑖭𑖦𑖧𑖸 𑖭𑖨𑖿𑖪𑖝 𑖄𑖟𑖿𑖐𑖝 𑖀𑖥𑖰𑖭𑖯𑖨 𑖭𑖽𑖥𑖪𑖸 𑖕𑖿𑖪𑖩 𑖡𑖦𑖺 𑖀𑖦𑖺𑖑𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

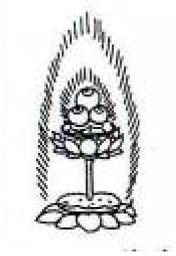
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ GAGANA VARA LAKṢAṆE_ GAGANA SAMAYE_ SARVATA UDGATA ABHISĀRA SAṂBHAVE JVALA_ NAMO AMOGHĀNĀṂ_ SVĀHĀ

_ Tại **Thích Ca Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Phật Nhãn Phật Mẫu được xưng là **Nhất Thiết Như Lai Bảo** (Sarva-tathāgata-maṇi), **Năng Tịch Mẫu** là nơi hóa hiện của Bát Nhã Trung Đạo Diệu Trí. Là Tổng Mẫu sinh ra chư Phật, Bồ Tát trong hai Bộ **Kim, Thai**. Dùng điều ấy làm Mẫu sinh ra công đức của Phật Bộ, cho nên xưng là **Phật Mẫu** (Buddha-mātā). Lại do dùng đủ 5 loại mắt cho nên có tên gọi là **Phật Nhãn** (Buddha-locana). Pháp tu ấy chủ về Tức Tai hoặc Giáng Phục. Điều đặc sắc nhất là Tôn này dùng các Tinh Tú làm quyến thuộc.

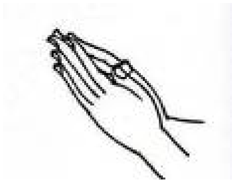
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón giữa ngón vô danh; hơi co ngón út, duỗi ngón cái và ngón trỏ. Tay trái co cánh tay cầm hoa sen bên trên có viên ngọc Như Ý. Hướng mặt về phương bên trái hơi ngước nhìn.



Mật Hiệu là: **Bảo Tướng Kim Cương.**
Chữ chủng tử là: HA (𑖮) hay TA (𑖝)
Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen, hoặc Phật Đỉnh Nhãn.



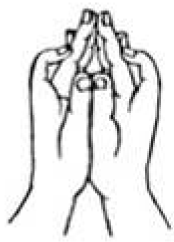
Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVATHĀ VIMATI VIKIRAṆA_ DHARMA-DHĀTU NIRJATA SAṂ SAṂ HĀ_ SVĀHĀ

_ Thông thường các Kinh Bản hay dùng các Thủ Ấn và Chân Ngôn như sau:
.)Phật Nhãn Căn Bản Đại Ấn (1):
Chắp hai tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), hơi co hai ngón trỏ đều vịn bên cạnh lưng lóng thứ hai của hai ngón giữa.

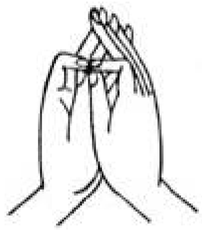


Trong **Du Chỉ Kinh** có nói: Hơi mở hai ngón út. Nhưng **Đại Nhật Kinh** là đem hai ngón út, hai ngón vô danh để ở trong lòng bàn tay.
Ấn này là Ấn có đầy đủ năm loại mắt
Chân Ngôn là:

NAMO BHAGAVATE UṢṆĪṢA _ OṂ RURU SPHURU JVALA TIṢṬA SIDDHA LOCANI – SARVĀRTHA SĀDHANE – SVĀHĀ.

.) Phật Nhãn Căn Bản Đại Ấn (2):
Kim Cương Hợp Chưởng, co kèm hai ngón trỏ sao cho đầu ngón hợp nhau, kèm dựng hai ngón cái trụ nhẹ bên cạnh đầu ngón trỏ. Tên gọi là **Thời Xứ Quỹ Chi Tam**

Nhãn Cụ Túc Ấn. Hoặc xưng là **Nhất Nhãn Cụ Túc Ấn, Kim Nhãn Ấn…**Lại có nói Pháp là: Hư Tâm Hợp Chưởng, cong các ngón tay



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ OṂ BUDDHA-LOCANI SVĀHĀ



BẠCH TẢN CÁI PHẬT ĐỈNH

Bạch Tản Cái Phật Đỉnh có tên Phạn **Sitàtapatra-uṣṇīṣa** (dịch âm là Tất đát bát đát la Ô Sắt Nị Sa) hay **Uṣṇīṣa-sitàtapatra** (dịch âm là Ô Sắt Nị Sa Tát đát đa bát đát la). Dịch nghĩa là Bạch Tản Phật Đỉnh, Tản Cái Phật Đỉnh, Tản Phật Đỉnh, Bạch Tản Cái Phật Đỉnh.



Bạch Tản Cái Phật Đỉnh là cái lọng màu trắng của Phật Đỉnh, biểu thị cho Đức Tính **Đại Bi trắng tinh của Phật**

Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Kinh có ghi: "Lúc bấy giờ Đức Phật Thích Ca hiện thân thành **Phật Đỉnh Vương** (Uṣṇīṣa-rājan) đứng dưới cái lọng trắng, thân hình giống như một cái lọng trắng che trùm cả 3 ngàn Đại Thiên Thế Giới này"

Do Đức Tính Từ Bi tươi trắng của Phật mà Bạch Tản Cái Phật Đỉnh còn biểu thị cho sự **Dùng Tĩnh Đức của Phật che trùm tất cả Tam Giới**

Trong Mật Giáo, **Phật Đỉnh Tôn** (Uṣṇīṣa-śpaskatā) là các Tôn Hình biểu hiện cho sự tối thắng của **Phật Trí** (Buddha-jñāna) thông qua hình thái **Chuyển Luân Vương** (Cakravarttin) thống lãnh 4 Châu thiên hạ do Đức Thích Ca Như Lai nhập vào **Chuyển Luân Vương Tam Ma Địa** (Cakravartti-rāja-samādhi) mà thị hiện. Các Tôn này được bố trí ở bên trái và bên phải của Viện Thích Ca trong **Thai Tạng Giới Mạn Đà La** (Garbha-dhātu-maṇḍala). Phía trái có 5 Tôn gọi là Ngũ Phật Đỉnh biểu thị cho 5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai, hay 5 Tôn này biểu thị cho Công Đức của **Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng** (Tướng nhục kế của Như Lai không thể thấy biết được)

Trong Viện này, **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh** biểu thị cho mọi tướng của Như Lai, dùng cái lọng Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh làm Bản Thệ, có tướng mạo Bồ Tát rất vui vẻ đoan nghiêm. Thân hình màu vàng. Tay trái cầm hoa sen, trên sen có cái

lọng màu trắng. Tay phải hơi gập cánh tay co đều 5 ngón ngang vai, ngón cái vịn đầu ngón trỏ. Ngồi Kiết Già trên tòa sen màu đỏ.



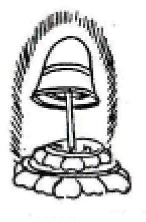
Về ý nghĩa của màu sắc thì:

.) Màu trắng tượng trưng cho Tâm tinh sạch, thường dùng để tu Pháp Tịch Tai (Śāntika_ Tức Tai)

.) Màu vàng tượng trưng cho Phước Đức, thường dùng để tu Pháp Tăng Ích (Puṣṭika)

.) Màu đỏ tượng trưng cho Uy Đức, thường dùng để tu Pháp Hàng Phục hay Giáng Phục (Abhicāruka)

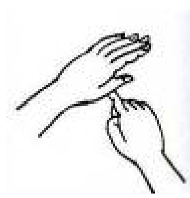
Tam Muội Gia Hình của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh là cái lọng trắng đặt trên hoa sen, biểu thị cho Bản Nguyện **Dùng tàn lọng Từ Bi trắng tươi để che chở cho chúng sinh**



Mật Hiệu của Ngài là **Dị Tướng Kim Cương**

Chủng Tử của Ngài là LAṂ ( ) có ý nghĩa là **Ánh sáng Trí Tuệ che trùm Pháp Giới chúng sinh** đồng thời chữ LAṂ cũng biểu thị cho chân nghĩa **Vô Tướng chẳng thể đắc** hoặc **Tất cả Pháp Tướng chẳng thể đắc**

Tướng Ấn là **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn**: Chưởng trái hơi mở các ngón tay rồi úp chưởng xuống. Tay phải nắm thành quyền, dựng đứng ngón trỏ chỉ vào tâm lòng bàn tay trái thành hình cái lọng



Trong Ấn này thì 5 ngón tay trái biểu thị cho 5 Đại của chúng sinh, còn ngón trỏ của tay phải biểu thị cho Phật Giới. Ấn này còn có ý nghĩa là **Sinh ra cái lọng Bất Nhị của Phật để che chở giúp đỡ cho chúng sinh.**

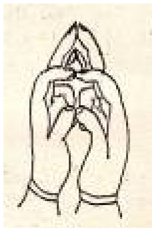
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ LAṂ _ SITĀTAPATRA UṢṆĪṢA _ SVĀHĀ

hoặc đọc tắt là:

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ LAṂ

_ Trong Đạo Trường Kinh lại ghi thêm **Đại Ấn Căn Bản** của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh , dùng gia trì Pháp Lực cho Đạo Trường là: *"Chắp 2 tay lại giữa trống không (Không Tâm Hợp Chưởng) co 2 ngón vô danh vào lòng bàn tay, đặt mặt 2 ngón cái trên móng 2 ngón vô danh, co tròn 2 ngón trỏ giống như hình cái lọng".*



Đặt Ấn ngang trái tim, tụng Chân Ngôn 7 lần xong bung Ấn trên đỉnh đầu. Chân Ngôn là:

Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nam, a bát la để hạ đa xã sa nẵng nẫm. Án. Đát tha nghiệt đổ sắt ni sa, a nẵng phộc lộ cát đề mẫu lật đà, bạc ngật-la phộc la đề. Án ma ma, hồng, nễ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀṂ APRATIHATA ŚASANĀNAṂ (Kính lễ khắp cả chư Phật và các Bậc nói Pháp không chướng ngại)

OṂ_ TATHĀGATOṢṆĪṢA (Quy mệnh Như Lai Đỉnh) ANĀVALOKITE MUDRA (Tuân theo Ấn Quán Chiếu) CAKRA VARTTI (Xoay chuyển bánh xe Pháp)

OṂ (Nhiếp triệu) MAMA (Tôi) HŪṂ (Thành tựu) NI (Danh Tướng tốt đẹp)

_ Đại Phật Đỉnh Pháp có ghi thêm **Tội Chướng Trừ Ấn** là: *"10 ngón tay buộc chặt nhau trong lòng bàn tay (Kim Cương Nội Phộc Quyền Ấn) co 2 ngón giữa như đỉnh kế"*. Tụng Chân Ngôn là:

TADYATHĀ : OṂ _ ANALE ANALE _ VIŚADA VIŚADA _ BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRAPĀṆI PHAṬ _ HŪṂ BHRŪṂ PHAṬ _ SVĀHĀ

Quán chữ của Chân Ngôn này sinh ra từ miệng tràn khắp 10 phương Pháp Giới đều thành Thân Phật, mỗi một thân Phật phóng ra vô lượng ánh sáng gia trì Người Niệm Tụng. Bấy giờ thân tâm của Hành Giả an vui, đột nhiên được **Pháp Minh Đạo** (Đường lối sáng tỏ của Pháp) chẳng chuyển nhục thân, hiện chứng Bồ Đề Vô Thượng.

_ Theo Truyền Thống của Mật Giáo Tây Tạng thì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh được thờ phụng dưới hình thức Bạch Tản Cái Phật Mẫu.

Đức Dalai Lama đời thứ 7 (1708 _ 1757) ghi nhận Tôn Tượng có 3 mặt 6 tay. Mỗi một mặt đều có 3 mắt. Mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh dương, mặt bên trái màu đỏ. Ba tay bên phải lần lượt cầm cái lọng, mũi tên, móc câu. Ba tay bên trái lần lượt là: Kết Ấn Phẫn Nộ, cầm cây cung, cầm cây kiếm. Tóc kết thành một búi ngay trên đỉnh đầu, thân đeo mọi loại trang sức quý báu, mặc quần áo lụa mềm mại, ngồi Kiết Già ở chính giữa vòng hào quang trong suốt sáng rực.





.) **Tay cầm cái lọng**: biểu thị cho Tâm Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh

.) **Tay cầm mũi tên**: biểu thị cho Pháp bắn các chướng ác của chúng sinh khiến cho họ tìm được bạn tốt lành

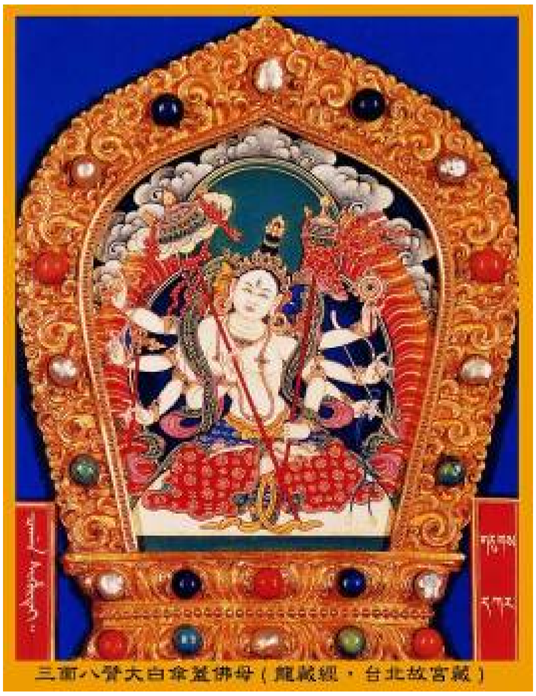
.) **Tay cầm móc câu**: biểu thị cho nghĩa hô triệu Thiện Thần Long Vương thường ủng hộ

.) **Tay kết Ấn phẫn nộ**: biểu thị cho nghĩa giáng phục tất cả Ma Oán

.) **Tay cầm cây cung**: biểu thị cho nghĩa giúp cho chúng sinh thành tựu sự nghiệp

.) **Tay cầm cây kiếm**: biểu thị cho Trí Tuệ cắt đứt tất cả phiền não

_Truyền Thống khác ghi nhận Tôn Tượng Bạch Tản Cái Phật Mẫu có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt, tóc kết thành một búi trên đỉnh đầu, có các vật báu trang sức. Thân khoác áo lụa mỏng, mặc quần lụa thêu hoa văn, có 8 tay. Bốn tay bên phải theo thứ tự cầm cái lọng, chày Tam Cổ Kim Cương, mũi tên, móc câu. Bốn tay bên trái theo thứ tự cầm cái bình báu, bánh xe 8 căm, cây cung, sợi dây



三面八臂大白傘蓋佛母（龍藏經・台北故宮藏）

.) **Tay cầm cái lọng**: biểu thị cho Tâm Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh

.) **Tay cầm chày Tam Cổ Kim Cương**: biểu thị cho sự giáng phục tất cả Nội Ma, Ngoại Ma, Tâm Ma

.) **Tay cầm mũi tên**: biểu thị cho Pháp bắn các chướng ác của chúng sinh khiến cho họ tìm được bạn tốt lành

.) **Tay cầm móc câu**: biểu thị cho nghĩa hô triệu Thiện Thần Long Vương thường ủng hộ

.) **Tay cầm cái bình báu**: biểu thị cho sự rưới Cam Lộ tràn khắp, ban Phước cho chúng sinh

.) **Tay cầm bánh xe tám căm**: biểu thị cho nghĩa phát Tâm Bồ Đề, được Bất Thoái Chuyển và trừ dứt nghiệp luân hồi

.) **Tay cầm cây cung**: biểu thị cho nghĩa giúp cho chúng sinh thành tựu sự nghiệp

.) **Tay cầm sợi dây**: biểu thị cho sự trừ khử sự sợ hãi khiến cho được an ổn



Chân Ngôn thường dùng để xưng tụng 2 Tôn Tượng trên là:

OṂ _ SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA SITĀTAPATRE (Quy mệnh Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HŪṂ PHAṬ (Khủng bố phá bại)

HŪṂ (Tâm Bồ Đề) MAMA (Tôi) HŪṂ (Hộ vệ) NI (Danh tướng tốt đẹp) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)





Ngoài ra các vị Đạo Sư Tây Tạng còn truyền dạy Tôn Tượng Thiên Thủ Thiên Diện Bạch Tản Cái Phật Mẫu với thân hình màu vàng, cởi trần chỉ quấn các dải lụa màu trắng và màu xanh vòng qua vai buông rũ quanh thân. Hạ thể mặc quần lụa 5 màu: hồng, xanh lá cây lợt, đỏ, xanh dương, vàng đất có điểm hoa văn. Đeo 3 chuỗi anh lạc rũ quang cổ, ngực, bụng. Các tay đều đeo vòng xuyến, các tai đều đeo vòng khuyên. Hai tay co trước ngực, tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái cầm cây lọng trắng. Các tay còn lại đều bao quanh thân thành những vòng tròn, mỗi cánh tay đều có một con mắt. Một ngàn mặt, mỗi mặt đều có 3 mắt. Mặt chính giữa hơi nghiêng đầu về bên phải, bên trái có 2 mặt, bên phải có 2 mặt. Các đầu còn lại theo thứ tự từng cái một chồng lên cao từ đỉnh đầu của mặt chính. Thân đứng duỗi chân phải, co đầu gối chân trái, cả 2 chân đều đạp trên các loại chúng sinh và tất cả đều ở trên tòa sen nhiều màu. Chung quang Tôn Tượng đều rực lửa thành hào quang bầu dục có đỉnh nhọn.



Chân Ngôn thường dùng để xưng tụng Tôn Tượng này là:

OṂ_ SITĀTAPATRE PARĀJITE (Quy mệnh Bạch Tản Cái Năng Thắng) SARVA GRAHAṂ (Tất cả các Chấp) TRĀŚAYA TRĀŚAYA (3 nơi cư trú) HANA HANA (Đánh đập) ṬRŪṂ ṬRŪṂ (chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**) HŪṂ HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Kinh **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni** ghi nhận rằng: "**Bạch Tản Cái Phật Mẫu** (Sitātapatra-buddha-mātṛ) có một mặt 2 tay và 3 con mắt, ngồi theo thế Kim Cương Già Phu, tay phải tác Vô Bố Úy Ấn, tay trái cầm cái lọng trắng để ngang ngực, nghiêm sức bằng mọi thứ Anh Lạc. Thân màu trắng tinh khiết như ánh mặt trời chiếu soi trên núi Tuyết, có đủ tướng vui vẻ, hiển **Vô Tự Tính** (Không có Tự Tính)"



.) **Thân màu trắng**: biểu thị cho nghĩa dùng **Tịnh Đức của Đức Phật** che trùm khắp ba cõi

.) **Tay cầm cái lọng**: biểu thị cho Tâm Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh

.)**Tay tác Vô Bố Úy Ấn**: biểu thị cho nghĩa giúp cho chúng sinh không còn sự sợ hãi

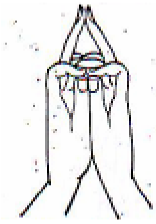




_Do trong quyển thứ 7 của Bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm có ghi nhận bài **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni** (Mahā-sitātapatroṣṇīṣa-dhāraṇī) thường gọi là **Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú** (Sūraṃgama-mantra) kèm theo phương cách xây dựng Đạo Trường (Mandala), công năng lợi ích và lời thề nguyện ủng hộ giúp đỡ người tu hành của các vị Kim Cương, các vị Trời, các vị Thần, các vị Quỷ Vương…. Nên một số Bậc Đạo Sư đã dùng bài Chú này làm pháp tu hành cho mình và giòng phái của mình, đồng thời mở rộng thành pháp tu cho người khác, nổi bật nhất là Khóa Tụng buổi sáng **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú** được nhiều người tuân thủ tu hành.

Theo Hòa Thượng LINH NGHIÊM thì bài **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni** này được kết hợp bởi 5 Phật Đỉnh nên có thể dùng 5 Ấn Chú của 5 Phật Đỉnh để gia trì Pháp Lực

1) **Kim Luân Phật Đỉnh Ấn:** Kèm 2 bàn tay dựng thẳng đứng, co 2 ngón cái (2 lóng tay ngang bằng nhau) sao cho đầu ngón dính nhau ở trong lòng bàn tay.



Đặt Ấn ngang trái tim, tụng Chân Ngôn là:
Bột-lỗ Án
𑖥𑖿𑖨𑖳𑖽
BHRŪṂ

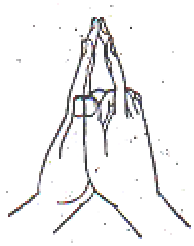
2) **Phổ Thông Thành Tựu Phật Đỉnh Ấn:** Hai tay kết Hư Tâm Kim Cương Hợp Chưởng như hoa ở ngay trong chưởng, tụng Phật Đỉnh Chân Ngôn là:
Án_ Sa ngật-la vạt để, án, hồng
𑖌𑖼 𑖓𑖎𑖿𑖨 𑖪𑖨𑖿𑖝𑖰 𑖌𑖼 𑖮𑖳𑖽
OṂ_ CAKRA VARTTI – OṂ HŪṂ

3) **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn:** Hai ngón cái vịn trên 2 móng ngón vô danh cùng hợp nhau, co 2 ngón trỏ như hình cái lọng, hơi co 2 ngón giữa lại.



Chân Ngôn là:
Án_ Ma ma nặc
𑖌𑖼 𑖦𑖦 𑖡𑖰𑖾
OṂ_ MAMA NIḤ

4) **Quang Tụ Phật Đỉnh Ấn:** Y theo Bạch Tản Cái Phật Đỉnh lúc trước, chỉ tách mở 2 ngón trỏ.



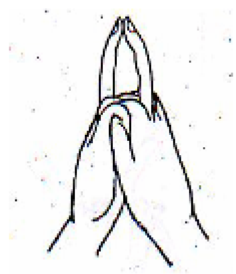
Chân Ngôn là:

Nhập phộc la, nhập phộc la, đà ca, đà ca, vĩ đà ca, vĩ đà ca, ná la, ná la, vi ná la, vi ná la, sân ná, sân ná, tần ná, tần ná, hồng hồng, phát tra, sa ha



JVALA JVALA _ DAKA DAKA _ VIDAKA VIDAKA _ DARA DARA _ VIDARA VIDARA _ CCHINDHA CCHINDHA _ BHINDHA BHINDHA _ HŪṂ HŪṂ PHAṬ _ SVĀHĀ

5) **Nhất Thiết Biện Sự Phật Đỉnh:** Hai tay cài chéo các ngón bên trong, dựng 2 ngón giữa rồi co lóng trên như cây kiếm. Chuyển bên trái 3 vòng thành Tịch Trừ, chuyển bên phải 3 vòng thành Kết Giới.



Chân Ngôn là:

Án_ Tra-lỗ-án



OṂ _ ṬRŪṂ

_Do diệu dụng của Chú Đà La Ni là tạo ra sự suy nghĩ cho Hành Giả, giữ gìn và thâu tóm nghĩa lý làm tiền đề cho sự tham khảo của Hành Giả tạo nên đề mục quán tưởng trì niệm nhằm đi vào Chính Định để phát sinh Trí Tuệ. Còn Thần Chú là ngôn ngữ bí mật được phát ra do sức Thiền Định nên có thần lực không thể đo lường. Vì thế các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã đề ra một phương pháp trì niệm là: Đọc tụng nghĩa lý của Đà La Ni trước (phần Minh Chú) sau đó trì tụng Âm Phạn của Đà La Ni (phần Thần Chú) nhằm phối hợp viên dung cả hai phần Hiển và Mật. Đây cũng là nét chính của bản Kinh **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni**

Lại nữa, vì *hình sắc của chữ* biểu thị cho **Thân Mật**, *âm thanh của chữ* biểu thị cho **Khẩu Mật**, *ý nghĩa của chữ* biểu thị cho **Ý Mật** cho nên một số Đạo Sư Mật Giáo đã đề ra phương pháp tu hành là: "Mắt quán sát hình sắc của chữ, miệng đọc tụng âm thanh của chữ, tâm ý quán tưởng ý nghĩa của chữ" nhằm nâng cao và hợp nhất sự gia trì của 3 Mật để thanh lọc tịnh hóa Thân, Khẩu, Ý mau chóng chứng được Trí Tuệ giải

thoát. Đây chính là đường nét căn bản của cách tu tập **Pháp Mạn Đa La** (Dharma Mandala) của Tâm Chú Lăng Nghiêm

𑖩𑖽 𑖌𑖼 𑖀𑖡𑖩𑖸 𑖀𑖡𑖩𑖸 𑖪𑖰𑖫𑖟 𑖪𑖰𑖫𑖟 𑖤𑖡𑖿𑖠 𑖤𑖡𑖿𑖠 𑖤𑖡𑖿𑖠𑖡𑖰 𑖤𑖡𑖿𑖠𑖡𑖰 𑖪𑖹𑖨 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖢𑖯𑖜𑖰 𑖣𑖘𑖿 𑖮𑖳𑖽 𑖥𑖿𑖨𑖳𑖽 𑖣𑖘𑖿 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

LAṂ _ OṂ ANALE ANALE _ VIŚADA VIŚADA _ BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRAPĀṆI PHAṬ _ HŪṂ BHRŪṂ PHAṬ _ SVĀHĀ

LAṂ (𑖩𑖽) có màu trắng tinh khiết mang ý nghĩa là: ánh sáng Trí Tuệ che trùm khắp Pháp Giới Chúng Sinh. Đây chính là **Chủng Tự** (Bīja) của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, chủng tử này cũng biểu thị cho chân nghĩa **Vô Tướng chẳng thể đắc** hoặc **tất cả Pháp Tướng chẳng thể đắc**

OṂ (𑖌𑖼): Cảnh giác nhiếp triệu

ANALE (𑖀𑖡𑖩𑖸): Ngọn lửa của Thần Linh. **Anale** được lập lại 2 lần minh họa sự kêu gọi Lửa Trí Tuệ hãy mau chóng tịnh hóa lửa 3 Độc **tham, sân, si** cho ta và người

VIŚADA (𑖪𑖰𑖫𑖟): Sự thanh tịnh. **Viśada** được lập lại 2 lần minh họa cho sự cần phải mau chóng làm cho Nội Chướng và Ngoại Chướng được thanh tịnh

BANDHA (𑖤𑖡𑖿𑖠): Cột trói. **Bandha** được lập lại 2 lần minh họa cho sự mau chóng cột trói Nội Chướng và Ngoại Chướng có tính chất hiển hiện mạnh mẽ hung bạo.

BANDHANI (𑖤𑖡𑖿𑖠𑖡𑖰): Cột trói. **Bandhani** được lập lại 2 lần minh họa cho sự mau chóng cột trói Nội Chướng và Ngoại Chướng có tính chất ẩn tàng, âm ỷ, sâu kín

VAIRA (𑖪𑖹𑖨): Sự chống lại, sự can đảm dũng cảm, có năng lực khác thường

VAJRAPĀṆI (𑖪𑖕𑖿𑖨𑖢𑖯𑖜𑖰): Kim Cương Thủ. Đấng cầm chày Kim Cương

PHAṬ (𑖣𑖘𑖿): Phá bại mọi chướng

HŪṂ (𑖮𑖳𑖽): Chủng Tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

BHRŪṂ (𑖥𑖿𑖨𑖳𑖽): Chủng tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi công đức

PHAṬ (𑖣𑖘𑖿): Phá bại mọi chướng

SVĀHĀ (𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯): Quyết định thành tựu

Trên đây là bài Tâm Chú Thủ Lăng Nghiêm do Ngài Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG (Amogha-vajra: Bất Không Kim Cương) truyền thụ cho Đệ Tử đã Quán Đỉnh tu Quán Niệm. Còn thông thường thì truyền dạy là

TADYATHĀ : OṂ ANALE ANALE _ VIŚADA VIŚADA _ BANDHA BANDHA _ BANDHANI BANDHANI _ VAIRA VAJRAPĀṆI PHAṬ _ HŪṂ BHRŪṂ PHAṬ _ SVĀHĀ

Ngoài ra còn có thêm 6 bài **Lăng Nghiêm Tâm Chú** với những chỗ đồng dị như sau

1_ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Đức Dalai Lama thứ 7 (Ghi trong quyển Meditations on the Lower Tantras, A Sitataptra Sadhana, tr 126):

TADYATĀ, OṂ ANALE ANALE, PIṢHADE PIṢHADE PIṢHADE , VAIRA VAIRA , VAJRADHARĪ , BANDA BANDUNĪ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

2_ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Tam Tạng Pháp Sư SA BA LA:

OṂ_ ANALE ANALE _ VIŚUDDHE VIŚUDDHE _ VIRE VIRE _ VAJRADHĀRI_ BANDHA BANDHA _ VAJRAPĀṆI PHAṬ _ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ _ HŪṂ ṬRŪṂ BANDHA PHAṬ _ SVĀHĀ

3_ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Thiên Trúc Đại Sư TUẤN BIỆN:

OṂ_ ANALE ANALE _ VIŚUDDHE VIŚUDDHE _ VĪRA VAJRADHĀRI _ BANDHA BANDHA _ VAJRAPĀṆI PHAṬ _ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ _ HŪṂ ṬRŪṂ PHAṬ _ SVĀHĀ

4 _ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Ngài Bát Lạt Mật Đế (Bản Phổ Thông):

OṂ_ ANALE VIŚUDDHE _ VAIRA VAJRADHĀRI _ BANDHA BANDHANI _ VAJRAPĀṆI PHAṬ _ HŪṂ BHRŪṂ (? HŪṂ ṬRŪṂ) PHAṬ _ SVĀHĀ

5 _ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Ngài Bát Lạt Mật Đế (Bản ghi trong Kinh Lăng Nghiêm trong Mật Tạng Bộ 2) :

OṂ_ ANALE VIŚUDHE _ VAIRA VAJRADHĀRI _ BANDHA BANDHANI _ VAJRAPĀṆI PHAṬ _ HŪṂ ṬRŪṂ _ SVĀHĀ

OṂ _ HŪṂ VIŚUDDHE _ SVĀHĀ

6 _ Riêng phần Chân Ngôn trong cuối bản Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni do Đức Phật Sống NẶC NA truyền thụ thì có nhiều nét sai khác với Chân Ngôn do các Ngài SA BA LA và TUẤN BIỆN truyền dạy. Chân Ngôn ấy là :

TADYATHĀ: OṂ _ ANALE ANALE _ KHASAME KHASAME _ VAIRE VAIRE _ SOME SOME _ ŚANTA ŚANTA _ DĀNTE DĀNTE _ VIṢADE VIṢADE _ VĪRI VĪRI _ DEVI _ VAJRADHĀRI _ BANDHA BANDHANI _ VAJRAPĀṆI PHAṬ

OṂ _ HŪṂ HŪṂ ṬRŪṂ ṢṬOṂ PHAṬ_ SVĀHĀ

HÙM TRÙM BANDHA PHAT _ VADAGALA 'SRUTA 'SIG _ SVÀHÀ

OṂ _ VAJRAPĀṆI BANDHA BANDHA _ VAJRA PRAŚENA MAMA _ SARVA DUṢṬOṂ VINAYAKA HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ _ SVĀHĀ

Tuy nhiên Đức Phật Sống NẶC NA lại truyền dạy bài Lăng Nghiêm Tâm Chú ở nơi khác như sau:

TADYATHĀ: OṂ _ ANALE ANALE _ VIŚUDDHE VIŚUDDHE _ VIRE VIRE _ SOME SOME _ VAJRADHĀRIṆI _ CCHINDHA CCHINDHA _ BHINDHA BHINDHA _ VAJRAPĀṆI HŪṂ PHAṬ _ SVĀHĀ

HŪṂ ṬRŪṂ BANDHA PHAṬ _ SVĀHĀ

Qua sự khảo cứu các bản truyền thừa trên, ta nhận thấy Chủng Tử của Tâm Chú Lăng Nghiêm được truyền dạy ở Tây Tạng là HŪṂ ṬRŪṂ , còn truyền thừa ở Trung Hoa và Nhật Bản là HŪṂ BHRŪṂ

Nếu căn cứ vào bản phiên âm của Trong Hoa và Nhật Bản là **Hổ-hồng, đô-lô-ung** kèm với bài **Kim Cương Xí Thịnh Quang Minh Phật Đỉnh Luân Vương Tự Tại Thập Tự Chân Ngôn**

NAMO VAIROCANĀYA (Quy y Đại Nhật) NAMO BHAGAVATE UṢṆĪṢĀYA (Quy y Thế Tôn Phật Đỉnh) ĀḤ (Đại Phật Đỉnh) TRŪṂ (Quang Tụ Phật Đỉnh) ṬRŪṂ (Phát Sinh Phật Đỉnh) DHRŪṂ (Tản Cái Phật Đỉnh) DRŪṂ (Thắng Phật Đỉnh) HRŪṂ (Trừ Chướng Phật Đỉnh) ŚRŪṂ (Quảng Phật Đỉnh) BHRŪṂ (Tối Thắng Phật Đỉnh) SRŪṂ (Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh) HŪṂ (Phổ Thông Phật Đỉnh) BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA (10 Phật Đỉnh)

Thì **Hổ-hồng, đô-lô-ung** chỉ có thể là phần phiên âm của HŪṂ ṬRŪṂ hoặc HŪṂ DHRŪṂ. Tại sao các bậc Đạo Sư Mật Giáo ở Trung Hoa lại dùng 2 chủng tử

HŪṂ BHRŪṂ ? Phải chăng các Ngài đã dùng 2 chủng tử HŪṂ BHRŪṂ để nhấn mạnh nghĩa thú căn bản để tu chứng của Đà La Ni này ? ! …

Nếu dựa vào ý nghĩa thì HŪṂ () là chủng tử biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** hoặc **Sự Thành Tựu**

BHRŪṂ () là chủng tử biểu thị cho **nơi quy thú của mọi Công Đức** .

ṬRŪṂ () là chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

DHRŪṂ () là chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra sự giữ gìn tàn lọng Từ Bi trắng tinh để che chở cho Chúng Sinh**

Khi đi liền nhau thì HŪṂ BHRŪṂ biểu thị cho nghĩa **Tâm Bồ Đề là nơi quy thú của mọi Công Đức**

HŪṂ ṬRŪṂ biểu thị cho ý nghĩa **Nhờ Tâm Bồ Đề mà Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

HŪṂ DHRŪṂ biểu thị cho ý nghĩa **nhờ Tâm Bồ Đề mà Tự Ngã phát sinh ra sự giữ gìn tàn lọng Từ Bi trắng tinh để che chở cho chúng sinh**

Theo ý kiến riêng của người soạn dịch thì **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú** chính là **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni**. Trên căn bản thì Pháp tu trì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh chuyên về Pháp **Tức Tai** (Śāntika: Cách thức ngăn ngừa và dứt trừ mọi tai họa, tội chướng) nhằm hỗ trợ cho người tu Thiền Định mau chóng dứt trừ Nội Chướng và Ngoại Chướng mà thực chứng Trí Tuệ giải thoát. Ngài QUÁN NGUYỆT Pháp Sư cũng nhận định rằng*: "Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú có công năng điều trị mầm mống Ngũ Dục nhằm mau chóng hiển bày tính màu nhiệm của Như Lai Tạng*". Nhưng muốn mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát thì không thể nào không biết cách phát khởi Tâm Bồ Đề và nuôi lớn Tâm Đại Bi như Kinh Đại Nhật, quyển 1 có ghi *: "Tâm Bồ Đề là Nhân, Bi là gốc rễ và Phương Tiện là Cứu Cánh"*. Do đó 2 chủng tự HŪṂ DHRŪṂ có thể thỏa mãn được tinh thần này. Hơn nữa DHRÙM lại là chủng tử của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh cho nên rất phù hợp với Pháp tu trì Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú.

Nói theo cách khác. Như chúng ta đã biết sự truyền thừa Chính Pháp Giải Thoát của Phật Giáo được biến đổi hình thức giảng dạy cho phù hợp với căn cơ của từng người, từng địa phương miễn là thật sự giúp ích cho người đó, địa phương đó thâm nhập chứng ngộ được mùi vị giải thoát.Vì Tây Tạng là xứ của Quỷ Thần nên tâm Kiêu Mạn ham thích Thần Thông rất phát triển và khó cải hóa nên các Bậc Đạo Sư cần phải dùng chủng tử HŪṂ ṬRŪṂ để đánh phạt và nhắc nhở. Còn ở Trung Hoa, vốn đã có nền văn hóa phát triển, dân cư đông đúc kèm với sự phát triển của 2 Đạo: Khổng và Lão nên đại đa số chúng sinh ở vùng này ưa thích ham chuộng các Công Đức tối thắng siêu việt nên các Bậc Đạo Sư dùng chủng tử HŪṂ BHRŪṂ cũng như sắp đặt lại thứ tự quy kính các Tôn trong Bài Đà La Ni để khuyến tấn. Đây cũng là lý do cho chúng ta nhận thấy bản Chú Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đế có cách sắp xếp thứ tự các Tôn rất phù hợp với Kinh Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni của Tây Tạng, còn bài Đại Phật Đỉnh Đà La Ni của Ngài Bất Không Tam Tạng thì sắp thứ tự các Tôn ngược lại. Vì Nhật Bản lại theo học Trung Hoa nên cũng thường dùng 2 chủng tử HŪṂ BHRŪṂ. Riêng chủng tử DHRŪṂ của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh không được phổ biến nên chỉ dùng để truyền thụ riêng cho một số người có căn tính thích hợp mà thôi.

_Riêng Kinh **Đại Bạch Tản Cái Đà La Ni** có ghi nhận thêm 5 Tiểu Chú mà Thần Chú Lăng Nghiêm không có là:

1) **Đại Bạch Tản Cái Phẫn Nộ Kim Cương Khiển Ma Ủng Hộ Chú :**

TADYATHĀ (Liền nói Chú là) OṂ (Quy mệnh) ṢṬOṂ (Chủng tử) BANDHA BANDHA (Cột trói) MAMA (Tôi) RAKṢA RAKṢA MĀṂ (Ủng hộ thủ hộ tôi)

OṂ (Nhiếp triệu) HŪṂ ṢṬOṂ (Chủng tử) _ BANDHA BANDHA (Cột trói) _ VAJRA MAMA (Đấng Kim Cương của tôi) RAKṢA RAKṢA MĀṂ (Ủng hộ thủ hộ tôi) _ VAJRAPĀṆIYE (Kim Cương Thủ Đẳng) HŪṂ PHAṬ (Khủng bố phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

2) **Đại Bạch Tản Cái Thường Hằng Trì Tâm Chú:**

OṂ_ SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh) AVĀLOKITEC (Tuân theo sự quán chiếu) URṆATE (Bạch Hào tướng) JVALASĪ (Quang Minh)

OṂ (Nhiếp Triệu) JVALA JVALA (Phóng quang) DHAKA DHAKA (Uy quang) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Giáng phục khắp) CCHINDHA CCHINDHA (Cắt đứt) BHINDHA BHINDHA (Xuyên thấu) HŪṂ HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là **Phật Đỉnh Tâm Chú**:

Namo sarva-jñāya

Oṃ_ tathāgatoṣṇīṣa (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrdha tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūṃ** (thành tựu)**_ jvala jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda cchinda, bhinda bhinda, hūṃ phaṭ phaṭ svāhā**]

3) **Đại Bạch Tản Cái Tăng Trưởng Thân** (Gần gũi) **Thân** (Thể xác) **Chú:**

OṂ_ SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh) HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

4) **Đại Bạch Tản Cái Nhiếp Thọ Chú :**

TADYATHĀ (Liền nói Chú là) ANALE ANALE (Ngọn lửa linh thiêng) KHASAME KHASAME (Thôi thúc tôi, thúc đẩy tôi) VAIRE VAIRE (Tinh tiến dũng mãnh) SOME SOME (Rượu bất tử, sự tốt lành) SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA (Thần lực của tất cả chư Phật) ADHIṢṬATE (Gia trì) SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA SITĀTAPATRE (Tất cả Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

5) **Đại Bạch Tản Cái Kiên Giáp Chú :**

HŪṂ (Tâm Bồ Đề) MAMA HŪṂ (Hộ vệ cho tôi) NI (Danh tướng tốt đẹp) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

_ Bản ghi nhận của Ngài Tây Khang **Nặc Na** Hô Đồ Khắc Đồ có đôi chỗ sai khác (Tham khảo ở phần Kinh Bản). Ngoài ra Ngài **Nặc Na** còn truyền thụ riêng bài **Lăng Nghiêm Trường Chú** là:

NAMO GURUBHYAḤ (Quy mệnh Thượng Sư Đẳng)

NAMO BUDDHĀYA (Quy y Phật Đẳng)

NAMO DHARMĀYA (Quy y Pháp Đẳng)

NAMO SAÑGHĀYA (Quy y Tăng Đẳng)

HŪṂ (Hộ vệ khắp) BHAGAVAN STHATHĀGATOṢṆĪṢA SITĀTAPATRAṂ (Xuất Hữu Hoại Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu) MAHĀ VAJROṢṆĪṢA MAHĀ-PRATIYUṄGIRE (Đại Kim Cương Đỉnh Kế Đại

Quýnh Già Mẫu) SAHASRA ‘SIRSAI [Thiên diện (Đầu) Thánh Mẫu] KOTI-ŚATA-SAHASRA NETRE (Thiên Vạn Nhãn Thánh Mẫu) ABHEṂDYA JVALATA NAṬANAKA MAHĀ-VAJRODĀRA (Cụ Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu) TṚBHUBANA MAṆḌALA (Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu)

ALAKṢNA GRAHĀ (Ma không có tướng) LAKṢNA GRAHĀ (Ma có tướng) PRACAKRA BHAYA (Nạn do quân binh xứ khác gây ra) RAKṢA RAKṢA MĀṂ SARVA SATVĀNĀṂCA (Ủng hộ thủ hộ cho tôi và tất cả chúng sinh)

OṂ (Quy mệnh) AṢITA ANALARKA (Hào quang trắng rõ ràng) PRABHA SPHUṬAVIKA (Hiển hiện lửa tối thắng) SITĀTAPATRE (Bạch Tản Cái)

OṂ (Nhiếp triệu) JVALA JVALA (Phóng quang) KHĀDA KHĀDA (Ăn nuốt, tàn phá, tiêu hủy) HANA HANA (Đánh đập) DAHA DAHA (Thiêu đốt) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Giáng phục khắp) CCHINDHA CCHINDHA (Cắt đứt) BHINDHA BHINDHA (Xuyên thấu) HŪṂ HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

TADYATHĀ (Như vậy) OṂ (Nhiếp triệu) ANALE ANALE (Ngọn lửa linh thiêng) KHASAME KHASAME (Thúc đẩy tôi) VAIRE VAIRE (Chống lại 2 loại chướng) SOME SOME (Cát tường) ŚĀNTI ŚĀNTI (Tịch tĩnh, bình yên) DĀNTE DĀNTE (Kiểm soát điều chỉnh) VIŚUDDHE VIŚUDDHE (Khiến cho thanh tịnh) VĪRE VĪRE (Tinh tiến dũng mãnh) DEVI (Thiên Nữ) VAJRADHĀRI (Kim Cương Trì Nữ) BANDHA BANDHA (Cột trói) VAJRAPĀṆI (Kim Cương Thủ) PHAṬ (Phá bại)

OṂ (Nhiếp triệu) HŪṂ HŪṂ (Thành tựu) ṬRŪṂ ṢṬOṂ (Chủng tử) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

HŪṂ ṬRŪṂ (Chủng tử) BANDHA (Cột trói) PHAṬ (Phá bại) VATAGALA (Nhìn xuống) ŚRUTA (Nghe biết) ŚAŚIG (Nguyệt quang tối thắng) SVĀHĀ (Thành tựu)

OṂ SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA SITĀTAPATRE (Quy mệnh nhất thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) HŪṂ (Tâm Bồ Đề) MAMA HŪṂ (Hộ vệ cho tôi) NI SVĀHĀ (Quyết định thành tựu danh tướng tốt đẹp)

THẮNG PHẬT ĐỈNH

Thắng Phật Đỉnh, tên Phạn là Jayoṣṇīṣa, dịch âm là Nhạ Dục Ổ Sắt Ni Sái. Lại xưng là Thắng Đỉnh Luân Vương, Thắng Phật Đỉnh Chuyển Luân. Là một trong năm Phật Đỉnh, một trong tám Phật Đỉnh.



Thắng Phật Đỉnh biểu thị cho Công Đức thù thắng của Như Lai Đỉnh Tướng (tướng đỉnh đầu của Như Lai)

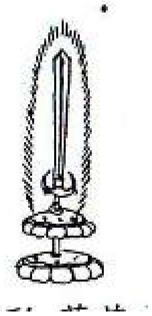
Do Tôn này đã đoạn trừ gốc rễ của Vô Minh, diệt hết cội nguồn của **năm Trụ** (phiền não của năm trụ địa tức là phiền não của **kiến, tư, vô minh** gồm có Kiến Nhất Xứ Trụ Địa, Dục Ái Trụ Địa, Sắc Ái Trụ Địa, Hữu Ái Trụ Địa, Vô Minh Trụ Địa), **hai Tử** (thấy cành nhánh sống chết) cho nên Ngài đã chứng ngộ Niết Bàn vắng lặng là sự vắng lặng rộng lớn của Như Lai. Sự vắng lặng này không có gì ngang bằng, không gì có thể so sánh, là Đỉnh của Đại Tịch cho nên xưng là Thắng Phật Đỉnh.

_Tại **Thích Ca Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Tôn này biểu thị cho Đỉnh **Đại Tịch** của Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Bồ Tát. Tay phải cầm hoa sen chưa nở. Tay trái nắm quyền cầm hoa sen, trên sen có cây kiếm chung quanh rực lửa sáng. Hướng mặt về bên phải, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

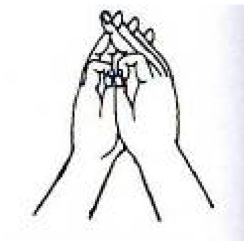


Mật Hiệu là: **Đại Tôn Kim Cương, Vô Tỷ Kim Cương**
Chữ chủng tử là: ŚAṂ (𑖫𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu trên hoa sen



[Bản khác ghi nhận Tam Muội Gia Hình: là cây đao Tuệ, hay hình báu trên hoa sen)

Tướng Ấn là **Đại Tuệ Đao Ấn**: Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, co hai ngón trỏ cùng hợp móng ngón, kèm dựng hai ngón cái đè bên cạnh móng hai ngón trỏ.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖫𑖽 𑖕𑖧𑖺𑖬𑖿𑖜𑖱𑖬 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ŚAṂ _ JAYOṢṆĪṢA _ SVĀHĀ

_**Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Nghi Quỹ** ghi nhận Chân Ngôn của Tôn này là:
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ APRATIHATA-ŚASANĀNĀṂ_ OṂ JVALA JAYOṢṆĪṢA SVĀHĀ

_Phật Giáo Đại Hàn ghi nhận Chân Ngôn của Tôn này là:
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ OṂ JAYOṢṆĪṢA JVALA JVALA, BANDHA BANDHA, DAMA DAMA, ṬRŪṂ ṬRŪṂ ṬRŪṂ GṚHṆA SVĀHĀ

TỐI THẮNG PHẬT ĐỈNH

Tối Thắng Phật Đỉnh tên Phạn là Vijayoṣṇīṣa, dịch âm là Tỳ Nhạ Dục Ổ Sắt Ni Sá, là một trong năm Phật Đỉnh, hoặc một trong tám Phật Đỉnh.



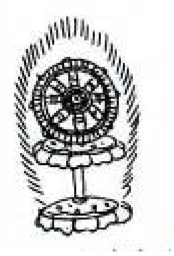
Tôn này biểu thị cho Công Đức tối thắng của Như Lai Đỉnh Tướng (tướng đỉnh đầu của Như Lai), chủ yếu làm lộ rõ Đức đặc biệt chuyển bánh xe Pháp của Đức Phật.

_Tại **Thích Ca Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Tối Thắng Phật Đỉnh biểu thị cho Đỉnh **Thần Thông thọ lượng bí mật** của Như Lai.

Tôn hình là: hiển bày màu vàng, tay trái cầm sen, trên hoa sen để một bánh xe, an ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương** hoặc **Thượng Hạnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: ŚRĪ (𑖫𑖿𑖨𑖱) hay ŚĪ (𑖫𑖱)
Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe Kim Cương trên hoa sen.



Thủ Ấn là Tối Thắng Phật Đỉnh Thủ Ấn hay Chuyển Pháp Luân Ấn:

Hai tay để ngược nhau, cùng cài chéo các ngón tay, hai ngón cái cùng hợp đầu ngón.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖫𑖱𑖭𑖱 𑖪𑖰𑖕𑖧𑖺𑖬𑖿𑖜𑖱𑖬 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ŚĪ _SĪ_ VIJAYOṢṆĪṢA _ SVĀHĀ

QUANG TỤ PHẬT ĐỈNH

Quang Tụ Phật Đỉnh, tên Phạn là Tejorāśi-uṣṇīṣa, dịch âm là Đế Nhu La Thi Ổ Sắt Nê Sái. Lại xưng là Hỏa Tụ Phật Đỉnh, Hỏa Quang Phật Đỉnh, Phóng Quang Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh Luân Vương… Là một trong năm Phật Đỉnh, hoặc một trong tám Phật Đỉnh.

Tôn này dùng ánh sáng của Đức Phật tụ tập chúng sinh cho nên xưng là **Quang Tụ** (Tejorāśi)



Thuyết khác cho rằng Tôn này tượng trưng cho Đức đặc biệt của ánh sáng Như Lai chiếu phá hắc ám của chúng sinh cho nên có tên là Quang Tụ Phật Đỉnh.

Thường niệm tụng Quang Tụ Phật Đỉnh ắt có công năng hay phá hoại Uy Lực Chân Ngôn thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, trừ bỏ tất cả chướng ngại, khu trừ Quỷ Mỵ khó điều phục, có thể thành tựu tất cả việc Phật rộng lớn.

_Tại **Thích Ca Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Tôn này biểu thị cho Đỉnh **ánh sáng Định Tuệ** của Như Lai hay phá trừ sự ám chướng.

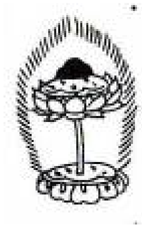
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ. Tay phải dựng nghiêng co ngón vô danh ngón út. Tay trái để ở eo cầm hoa sen, trên sen có hình Phật Đỉnh



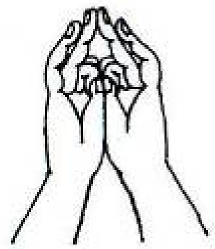
Mật Hiệu là: **Thần Thông Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TRĪṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Hình Phật Đỉnh trên hoa sen, hoặc hình báu trên hoa sen màu vàng.



Tướng Ấn là **Quang Tụ Phật Đỉnh Ấn**: Chắp tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), hai ngón vô danh, hai ngón út cùng hợp móng ngón nhập vào trong lòng bàn tay; hai ngón trỏ phụ dính lưng hai ngón giữa, kèm dựng hai ngón cái, liền thành hình của ba con mắt



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ TRĪṂ_ TEJORAŚI UṢṆĪṢA _ SVĀHĀ

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHẬT MẪU

Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu, tên Phạn là Uṣṇīṣa-vijaya hay Vijaya. Lược xưng là Tôn Thắng Phật Mẫu, Tôn Thắng Mẫu. Lại xưng là Tối Thắng Phật Đỉnh, Ô Sắt Nị Sa Tôn Thắng Phật Mẫu, Như Lai Đỉnh Kế Tôn Thắng Phật Mẫu.



Trong tất cả Phật Đỉnh thì Tôn Thắng Phật Mẫu tức Tôn Thắng Phật Đỉnh hay khử trừ tất cả phiền não nghiệp chướng, phá hoại tất cả sự đau khổ của nẻo uế ác.. nên được xem là Tổng Thể của tám Phật Đỉnh. Ở trường hợp này thì Tôn Thắng Phật Mẫu được xưng là **Trừ Chướng Phật Đỉnh** hay **Xả Trừ Phật Đỉnh** (Vikīraṇa-Uṣṇīṣa), Tồi Toái Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh Luân...Tôn này là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của **Đại Nhật Như Lai Đỉnh Kế** (Vairocana-tathāgatoṣṇīsa) biểu thị cho sức Thần Thông không có chỗ sợ của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui.

Tạng Truyền Phật Giáo xưng gọi Tôn Thắng Phật Mẫu là **Namgyalma** có 9 loại hóa tướng nhưng chủ yếu là tướng có ba mặt tám cánh tay… và là một trong 3 Tôn Trường Thọ Phật (Vô Lượng Thọ Phật, Bạch Độ Mẫu, Đỉnh Kế Tôn Thắng Phật Mẫu)

HÌNH TƯỢNG CỦA PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHẬT MẪU

_Theo Tam Tạng Thiện Vô Úy thì Phật Đỉnh Tôn Thắng ngồi Kiết Già trên đài hoa sen, thân màu thịt trắng với anh lạc nghiêm thân, đội mão Ngũ Trí, hai tay để dưới rốn như nhập vào thiền định, trong lòng bàn tay nâng hoa sen bên trên có móc câu Kim Cương.

_Theo hình vẽ trong Đồ Tượng 1 thì Tôn này ngồi bán già trên tòa sen, mão tóc kết búi, hai tay co khuỷu tay để ngang ngực, tay phải kết Ấn Cát Tường, tay trái cầm cành hoa sen bên trên hoa có móc câu Kim Cương, thân và đầu tỏa hào quang rực lửa sáng.



_ Phật Giáo Tây Tạng thờ phụng Tôn Tượng Tôn Thắng Phật Mẫu có ba mặt, tám cánh tay, trên mỗi mặt có ba con mắt

Mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu vàng, mặt bên trái màu xanh lam.

Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Yết Ma Kim Cương hình chữ Thập để trước ngực, tay thứ hai nâng Đức Phật **A Di Đà** (hay **Đại Nhật Như Lai**) ngồi trên tòa sen, tay thứ ba cầm mũi tên, tay thứ tư kết Ấn **Thí Nguyện** đặt trên đùi phải.

Bên trái: tay thứ nhất kết Ấn **Phẫn Nộ Quyền** cầm sợi dây (quyến sách), tay thứ hai kết Ấn **Thí Vô Úy**, tay thứ ba cầm cây cung, tay thứ tư kết **Định Ấn** nâng bình Cam Lộ



Tạng Truyền ghi nhận rằng:
_Ba mặt:
.) **Mặt chính giữa của Tôn Thắng Phật Mẫu màu trắng** biểu thị cho Pháp chận đứng tai chướng (**Tức Tai**)
.) **Mặt bên phải màu vàng** biểu tượng cho các Pháp **Tăng Ích**
.) **Mặt bên trái màu xanh lam** biểu thị cho Pháp **Giáng Phục**,
_Tám cánh tay:
.) **Bàn tay nâng Đức Đại Nhật Như Lai là Đấng Thượng Sư của Ngài** biểu thị cho sự ôm ấp yêu thương
.) **Tay cầm mũi tên** đại biểu cho sự câu triệu Tâm Bi của chúng sinh
.)**Tay kết Thí Vô Úy Ấn** đại biểu cho việc khiến chúng sinh xa lìa tất cả sự sợ hãi
.) **Tay kết Thí Nguyện Ấn** biểu thị cho sự thỏa mãn đầy đủ Tâm Nguyện của tất cả chúng sinh
.) **Tay cầm cây cung** biểu thị cho việc thắng ba cõi
.) **Tay kết Định Ấn bên trên nâng bình Cam Lộ** biểu thị cho việc khiến chúng sinh được sống lâu không có bệnh tật
.) **Tay cầm chày Kim Cương Thập Tự** biểu thị cho việc thành tựu sự nghiệp giáng Ma hàng phục điều không may
.) **Tay cầm sợi dây** biểu thị cho sự giáng phục tất cả tai nạn với chúng sinh khó điều phục

_Truyền thống khác thì ghi nhận Tôn Thắng Phật Mẫu là nơi mà Đỉnh vô thượng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã hóa hiện ra với ý nghĩa của ba mặt là:
.) Mặt Chính với thân là màu trắng, tướng Phật Mẫu mỉm cười, Tâm Trời mở mắt Phật là Bản Tôn của Trí Tuệ vô thượng
.) Mặt bên phải màu vàng là Quán Thế Âm Bồ Tát hiện bày Từ Bi vô lượng
.) Mặt bên trái màu xanh lam là Kim Cương Thủ Bồ Tát hiện bày phẫn nộ giáng phục



Tôn Thắng Phật Mẫu cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát, Kim Cương Thủ Bồ Tát. Cả ba đều hợp một, đầy đủ Công Đức viên mãn của Trí Tuệ vô thượng, Từ Bi, phẫn nộ giáng phục. Nhân vì là nơi mà Đỉnh vô thượng của Đức Như Lai đã hóa hiện ra, bởi thế là bậc tôn quý vô thượng nên xưng là Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu

Nhân vì Tôn Thắng Phật Mẫu có đầy đủ Công Đức viên mãn của Trí Tuệ vô thượng, Từ Bi, phẫn nộ giáng phục… nên nơi sức Công Đức lớn của Tôn Thắng Phật Mẫu hay ban cho chúng sinh Phước Tuệ và trường thọ, hay tiêu trừ tội nặng nghiệp chướng vô minh từ ngàn kiếp đến nay, giáng phục hết thảy nạn Ma, hóa giải tất cả hung tai hoạnh họa… vì thế Công Đức tràn khắp mười phương chẳng thể nghĩ bàn

_Tại **Thích Ca Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Tôn Thắng Phật Mẫu được xưng là **Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh** (Vikīraṇa-Uṣṇīṣa) biểu thị cho **Đỉnh Lực Vô Sở Úy Thần Thông** của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của Nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui.

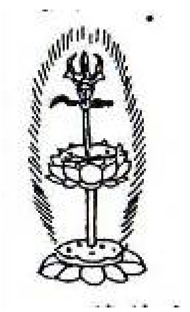
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen , trên sen có để móc câu Độc Cổ. Tay phải co ngón vô danh, dựng đứng lòng bàn tay ngang ngực, ngồi trên hoa sen đỏ



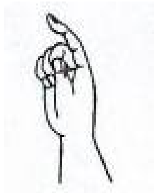
Mật Hiệu là: **Trừ Ma Kim Cương**.

Chữ chủng tử là: HRAḤ ( ) hay HRŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là:Móc câu để trên hoa sen.



Tướng Ấn là **Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn:** Tay phải tác Liên Hoa Quyền, dựng đứng ngón trỏ co lóng trên như hình móc câu.



Chân Ngôn là:



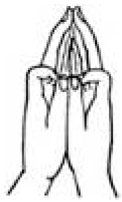
Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Hrūṃ_ vikiraṇa paṃca-uṣṇīṣa svāhā

Tôn này có chủng tử là HRŪṂ () Tam Muội Gia Hình là đài sen bên trên có móc câu Kim Cương dựng đứng , Mật Hiệu là **Trừ Ma Kim Cương** .

*) Các Ấn Chân Ngôn thông dụng của Tôn Thắng Phật Mẫu là:

_ **Bản Tôn Ấn** :

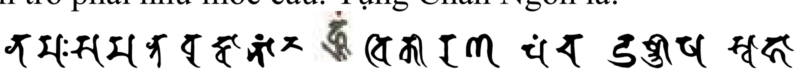
Chắp hai tay lại, co 2 ngón trỏ sao cho móng tay dính nhau, đem 2 ngón cái đè lên 2 ngón trỏ như thế búng ngón tay, đặt ngay trái tim.



Tụng Đại Chú 7 lần rồi bung Ấn trên đỉnh đầu

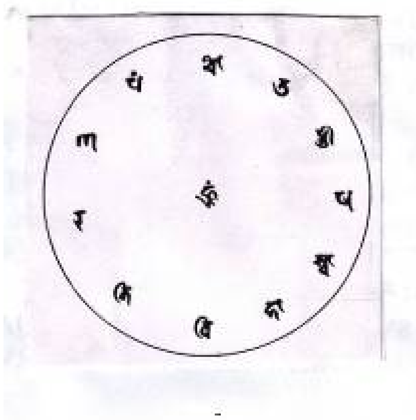
_ **Căn Bản Ấn** (hay Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn):

Cài chéo 10 ngón tay bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội Phộc) co ngón trỏ phải như móc câu. Tụng Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HRŪṂ VIKĪRAṆA PAṂCA UṢṆĪṢA SVĀHĀ

Khi tu trì Ấn Chân Ngôn này, người ta thường dùng kèm với **Tự Luân Quán**



_ Tôn Thắng Phật Đỉnh Căn Bản Ấn:

Theo vị tăng tên **Hỷ Vô Úy** ở nước Trung Thiên Trúc được Tam Tạng **Thiện Vô Úy** truyền miệng về **Trừ Chướng Phật Đỉnh Luân Vương Ấn** (Tôn Thắng Phật Đỉnh Căn Bản Ấn) là: đem 2 ngón út, 2 ngón vô danh cùng cài chéo nhau trong lòng bàn tay, bên phải đè bên trái, dựng thẳng cứng 2 ngón giữa sao cho đầu ngón dính nhau, duỗi 2 ngón cái song song đè bên cạnh lóng giữa của 2 ngón vô danh, đặt 2 ngón trỏ trên vạch giữa bên cạnh 2 ngón giữa rồi co dính nhau. Tụng Chân Ngôn sau 7 biến rồi tụng Tôn Thắng Căn Bản Chân Ngôn

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ OṂ_ JVALA JVALA IMAYA IME GADHU UṢṆĪṢA DHUDHU TITI DADA HŪṂ

Ngoài ra còn có các bài Chân Ngôn sau:

1_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Đại Tâm Chân Ngôn:

OṂ _ AMṚTA PRABHE VIPŪLA-GARBHE PRABODHI SAME SIDDHE MAHĀ-GARBHE TURU TURU _ SVĀHĀ

2_ Tôn Thắng Tiểu Tâm Chân Ngôn:

OṂ_ AMṚTA TEJA VATI SVĀHĀ



3_ Tôn Thắng Tâm Trung Tâm Chân Ngôn:

OṂ_ SARVA SIDDHI KEŚŪ DHĀRAṆI SVĀHĀ

4- Mật Giáo Nhật Bản lưu hành thêm 2 bài Chú sau:

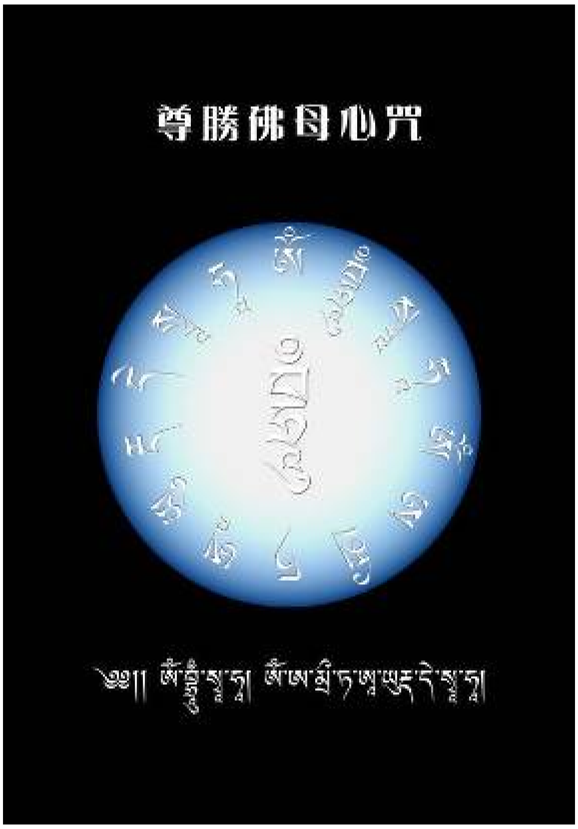
a_ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ APRATIHATAŚASANĀNĀṂ_ OṂ VIKĪRAṆA DHUNA DHUNA DHUḤ

b_ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ OṂ APRATIHATOṢṆĪṢĀYA SARVA VIGHNA VIDHVAṂSANA KHARĀJA TRŪṬAYA SVĀHĀ

5_ Mật Giáo Tây Tạng lưu truyền bài Chú ngắn là:

OṂ_ DRŪṂ (?BHRŪṂ) SVĀHĀ _ OṂ AMṚTA AYUḤ DĀDE SVĀHĀ _ OṂ ĀḤ HŪṂ TRĀṂ HRĪḤ AṂ AḤ RAKṢA RAKṢA MAṂ SARVA SATVĀNĀṂCA SVĀHĀ

Hoặc truyền dạy **Tôn Thắng Phật Mẫu Tâm Chú** là:
OṂ_ BHRŪṂ SVĀHĀ _ OṂ AMṚTA AYURDADE SVĀHĀ



Do quan điểm Đại Nhật Như Lai là **Thọ Dụng Thân Tôn Thắng** còn Trừ Chướng Phật Đỉnh là **Biến Hóa Thân Tôn Thắng**, hoặc Đại Nhật Như Lai là **Pháp Giới Thể Tính Trí Tôn Thắng** còn Trừ Chướng Phật Đỉnh là **Diệu Quan Sát Trí Tôn Thắng** nên khi tu Pháp Tôn Thắng thường kết **Pháp Giới Trí Quyền Ấn** tụng **Nhất Tự Chân Ngôn BHRŪṂ** và khẳng định Ấn Chú thâm mật này là Tôn Thắng Phật Đỉnh Trung Tâm Tôn. Có lẽ do sự kiện này mà Quảng Bản Chân Ngôn của Tam Tạng Pháp Thiên có ghi nhận câu OṂ BHRŪṂ BHRŪṂ BHRŪṂ ( )

Theo Tam Tạng **Thiện Vô Úy** thì điều căn bản để thành tựu Pháp tu tất cả Phật Đỉnh Pháp là cần phải làm các Pháp Chân Ngôn Ấn Khế xong, sau đó mới thêm 2 Ấn Chân Ngôn của Nhất Thiết Phật Đỉnh Luân Tâm và Ấn Chân Ngôn của **Nan Thắng Phẫn Nộ Vương .**

_ Nhất Thiết Phật Đỉnh Luân Tâm Ấn:

Hai tay móc cài các ngón chéo nhau, dựng thẳng 2 ngón giữa đều dựa nhau. Tụng Chân Ngôn là :

OṂ_ BHRŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ

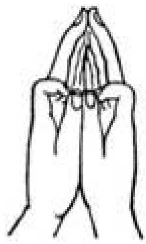
_ Nan Thắng Phẫn Nộ Minh Vương Ấn:

Hai tay cài các ngón chéo nhau, dựng thẳng 2 ngón giữa rồi co lóng trên của ngón giữa phải chống đè lóng trên của ngón giữa trái. Tụng Chân Ngôn là:

OṂ _ VIKĪRAṆA DHUNA DHUNA HŪṂ

Mọi việc: Thỉnh Triệu, Kết Giới, Quang Hiển, Tịch Trừ, Hộ Thân, hộ mình hộ người, Hộ Giới Đạo Trường, Phụng Tống chư Tôn đều dùng 2 Chân Ngôn Ấn Khế này.

Ngoài ra, một số bậc Đạo Sư còn truyền dạy thêm **Tôn Thắng Ấn Pháp** nữa là:
Co ngón trỏ, lấy ngón cái đè lên, chắp tay để ở trái tim, co ngón trỏ vào lòng bàn tay, ngón cái đè lên lóng giữa, chắp tay lại là thành.



Tối Thắng Chân Ngôn Tâm Trung Tâm dùng chung cho hết thảy niệm tụng. Thọ trì lâu dài dùng **Thân Ấn**. Chú là :

“**Nam mô tam mãn đa bột đà nẫm. Úm _ Tỳ rô, hồng phấn tra, sa phạ ha**”

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ OṂ BHRŪṂ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

_ Hàng phục, hô triệu, chữa bệnh, gia trì các thứ thuốc hương, dùng Chú :

“**Nam mô tam mãn đa bột đà nẫm. Úm _ Tỳ rô ế hế duệ hế, bàn đà , hồng, phấn tra**”

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ OṂ BHRŪṂ EHYEHI BANDHA HŪṂ PHAṬ

_ Phát Khiển Chân Ngôn :

“**Nam mô tam mãn đa bột đà nẫm. Úm _ Tỳ rô, yết sái, yết sái, hồng, phấn tra, sa phạ ha**”

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ OṂ BHRŪṂ GACCHA GACCHA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

_ Hàng Phục Khế : Ngón cái của 2 tay vịn gốc ngón vô danh, chắp tay lại, để 2 ngón trỏ trên 2 ngón cái.

_ **Phát Khiển Khế**: Tay phải: Ngón trỏ để ở gốc ngón cái, nắm tay lại thành Quyền (Tụng 7 biến) hướng ngón cái lên trên.

"Úm _ Tam mãn dã, sa đa vam"

OṂ _ SAMAYA STVAṂ

Chú này, tụng một biến tức thọ Bồ Đề Tâm Giới. Trong Kinh Kim Cang Đảnh vượt hơn 3 cõi.

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHÁP

Pháp **Tôn Thắng Đà La Ni** tức là Pháp tịnh trừ tất cả các nghiệp chướng, xa lìa tất cả phiền não, tiêu diệt tất cả thân ở Địa Ngục Bàng Sinh, dễ dàng tái sinh vào các cõi Trời hoặc tùy theo ý sinh về cõi Tịnh Độ, tăng trưởng thọ mệnh phú quý , phát sinh Trí Tuệ, độ mình độ người nhanh chóng thành tựu Chính Pháp Giải Thoát của Phật Đà.

Tùy theo sự trao truyền của các bậc Đạo Sư nên hình thức tu tập Pháp Phật Đỉnh Tôn Thắng có nhiều sự sai khác.

_ Thông thường thì các vị Đạo Sư hay dạy cho người khác viết chép Đà La Ni rồi an trí trong Tháp báu, nơi Tháp Xá Lợi. Hoặc để trên Tòa Sư Tử, trên đài Kim Cương, treo trên đầu cây phướng. Hoặc ghi khắc trên các trụ đá, bia đá để cúng dường…nhằm cầu phước diệt họa, dứt trừ tội chướng, xa lìa nẻo ác, sinh về cõi lành thọ hưởng an vui phược lạc.

Ngoài ra, các vị Đạo Sư còn truyền dạy là: Vào ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt, Hành Giả tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, thọ 8 Trai Giới, quỳ gối trước Tượng Phật chí tâm trì tụng Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni 1000 biến nhằm tiêu diệt các tội chướng nặng nề.

Lại nữa, nếu vì người chết (mới chết hay chết đã lâu) Hành Giả dùng Đà La Ni này chú vào nắm đất vàng 21 biến rồi tán rải trên thi hài người chết thì người ấy liền thoát khỏi các cõi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Diêm La Vương xứ… được sinh lên Trời hoặc được vãng sinh về cõi Tịnh Độ.

Do Kinh Điển ghi nhận rằng chư Phật, các vị Bồ Tát, các vị Hiền Thánh, Đại Phạm Thiên, Phạm Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, Hóa Lạc Thiên, Đâu Suất Thiên, Dạ Ma Thiên, Đế Thích Thiên, Đao Lợi Thiên, Hộ Thế Tứ Thiên Vương , Thiện Trụ Thiên Tử, Tán Chỉ Đại Tướng, Diêm La Pháp Vương…. với các quyến thuộc đều phát tâm thủ hộ cho người trì Pháp này cho nên trước khi trì tụng Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni, Hành Giả nên đọc bài kệ **Khải Thỉnh** là :

Cúi lạy Tôn Thắng Vương
Ngồi ở Tòa Kim Cương
Trên hoa sen ngàn cánh
Tướng lưỡi rộng dài che khắp cõi
Viên mãn vô lượng các Công Đức
Phật Đỉnh Văn Trì Đại Chương Cú
Tám mươi tám ức Như Lai truyền
Đế Thích Thiên Vương vì Thiện Trụ
Hay diệt bảy lần đọa bàng sinh
Giáo Bí Mật Tổng Trì hiếm có
Hay phát Tâm rộng lớn tròn sáng

Nay con chỉ là kẻ phàm phu
Nguyện tán Tổng Trì Nhất Nhiết Trí
Hay đem phước lợi cứu quần sinh
Các Như Lai ở khắp mười phương
Chư Bồ Tát nơi Thế Giới khác
Tám Bộ Trời Rồng, các quyến thuộc
Tán Chỉ Đại Tướng với Dược Xoa
Minh Ty Địa Chủ, Diêm Ma La
Thiện Ác Bộ Quan: hai Đồng Tử
Thánh Hiền , các Chúng Đẳng như trên
Nguyện nghe Khải Thỉnh đều giáng lâm
Ủng hộ Phật Pháp khiến trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật Dạy
Tất cả hàm linh đến chốn này
Nghe qua Phật Đỉnh Tôn Thắng Vương
Hết thảy đều mau thành Phật Đạo
Nay con phúng tụng Chân Ngôn này
Nguyện xin Như Lai thường cứu hộ
Nguyện xin Hiền Thánh thường cứu hộ
Nguyện xin Hộ Pháp thường ủng hộ
Nam mô Trailokya Uṣṇīṣa
Nam mô Jaya Uṣṇīṣ
Nam mô Vijaya Uṣṇīṣa
Nam mô Vikīraṇa paṃca Uṣṇīṣa
Nam mô Tejoraśi Uṣṇīṣa
Nam mô Trūṃ Uṣṇīṣa
Nam mô Śrūṃ Uṣṇīṣa
Nam mô Indra Deva
Nam mô Kim Cương Giới Hội Nhất thiết chư Phật
Nam mô Đại Bi Thai Tạng Giới nhất thiết chư Phật

_ Nếu Hành Giả có điều kiện vẽ Tượng lập Đàn thì các vị Đạo Sư thường dạy là:

Vẽ Tượng. Muốn thọ trì Chú này, trước cần vẽ tượng. Dùng lụa trắng tốt, ba bức cao một trượng, màu vẽ không được dùng keo da mà dùng nhựa hương. Họa Sĩ cần thanh tịnh, không được ăn ngũ tân. Khởi công vào ngày mồng một, nếu có thể bắt đầu từ ngày mồng một tháng Giêng là tốt nhất , trong 7 ngày phải vẽ xong. Vẽ núi Cam Lồ, trong núi có đủ các thứ cây cối, hoa quả, suối khe, cầm thú. Giữa núi có hang , trong hang vẽ Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** ngồi Kiết Già, bên trái vẽ **Đế Thích Thiên Chủ** cùng các Thiên Chúng vây quanh, bên phải vẽ **Càn Thát Bà Nhi** tên là **Thiện Trụ** đoan chánh như Bồ Tát, đầu tóc áo mão đều y vậy, dùng các thứ Anh Lạc mão hoa trang sức. Dùng miếng lụa trắng buộc ở cánh tay trái, tay phải cầm cây gậy tròn và vẽ các Càn Thát Bà quyến thuộc vây quanh. Hai bên Đức Phật vẽ **4 vị Thiên Vương** cùng các quyến thuộc. Lại bên trái đức Phật vẽ **Phạm Vương** và **Ma Vương**.Vẽ xong làm Đàn thọ Pháp.

Kết Đàn. Đàn Pháp này, trước cần đất sạch không có gạch đá. Lấy 5 thứ nước hương trộn với đất vàng làm bùn đắp Đàn vuông vức một trượng.

Chính giữa Đàn rộng một khuỷu tay vẽ Phật Đảnh, tóc biếc như con ốc màu xanh.

4 mặt ngoài Đàn , để các món ăn uống 7 chén

4 phương để 4 lư hương đều đốt các thứ hương thơm.

Cửa Nam để một bình đồng chứa đầy nước 5 thứ hương, cửa Nam an Tòa Đế Thích.

Cửa Đông an Tòa Thiện Trụ.

Chú Sư ngồi nơi Tòa phía Tây, hướng mặt về phương Đông. Mặt tượng Phật hướng về phương Tây.

Lấy phướng 5 màu treo 4 bên ngoài Đàn. Để 5 chén đèn, chính giữa là một chén cao, 4 góc mỗi góc một chén như bên dưới giống hình cái Tháp.

Trong Đàn rải các thứ hoa. Vật cúng dường cũng để ngoài Đàn không được để trong Đàn.

Làm Pháp 7 ngày, trong 7 ngày tụng đủ số một vạn.Phật Đảnh phóng đại quang minh. Chú Sư trong 7 ngày cần phát lồ sám hối, khởi nguyện Đại Bi. Bấy giờ Pháp được thành tựu, không có nghi, chuyên tâm cúng dường được vô lượng Phước.

*(Trích trong **Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Biệt Pháp** do Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra Việt Văn*)

Kinh **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Chú** ghi nhận rằng trong Pháp tu tạo Đàn đã hàm chứa đầy đủ 6 món Ba La Mật là:

"Nếu hết thảy chúng sinh muốn được giải ngộ đều phải tác Pháp Mạn Đà La.

*Thanh tịnh xoa tô mặt đất. Hoặc dùng nước, đất và Cù Ma Di (Phân bò) nghiêm sức [thì gọi là **Thi La Ba La Mật** (Śīla-pāramiā: Giới Ba La Mật)]*

*Rải hoa, đốt hương, thắp đèn, treo phan phướng, lọng báu. Dùng các món trân bảo, thức ăn uống cúng dường. Đây gọi là **Đàn Ba La Mật** (Dāna-pāramitā: Bố Thí Ba La Mật)*

*Khi làm Đàn, có các phiền não mà không giận dữ, gọi là **Sằn Đề Ba La Mật** (Kṣānti-pāramiāà: Kham Nhẫn Ba La Mật)*

*Siêng năng cần mẫn tu hành không có giải đãi thì gọi là **Tỳ Lê Da Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā: Tinh Tiến Ba La Mật)*

Chuyên chú nơi Pháp Tắc một lòng không tán loạn thì gọi là Thiền Ba La Mật (Dhyāna-pāramitā: Thiền Định Ba La Mật)

*An bày đầy đủ phân minh rõ ràng thì gọi là **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajñā-Pāramitā: Tuệ Ba La Mật)*

Này Thiên Đế ! Đây là tạo Pháp Sự có đầy đủ 6 món Ba La Mật cho nên cần phải mở bày cho hết thảy chúng sinh được nhiều lợi ích, mau được Bồ Đề"

_ Như thế đối với Pháp tu phổ thông (Tạp Mật) thì các vị Đạo Sư đã truyền dạy cho Đồ Chúng 34, 35 hoặc 38 Pháp. Như **Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Biệt Pháp (**Do Quy Tư Tăng là **Nhạ Na** dịch ra Hán Văn, Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra Việt Văn) có ghi nhận 38 Biệt Pháp là:

Pháp thứ 1: Nếu người muốn được sống lâu không đọa Địa Ngục, ác đạo, Ngạ Quỷ, súc sanh, A Tu La cùng diệt các tội nặng. Mỗi thời chí tâm tụng Chân Ngôn 21 biến, khởi nguyện Đại Bi thương xót hết thảy chúng sanh tức tiêu trừ Thập Ac, Ngũ Nghịch.

Pháp thứ 2: Nếu có Phi Hành, La Sát, Quỷ Thần vào trong nước gây não loạn, khủng bố nhân dân. Thường kết Ấn xưng "**Nam mô Phật**" tâm tâm nhớ niệm tụng Đà La Ni này tức được như trên, các nạn tiêu diệt.

Pháp thứ 3: Nếu có người không tin, chỉ chí tâm một chỗ, thường làm Pháp này tức được đại nghiệm. Xong khiến cho người không tin được tin. Nếu làm Pháp có

hiệu nghiệm thì có gió Bạch Tộc (? gió trong mát) thổi đến nhập vào thân. Trên thân , da dẻ dơ xấu xí đen đúa và các nạn được gió thổi đến đều biến mất, ách nạn chướng nặng đều tiêu trừ

Pháp thứ 4: Nếu muốn được oai lực tự tại.Trong 7 ngày hướng 4 phương, tụng Chú , dùng các thứ lúa làm hình người để 4 hướng. Tức sở nguyện được như ý

Pháp thứ 5: Muốn được diệt các tội nặng nơi thân. Dưới chân cửa Thành, làm như Pháp trên

Pháp thứ 6: Muốn diệt các tội cho Tiên Vong. Ở ngã tư đường, làm Pháp như trên.

Pháp thứ 7: Muốn diệt tội cho hết thảy chúng sanh. Trước Phật làm Pháp như trên.

Pháp thứ 8: Muốn cứu được chúng sanh bị khổ nơi Địa Ngục. Mỗi thời kết Phật Đảnh Ấn, tụng Chú, hướng 4 phương mà xả thì tội chướng liền tiêu trừ.

Pháp thứ 9: Muốn thí nước cho Ngạ Quỷ. Chú vào nước sạch 7 biến, tán rải 4 phương, dùng tâm mà thí cho thì Ngạ Quỷ liền được uống nước Cam Lồ.

Pháp thứ 10: Muốn cứu tội khổ của súc canh. Chú vào đất vàng 21 biến, rải trên súc sanh và 4 phương. Tức được tiêu diệt tội chướng.

Pháp thứ 11: Nếu muốn cứu Trời Người bị các tội sợ bị đọa lạc. Lấy hoa 5 màu, tụng Chú vào hoa, tán rải nơi Tam Bảo và trên Phật Đảnh. Tức hết thảy tội cấu tiêu diệt

Pháp thứ 12: Nếu có nạn vua, nạn giặc giã, khẩu thiệt nổi lên. Chú vào 5 thứ nước hương 21 biến, rửa Phật và quán đảnh liền được an lạc.

Pháp thứ 13: Nếu Sa Môn, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, 4 Chúng… muốn được đầy đủ phước báo. Mỗi ngày phát nguyện, sám hối, tụng Đà La Ni này đem công đức hồi hướng cho hết thảy chúng sanh. Chỉ làm như vật tất được như ý, hết thảy tội chướng đều tiêu diệt.

Pháp thứ 14: Muốn diệt hết thảy tội chướng cho chúng sanh. Xé lụa 5 màu làm cây phất trần, Chú 21 biến quét thân Phật, Kinh. Chí tâm kết Ấn, Chú 21 biến thì tội chướng một đời liền tiêu.

Php thứ 15: Nếu có Khẩu Thiệt. Lấy Mật đựng trong chén sạch, dùng Chu Sa hòa với Mật. Chú 21 biến rồi đem Mật, Chú bôi lên môi của trăm Tượng Phật thì Khẩu Thiệt liền tiêu diệt, được Phước vô lượng.

Pháp thứ 16: Nếu người bệnh lâu, nằm liệt trên giường. Lại nếu muốn hết thảy người yêu nhớ cung kính, muốn hết thảy mọi việc Thế Xuất Thế được thành tựu, bị Quỷ Thần não loạn, mộng tưởng điên đảo. Dùng 100 lá vàng, Chú 21 biến rồi dán trên đảnh 100 Tượng Phật, trước Tượng làm hình Ma Ni Châu thì hết thảy tội tiêu, cầu gì đều được.

Pháp thứ 17: Nếu trong nước bị Quỷ Thần gây bệnh cùng bệnh Thời Khí lưu hành. Ở 4 cửa thành, dùng giấy xanh vẽ Chú, dùng Bạch Đàn làm cái hộp để đựng, dùng sáp gắn lại. Đứng ở cửa thành, lấy lọng 5 màu che hộp. Mỗi cửa để một Bản. Tức Quỷ Thần, tật bệnh đều tiêu trừ không dám đến.

Pháp thứ 18: Nếu trong nước không được mùa ngũ cốc, mưa gió thất thường. Lấy lụa trắng làm một cái phướng, vẽ Phật Đảnh Ấn treo ở cái phướng cao 80 thước (80/3 m) tức gió thuận mưa hòa, ngũ cốc tốt tươi, nhân dân an lạc, Quỷ Thần hồi tâm hướng thiện, A Tu La Vương không gây chướng ngại.

Pháp thứ 19: Nếu trời mưa nhiều không dứt. Lấy lụa viết Chú, Chú 21 biến dựng nơi đó, liền tạnh mưa

Pháp thứ 20: Nếu trong nước có oán địch giặc giã nổi lên. Lấy vải xanh viết Chú 21 tấm, ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi **Thiên Trụ** với 2 tay cầm cung tên rồi dựng ở chánh đông của cõi nước thì các nạn tự lui.

Pháp thứ 21: Nếu trong nước có các tai họa. Dùng đủ các thứ làm 100 Phù Đồ Bức Luân, lại giã lá lấy nước vẽ Chú 10 Bản, để trên đầu Bức Luân trong cái hộp thì tai họa liền tiêu, được phước sống lâu.

Pháp thứ 22 : Nếu kẻ sang người hèn muốn ủng hộ và hộ tự thân , cầu tài bảo xứng ý. Thường khởi thiện tâm, không cần thời gian. Lễ Phật, kết Ấn, tụng Chú 7 biến, chiêm ngưỡng mặt Phật không chớp mắt. Làm như vậy tức được đầy đủ Phước Đức khi chết không bị đọa Địa ngục ác đạo.

Pháp thứ 23: Nếu người nữ muốn có con. Trong 100 ngày làm các món ăn uống ngon ngọt cho kẻ nghèo khổ ăn xin và kẻ bệnh tật. Khi cho đồ ăn, miệng luôn tụng Chú không được gián đoạn tức được (sanh con).

Pháp thứ 24: Nếu vợ chồng ghét nhau. Lấy lụa, Chú 21 biến rồi đem may áo cho mặc (thì vợ chồng) liền yêu thương nhau.

Pháp thứ 25: Nếu đàn bà không có chồng. Cúng dường hiện tiền Tăng liền được, không có nghi.

Pháp thứ 26: Nếu có người, quốc vương, đại thần, trăm quan… không tin Phật Pháp. Lấy sữa của 3 con bò vàng không bị ghẻ lác, Chú vào nước, cỏ 21 biến rồi cho bò ăn. Khi mặt trời mọc, vắt sữa đựng trong đồ bằng bạc, lại Chú vào sữa 21 biến rồi đổ nơi đất sạch 4 phương. Người lấy sữa phải mặc áo trắng, miệng nói:"*Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ và Đế Thích phải tự lo việc này*". Chú Sư liền vào thành thì quốc vương, đại quan, ngoại đạo không tin Phật Pháp thấy Chú Sư đều sanh lòng hoan hỷ. Chú Sư nói gì thảy đều tin nhận ngợi khen.

Pháp thứ 27: Nếu có người trong Giới, nơi chốn ở có Quỷ Thần ác, nơi ao có Rồng ác.Nếu Rồng hiện lên, Chú Sư bảo rằng*: "Không được làm hại chúng sanh trong đây"*. Y như trên mà an trí. Nếu ngang bướng không bỏ nghiệp ác. Chú Sư lấy cát, Chú 21 biến ném nơi này, Chú vào Rồng 21 biến thì Rồng không dám trái. Nếu là Quỷ Thần ác , Chú vào thức ăn 21 biến rồi thí cho. Chú Sư bảo*:" Ta bảo ngươi, nếu không làm hại chúng sanh thì được ở đây, nếu làm hại thì rời khỏi nơi đây"*. Nếu Quỷ Thần không nghe theo, liền làm cái cọc sắt dài 22 chỉ, Chú 21 biến rồi đóng xuống đất thì Quỷ Thần liền bỏ chạy. Chú Sư an trí Quỷ Thần xong lại bảo*: "Như đây mà ở, không được lộn xộn*".

Pháp thứ 28: Chú Sư mỗi khi ra đi. Làm một cây phất, Chú 108 biến rồi cầm mà đi. Nếu gặp súc sanh, lấy phất phủi một cái thì súc sanh được lìa khổ, giải thoát.

Pháp thứ 29: Nếu muốn Tiên Vong xa lìa khổ , được giải thoát. Ngồi trong Rừng Thi Đà 7 ngày. Ngày 3 thời tụng Chú nhiều ít. Mãn 7 ngày , lấy đất ở chỗ Chú Sư ngồi , vãi 4 phương. Ngay khi vãi (thì Tiên Vong) liền được lìa khổ, sanh lên Trời.

Pháp thứ 30: Buôn bán ế ẩm, cầu gì đều không được. Chú Sư kết Ấn, tụng Chú 21 biến. Để Tượng Thiện Trụ ở nơi kín đáo rồi cúng dường liền được sở cầu, buôn bán có lời.

Pháp thứ 31: Nếu có người muốn vào núi rừng gặp sư tử, cọp, sói, cầm thú ác độc. Khi sắp vào nơi cửa núi, tụng Chú 108 biến, chú vào đất vàng rồi ngậm đất ở miệng, hà hơi vào trong núi, miệng nói*: "Cầm thú ác độc có ác độc đều tiêu diệt hết, đất này thuộc về Ta. Nếu hay y theo Pháp Ta thì tùy ý được ở. Nếu không y theo liền mau đi khỏi. Nếu không đi, miệng liền bị cấm*". Nếu Chú Sư thấy cầm thú, cọp, sói có miệng bị cấm liền gom lại một chỗ, lấy tay xoa trên đầu, Chú 21 biến rồi bảo rằng: "Ta đây mở miệng cho ngươi. Mau ra khỏi nơi đây và giữ gìn đất đai này, không được làm hại chúng sanh nơi đây". Chú xong đuổi đi đến nơi an trí cho chúng ở. Chú Sư ngồi

trong núi hơn 2 tháng, không được ngồi thêm rồi đi khắp nơi, sau đó ngồi lại. Nếu ngồi lâu thì cầm thú không được an ổn. Cần phải biết như vậy

Pháp thứ 32: Nếu vào trong núi. Các Quỷ Thần xen lẫn, Rồng xen lẫn không cho Chú Sư an ổn ở nơi này. Thấy vậy, Chú Sư liền y theo Pháp mà phân chia. Sư bảo: "*Ta chọn chỗ đất này. Hãy để cho Ta. Nếu đồng ý thì được ở. Nếu cưỡng lại không nghe thì Ta liền cấm trói ngươi không được đi đâu".* Chú Sư lấy đinh sắt như Pháp mà đóng thì các loài đi ra khỏi Giới không dám vào.

Pháp thứ 33: Nếu có các Rồng bị Ngoại Đạo cột trói khiến trong nước không có mưa gió. Chú Sư ở bên suối có Rồng, làm một cái Đàn nhỏ, lấy gốc Dâu làm 8 cái cọc để trong Đàn. Lấy 3 chén sữa, lạc để trên Đàn. Chú vào cọc 108 biến rồi đóng cọc ở 8 hướng của suối. Lấy sữa, lạc đổ xuống ao. Lấy lá kim bạc vẽ Chú để trên lá sen trong ao. Chú Sư nói*: "Thiện Tri Thức nay bị ách nạn, bị Ngoại Đạo cấm trói. Nay làm Pháp này xong , dùng Đà La Ni ủng hộ người".* Phát Thệ xong, liền lấy đồ ăn uống, cà sa cùng Kim Bạc Chú… quăng xuống đáy nước. Chú Sư thổi hơi 3 lần thì Cấm Pháp của Ngoại Đạo liền bị hoại, Rồng được giải thoát không còn nạn. Khi Rồng ra khỏi liền đến cúng dường Chú Sư. Rồng nói*: "Ngài có điều gì sai bảo ?*". Chú Sư nói*: "Ngươi y theo thời làm gió mưa, đem Đà La Ni này để trên đảnh khiến cho ngươi vĩnh viễn không có tai nạn"*

Pháp thứ 34: Nếu nước lụt làm chìm đắm người. Chú Sư chú vào nước 21 biến rồi rảy vào nơi nước lụt liền không còn (người) bị trôi chìm.

Pháp thứ 35: Nếu thường niệm, nhất định sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn được an lạc.

Pháp thứ 36: Nếu ngày ngày tụng 1000 biến cùng kết Ấn thì được thân Kim Cang Bất Hoại, đời này được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Pháp thứ 37: Nếu ngày ngày kết Ấn tụng Chú 108 biến thì mau được chư Phật 10 phương thọ ký , nhất định không nghi.

Pháp thứ 38: Nếu ngó 4 phương 4 hướng , kết Ấn tụng Chú 21 biến vì chúng sanh xưng tên và xả Ấn thì được hết thảy Quỷ Thần, Ma Vương, Tỳ Na Dạ Ca, Ac Quỷ, Rồng…. Cung kính giữ gìn. Hết thảy điều cầu xin , tự nhiên đến. Nhan sắc tốt tươi, phước đức vô lượng, công đức vô biên, chư Phật 10 phương ngợi khen huống chi có người chí tâm trì tụng ắt mau chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, tùy ý thọ sanh 10 phương Tịnh Độ, liên hoa hóa sanh, được chứng Quả Phật.



_ Riêng đối với Hành Giả ưa thích tu trì Mật Giáo thì các vị Đạo Sư thường truyền dạy cách xây dựng Đàn Trường để tu tập và xưng là **Phật Đỉnh Tôn Thắng Mạn Trà La**. Có 2 hình thức tu tập Đàn Pháp là **Tướng Đàn** và **Tâm Đàn**

a) Tướng Đàn: Chú Sư dùng màu sắc tô vẽ các Tôn, Ấn Khế, Pháp Khí, cảnh tượng… trên mặt đất hoặc tranh vẽ . Sau đó bày biện đầy đủ mọi thứ cúng vật thật sự để cúng dường.

b) Tâm Đàn: Chú Sư dùng tâm quán tưởng các Chủng Tử biến thành các Tôn theo thứ tự . Sau đó dùng Tâm vận tưởng mọi thứ cúng vật dâng hiến các Tôn.

Truyền Thống Hoa Văn thường lưu truyền 2 loại Tôn Thắng Mạn Trà La tùy theo Nghi Quỹ của Ngài **Bất Không** hay Nghi Quỹ của Ngài **Thiện Vô Úy**

1_ Theo Nghi Quỹ của Ngài **Bất Không**: Chính giữa vẽ Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai trụ Pháp Giới Ấn, ngồi Kiết Già trên Tòa Sư Tử.

Phương Bắc vẽ **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha Bodhisattva)

Phương Tây vẽ **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara Bodhisattva)

Phương Nam vẽ **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** (Sarva Nirvaṇa-viṣkaṃbhini Bodhisattva)

Phương Đông vẽ **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajrapāṇi Bodhisattva)

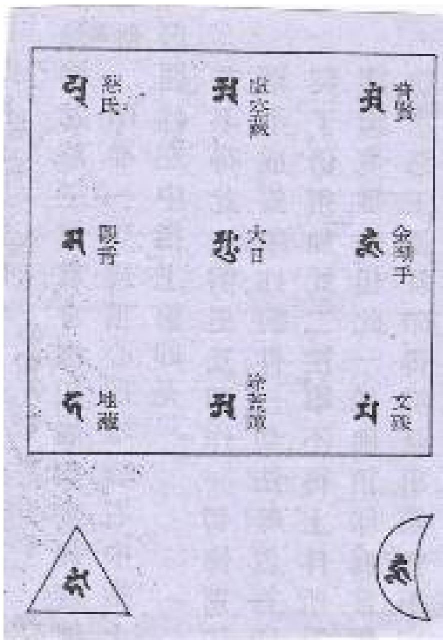
Góc Đông Nam vẽ **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañjuśrī Bodhisattva)

Góc Tây Nam vẽ **Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣitigarbha Bodhisattva)

Góc Tây Bắc vẽ **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya Bodhisattva)

Góc Đông Bắc vẽ **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samantabhadra Bodhisattva)

Phía dưới bên trái đặt **Bất Động Minh Vương** (Acala-vidyarāja), bên phải đặt **Giáng Tam Thế Minh Vương** (Trailokya-vijaya-vidyarāja)



2_ Theo Nghi Quỹ của Ngài **Thiện Vô Úy**: Vẽ một vòng tròn sáng lớn, chia ra làm 9 vòng tròn nhỏ .

Vòng chính giữa vẽ Đức **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) đầu đội mão Ngũ Trí, ngồi Kiết Già trên tòa Sư Tử, tay kết Pháp Giới Định Ấn

Vòng tròn phương Nam vẽ **Quang Tụ Phật Đỉnh** (Tejoraśi Uṣṇīṣa)

Vòng tròn phương Đông vẽ **Tối Thắng Phật Đỉnh** (Vijaya-Uṣṇīṣa)

Vòng tròn phương Bắc vẽ **Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh** (Vikīraṇa-Uṣṇīṣa)
Vòng tròn phương Tây vẽ **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh** (Sitātapatra-Uṣṇīṣa)
Vòng tròn góc Đông Nam vẽ **Vô Biên Thanh Phật Đỉnh** (Anantasvara-Uṣṇīṣa)
Vòng tròn góc Đông Bắc vẽ **Quảng Sinh Phật Đỉnh** (Abhyudgata-Uṣṇīṣa)
Vòng tròn góc Tây Nam vẽ **Phát Sinh Phật Đỉnh** (Mahā-Uṣṇīṣa)

Bên dưới: trong hình tam giác bên trái vẽ **Bất Động Minh Vương** (Acala-vidyarāa), trong nửa vành trăng bên phải vẽ **Giáng Tam Thế Minh Vương** (Trailokya-vijaya-vidyarāja) với lò hương đặt giữa 2 vị này

Bên trên: mỗi bên vẽ 3 vị Thủ Đà Hội Thiên 9 [Gồm 6 vị **Tĩnh Cư Thiên** (Śuddhāvāsa deva)] biểu thị cho nghĩa **trong sạch** .



八大佛頂曼荼羅

*) **Đạo Trường Quán**:

Năm Đại tạo thành Pháp Giới, trong hư không có vành trăng tròn sáng, dùng chày Tam Cổ làm giới đạo, dùng bình báu làm phân tế. Ở chính giữa: viên minh (vòng ánh sáng tròn trịa) tại trung ương có đài hoa sen lớn, bên trên có chữ VAṂ (𑖪𑖽) thành Pháp Giới Suất Đổ Ba, Suất Đổ Ba (Stūpa: cái tháp) biến thành Đại Nhật Như lai đội mão báu Ngũ Phật với anh lạc nghiêm thân, ngồi Kiết Già trên sàng 8 Sư Tử, trụ Pháp Giới Ấn.

Trong viên minh bên trái có chữ LAṂ ( ) biến thành **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh**

Trong viên minh bên phải có chữ BHRŪṂ ( ) biến thành **Tối Thắng Phật Đỉnh.**

Trong viên minh phía trước có chữ HRŪṂ ( ) biến thành móc câu, móc câu biến thành **Tôn Thắng Phật Đỉnh** (Trừ Chướng Phật Đỉnh) ngồi Kiết Già trên đài hoa sen, màu thịt trắng, hai tay để dưới rốn như vào Thiền Định, giữa lòng bàn tay nâng một hoa sen, trên hoa có dựng một móc câu Kim Cương.

Trong viên minh phía sau Đại Nhật Như Lai có chữ TRŪṂ ( ) biến thành **Phóng Quang Phật Đỉnh** (Quang Tụ Phật Đỉnh)

Bên trái của Trừ Chướng có chữ ŚAṂ ( ) thành **Thắng Phật Đỉnh**

Bên phải của Trừ Chướng có chữ ṬRŪṂ ( ) thành **Quảng Sinh Phật Đỉnh.**

Bên phải Quang Tụ có chữ HŪṂ ( ) thành **Vô Biên Thanh Phật Đỉnh**

Đồng bên trái có chữ ŚRūṂ ( ) thành **Phát Sinh Phật Đỉnh**

Ở dưới, bên trái trong nửa vành trăng có chữ HAḤ ( ) thành **Giáng Tam Thế Tôn.** Bên phải có chữ HĀṂ ( ) thành **Bất Động Minh Vương**. Phía trước có lò hương.

Bên trên, mỗi bên có 3 chữ RU ( ) biến thành 6 vị **Thủ Đà Hội Thiên** với hình Đồng Tử đều cầm hương hoa.



Ngoài cách tạo lập Đàn Trường như trên, trong **Tôn Thắng Phật Đảnh Chân Ngôn Du Già Pháp ,** quyển hạ (Do Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra Việt Văn) Ngài **Thiện Vô Úy** còn truyền dạy cách lập Đàn Pháp theo 3 bậc Thượng, Trung, Hạ là:

"Pháp tắc hoạ Mạn Đà La: Vuông tám khuỷu, mười hai khuỷu, hoặc ba tám khuỷu, nếu vì chúng sanh mà làm thì bảy khuỷu hoặc tám khuỷu cũng được. Nếu làm lớn hoặc quan phủ trong nước tạo một trăm tám khuỷu, ít là ba tám khuỷu.

Tám khuỷu: bốn khuỷu làm chính giữa, trong vòng tròn lớn chia làm năm vòng tròn nhỏ. Bốn góc hình bán nguyệt, mỗi vòng vẽ chín Tôn vị, trong vòng bán nguyệt vẽ Lục Túc Tôn, bốn mặt vòng tròn lớn vẽ tám cái bình bốn bánh xe, mười sáu chày Kim Cang dựng đứng, thảy đều cột các dây lụa, bốn khuỷu chia làm hai viện, lại mỗi viện chia ra làm ba đạo.

Ở viện thứ hai phía ngoài vẽ ba đạo, trắng, vàng, đỏ y theo nghi của ba Phật Đảnh và nghĩa của Giới, Định, Huệ .

Phía ngoài viện thứ ba vẽ năm đạo, trắng, vàng, đỏ, xanh, đen là nghĩa năm Phật Đảnh, năm Trí.

Trong hai viện, chia ra làm ba đạo, ở trong viện thứ nhất là chư Thánh chúng ngồi xây về phía trong. Đạo thứ hai để bảo bình, lư hương, đèn sáng, Ứ già, các món ăn uống, hoa quả. Đạo thứ ba là biện sự thị giả, chỗ cho các người lui tới dâng các món cúng dường, ở viện thứ hai cũng như vậy.

Nơi trung đài vẽ tám vòng tròn lớn, chia ra làm chín vòng, trong mỗi vòng tròn lại chia làm chín vòng, ở trong vẽ chín vị Thánh. Vòng tròn ở giữa vẽ Phật Tỳ Lô Giá Na, bốn mặt vẽ Tôn Thắng Phật và bốn Đảnh Luân Vương. Bốn góc vẽ bốn Ba La Mật Bồ Tát. Ở giữa hình bán nguyệt, bốn góc vẽ bốn Đại Đảnh Luân Vương, bốn cúng dường Ba La Mật, đều y theo Pháp tắc.

Viện thứ nhì hướng Đông, vẽ Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi kết già phu, tướng đang nói Pháp. Ở dưới tòa hai bên, vẽ Đế Thích và Thiện Trụ, hai gối sát đất, chắp tay cung kính nhìn ngắm Như Lai, thưa thỉnh làm sao trừ tai nạn, làm sao được sống lâu, tại sao 7 lần sanh làm súc sanh …v…v… Như vậy thưa thỉnh xong. Khi ấy Thế Tôn từ bi thương xót liền vào Trừ Chướng Tam Ma Địa, từ trên đảnh Như Lai phát ra **Nhạ Da Tam Ma Địa** (Jaya-samādhi: Tôn Thắng Tam Muội), tướng như Luân Vương màu trắng đầu đội mão báu Ngũ Phật, tay cầm Kim Tỏa Câu, nơi ót chiếu hào quang quanh thân tròn như bánh xe. Khi hiện Tam Ma Địa này, 10 phương Thế Giới 6 lần chấn động, 10 phương Thế giới tất cả Địa Ngục, sáu đường chúng sanh đọa nơi ác đạo, thảy đều trừ diệt các nghiệp ác, không còn thọ lại nữa, đều được sanh về cõi Trời và 10 Tịnh độ, do Thiện Trụ Thiên Tử tiêu trừ 7 lần phải sanh vào ác đạo nên gọi là Trừ Chướng Phật Đảnh Luân Vương, tức là một trong 8 Đại Luân Vương gồm năm Phật Đảnh Luân Vương, và ba Phật Đảnh .

Hai bên trái, phải của Đức Phật, vẽ Bồ Tát Di Lặc tay cầm Pháp giới ấn, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi tay cầm hoa sen xanh. Các Vị đều kết Bổn ấn, một tay cầm phất và đều hướng về phía Phật.

Lại hai bên phải trái của Đức Phật vẽ Như Lai Hào Tướng, Như Lai tâm, Như Lai Thiệt Tướng, Như Lai Nhãn, Như Lai Tị, Như Lai Nha, Như Lai Nhĩ, Như Lai Thần (môi), Như Lai Yêu (eo), Như Lai Sóc, Như Lai Vô Uý, Như Lai Mã Âm Tàng, Như Lai My (lông mày), Như Lai Khẩu, Như Lai Vô Năng Thắng Minh Vương, Như Lai Vô Năng Thắng Minh Phi.

Bốn góc viện: Hương Ba La Mật Tam Muội Da, Bảo Ba La Mật Tam Muội Da, Hoa Ba La Mật Tam Muội Da, Đồ Hương Ba La Mật Tam Muội Da, đối nhau ở trong vòng tròn, ngoài ra Như Lai Hào Tướng …v…v… thảy đều cầm bổn ấn khế, các thứ trang nghiêm, ngồi kiết già.

Bốn mặt vẽ 10 phương Chư Phật và Bồ Tát, bốn Đại A La hán, bốn Phật Bích Chi chia ở 4 góc mặt

Ở giữa mặt phía Bắc vẽ Bồ Tát Quán Tự Tại, hai bên vẽ Liên Hoa Bộ nội quyến thuộc, Bồ Tát Đắc Đại Thế …v…v… Bồ Tát Bạch Xứ Tôn Quán Tự Tại, Bồ Tát Thất Cu Chi Quán Tự Tại, Bồ Tát Bất Không Quyến Sách Quán Tự Tại, Bồ Tát Đa La Quán Tự Tại, Bồ Tát Như Ý Luân Quán Tự Tại, Bồ Tát Thương Ly Quán Tự Tại, Bồ Tát Cát Tường Quán Tự Tại, Bồ Tát Thủy Cát Tường Quán Tự Tại, Bồ Tát Mã Đầu Minh Vương Quán Tự Tại, Bồ Tát Liên Hoa Quân Trà Lợi Minh Vương Quán Tự Tại, Bồ Tát Nhất Kế MinhVương Quán Tự Tại, các vị Thánh giả đều chấp bổn khế và trang nghiêm đầy đủ, ngồi bán già trên tòa sen.

Lại ở giữa mặt phía Nam, vẽ Bồ Tát Chấp Kim Cang Vương Bí Mật Chủ, tay cầm chày Kim Cang, ngồi Kiết Già Phu. Hai bên vẽ Kim Cang Bộ Nội Thánh Chúng, an trí thứ lớp: Bồ Tát Kim Cang Mẫu, Bồ Tát Kim Cang Quyền, Bồ Tát Kim Cang

Tỏa, Bồ Tát Kim Cang Nhãn, Bồ Tát Kim cang Phẫn Nộ, Bồ Tát Kim Cang Sách, Bồ Tát Kim Cang Quân trà Lợi, Bồ Tát Kim Cang Tiếu, Bồ Tát Kim Cang Hỏa, Bồ Tát Kim Cang Đạt, Bồ Tát Kim Cang Hỉ, Bồ Tát Kim Cang Bồn, Bồ Tát Kim Cang Tâm, Bồ Tát Kim Cang Tô Bà Hô, Bồ Tát Kim Cang Đồng Tử, Bồ Tát Kim Cang Xích Thân, Bồ Tát Kim Cang Thanh Diện, các vị Kim Cang Bồ Tát đều cầm chày Kim Cang, Luân, quyến sách, gậy, lòi tói, bổn ấn khế ngồi bán già, quanh thân lửa cháy rực rỡ, anh lạc trang nghiêm nơi thân, thảy đều như Pháp hình (hình đã ghi rõ trong nghi quỹ).

Ở cửa phía Tây, hai bên an trí 08 Đại Bồ Tát là: Bồ Tát Hư Không Tạng, Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Trừ Cái Chướng, Bồ Tát Từ Thị, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi Đồng tử, Bồ Tát Trì Địa, Bồ Tát Liên Hoa Thủ, Bồ Tát Bí Mật Chủ …v…v… mỗi mỗi đều chấp bổn khế ấn và trang nghiêm nơi thân đầy đủ.

Ngoài viện an trí mười phương các thần Hộ Pháp cùng các quyến thuộc, hai bên vẽ bốn trụ giả. Góc Đông Bắc vẽ Y Xá Na tay cầm Đát Lợi Thư Na, hai bên có hai thị giả tay cầm Ấn Khế.

Cửa Đông phía Đông Bắc, vẽ Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương, tay cầm đàn Tỳ bà có bốn thị giả.

Cửa Đông phía trên hướng Nam, vẽ Hộ Pháp Đế thích Thiên tay cầm chày Kim cang, có bốn thị giả.

Bốn mặt ngoài viện, vẽ bốn Phật Bích Chi, bốn Thanh Văn.

Góc Đông Nam vẽ Hỏa Thiên Thần ngồi trong lửa, tay cầm xâu chuỗi, hai bên vẽ hai thị giả,

Phía Nam vẽ Diêm La Vương tay cầm Tử Vương ấn, Diêm La Phi và các loài quỷ quyến thuộc.

Hai bên góc Tây Nam, vẽ La Sát Vương tay cầm kiếm, có hai thị giả tay cầm đao, đều ngồi hai bên. Mặt cửa phía Tây hướng Tây Nam, vẽ Thủy Thiên Thần mặc giáp mũ, trên đầu có đầu rắn, tay cầm quyển sách, có bốn thị giả quỳ hai bên chắp tay.

Phương dưới cửa Bắc vẽ Địa Thần, A Tu La Vương tay cầm Bảo Bình, có bốn thị giả.

Cửa Nam mặt phía Tây, vẽ Nhật Thiên Tử và Phi cưỡi xe năm con ngựa, hai tay cầm hoa sen nở ngồi trong vòng tròn. Vẽ bảy sao y theo Bổn sắc, tay cầm bổn ấn, vẽ hai bên Nhật Thiên Tử và quyến thuộc.

Mặt phía Đông vẽ Nguyệt Thiên Tử và Phi cưỡi xe năm con ngỗng, tay cầm phướng gió trên có có con thỏ ngồi trong vành trăng, có hai tám sao đều cầm bổn khế, tùy phương hướng, màu sắc, hình Chư Thiên ngồi quanh Nguyệt Thiên Tử.

Mặt Đông và Nam vẽ các Tất Địa chư Tiên, có ba bốn thị giả như trên.

Các Thánh chúng y theo Pháp vẽ bổn hình dầy đủ, đây là **Mạn Đà La bậc thượng**.

Nếu như vẽ ấn khế, trên đài sen vẽ phóng ánh sáng rực rỡ, đây là **Mạn Đà La bậc Trung**.

Nếu trên đài sen vẽ các chủng tử Phạn tự phóng ánh sáng chung quanh, đây là **Mạn Đà La bậc Hạ**.

Nếu quốc vương muốn trừ tai nạn, ở giữa viện thứ ba vẽ năm non bốn biển vua chúa, quan binh các thần kỳ trong nước, như Pháp mà vẽ.

Nếu bị nghịch tặc nổi lên, ở viện thứ tư vẽ hình nghịch tặc và các hình trạng biến dị. Ở trong dưới nửa đàn mà trấn.

Như vậy vẽ xong kết giới, tịch trừ, triệu thỉnh, dâng các Bảo Bình, lư hương, đèn sách, hoa quả, ứ già …v…v… đều an trí dưới tòa các Thánh vị, tùy theo lớn nhỏ sắp đặt. Nếu lớn một trăm tám khuỷu, Bảo Bình hai lăm cái; nếu tám khuỷu trở lại thì

mười lần một cái, hoặc sáu cái, còn các món cúng dường khác tùy thời mà dâng cúng, trong chính vòng tròn ở giữa, hai viện ngoài cộng chung là 16, bốn góc bốn cửa đối nhau.

Nếu làm Mạn Đà La Tăng Ích, Tức Tai thì tròn.Nếu Hàng Phục thì làm hình tam giác. Nếu Nhiếp Triệu thì làm hình bán nguyệt. Các thứ khác giống nhau".

Thông thường các vị Đạo Sư thường hay truyền trao cho Đệ Tử 2 cách tu theo Pháp Tăng Ích và Pháp Tức Tai

_ Nếu tu **Pháp Tăng Ích** (Puṣṭika) thì Chú Sư ngồi ở mặt Tây hướng mặt về phương Đông, đặt mặt tượng Phật hướng về phương Tây. Từ một ngày cho đến 7 ngày tụng đủ 10 vạn biến. Trong 7 ngày, như Pháp tỏ bày Sám Hối, phát khởi Nguyện Đại Bi thì ngay lúc tu trì liền được thành Pháp. Cần nhớ là đừng khởi Tâm nghi ngờ, luôn thành Tâm cúng dường sẽ sinh vô lượng Phước

Nếu tu **Pháp Diên Thọ** (cầu sống lâu) thì 6 ngày 6 đêm y theo Pháp thọ trì sẽ mãn tất cả Nguyện. Tất cả khổ não của nẻo ác đáng lẽ phải chịu thảy đều được giải thoát.

_ Nếu tu **Pháp Tức Tai** (Śāntika): Ngày ngày nên tụng 21 biến sẽ diệt trừ mọi tội, tăng trưởng Phước Lợi , được mọi người yêu kính. Sau khi chết được vãng sinh về cõi Cực Lạc.

Để nhắc nhở Hành Giả tự chứng biết lúc mình sắp tu Chân Ngôn thành tựu , trong **Tôn Thắng Phật Đảnh Chân Ngôn Du Già Pháp**, quyển hạ (Do Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra việt Văn) Ngài **Thiện Vô Úy** có dạy rằng:

"Nay ta lại nói: Hành giả muốn thành tựu tướng của Chơn ngôn, nếu nói cho đầy đủ hết kiếp cũng không nói đặng, chỉ có Phật mới hay nói được thôi. Nếu Hành giả tụng trăm ngàn vạn biến tức được thành tựu. Nếu khi sắp thành tựu, trước có bảy cảnh giới cát tường, phải biết hành giả mau được Tất Địa.

Thứ nhất: Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Phật Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Đại Như Ý quảng Đại Tôn Thắng Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da, ta được tất cả Như Lai thọ ký Hoán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Ma Địa. Ta và Như Lai một lúc cùng phát thệ rằng: "*Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được được vào trong mười phương cõi Phật. Lui tới tự tại, trong mỗi cõi có chín mươi chín hằng sau cu chi na dữu đa trăm ngàn tất cả Như Lai nhớ nghĩ gia bị*". Được cảnh giới này, nên gia công tinh tấn, không nên thủ xả.

Thứ hai: Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Chư Phật, Đại Liên Hoa Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Ma Ni Bảo Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da cung điện. Ta cùng Như lai thọ Đại Liên Hoa Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Ma Ni Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm. Hiện tiền ta và Như Lai cùng nói lời rằng: "*Lành thay! Thiện nam tử, ông được Đại Liên Hoa Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Như Lai nhiếp thọ gia bị Đại Ma Ni Ấn Tam Muội Da*".

Thứ ba: Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Chư Phật, Đại Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da. Ta và Chư Như Lai thọ Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm và ta thọ tất cả Như Lai Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni Tam Muội Da phẩm. Tất cả Kim Cang đồng khen rằng: "*Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được các Như Lai Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại ma Ni Bảo Đại Mạn Đà La*

Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Kim Cang nhiếp thọ gia bị Đại Ma Ni Bảo Kim Cang Ấn Tam Muội Da”.

Thứ tư: Mộng thấy vào mười phương quốc độ tất cả Như Lai Đại Ma Ni Bảo Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, thấy ta và các Như Lai thọ Đại Ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Bí Mật Thành Tựu Tam Muội Da, được các Như Lai khen rằng: *“Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông nay được tất cả Như Lai Đại Ma Ni Bảo Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Bí Mật Tâm phẩm hiện tiền gia bị, Pháp Quán đảnh này là tất cả Như Lai Đại Như Ý Bảo Chủng Tộc Bí Mật tâm Chơn ngôn Tam Muội Da phẩm”.*

Thứ năm: Mộng thấy vào mười phương quốc độ tất cả Như Lai Bất Thối Chuyển Tôn Thắng Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da, được các Như Lại thọ Bất Thối Chuyển Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Như Lai đều khen rằng: “*Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông nay được mười phương quốc độ ba đời Chư Phật, tất cả Như Lai Bất Thối Chuyển Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm*”.

Thứ sáu: Mộng thấy ta với mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi cội Bồ Đề, nơi tòa Kim Cang thành Đẳng Chánh Giác, làm Đại Pháp Vương Quán Đảnh Địa Pháp. Thấy khắp mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi tòa sư tử thọ tất cả Như Lai Bất Thối Pháp Vương Quán Đảnh Đại Pháp. Chư Như Lai đều khen rằng: “*Lành thay! Lành thay! Ngươi thật bền chắc, nay được tất cả Như Lai Bất Thối Như Lai quán đảnh hộ niệm lâu dài không bỏ”.*

Thứ bảy: Mộng thấy Như Lai Thích Ca Mâu Ni nơi cội Bồ Đề, ngồi tòa Kim Cang, phóng Đại quang minh, chuyển Đại Pháp luân, đốt Đại Pháp cự, vũ Đại Pháp võ, dựng Đại Pháp tràng, thổi Đại Pháp loa, đánh Đại Pháp nhạc, phá Đại Ma quân và thấy mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi cội Bồ Đề nơi tòa Kim Cang chuyển Đại Pháp Luân, dẹp Đại Ma quân, Tối Thắng Đại Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm. Thời Chư Như Lai đều khen rằng: “*Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được chân ngôn Bảo Kiên Cố Giải Thoát Chuyển Pháp Luân Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn tam Muội Da”.*

Như vậy y Pháp cần phải cố gắng quán tưởng thọ trì đọc tụng không có gián đoạn, tức được bảy loại mộng tốt. Chứng Nhất Thiết Như Lai Năm Đảnh Luân Vương Chơn Ngôn Thần Biến Pháp, nhập vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Phật Đảnh Luân Vương Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai Đại Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da hội. Nhập tất cả Tam Muội Da xứ. Được thấy mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai Tôn Thắng Phật Đảnh Luân Vương Như Lai Đại Tỳ Lô Giá Na, bốn Ba La Mật …v…v… Đông phương Như Lai A Súc, Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ …v…v… Nam phương Như Lai Bảo Sanh, Hư Không Bảo …v…v… Tây phương Như Lai Vô Lượng Thọ, Liên Hoa Nhãn …v…v… Bắc phương Như Lai Bất Không Tất Địa, Tỳ Thủ Yết Ma …v…v… bốn Trí, bốn Tam Muội Da …v…v… vô lượng Thánh chúng sắc thân vi diệu cung kính cúng dường, gìn giữ mười phương quốc độ ba đời tất cả Tôn Thắng Phật Đảnh Tỳ Lộ Giá Na Như Lai, tất cả danh hiệu được mười phương quốc độ ba đời, tất cả Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai thọ cho Trừ Chướng Phật Đảnh Ấn Đà La Ni Tam Muội Da Thần Thông Pháp phẩm trên hết.

Nếu trong quá khứ đã tạo mười ác, năm nghịch, bốn trọng, các tội nặng nề thảy đều trừ sạch.

Nếu có chúng sanh ở nơi các đọa xứ được nghe Đại Quán Đảnh Quang Vương Tôn Thắng phật Đảnh Luân Vương Chơn ngôn qua tai một, hai, ba, bảy lần, tức được tiêu trừ tất cả tội chướng.

Nếu Hành giả Du già thương xót sáu nẻo Hữu tình ở nơi đảnh núi cao lễ mười phương, mỗi phương tụng Tôn Thắng Chơn ngôn một biến, mắt nhìn các loại chúng sanh đều được xa lìa tất cả tội khổ. Đời sau được sanh vào cõi Bất Động phật, hoặc viết trên phướng, treo trên đảnh núi cao, trên đầu ngọn cây, phướng bay hướng nào tất cả chúng sanh hướng ấy có các tội mười ác, năm nghịch, bốn trọng, thảy đều tiêu diệt. Hoặc viết chữ Phạn, an trí trên phướng cũng được như trên đã nói. Bảy loại mộng tốt tương ưng, nên biết Hành giả Du già mau chứng Phổ Hiện Sắc Thân Đại Tam Ma Địa, nhập vào Vô Sanh Bình Đẳng Năm Trí, thành tựu thân Như Lai Đại Tỳ lô Giá Na".

Riêng về sự Thành Tựu (Tất Địa: Siddhi) thì có hai loại là **Hữu Tướng Tất Địa** và **Vô Tướng Tất Địa**

Hữu Tướng Tất Địa có 3 bậc là:

_ Hạ Tất Địa: Được trường sinh bất lão, làm vua trong chư Tiên. Hoặc đạt được tất cả việc thù thắng xảo diệu của Thế Gian, sống lâu vạn tuổi.

_ Trung Tất Địa: Được địa vị Chuyển Luân Thánh Vương, sống lâu một kiếp.

_ **Thượng Tất Địa**: Chứng Ngũ Địa cho đết Bát Địa , tự đến thân Bồ Tát. Trong khoảng một niệm vượt 10 Phật Sát vi trần số Phật Thế Giới , thừa sự cúng dường mỗi một vị Phật, hóa độ chúng sinh.

Vô Tướng Tất Địa có 3 bậc là:

_ **Hạ Tất Địa**: 3 loại Tất Địa lúc trước là Hạ Tất Địa

_ **Trung Tất Địa**: Như trong Vô Tướng, hoặc được thân Bản Tôn, hoặc được thân ứng hóa cho đến thân Bồ Tát ở 10 Địa Vị.

_ **Thượng Tất Địa**: 3 Nghiệp tức là 3 Mật, 3 Mật tức là 3 Thân, 3 Thân tức là Đại Nhật Như Lai Trí.

Nếu được thân Tỳ Lô Giá Na như vậy, hoặc chứng Pháp Giới Phổ Hiện Sắc Thân, đồng một Pháp Giới , đồng một Thể Tính. Ngoài một tâm không có một vật nào mà có thể được. Lập tướng hư không của chư Phật, hư không cũng không có tướng, tâm đồng hư không cho nên người tu Du Kỳ cũng đồng một Thể. Một niệm đốn vượt 3 vọng chấp, độ 3 tăng kỳ hạnh, phát Tâm Bồ Đề liền thành Chính Giác tức là thân của Tất Địa. Đây là Pháp tối thượng trong Vô Tướng Tất Địa .

NHẤT TỰ KIM LUÂN PHẬT ĐỈNH

Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh tên Phạn là **Ekākṣara-buddhoṣṇīṣa-cakra** (Nhất Tự Phật Đỉnh Luân), dịch âm là Ế Ca Khất Sa La (Nhất Tự) Bột Đà Ô Sắt Ni Sá (Phật Đỉnh) Chước Cật La (Luân) là dạng **nhân cách hóa** của Chân Ngôn có một chữ **Bhrūṃ** (ॷ) do Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) nhập vào Tam Ma Địa tối thắng nói ra, cũng là một trong năm **Phật Đỉnh Tôn** (Buddhoṣṇīṣa-nātha), tức Phật Đỉnh Tôn dùng một chữ **Bhrūṃ** (ॷ) làm Chân Ngôn, là bậc rất ư thù thắng trong các **Phật Đỉnh** (Buddhoṣṇīṣa) giống như trong Chuyển Luân Thánh Vương của Thế Gian dùng Kim Luân làm tối cao, cho nên gọi là **Nhất Tự Kim Luân** (Ekākṣara-Uṣṇīṣa-cakra)**.** Lại có tên gọi là Nhất Tự Đỉnh Luân Vương, Kim Luân Phật Đỉnh Vương, Đại Kim Luân Minh Vương, Nhất Tự Phật Đỉnh Luân Vương…. Chủng tử **Bhrūṃ** (ॷ) ấy đều là Chú của ba Thân đầy đủ (Tam Thân Cụ Túc chi Chú) là bí mật sâu xa trong bí mật.



Kim Cương Đỉnh Kinh Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Du Già Nhất Thiết Thời Xứ Niệm Tụng Thành Phật Nghi Quỹ nói rằng: "Đại Kim Luân Minh Vương này có Uy Quang ví như ngàn mặt trời, bảy báu đều vây quanh, là **Luân Vương** (Cakra-rāja) trong tất cả Phật Đỉnh Luân Vương. Vừa mới hiện thân đặc biệt kỳ lạ thì các Thánh Chúng đều ẩn mất, hiển sự thắng tuyệt chẳng chung cùng, chỉ có một Thể của Phật"

Căn cứ theo đây mà nói thì Công Đức của chư Phật Bồ Tát đều quy vào một Tôn này. Lại dùng đỉnh đầu là bộ vị cao nhất trong thân người, không có nhận loại tế bào nào hiển ra bên trên chỗ ấy, cho nên dùng từ **Phật Đỉnh** ví dụ cho Tôn này là bậc Tối

Tôn trong chư Phật. Ngoài ra thông thường Luân Vương có bốn loại là Kim Luân, Ngân Luân, Đồng Luân, Thiết Luân thời Tôn này dùng **Kim Luân** để biểu thị cho nghĩa tối thắng. Khi thu Pháp thời tụng một Chân Ngôn này có thể có đủ Thần Lực uy đức sáng rực.



_Kim Luân này có hai loại là **Đại Nhật Kim Luân** và **Thích Ca Kim Luân**

Thích Ca Kim Luân y theo Kinh **Nhất Tự Đỉnh Luân Vương** đã nói thời có hình tóc cuốn xoáy như vỏ ốc (loa phát), kết Pháp Giới Định Ấn hoặc Trì Bát Ấn, trên Ấn để bánh xe.



Đại Nhật Kim Luân y theo **Kim Cương Đỉnh Kinh Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Du Già Nhất Thiết Thời Xứ Niệm Tụng Thành Phật Nghi Quỹ** đã nói: "Đầu đội mão báu Ngũ Trí, kết **Trí Quyền Ấn**. Khi tu Pháp của Nhất Tự Kim Luân thời dùng **Đại Nhật Kim Luân** làm Bản Tôn, thân ấy màu hoàng kim hoặc màu trắng, ngồi trên hoa sen trắng"



Hình ấy tuy là **Trí Phật** (Jñāna-buddha) của **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) lại hiện vào tướng **Nhật Luân Tam Muội** của **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu). Tam Muội Gia Hình là bánh xe tám căm, dùng **Nhất Tự Kim Luân** làm Bản Tôn. Tất cả **Tất Địa** (Siddhi) ấy với Pháp **Trừ Tai** (Śāntika) xưng là Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh Pháp.

_Công Đức của Pháp tu ấy được ghi nhận là:

Kim Cương Đỉnh Kinh Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Du Già Nhất Thiết Thời Xứ Niệm Tụng Thành Phật Nghi Quỹ nói rằng: "Nếu tu **Du Già** (Yoga) này, giả sử đời này gây tạo vô lượng các tội chướng cực nặng đều hay vượt qua nẻo ác, hay mau chứng Bồ Đề"

Cam Lộ Quân Trà Lợi Bồ Tát Cúng Dường Niệm Tụng Thành Tựu Nghi Quỹ nói rằng: "Nếu có người tụng trì Phật Đỉnh của nhóm Đỉnh Luân Vương thì trong năm trăm Do Tuần, người tu Mật Ngôn của Bộ khác thỉnh Bản Sở Tôn niệm tụng thời Thánh Giả chẳng giáng đến, cũng chẳng ban cho Tất Địa, ấy là do Uy Đức của Nhất Tự Đỉnh Luân nhiếp lấy vậy"



Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh Man Đa La

Man Đa La (Maṇḍala; Đàn Trường) này là Man Đa La của Pháp **Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh Pháp** , nội dung tu trì ấy chủ yếu là dùng Đại Nhật Tôn làm Bản Tôn

Man Đa La này hàm nghĩa là thành tựu Đại Nhật Kim Luân Phật Đỉnh, đầy đủ bảy báu của Luân Vương, đều đầy đủ bốn loại thành tựu: **tiêu tai, tăng ích, kính ái, giáng phục**… là Mật Pháp tinh hoa vô thượng của **Phật Đỉnh Đại Pháp** cổ truyền.

Luân Vương tức là sự xưng gọi giản lược của Chuyển Luân Thánh Vương. Luân Vương lại có thể chia ra bốn Đại Luân Vương là Kim Luân Vương, Ngân Luân Vương, Đồng Luân Vương, Thiết Luân Vương

Kim Luân Vương thống lãnh bốn Đại Châu, Ngân Luân Vương thống lãnh ba Đại Châu, Đồng Luân Vương thống lãnh hai Đại Châu, Thiết Luân Vương thống lãnh một Đại Châu. Trong đó Kim Luân Vương có đủ bảy món trân bảo vô thượng của Thế Gian là: **Kim Luân Bảo** (Cakra-ratna: bánh xe báu), **Ma Ni Bảo** (Maṇi-ratna: viên ngọc báu), **Thần Vương Bảo** (Puruṣa-ratna: bề tôi báu), **Tướng Vương Bảo** (Khaḍga-ratna: tướng quân báu), **Hậu Vương Bảo** (Strī-ratna: người vợ báu), **Mã Vương Bảo** (Aśva-ratna: con ngựa báu) với **Tượng Vương Bảo** (Hasti-ratna: con voi báu) trợ giúp làm nghiệp, thành tựu vương nghiệp của bốn Đại Châu. Kim Luân Vương Phật Đỉnh tức lấy nghĩa bao hàm của Kim Luân Vương này, ý là **Đỉnh** (Uṣṇīṣa) tối cực trong Mật Pháp của các Phật Đỉnh, là một Pháp **Vô Thượng Đại Mật** của ấn chứng **Tức Thân thành Phật**



_ **Đại Diệu Kim Cương Đại Cam Lộ Quân Trà Lợi Diễm Man Xí Thịnh Phật Đỉnh Vương Kinh** có ghi nhận cách tu trì Đàn Pháp của các Phật Đỉnh (Do Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra tiếng Việt) là:

"Khi thân Đức Thế Tôn hiện ra tướng nhiếp tất cả Phật Đỉnh Luân Vương, tay cầm bánh xe vàng 8 căm, ngồi trên bảy tòa Sư Tử, thân phóng ra vô lượng trăm ngàn ánh sáng, ánh sáng lửa rực rỡ của cái lọng trên đỉnh đầu lại xuất hiện một câu chi thân Phật phóng ánh sáng lớn xoay vần ngay bên trên cái lọng. Như vậy Đức Thế Tôn dùng Ấn và bánh xe vàng 8 căm, 8 phương 8 màu. Trong bánh xe hiện ra 8 loại Hoa Tòa có các cờ xí, có 8 hằng hà sa câu chi Phật Thân vây chung quanh, mỗi mỗi đều phóng ra vô lượng các ánh sáng đủ màu rực rỡ. Cách cái lọng trên đỉnh đầu hiện ra một câu chi Phật phóng ra ánh sáng lớn, mỗi mỗi tự xoay vần.

Trước mặt Như Lai ở phương Đông, ánh sáng trong bánh xe màu đỏ hiện ra **Quang Tụ Phật Đỉnh Luân Vương**, tay kết Như Lai Đỉnh Ấn phóng ra đám ánh sáng lớn, ngồi trên hoa sen đỏ (chữ chủng tử là **Trūṃ**)

Bên góc phải Đức Như Lai (hướng Đông Nam) trong bánh xe màu vàng hiện ra **Nhất Thế Phật Đỉnh Luân Vương** [tức Phát Sinh Phật Đỉnh], tay cầm hoa sen vàng, phóng ra ánh sáng màu vàng , ngồi trên hoa sen này đỏ (chữ chủng tử là **Ṭrūṃ**)

Bên phải Đức Như Lai (phương Nam) trong bánh xe màu trắng hiện ra **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm cái lọng trắng, phóng ra ánh sáng trắng,ngồi trên hoa sen trắng (chữ chủng tử là **Dhrūṃ**)

Phía sau Đức Như Lai , bên góc phải (hướng Tây Nam) trong bánh xe nhiều màu hiện ra **Thắng Đỉnh Luân Vương**, tay cầm cây kiếm sắc bén, phóng ra ánh sáng nhiều màu, ngồi trên hoa sen đủ màu (chữ chủng tử là **Drūṃ**)

Phía sau Đức Như Lai (phương Tây) trong bánh xe màu đỏ hiện ra **Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm hoa sen đỏ, bên trên hoa có cái móc câu, phóng ra ánh sáng màu đỏ, ngồi trên hoa sen đỏ (chữ chủng tử là **Hrūṃ**)

Phía sau Đức Như Lai, bên góc trái (hướng Tây Bắc) trong bánh xe màu xanh hiện ra **Thanh Sắc Phật Đỉnh Luân Vương** [tức Quảng Phật Đỉnh], tay cầm chày Kim Cương ba chỉa (Tam Cổ Kim Cương) phóng ra ánh sáng màu xanh, ngồi trên hoa sen xanh (chữ chủng tử là **Śrūṃ**)

Bên trái Đức Như Lai (phương Bắc) trong bánh xe màu xanh lục hiện ra **Nhất Tự Tối Thắng Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm bánh xe vàng 8 căm, phóng ra ánh sáng màu xanh lục, ngồi trên hoa sen màu xanh lục (chữ chủng tử là **Bhrūṃ**)

Trước mặt Đức Như Lai, bên góc trái (hướng Đông Bắc) trong bánh xe màu tím hiện ra **Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm vỏ ốc trắng, phóng ra ánh sáng màu tím, ngồi trên hoa sen tím (chữ chủng tử là **Srūṃ**)

Như thế 8 phương Phật Đỉnh, mỗi vị đều phóng ra ánh sáng theo mỗi phương, đều có 8 hằng hà sa câu chi Phật vây quanh và ngồi trên tòa sen có màu theo Bản Phương, các vị đều có một câu chi cõi Phật và trên đỉnh đầu đều có cái lọng che.

Khi ấy tất cả Phật Đỉnh Luân Vương ngồi ở 8 phương, các vị đều hiện ra tướng của 8 Phật Đỉnh Luân Vương xong. Thời Đức Thế Tôn lại hiện 7 báu quyến thuộc: Người nữ báu, con ngựa báu, Chủ Tàng Thần báu, bánh xe báu, con voi báu, Ngọc Như Ý báu, bình báu… vây chung quanh bốn mặt bánh xe lớn (Đại Luân)

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nhập vào Câu Triệu Tam Ma Địa, câu triệu khắp hết Hư Không Pháp Giới. Vì muốn an lập tất cả Hữu Tình mau được Vô Thượng Bồ Đề, vì muốn ở trong sinh tử chứng được Phật Thân. Thời 10 phương câu chi chư Phật nghe tiếng câu triệu của Nhất Thế Phật Đỉnh Luân Vương, liền ở trong Định hiện ra Thần Thông, tuôn mưa các hoa báu, vòng hoa báu, hương báu, đèn báu…. Cho đến Hư Không Pháp Giới Đại Kim Cương Phong Lâu Các ở trong hư không tụ lại rồi nói rằng*:" Thế Tôn ! Sao không nói Pháp 10 chữ khiến cho tất cả Hữu Tình hiện đời mau chứng Phật Thân ?"*

Lúc đó Nhiếp Nhất Thiết Phật Đỉnh Vương nghe lời nói này, vì muốn hiện đại thần thông, muốn nói căn bản nơi tu hành chứng đắc của chư Phật, các Pháp tu hành của chư Phật quá khứ, các Pháp tu hành của Phật hiện tại, các Pháp tu hành của chư Phật vị lai khiến cho kẻ trai lành người nữ thiện chỉ trong đời này không chuyển nhục thân mà hay làm việc Phật lớn lao, vì lợi ích các Hữu Tình được thành Thân Phật. Liền nói **Kim Cương Xí Thịnh Quang Minh Phật Đỉnh Luân Vương Tự Tại Thập Tự Chân Ngôn** là:

NAMO VAIROCANÀYA
NAMO BHAGAVATOṢṆĪṢĀYA

ĀḤ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

TRŪṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

ṬRŪṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

DHRŪṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

DRŪṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

HRŪṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

ŚRŪṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

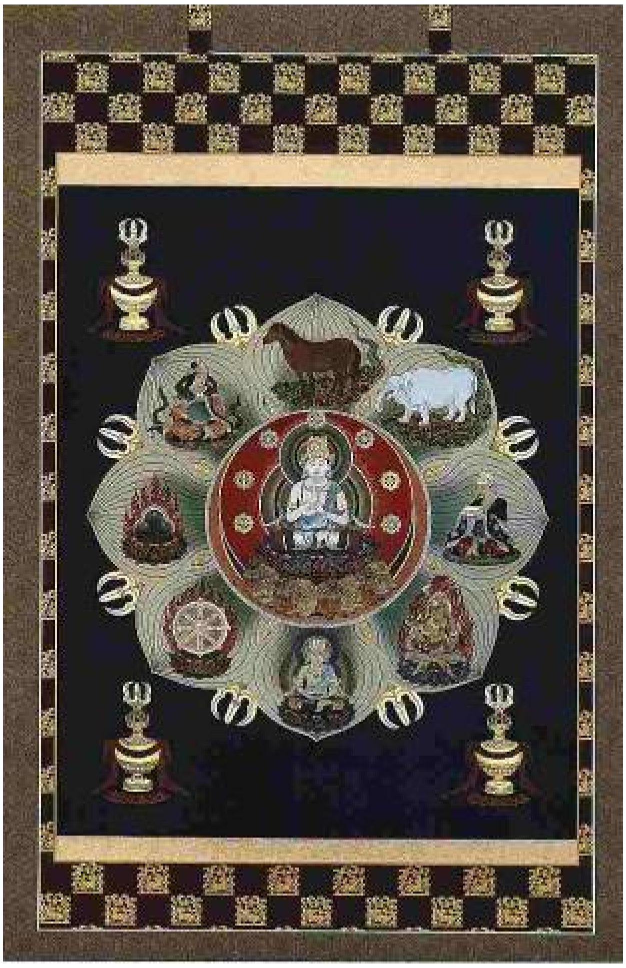
SRŪṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

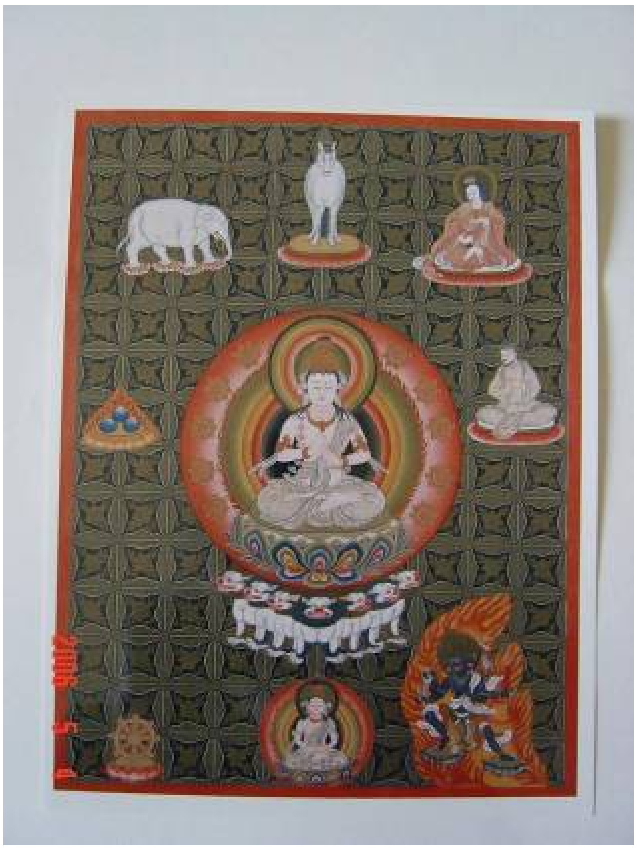
BHRŪṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

HŪṂ _ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA

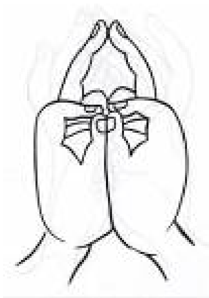
_ Ngoài ra các bậc Đạo Sư Mật Giáo còn truyền dạy Đàn Pháp đơn giản hơn là: Đại Nhật Kim Luân ở chính giữa, chung quanh có 7 báu quyến thuộc: Người nữ báu, con ngựa báu, Chủ Tàng Thần báu, bánh xe báu, con voi báu, Ngọc Như Ý báu, bình báu… vây chung quanh bốn mặt bánh xe lớn (Đại Luân)







_ Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Ấn: Trước tiên chắp tay. Đem 2 ngón vô danh, 2 ngón út, bên phải đè bên trái cùng chĩa vào trong lòng bàn tay. Dựng thẳng 2 ngón giữa rồi co lóng thứ nhất cùng dính đầu ngón như hình cây kiếm. Hai ngón cái nhập vào lòng bàn tay, duỗi bằng 2 ngón trỏ rồi co 2 đầu ngón đè lên móng 2 ngón cái, 2 đều ngón trỏ chạm nhau. Đây gọi là **Đỉnh Luân Vương Căn Bản Ấn**



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ BHRŪṂ



Hay **Kim Luân Đảnh Vương Chân Ngôn** là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ OṂ HŪṂ BHRŪṂ HŪṂ

_ **Thích Ca Đỉnh Luân Chân Ngôn** là (Thủ Ấn như bên trên)

MAMO SAMANTA _ DARA DARA PACARA _ HŪṂ

HỒNG DANH BẢO SÁM NGHI THỨC

Nghi Thức này do Pháp Sư **Bất Động** thời Tống Triều quyết định soạn ra. Pháp Sư **Bất Động** là vị Phạn Tăng tu hành **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya) của Mật Tông, công phu rất sâu dầy cho nên được xưng là Kim Cương Pháp Sư.

Lễ: Lễ bái, nguyên quy định thiết yếu là đỉnh lễ 108 lần theo thứ tự. Nhưng hiện tại, các Tự Viện đồng Pháp Hội đều cải sửa lại, chỉ quỳ niệm mà thôi.

Sám Hối: Hối hận nghiệp tội của quá khứ, kèm cầu tiêu diệt nghiệp tội đã gây tạo trong quá khứ, lập **Nguyện** vĩnh viễn chẳng tái phạm.

_ Từ câu **Nam mô Phổ Quang Phật** cho đến câu **Nam mô Nhất Thiết Pháp Thường** (? Tràng) **Mãn Vương Phật**, tổng cộng là 53 danh hiệu Phật được xuất hiện trong Kinh **Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ Tát**. Chiếu theo điều trong Kinh nói thì người nghe được danh hiệu của 53 Đức Phật ấy sẽ hay ở tại trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp chẳng bị rơi vào nẻo ác. Người hay niệm danh hiệu của 53 Đức Phật thời đời đời kiếp kiếp luôn luôn được nhìn thấy Phật. Người hay cung kính, đỉnh lễ 53 Đức Phật thì hết thảy mọi loại tội nặng, năm Nghịch, mười ác…một thời đều có thể tiêu diệt. Một ngàn Tôn Phật trong **Trang Nghiêm Kiếp** thời quá khứ, một ngàn Tôn Phật trong **Hiền Kiếp** thời hiện tại, một ngàn Tôn Phật trong **Tinh Tú Kiếp** thời vị lai. Ba ngàn Tôn Phật ấy đều nhân vào việc xưng dương, khen ngợi, cung kính, lễ bái 53 Đức Phật ấy cho nên mau sớm thành Phật Đạo

_ Từ câu **Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật** cho đến câu **Nam mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Sa La Thọ Vương Phật** gồm có 35 Tôn Phật. đều được trích ra từ Kinh **Quyết Định Tỳ Ni**. Tất cả chúng sinh nếu hay đỉnh lễ 35 Tôn Phật ấy thời mọi loại tội nặng, nhóm năm Nghịch, mười ác đều có thể trừ diệt

_ Câu **Nam mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật:** Tâm Tính của tất cả Phật đều bao trùm cất giữ tất cả Pháp Giới, bởi thế gọi là **Pháp Giới Tạng Thân**. Giữ riêng bốn chữ **Pháp Giới Tạng Thân** lại gia thêm danh hiệu **A Di Đà Phật** lên trên, là biểu thị cho sự cần thiết nắm giữ, lễ bái xưng niệm Công Đức của 88 Đức Phật, hồi hướng về Thế Giới Cực Lạc, Tịnh Thổ trang nghiêm, cầu nguyện vãng sinh.

_ Văn Bản gốc thì kết thúc tại câu **Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát** (xưng 3 lần xong thì đứng dậy) và được người đời ghi nhận là: “***Nếu chí Tâm tụng niệm văn này, chí Tâm sám hối thời có thể trừ diệt tất cả tội nặng, chẳng bị rơi vào nẻo ác và sớm được thành Phật***”

_ Riêng bản lưu hành tại Việt Nam thì ghi thêm bài Tán là:
“Tám mươi tám Phật
Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri
Đầy đủ mười Hiệu
Nương uy lực Phật
Mọi tội đều sám hối”
Nam mô **Cầu Sám Hối Bồ Tát**

HỒNG DANH BẢO SÁM NGHI THỨC

Hán văn: Đời Tống_ Pháp Sư **Bất Động** biên soạn
Việt dịch: HUYỀN THANH

_ Đại Từ, Đại Bi thương chúng sinh
Đại Hỷ, Đại Xả cứu hàm thức
Tướng tốt, ánh sáng tự trang nghiêm
Chúng con chí tâm, quy mệnh lễ (1 bái)

_ Nam mô quy y **Kim Cương Thượng Sư** (1 bái)
Quy y **Phật.** Quy y **Pháp.** Quy y **Tăng** (1 bái)

_ Nay con phát Tâm, chẳng vì mong cầu Phước báo của hàng người, Trời…Thanh Văn, Duyên Giác cho đến các vị Bồ Tát thuộc **Quyền Thừa** mà chỉ y theo **Tối Thượng Thừa**, phát **Tâm Bồ Đề**.

Nguyện cùng với chúng sinh trong Pháp Giới, một thời đồng được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

_ Nam mô quy y tất cả chư Phật tận cõi hư không ở khắp mười phương (1 bái)

Nam mô quy y tất cả Tôn Pháp tận cõi hư không ở khắp mười phương (1 bái)

Nam mô quy y tất cả Hiền Thánh Tăng tận cõi hư không ở khắp mười phương (1 bái)

_ Nam mô **Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn** (1 bái)

(Từ đây trở xuống, mỗi một Đức Phật đều lễ một bái)
1_ Nam mô **Phổ Quang Phật**
2_ Nam mô **Phổ Minh Phật**
3_ Nam mô **Phổ Tịnh Phật**
4_ Nam mô **Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật**
5_ Nam mô **Chiên Đàn Quang Phật**
6_ Nam mô **Ma Ni Tràng Phật**
7_ Nam mô **Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật**
8_ Nam mô **Nhất Thiết Thế Gian Lạc Kiến Thượng Đại Tinh Tiến Phật**
9_ Nam mô **Ma Ni Tràng Đăng Quang Phật**
10_ Nam mô **Tuệ Cự Chiếu Phật**
11_ Nam mô **Hải Đức Quang Minh Phật**
12_ Nam mô **Kim Cương Lao Cường Phổ Tán Kim Quang Phật**

13_ Nam mô **Đại Cường Tinh Tiến Dũng Mãnh Phật**
14_ Nam mô **Đại Bi Quang Phật**
15_ Nam mô **Từ Lực Vương Phật**
16_ Nam mô **Từ Tạng Phật**
17_ Nam mô **Chiên Đàn Quật Trang Nghiêm Thắng Phật**
18_ Nam mô **Hiền Thiện Thủ Phật**
19_ Nam mô **Thiện Ý Phật**
20_ Nam mô **Quảng Trang Nghiêm Vương Phật**
21_ Nam mô **Kim Hoa Quang Phật**
22_ Nam mô **Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại Lực Vương Phật**
23_ Nam mô **Hư Không Bảo Hoa Quang Phật**
24_ Nam mô **Lưu Ly Trang Nghiêm Vương Phật**
25_ Nam mô **Phổ Hiện Sắc Thân Quang Phật**
26_ Nam mô **Bất Động Trí Quang Phật**
27_ Nam mô **Giáng Phục Chúng Ma Vương Phật**
28_ Nam mô **Tài Quang Minh Phật**
29_ Nam mô **Trí Tuệ Thắng Phật**
30_ Nam mô **Di Lặc Tiên Quang Phật**
31_ Nam mô **Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương Phật**
32_ Nam mô **Thế Tịnh Quang Phật**
33_ Nam mô **Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật**
34_ Nam mô **Nhật Nguyệt Quang Phật**
35_ Nam mô **Nhật Nguyệt Châu Quang Phật**
36_ Nam mô **Tuệ Tràng Thắng Vương Phật**
37_ Nam mô **Sư Tử Hống Tự Tại Lực Vương Phật**
38_ Nam mô **Diệu Âm Thắng Phật**
39_ Nam mô **Thường Quang Tràng Phật**
40_ Nam mô **Quán Thế Đăng Phật**
41_ Nam mô **Tuệ Uy Đăng Vương Phật**
42_ Nam mô **Pháp Thắng Vương Phật**
43_ Nam mô **Tu Di Quang Phật**
44_ Nam mô **Tu Mạn Na Hoa Quang Phật**
45_ Nam mô **Ưu Đàm Bát La Hoa Thù Thắng Vương Phật**
46_ Nam mô **Đại Tuệ Lực Vương Phật**
47_ Nam mô **A Súc Tỳ Hoan Hỷ Quang Phật**
48_ Nam mô **Vô Lượng Âm Thanh Vương Phật**
49_ Nam mô **Tài Quang Phật**
50_ Nam mô **Kim Hải Quang Phật**
51_ Nam mô **Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Phật**
52_ Nam mô **Đại Thông Quang Phật**
53_ Nam mô **Nhất Thiết Pháp Thường Mãn Vương Phật**
54_ Nam mô **Thích Ca Mâu Ni Phật**
55_ Nam mô **Kim Cương Bất Hoại Phật**
56_ Nam mô **Bảo Quang Phật**
57_ Nam mô **Long Tôn Vương Phật**

58_ Nam mô **Tinh Tiến Quân Phật**
59_ Nam mô **Tinh Tiến Hỷ Phật**
60_ Nam mô **Bảo Hỏa Phật**
61_ Nam mô **Bảo Nguyệt Quang Phật**
62_ Nam mô **Hiện Vô Ngu Phật**
63_ Nam mô **Bảo Nguyệt Phật**
64_ Nam mô **Vô Cấu Phật**
65_ Nam mô **Ly Cấu Phật**
66_ Nam mô **Dũng Thí Phật**
67_ Nam mô **Thanh Tịnh Phật**
68_ Nam mô **Thanh Tịnh Thí Phật**
69_ Nam mô **Sa Lưu Na Phật**
70_ Nam mô **Thủy Thiên Phật**
71_ Nam mô **Kiên Đức Phật**
72_ Nam mô **Chiên Đàn Công Đức Phật**
73_ Nam mô **Vô Lượng Cúc Quang Phật**
74_ Nam mô **Quang Đức Phật**
75_ Nam mô **Vô Ưu Đức Phật**
76_ Nam mô **Na La Diên Phật**
77_ Nam mô **Công Đức Hoa Phật**
78_ Nam mô **Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông Phật**
79_ Nam mô **Tài Công Đức Phật**
80_ Nam mô **Đức Niệm Phật**
81_ Nam mô **Thiện Danh Xưng Công Đức Phật**
82_ Nam mô **Hồng Diệm Đế Tràng Vương Phật**
83_ Nam mô **Thiện Du Bộ Công Đức Phật**
84_ Nam mô **Đấu Chiến Thắng Phật**
85_ Nam mô **Thiện Du Bộ Phật**
86_ Nam mô **Chu Táp Trang Nghiêm Công Đức Phật**
87_ Nam mô **Bảo Hoa Du Bộ Phật**
88_ Nam mô **Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Sa La Thọ Vương Phật**
89_ Nam mô **Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật**
(Bên trên là 89 Đức Phật, lễ 89 bái)

_ Chư Phật Thế Tôn trong tất cả Thế Giới của nhóm như vậy, thường trụ ở đời. Xin các đấng Thế Tôn đấy hãy thương nhớ con.

.) Nếu đời này của con, hoặc đời trước của con, từ vô thủy sinh tử cho đến nay…đã gây tạo mọi tội, hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, thấy làm tùy vui.

.) Hoặc tháp, hoặc Tăng, hoặc vật dụng của bốn phương Tăng… Hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, nhìn thấy chiếm lấy tùy vui.

.) Năm tội **Vô Gián**, hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, thấy làm tùy vui.

.) Mười đường lối chẳng lành, hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, thấy làm tùy vui.

.) Tội chướng đã làm, hoặc có che dấu, hoặc chẳng che dấu…đáng bị đọa vào Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh, các nẻo ác khác, biên địa thấp hèn với **Miệt Lệ Xa** (Mleccha: biên địa, loại hạ tiện)

Tội chướng đã gây tạo tại nơi chốn như vậy, nay đều xin sám hối

(1 bái)

_ Nay xin chư Phật Thế Tôn hãy chứng biết cho con, hãy nghĩ nhớ đến con. Con lại ở trước mặt chư Phật Thế Tôn, nói lời như vầy:

"Hoặc đời này của con, hoặc đời khác của con đã từng thực hành Bố Thí, hoặc giữ gìn Tịnh Giới, cho đến ban bố cho chúng sinh một phần thức ăn. Hoặc tu Tịnh Hạnh có được căn lành, thành tựu chúng sinh có được căn lành, tu hành Bồ Đề có được căn lành với Trí vô thượng có được căn lành…Tất cả hợp tập, tính toán rõ rệt, thảy đều xin hồi hướng Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Như chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đã làm sự hồi hướng, thời con cũng xin hồi hướng như vậy.

_ "Mọi tội đều sám hối
Các Phước tùy vui hết
Với công đức thỉnh Phật
Nguyện thành Vô Thượng Trí
Hết thảy Phật ba đời
Nơi chúng sinh tối thắng
Vô lượng biển Công Đức
Nay con quy mệnh lễ" (1 bái)

_ "Hết thảy trong Thế Giới mười phương
Tất cả **Nhân Sư Tử** (Đức Phật) ba đời
Con dùng thân miệng ý trong sạch
Tất cả lễ khắp không dư sót
Sức uy thần **Hạnh Nguyện Phổ Hiền**
Hiện khắp trước mặt các Như Lai
Một Thân lại hiện vô số Thân
Mỗi mỗi lễ khắp vô số Phật" (1 bái)

_ "Vô số Phật trong một hạt bụi
Đều ở trong chúng hội Bồ Tát
Bụi Pháp Giới không tận, *cũng thế*
Tin sâu chư Phật đều tràn đầy
Đều dùng tất cả biển âm thanh
Tuôn khắp **Diệu Ngôn Từ** không tận
Tận tất cả Kiếp ở vị lai
Khen biển Công Đức sâu của Phật" (1 bái)

_ "Đem các vòng hoa đẹp tối thắng
Kỹ nhạc, hương xoa với dù lọng
Vật trang nghiêm tối thắng như vậy

Con đem cúng dường các Như Lai
Quần áo tối thắng, hương tối thắng
Hương bột, hương đốt với đèn, đuốc
Tất cả đều như **núi Diệu Cao** (núi Tu Di)
Con đều cúng dường các Như Lai" (1 bái)

_ "Con dùng Tâm **thắng giải** rộng lớn
Tin sâu tất cả Phật ba đời
Đều dùng sức Hạnh Nguyện Phổ Hiền
Cúng dường khắp cả các Như Lai" (1 bái)

_ "Xưa con đã gây nhiều nghiệp ác
Đều do vô thủy: Tham, Sân Si
Từ thân miệng ý phát sinh ra
Tất cả, nay con đều Sám Hối" (1 bái)

_ "Mười phương: tất cả các chúng sinh
Nhị Thừa, **Hữu Học** với **Vô Học**
Tất cả Như Lai và Bồ Tát
Hết thảy Công Đức đều tùy vui" (1 bái)

_ "Mười phương: Hết thảy **Thế Gian Đăng** (Đức Phật)
Đấng vừa mới thành tựu Bồ Đề
Nay con, tất cả đều khuyến thỉnh
Chuyển nơi **Diệu Pháp Luân** vô thượng" (1 bái)

_ "Chư Phật nếu muốn bày Niết Bàn
Con đều chí thành xin khuyến thỉnh
Nguyện xin trụ lâu vô số Kiếp
Lợi lạc tất cả các chúng sinh" (1 bái)

_ "Hết thảy Phước: Lễ tán, cúng dường
Thỉnh Phật trụ đời chuyển Pháp Luân
Tùy Hỷ, Sám Hối các căn lành
Hồi hướng chúng sinh với Phật Đạo" (1 bái)

_ "Nguyện đem Công Đức thù thắng này
Hồi hướng Vô Thượng Chân Pháp Giới
Tính, Tướng, Phật Pháp với Tăng Già
Hai Đế dung thông **Ấn Tam Muội**
Vô lượng biển Công Đức như vậy
Nay con thảy đều hồi hướng hết
Hết thảy chúng sinh:thân,miệng, ý
Kiến Hoặc (sự chướng ngại của kiến thức), chê bai, nhóm **Ngã Pháp**
Tất cả các Nghiệp Chướng như vậy

Thảy đều tiêu diệt hết, không sót
Niệm niệm, Trí vòng khắp Pháp Giới
Rộng độ chúng sinh đều chẳng lui
Cho đến hư không, Thế Giới hết
Chúng sinh với nghiệp phiền não, hết
Bốn Pháp như vậy rộng vô biên
Nay nguyện hồi hướng cũng như vậy" (1 bái)

Nam mô **Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát** (xưng 3 lần)

_ "Tám mươi tám Phật
Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri
Đầy đủ mười Hiệu
Nương uy lực Phật
Mọi tội đều sám hối
Nam mô **Cầu Sám Hối Bồ Tát** (1 bái)
(Sau đó đứng dậy, lui ra)

Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 13/03/2012

ĐỒ HÌNH CỦA 88 ĐỨC PHẬT TRONG HỒNG DANH BẢO SÁM
(Trích trong trang Web: **tangthuphathoc.net**)

1_ Nam mô **Phổ Quang Phật**
(Namo Samanta-prabha Buddha)



2_ Nam mô **Phổ Minh Phật**
(Namo Samanta-prabhāsa Buddha)



3_ Nam mô **Phổ Tịnh Phật**
(Namo Samanta-śuddha Buddha)



4_ Nam mô **Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật**
(Namo Tāmala-patra-candana-gandha Buddha)



5_ Nam mô **Chiên Đàn Quang Phật**
(Namo Candana-prabha Buddha)



6_ Nam mô **Ma Ni Tràng Phật**
(Namo Maṇi-paṭāka Buddha)



7_ Nam mô **Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật**
(Namo Pramudita-garbha-maṇi-ratna-kuṭa Buddha)



8_ Nam mô **Nhất Thiết Thế Gian Lạc Kiến Thượng Đại Tinh Tiến Phật**

(Namo Sarva-loka-priya-darśanottara-mahā-vīrya Buddha)



9_ Nam mô **Ma Ni Tràng Đăng Quang Phật**
(Namo Maṇi-dhvaja-pradīpa Buddha)



10_ Nam mô **Tuệ Cự Chiếu Phật**
(Namo Jñānāloka Buddha)



11_ Nam mô **Hải Đức Quang Minh Phật**
(Namo Sāgara-guṇa-praha Buddha)



12_ Nam mô **Kim Cương Lao Cường Phổ Tán Kim Quang Phật**

(Namo Vajradhṛti-abhikīrṇa-suvarṇa-prabha Buddha)



13_ Nam mô **Đại Cường Tinh Tiến Dũng Mãnh Phật**
(Namo Mahā-vīryavat Buddha)



14_ Nam mô **Đại Bi Quang Phật**
(Namo Mahā-kāruṇi-prabha Buddha)



15_ Nam mô **Từ Lực Vương Phật**
(Namo Maitri-bala-rāja Buddha)



16_ Nam mô **Từ Tạng Phật**
(Namo Maitri-garbha Buddha)



17_ Nam mô **Chiên Đàn Quật Trang Nghiêm Thắng Phật**
(Namo Candana-gahābhibhū Buddha)



18_ Nam mô **Hiền Thiện Thủ Phật**
(Namo Bhadra-subha-sīrṣa Buddha)




NAM MÔ HIỀN THIỆN THỦ PHẬT

19_ Nam mô **Thiện Ý Phật**
(Namo Sumati Buddha)



20_ Nam mô **Quảng Trang Nghiêm Vương Phật**
(Namo Vaipulya-bhūṣaṇa-rāja Buddha)



21_ Nam mô **Kim Hoa Quang Phật**
(Namo Suvarṇa-kusuma-prabha Buddha)



22_ Nam mô **Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại Lực Vương Phật**
(Namo Ratna-chatra Prākāśeśvara-bala-rāja Buddha)



23_ Nam mô **Hư Không Bảo Hoa Quang Phật**
(Namo Ākāśa-ratna-puṣpa-prabha Buddha)



24_ Nam mô **Lưu Ly Trang Nghiêm Vương Phật**
(Namo Vaiḍurya-vyūha-rāja Buddha)



25_ Nam mô **Phổ Hiện Sắc Thân Quang Phật**
(Namo Samantodaya-rūpa-kāya-prabha Buddha)



26_ Nam mô **Bất Động Trí Quang Phật**
(Namo Acala-jñāna-prabha Buddha)



27_ Nam mô **Giáng Phục Chúng Ma Vương Phật**
(Namo Sarva-māra-rāja-pramardana Buddha)



28_ Nam mô **Tài Quang Minh Phật**
(Namo Dhana-prabhāsa Buddha)



29_ Nam mô **Trí Tuệ Thắng Phật**
(Namo Jñānāgra Buddha)



30_ Nam mô **Di Lặc Tiên Quang Phật**
(Namo Maitreya-deva-prabha Buddha)



31_ Nam mô **Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương Phật**
(Namo Suyoga-candra-ghoṣa-jñānāgra-rāja Buddha)



32_ Nam mô **Thế Tịnh Quang Phật**
(Namo Loka-śuddha-pratibhāsa Buddha)



33_ Nam mô **Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật**
(Namo Nāgagotrodara-rāja Buddha)



34_ Nam mô **Nhật Nguyệt Quang Phật**
(Namo Candra-sūrya-prabha Buddha)



35_ Nam mô **Nhật Nguyệt Châu Quang Phật**
(Namo Candra-sūrya-maṇi-prabha Buddha)



36_ Nam mô **Tuệ Tràng Thắng Vương Phật**
(Namo Jñāna-dhvajābhibhū-rāja Buddha)



37_ Nam mô **Sư Tử Hống Tự Tại Lực Vương Phật**
(Namo Siṃha-nādeśvara-bala-rāja Buddha)



38_ Nam mô **Diệu Âm Thắng Phật**
(Namo Mañjusvarābhibhū Buddha)



39_ Nam mô **Thường Quang Tràng Phật**
(Namo Nitya-sṛṣṭa-prabha-dhvaja Buddha)



40_ Nam mô **Quán Thế Đăng Phật**
(Namo Avalokite-pradīpa Buddha)



41_ Nam mô **Tuệ Uy Đăng Vương Phật**
(Namo Jñāna-bhīṣma-pradīpa-rāja Buddha)



42_ Nam mô **Pháp Thắng Vương Phật**
(Namo Dharma-vijaya-rāja Buddha)



43_ Nam mô **Tu Di Quang Phật**
(Namo Sumeru-prabha Buddha)



44_ Nam mô **Tu Mạn Na Hoa Quang Phật**
(Namo Sumana-prabha Buddha)



45_ Nam mô **Ưu Đàm Bát La Hoa Thù Thắng Vương Phật**
(Namo Udumbara-Jayottama-rāja Buddha)



46_ Nam mô **Đại Tuệ Lực Vương Phật**
(Namo Mahā-mati-bala-rāja Buddha)



47_ Nam mô **A Súc Tỳ Hoan Hỷ Quang Phật**
(Namo Akṣobhya-pramudita-prabha Buddha)



48_ Nam mô **Vô Lượng Âm Thanh Vương Phật**
(Namo Amitasvara-rāja Buddha)



49_ Nam mô **Tài Quang Phật**
(Namo Dhanāloka Buddha)



50_ Nam mô **Kim Hải Quang Phật**
(Namo Suvarṇa-sāgara-prabha Buddha)



51_ Nam mô **Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Phật**
(Namo Sāgara-vāridhara-buddhi-vikṛditābhijñā-rāja Buddha)



52_ Nam mô **Đại Thông Quang Phật**
(Namo Mahābhijña-prabha Buddha)



53_ Nam mô **Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn Vương Phật**

(Namo Sarva dharma-ketu-pūrṇa-rāja Buddha)

(**Namo Sarva dharma-sadā-pūrṇa-rāja Buddha**: Nam mô Nhất Thiết Pháp Thường Mãn Vương Phật)



54_ Nam mô **Thích Ca Mâu Ni Phật**
(Namo Śākya-muṇi Buddha)



55_ Nam mô **Kim Cương Bất Hoại Phật**
(Namo Vajra-pramardi Buddha)



56_ Nam mô **Bảo Quang Phật**
(Namo Ratnārcis Buddha)



57_ Nam mô **Long Tôn Vương Phật**
(Namo Nāgeśvara-rāja Buddha)



58_ Nam mô **Tinh Tiến Quân Phật**
(Namo Vīrasena Buddha)



59_ Nam mô **Tinh Tiến Hỷ Phật**
(Namo Vīra-nandin Buddha)



60_ Nam mô **Bảo Hỏa Phật**
(Namo Ratnāgni Buddha)



61_ Nam mô **Bảo Nguyệt Quang Phật**
(Namo Ratna-candra-prabha Buddha)



62_ Nam mô **Hiện Vô Ngu Phật**
(Namo Amogha-darśi Buddha)



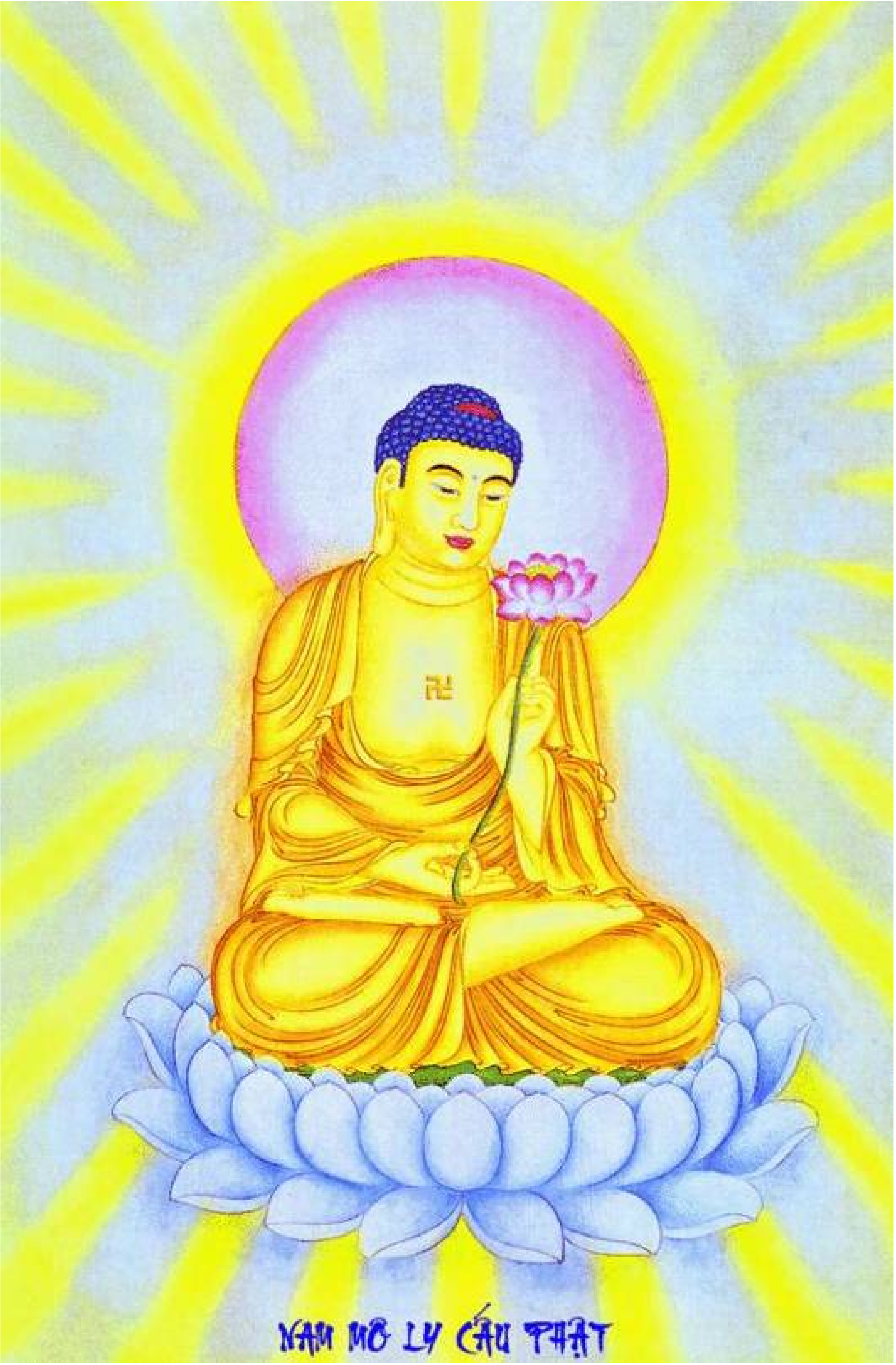
63_ Nam mô **Bảo Nguyệt Phật**
(Namo Ratna-candra Buddha)



64_ Nam mô **Vô Cấu Phật**
(Namo Nirmala Buddha)



65_ Nam mô **Ly Cấu Phật**
(Namo Vimala Buddha)



66_ Nam mô **Dũng Thí Phật**
(Namo Sūradatta Buddha)



67_ Nam mô **Thanh Tịnh Phật**
(Namo Brahma Buddha)



68_ Nam mô **Thanh Tịnh Thí Phật**
(Namo Brahmadatta Buddha)



69_ Nam mô **Sa Lưu Na Phật**
(Namo Varuṇa Buddha)



70_ Nam mô **Thủy Thiên Phật**
(Namo Varuṇa-deva Buddha)



71_ Nam mô **Kiên Đức Phật**
(Namo Bhadra-śrī Buddha)



72_ Nam mô **Chiên Đàn Công Đức Phật**
(Namo Candana-śrī Buddha)



73_ Nam mô **Vô Lượng Cúc Quang Phật**
(Namo Ananta-ujjvalana Buddha)



74_ Nam mô **Quang Đức Phật**
(Namo Prabhasa-śrī Buddha)



75_ Nam mô **Vô Ưu Đức Phật**
(Namo Aśoka-śrī Buddha)



76_ Nam mô **Na La Diên Phật**
(Namo Nārāyaṇa Buddha)



77_ Nam mô **Công Đức Hoa Phật**
(Namo Kusuma-śrī Buddha)



78_ Nam mô **Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông Phật**
(Namo Padma-jyotir-vikṛditābhijñā Buddha)



79_ Nam mô **Tài Công Đức Phật**
(Namo Dhana-śrī Buddha)



80_ Nam mô **Đức Niệm Phật**
(Namo Smṛti-śrī Buddha)



81_ Nam mô **Thiện Danh Xưng Công Đức Phật**
(Namo Suparikirtita-nāmadheya-śrī Buddha)



82_ Nam mô **Hồng Diệm Đế Tràng Vương Phật**
(Namo Indra-ketu-dhvaja-rāja Buddha)



83_ Nam mô **Thiện Du Bộ Công Đức Phật**
(Namo Vikrānta-gamin-śrī Buddha)



84_ Nam mô **Đấu Chiến Thắng Phật**
(Namo Vijitasaṃgrama Buddha)



85_ Nam mô **Thiện Du Bộ Phật**
(Namo Suvikrānta Buddha)



86_ Nam mô **Chu Táp Trang Nghiêm Công Đức Phật**
(Namo Samantāvabhāsa-vyūha-śrī Buddha)



87_ Nam mô **Bảo Hoa Du Bộ Phật**
(Namo Ratna-padma-vikramin Buddha)



88_ Nam mô **Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Sa La Thọ Vương Phật**
(Namo Ratna-padma-supratiṣṭhita-śālendra-rāja Buddha)



89_ Nam mô **Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật**
(Namo Dharma-dhātu-garbha-kāya- Amitābha-buddha)



LƯỢC GIẢI THÍCH TÊN CỦA 89 ĐỨC PHẬT TRONG HỒNG DANH BẢO SÁM

Hán Văn: Trích trong **Đại Sám Hối Văn Lược Giải** của Sa Môn **THƯ NGỌC**
Việt dịch: HUYỀN THANH

1_ Nam mô **Phổ Quang Phật** (Samanta-prabha Buddha)

Nam Mô (Namo) là Quy mệnh xưng lễ

Phật (Buddha) là một trong mười Hiệu

Phổ Quang (Samanta-prabha) là tên riêng của Đức Phật, đều có xưng, cho nên phần sau đều dựa theo điều này.

Nói **Phổ Quang**: Ấy là **Hóa Thân** trăm ức, ánh sáng chiếu soi Đại Thiên

2_ Nam mô **Phổ Minh Phật** (Samanta-prabhāsa Buddha)

Phổ Minh (Samantābhāsa): ấy là tướng tốt đẹp của **Báo Thân** tướng tốt đẹp phóng vô biên ánh sáng, sáng tỏ như mặt trời sáng rực.

3_ Nam mô **Phổ Tịnh Phật** (Samanta-śuddha Buddha)

Phổ Tịnh (Samanta-śuddha): Ấy là một **Chân Pháp Thân** giống như hư không, xưa nay trong sạch.

4_ Nam mô **Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật** (Tāmala-patra-candana-gandha Buddha)

Đa Ma La Bạt (Tāmala-patra) là *lìa dơ* (ly cấu), tên gọi của núi **Ngưu Đầu**

Chiên Đàn (Candana) là ban cho thuốc

Hương (Gandha) hay trừ nhóm bệnh phong nhiệt, dùng ví dụ cho hương thơm màu nhiệm thuộc mọi Đức của Như Lai, xông ướp khắp tất cả. Chúng sinh biết được sẽ lìa dơ bẩn được trong sạch, cho nên gọi là **Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương** (Tāmala-patra-candana-gandha).

5_ Nam mô **Chiên Đàn Quang Phật** (Candana-prabha Buddha)

Chiên Đàn Quang (Candana-prabha). Kinh **Lăng Nghiêm** nói là "Tự được Tâm khai mở như người nhiễm dính hương, nên thân có mùi thơm". Do con mắt Tâm được mở sáng, nên gọi là **Chiên Đàn Quang**.

6_ Nam mô **Ma Ni Tràng Phật** (Maṇi-paṭāka Buddha: Ma Ni Phan)

Ma Ni Tràng (Maṇi-paṭāka)**. Tràng** (Paṭāka: cây phan, cây phướng) là dáng mạo cao hiển của Công Đức, ấy là Như Lai lợi sinh. Nơi nơi nhìn thấy cây phướng Pháp to lớn, như viên ngọc Ma Ni tùy theo phương hiện màu sắc, tồi phục quân Ma, phá các hắc ám. Phàm người nhìn thấy, không có ai chẳng quy kính, cho nên gọi là **Ma Ni Tràng**.

7_ Nam mô **Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật** (Pramudita-garbha-maṇi-ratna-kuṭa Buddha)

Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích (Pramudita-garbha-maṇi-ratna-kuṭa). Pháp **Hỷ** (Pramudita) không cùng tận của Như Lai gọi là **Tạng** (Garbha). Chúng sinh biết được sẽ lìa khổ được vui, giống như viên ngọc báu Như Ý lợi ích không cùng tận, cho nên gọi là **Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích**.

8_ Nam mô **Nhất Thiết Thế Gian Lạc Kiến Thượng Đại Tinh Tiến Phật** (Sarva-loka-priya-darśanottara-mahā-vīrya Buddha)

Nhất Thiết Thế Gian (Pramudita-garbha-maṇi-ratna-kuṭa) mới là Từ phổ cập

Lạc Kiến (Priya-darśana) là ý mừng vui ưa thích

Thượng Đại Tinh Tiến (Uttara-mahā-vīrya) là kén chọn **Hành** chẳng phải là **Quyền Tiểu**, ấy là: Trong Nhân của Như Lai, phát Tâm tối thượng, tu Hạnh rộng lớn, tinh tiến không dời đổi, cho nên đối với **Quả** còn cảm được Thân mà tất cả chúng sinh đã yêu thích, hay khiến cho người thấy nghe, đều phát **Bồ Đề**.

Câu bên trên gọi là **Giác Tha**, là **Công** vậy. Câu bên dưới hiển **Tự Giác**, là **Đức** Công thành Đức Mãn cho nên gọi là **Thượng Đại Tinh Tiến**. Điều này quy ước *Nhân Quả đồng tròn trịa*, hiển **Đức** làm tên hiệu.

9_ Nam mô **Ma Ni Tràng Đăng Quang Phật** (Maṇi-dhvaja-pradīpa Buddha:Mani Tràng Thắng Đăng)

Ma Ni Tràng Đăng Quang (Maṇi-dhvaja-pradīpa: Ma Ni Tràng Thắng Đăng) là dùng Thật Trí chứng Lý, ví như cây phướng ngọc Ma Ni. Quyền Trí soi điều thiết yếu (quyền trí giám cơ) ví như ánh đèn soi chiếu khắp, **Quyền Thật** song song rực rỡ, cho nên gọi là **Ma Ni Tràng Đăng Quang**

10_ Nam mô **Tuệ Cự Chiếu Phật** (Jñānāloka Buddha)

Tuệ Cự Chiếu (Jñānāloka) là dùng lửa của **ba Tuệ** *Văn, Tư, Tu* chiếu phá **ba Hoặc** *Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh* như đèn sáng thì dứt hết ám tối, Tuệ dấy lên thì trừ bỏ **Hoặc**, cho nên gọi là **Tuệ Cự Chiếu**

Hai Đức Như Lai này biểu hiện cho **Pháp Dụ**.

11_ Nam mô **Hải Đức Quang Minh Phật** (Sāgara-guṇa-prabha Buddha)

Hải Đức Quang Minh (Sāgara-guṇa-prabha). **Quang Minh** (Prabha) biểu thị cho **Trí Đức** (Jñāna-gu,na), là Trí Đức không cùng tận của Như Lai, dùng ví dụ như **biển cả** (Sāgara), cho nên nói là **Hải Đức Quang Minh.**

12_ Nam mô **Kim Cương Lao Cường Phổ Tán Kim Quang Phật** (Vajradhṛti-abhikīrṇa-suvarṇa-prabha Buddha)

Kim Cương Lao Cường Phổ Tán Kim Quang (Vajradhṛti-abhikīrṇa-suvarṇa-prabha

Kim Cương (Vajra) có tính rất bền chắc sắc bén, chẳng bị vật gây hoại mà hay tồi hoại được tất cả vật, ví dụ cho Đức Phật chẳng bị phiền não phá hoại mà hay phá hoại tất cả phiền não, cho nên gọi là **Kim Cương Lao Cường** (Vajradhṛti).

Thể của vàng cực sáng chẳng bị vật soi chiếu mà hay chiếu soi tất cả vật, ví dụ cho Đức Phật chẳng bị Vô Minh che mờ mà hay chiếu phá Vô Minh, cho nên gọi là **Phổ Tán Kim Quang** (Abhikīrṇa-suvarṇa-prabha)

13_ Nam mô **Đại Cường Tinh Tiến Thông Mãnh Phật** (Mahā-vīryavat Buddha)

Đại Cường Tinh Tiến Dũng Mãnh (Mahā-vīryavat). Chẳng tạp thì nói là **Tinh,** chẳng lùi thì nói là **Tiến,** chẳng khiếp nhược thì nói là **Dũng,** chẳng sợ hãi thì nói là **Mãnh**. Ấy là Đức Thế Tôn từ vô lượng kiếp đến nay, đối với các Pháp tốt lành (Thiện Pháp) chẳng tạp, chẳng lùi, cho nên xưng là **Đại**. Đối với các đường ác thì chẳng sợ chẳng khiếp nhược, cho nên xưng là **Cường**. Do ***Đại Cường*** cho nên chẳng ngừng

ngừng chẳng nghỉ, chặt đứt được ba Chướng, chứng **Tam Bồ Đề** (Saṃbodhi) cho nên gọi là **Đại Cường Tinh Tiến Dũng Mãnh**

14_ Nam mô **Đại Bi Quang Phật** (Mahā-kāruṇi-prabha Buddha)

Đại Bi Quang (Mahā-kāruṇi-prabha): Ấy là dọc thì cùng tận, ngang thì tràn khắp nên nói là **Đại** (Mahā), tức Đức của Pháp Thân. Vận Tâm nhổ bứt khổ nên nói là **Bi** (Kāruṇi), tức Đức của Giải Thoát. Lặng lẽ soi chiếu chẳng hai nên nói là **Quang** (Prabha) tức là Đức của **Bát Nhã**. Ba Đức viên dung nên gọi là **Đại Bi Quang**.

15_ Nam mô **Từ Lực Vương Phật** (Maitri-bala-rāja Buddha)

Từ Lực Vương (Maitri-bala-rāja). **Lực** (Bala) là thắng, **Vương** (Rāja) là qua lại (vãng) nghĩa là Đức Phật nhớ chúng sinh. **Từ** (Maitri) là không thể thắng (vô năng thắng) hay khiến cho Người, Trời đều cùng về đến, cho nên gọi là **Từ Lực Vương**.

16_ Nam mô **Từ Tạng Phật** (Maitri-garbha Buddha)

Từ Tạng (Maitri-garbha) ấy là **Nhất Cực Từ Tâm** (Tâm Từ là con đường dẫn đến sự chân thật cùng cực) nhiếp quy vạn điều tốt lành, Pháp Giới đều dung chứa, sinh ra không cùng tận, cho nên nói là **Từ Tạng**.

17_Nam mô **Chiên Đàn Quật Trang Nghiêm Thắng Phật** (Candana-gahābhibhū Buddha)

Chiên Đàn Quật Trang Nghiêm Thắng (Candana-gahābhibhū) là nơi mà mùi thơm màu nhiệm đã thành, nghĩa là tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông của Như Lai đều tuôn ra mùi thơm màu nhiệm giống như **Chiên Đàn** (Candana) xông ướp khắp tất cả. Dùng cái hang Pháp **Diệu Bảo Trang Nghiêm** này thời tối thắng không có gì sánh được, cho nên gọi là **Chiên Đàn Quật Trang Nghiêm**.

18_ Nam mô **Hiền Thiện Thủ Phật** (Bhadra-subha-sīrṣa Buddha)

Hiền Thiện Thủ (Bhadra-subha-sīrṣa: cái đầu hiền thiện). Như Lai Đạo cao Đức trọng, cho nên xưng là **Hiền** (Bhadra). Đột nhiên ra khỏi chín cõi, cho nên xưng là **Thiện** (Subha:an vui, hạnh phúc). Là Trời trong Trời, Thánh trong Thánh cho nên gọi là **Hiền Thiện Thủ**

19_ Nam mô **Thiện Ý Phật** (Sumati Buddha)

Thiện Ý (Sumati) là Đức Như Lai yêu thương giúp đỡ nhớ tất cả chúng sinh giống như con đỏ, từ sinh đến sinh, tiếp dẫn không có mệt mỏi, cho nên gọi là **Thiện Ý**.

20_ Nam mô **Quảng Trang Nghiêm Vương Phật** (Vaipulya-bhūṣaṇa-rāja Buddha)

Quảng Trang Nghiêm Vương (Vaipulya-bhūṣaṇa-rāja) là Sắc tướng của Đức Như Lai do vạn Đức trang nghiêm cho nên xưng là **Quảng** (Vaipulya). Từ vô lượng kiếp đến nay, tự tại an nhiên chẳng bị vật chuyển, cho nên xưng là **Quảng Trang Nghiêm Vương**.

21_ Nam mô **Kim Cương Hoa Phật** (Suvarṇa-kusuma-prabha Buddha:Kim Hoa Quang)

Kim Hoa Quang (Suvarṇa-kusuma-prabha) là Tâm **Giới** (Śīla) phát **Hạnh** (Caryā) ví như bông hoa vàng ròng (Suvarṇa-kusuma: Kim Hoa). Lìa Dục trong sạch ví như ánh sáng vàng ròng (Suvarṇa-prabha:Kim Quang). **Vàng** (Suvarṇa) biểu thị cho **Pháp Thân** (Dharma-kāya), **Hoa** (Kusuma) biểu thị cho **Giải Thoát** (Mokṣa), **Quang** (Prabha:ánh sáng) biểu thị cho **Bát Nhã** (Prajña). Lý của ba Đức tròn trịa cho nên gọi là **Kim Hoa Quang**. Điều này hiển bày ánh sáng trong sạch, vô biên tướng tốt của Đức Như Lai đều do **Trì Giới** mà được thành tựu trang nghiêm. Cho nên **Luật** (Vinaya) nói rằng: "Chư Phật chứng Bồ Đề, Độc Giác thân tâm trong sạch cùng với A La Hán đều do **Luật Hạnh** (thực hành Luật) mà thành"

22_ Nam mô **Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại Lực Vương Phật** (Ratna-chatra Prākāśeśvara-bala-rāja Buddha)

Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại Lực Vương (Ratna-chatra Prākāśeśvara-bala-rāja). Dùng niềm tin làm sự thật, bảy phần Bồ Đề làm cái lọng chiếu sáng hư không khiến cho các chúng sinh được lợi lạc lớn, tự tại vô ngại, cho nên gọi là **Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại Lực Vương**

23_ Nam mô **Hư Không Bảo Hoa Quang Phật** (Ākāśa-ratna-puṣpa-prabha Buddha)

Hư Không Bảo Hoa Quang (Ākāśa-ratna-puṣpa-prabha). Pháp Thân không có tướng giống như hư không, cho nên xưng là **Bảo** (Ratna: vật báu). Hoa của Tâm phát ánh lửa chiếu **Chân Pháp Giới** cho nên gọi là **Hư Không Bảo Hoa Quang**

24_ Nam mô **Lưu Ly Trang Nghiêm Vương Phật** (Vaiḍurya-vyūha-rāja Buddha)

Lưu Ly Trang Nghiêm Vương (Vaiḍurya-vyūha-rāja). Tiếng Phạn **Lưu Ly** (Vaiḍurya) là loại báu có màu xanh, là vật tối thắng trong bảy báu. Thân Phật trong sạch nên nói là **Lưu Ly**. Trong ngoài chiếu sáng nên nói là **Trang Nghiêm** (Vyūha). Chặng bị quân Ma gây che chướng cho nên gọi là **Lưu Ly Trang Nghiêm Vương**

25_ Nam mô **Phổ Hiện Sắc Thân Quang Phật** (Samantodaya-rūpa-kāya-prabha Buddha)

Phổ Hiện Sắc Thân Quang (Samantodaya-rūpa-kāya-prabha). Kinh **Hoa Nghiêm** nói rằng: "Thân Phật tràn đầy ở Pháp Giới, hiện khắp hào quang tròn trịa trước mặt tất cả quần sinh, chiếu khắp mười phương, hiện bày mọi loại việc đã thực hành, cho nên gọi là **Phổ Hiện Sắc Thân Quang**

26_ Nam mô **Bất Động Trí Quang Phật** (Acala-jñāna-prabha Buddha)

Bất Động Trí Quang (Acala-jñāna-prabha). **Trí Bất Động** (Acala-jñāna) tức là Thể của Trí căn bản, nghĩa là Pháp Thân của Bản Phật như như chẳng động. **Quang** (Prabha) tức Trí sai biệt, là dụng, nghĩa là từ Thể dấy lên Dụng như mặt trăn in bóng trên ngàn con sông, cho nên gọi là **Bất Động Trí Quang**

27_ Nam mô **Giáng Phục Chư Ma Vương Phật** (Sarva-māra-rāja-pramardana Buddha)

Giáng Phục Chúng Ma Vương (Sarva-māra-rāja-pramardana) là Đức Như Lai dùng sức Tuệ **Vô Lậu** giáng phục các Ma Ba Tuần chịu nhận sự hóa độ nơi Pháp tự tại, cho nên gọi là **Giáng Phục Chúng Ma Vương**

28_ Nam mô **Tài Quang Minh Phật** (Dhana-prabhāsa Buddha)

Tài Quang Minh (Dhana-prabhāsa) là dùng Trí Tuệ vô ngại chiếu thấu các Pháp, phá các phiền não, lợi ích chúng sinh, cho nên gọi là **Tài Quang Minh**

29_ Nam mô **Trí Tuệ Thắng Phật** (Jñānāgra Buddha)

Trí Tuệ Thắng (Jñānāgra). **Thắng** (Agra) là sức mạnh, nghĩa là dùng sức của **Nhất Thiết Trí** phá **Kiến Tư Hoặc**. Dùng sức của **Đạo Chủng Trí** phá **Vô Minh Hoặc**. Ba **Hoặc** đã trừ thì **Giác Thể** thường chiếu, công mạnh mẽ nơi ấy, cho nên gọi là **Trí Tuệ Thắng**

30_ Nam mô **Di Lặc Tiên Quang Phật** (Maitreya-deva-prabha Buddha:Di Lặc Thiên Quang)

Di Lặc Tiên Quang (Maitreya-deva-prabha:Di Lặc Thiên Quang). **Di Lặc** (Maitreya), đây nói là **Từ Thị**, là họ. **Tiên** (Deva:Thiên) là **Giác** nghĩa là từ lúc phát Tâm Bồ Đề trở đi, chưa từng nhập vào **Tục** cho nên dùng làm **họ**. **Tiên Quang** (Deva-prabha: Thiên Quang) là ánh sáng trong sạch lìa dơ bẩn. Đức Phật là **Đại Từ Kim Tiên** dùng ánh sáng của Trí trong sạch không có dơ bẩn chiếu khắp các cõi (chư hữu) lìa khổ được vui, cho nên gọi là **Di Lặc Tiên Quang**

31_ Nam mô **Thế Tịnh Quang Phật** (Loka-śuddha-pratibhāsa Buddha)

Thế Tịnh Quang (Loka-śuddha-pratibhāsa) là Đức Như Lai hiện ra ở đời, dùng các Đạo Pháp giáo hóa chúng sinh, thân tâm trong sạch, lìa hẳn sự đen tối cho nên gọi là **Thế Tịnh Quang**

32_ Nam mô **Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương Phật** (Suyoga-candra-ghoṣa-jñānāgra-rāja Buddha)

Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương (Suyoga-candra-ghoṣa-jñānāgra-rāja) là Trí chiếu soi như mặt trăng, hiểu biết **Nhã Âm** màu nhiệm.

Kinh nói rằng: "Mặt trăng trong mát của Bồ Tát thường dạo **Tất Cánh Không** (cái Không rốt ráo) là **Thiện Tịch Nguyệt Âm** (Suyoga-candra-ghoṣa:âm thanh của mặt trăng khéo vắng lặng)"

Lại nói rằng: "Tâm của chúng sinh như nước trong, ảnh Bồ Đề hiện trong đó là **Diệu Tôn Trí Vương** (jñānāgra-rāja) vậy"

Câu bên trên là ví dụ, câu bên dưới là Pháp. Nghĩa là dùng ánh sáng Trí **Quyền Thật** hiểu biết Pháp tự tại, như hình ảnh của mặt trăng, tiếng dội lại của âm thanh, tất cả **song vong song chiếu** (cả hai cùng quên, cả hai cùng chiếu) cho nên gọi là **Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương**

33_ Nam mô **Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật** (Nāgagotrodara-rāja Buddha)

Long Chủng Thượng Tôn Vương (Nāgagotrodara-rāja). Nói **Long Chủng** (loài Rồng) là hàng rất ư tôn thượng của Thế Gian, nghe Phật Âm giao cảm mà phát Tâm tin, quy đầu nơi Phật mà được tự tại, cho nên gọi là **Long Chủng Thượng Tôn Vương**

34_ Nam mô **Nhật Nguyệt Quang Phật** (Candra-sūrya-prabha Buddha)

Nhật Nguyệt Quang (Candra-sūrya-prabha) là dùng **Trí căn bản** chứng **Lý**, dùng **Trí Hậu Đắc** chặt đức **Hoặc**, Tình quên Lý hiển, đất Tâm bừng sáng, ánh sáng đồng với mặt trời, mặt trăng cho nên gọi là **Nhật Nguyệt Quang**

35_ Nam mô **Nhật Nguyệt Châu Quang Phật** (Candra-sūrya-maṇi-prabha Buddha)

Nhật Nguyệt Châu Quang (Candra-sūrya-maṇi-prabha) là Đức Như Lai dùng ánh sáng của ba **Giác Trí** chiếu phá Hoặc Nghiệp **vô minh, chẳng hiểu biết** của tất cả chúng sinh cho nên gọi là **Nhật Nguyệt Châu Quang**

36_ Nam mô **Tuệ Tràng Thắng Vương Phật** (Jñāna-dhvajābhibhū-rāja Buddha)

Tuệ Tràng Thắng Vương (Jñāna-dhvajābhibhū-rāja) là Đức Như Lai dựng phướng phan Đại Trí Tuệ giáng phục quân Ma, công lực thù thắng cho nên gọi là **Tuệ Tràng Thắng Vương**

37_ Nam mô **Sư Tử Hống Tự Tại Lực Vương Phật** (Siṃha-nādeśvara-bala-rāja Buddha)

Sư Tử Hống Tự Tại Lực Vương (Siṃha-nādeśvara-bala-rāja). **Sư Tử** (Siṃha) là vua trong loài thú, phát ra tiếng **gầm rống** (Nāda) khiến trăm loài thú ẩn nấp. Pháp Âm của Đức Như Lai rung động đồng với sư tử. Trí Tuệ, Uy Đức, Lực Thắng như vua cho nên nói là **Sư Tử Hống Tự Tại Lực Vương**

Người xưa nói: "Đức Phật phát ra tiếng rống của sư tử thì Ma Ngoại chắp tay, bốn Chúng nghe thấy liền được Đại Vô Úy vậy"

38_ Nam mô **Diệu Âm Thắng Phật** (Mañjusvarābhibhū Buddha)

Diệu Âm Thắng (Mañjusvarābhibhū) là Đức Như Lai nói Pháp chẳng động âm thanh, hình sắc mà vòng khắp mười phương, cho nên nói là **Diệu Âm** (Mañjusvara). Chúng sinh nghe thấy tùy theo loại được hiểu biết, cuối cùng thành **Chủng Trí** cho nên gọi là **Diệu Âm Thắng**

39_ Nam mô **Thường Quang Tràng Phật** (Nitya-sṛṣṭa-prabha-dhvaja Buddha)

Thường Quang Tràng (Nitya-sṛṣṭa-prabha-dhvaja) là Đức Như Lai thường dựng cây phướng Đại Quang Minh thảy đều tiêu diệt Vô Minh đen tối, cho nên gọi là **Thường Quang Tràng.**

40_ Nam mô **Quán Thế Đăng Phật** (Avalokite-pradīpa Buddha)

Quán Thế Đăng (Avalokite-pradīpa) là Đức Như Lai quán chúng sinh của Thế Giới ấy từ mờ tối đi vào mờ tối, chẳng chịu suy nghĩ soi chiếu ngược lại, thế nên dùng cây đèn Đại Pháp dẫn về nơi chốn báu, cho nên gọi là **Quán Thế Đăng**

41_ Nam mô **Tuệ Uy Đăng Vương Phật** (Jñāna-bhīṣma-pradīpa-rāja Buddha)

Tuệ Uy Đăng Vương (Jñāna-bhīṣma-pradīpa Rāja). Dùng **Trí căn bản** dấy lên **Trí Hậu Đắc** hiện Đại Pháp Uy cho nên gọi là **Tuệ Uy** (Jñāna-bhīṣma) giống như vua đèn (đăng vương) truyền ánh sáng không cùng tận, chúng sinh nương theo ánh sáng mà được tự tại, cho nên gọi là **Tuệ Uy Đăng Vương**

42_ Nam mô **Pháp Thắng Vương Phật** (Dharma-vijaya-rāja Buddha)

Pháp Thắng Vương (Dharma-vijaya-rāja). **Kinh** nói rằng: "Ta làm Pháp Vương ở Pháp tự tại" cho nên gọi là **Pháp Thắng Vương**

43_ Nam mô **Tu Di Quang Phật** (Sumeru-prabha Buddha)

Tu Di Quang (Sumeru-prabha). **Tu Di** (Sumeru) đây là núi Diệu Cao, tên gọi của núi vua. Nói là bốn báu tạo thành cho nên xưng là **vi diệu**, đột nhiên rời khỏi đám núi cho nên xưng là **cao**, đã **cao** mà lại **diệu** nên xưng là **Sơn Vương** (núi vua) chiếu sáng bốn phương nên gọi là **Quang** (Prabha) dùng ví dụ cho bốn Trí của Đức Như Lai chuyển thành quả Phật diệu giác, cao hơn Người, Trời…ánh sáng chiếu khắp cho nên gọi là **Tu Di Quang**

44_ Nam mô **Tu Mạn Na Hoa Quang Phật** (Sumana-prabha Buddha)

Tu Mạn Na Hoa Quang (Sumana-prabha). **Tu Ma Na** (Sumana) đây là tên gọi của hoa Xứng Ý màu trắng vàng có mùi thơm lan tỏa xa, dùng ví dụ cho **Giới Thiện Hương Quang** của Đức Như Lai, không có gì chẳng vừa ý cho nên gọi là **Tu Ma Na Hoa Quang**

45_ Nam mô **Ưu Đàm Bát La Hoa Thù Thắng Vương Phật** (Udumbara Jayottama-rāja Buddha)

Ưu Đàm Bát La Hoa Thù Thắng Vương (Udumbara- jayottama-rāja). **Ưu Đàm Bát La** (Udumbara) đây gọi là Linh Thụy (điềm linh thiêng), lại là tên gọi của hoa Thụy Ứng, ba ngàn năm hiện ra một lần, khi hiện ra thì có **Kim Luân Vương** ra đời, cho nên gọi là **thù thắng**, dùng ví dụ cho sự hiếm có dịp gặp được Đức Như Lai, cho nên gọi là **Ưu Đàm Bát La Hoa Thù Thắng Vương**

Kinh nói rằng: "Chư Phật ra đời, khoảng cách rất xa, thật là khó gặp ví như hoa Ưu Đàm thường chỉ hiện một lần vậy"

46_ Nam mô **Đại Tuệ Lực Vương Phật** (Mahā-mati-bala-rāja Buddha)

Đại Tuệ Lực Vương (Mahā-mati-bala-rāja) hiển sức của **Phi Quyền tiểu Trí Tuệ**, nghĩa là Đức Như Lai Pháp Vương dùng sức của Đại Trí Tuệ dẫn đường cho chúng sinh đến thẳng bờ bên kia của Niết Bàn, cho nên gọi là **Đại Tuệ Lực Vương**.

47_ Nam mô **A Súc Tỳ Hoan Hỷ Quang Phật** (Akṣobhya-pramudita-prabha Buddha)

A Súc Tỳ Hoan Hỷ Quang (Akṣobhya-pramudita-prabha). **A Súc Tỳ** (Akṣobhya) đây nói là Bất Động, tên gọi của Đức Phật như như chẳng động, cõi nước hiệu là **Hoan Hỷ** (Pramudita) người Trời vui vẻ yêu mến. **Quang** (Prabha) là hai Báo **Y Báo, Chính Báo** đều phóng ánh sáng, chẳng lay động thường vắng lặng chiếu khắp mười phương, tất cả Người, Trời không có ai chẳng vui vẻ, cho nên gọi là **A Súc Tỳ Hoan Hỷ Quang**.

48_ Nam mô **Vô Lượng Âm Thanh Vương Phật** (Amitasvara-rāja Buddha)

Vô Lượng Âm Thanh Vương (Amitasvara-rāja) là Đức Như Lai dùng âm thanh không có cùng tận, nói Diệu Pháp không có cùng tận, tự tại vô ngại cho nên gọi là **Vô Lượng Âm Thanh**

49_ Nam mô **Tài Quang Phật** (Dhanāloka Buddha)
Tài Quang (Dhanāloka). **Tài** (Dhana) là biện tài. **Quang** (Āloka) là ánh sáng Trí. Nghĩa là Đức Như Lai đầy đủ vô lượng biện tài, ánh sáng của Trí Tuệ lợi khắp cho tất cả, cho nên gọi là **Tài Quang**

50_ Nam mô **Kim Hải Quang Phật** (Suvarṇa-sāgara-prabha Buddha)
Kim Hải Quang (Suvarṇa-sāgara-prabha) là thân Phật lớn như biển cả, ánh sáng vàng ròng tỏa màu đỏ tía chiếu sáng vô cùng, dùng ví dụ cho **Hải Ấn Tam Muội**, biểu thị cho Pháp thù thắng. Cho nên **Lăng Nghiêm** nói rằng: "Như Ta ấn ngón tay thì **Hải Ấn** phát ra ánh sáng" cho nên gọi là **Kim Hải Quang**

51_ Nam mô **Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Phật** (Sāgara-vāridhara-buddhi-vikṛditābhijñā-rāja Buddha:Hải Vân Giác Tuệ Thần Biến Vương)
Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương (Sāgara-vāridhara-buddhi-vikṛditābhijñā-rāja:Hải Vân Giác Tuệ Thần Biến Vương) là **Tuệ chân thật** như ngọn núi (?mây), **Tuệ phương tiện** như biển cả nên gọi là **Sơn Hải Tuệ** (Sāgara-vāridhara-buddhi). **Tự Tại Thông Vương** (Vikṛditābhijñā-rāja:Thần Biến Vương). **Tục Đế** nói là Tự Tại, **Chân Đế** nói là **Thông** (thần thông, thần biến), **Trung Đạo Đế** nói là Vương. Dùng ba loại Đại Trí Tuệ này hội nhập Lý của **ba Đế** cho nên gọi là **Tự Tại Thông Vương**

52_ Nam mô **Đại Thông Quang Phật** (Mahābhijña-prabha Buddha)
Đại Thông Quang (Mahābhijña-prabha). **Thể của Giác** nói là **Đại** (Mahā:to lớn) là Đức của Pháp Thân. **Dụng của Giác** nói là **Thông** (Abhijña) là Đức của Giải Thoát. **Tướng của Giác** nói là **Quang** (Prabha:ánh sáng) là Đức của Bát Nhã. Ba Đức viên dung chẳng thể nghĩ bàn cho nên gọi là **Đại Thông Quang**

53_ Nam mô **Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn Vương Phật** (Sarva dharma-ketu-pūrṇa-rāja Buddha)
Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn Vương (Sarva dharma-ketu-pūrṇa-rāja) là năm Giáo, ba Thừa gọi là sự dựng bày (tiêu thị) của **tất cả Pháp** (Sarva dharma). Người, Trời nói là **Tràng** (Ketu: cây phướng). Vòng khắp Pháp Giới gọi là **Mãn** (Pūrṇa:tràn đầy). Pháp Pháp tự tại nói là **Vương** (rāja: vua). Dùng tất cả Pháp: dọc thì cùng tận, ngang thì viên dung không có ngăn ngại…cho nên gọi là **Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn Vương**.

54_ Nam mô **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākya-muṇi Buddha)
Thích Ca Mâu Ni (Śākya-muṇi). **Thích Ca** (Śākya) là **Năng Nhân**, là **Tính** (họ), từ ***Từ Bi lợi vật*** đã lập nên tên gọi. **Mâu Ni** (Muṇi) là **Tịch Mặc**, là **Chữ**. Y theo Trí Tuệ biết rõ **Lý** nên có hiệu là **Năng Nhân** cho nên chẳng trụ ở Niết Bàn. Do **Tịch Mặc** cho nên chẳng trụ ở sinh tử. Bi Trí kèm vận, Chân Tục song dung cho nên gọi là **Thích Ca Mâu Ni**. Đức Phật này theo ***Tính*** (họ) với **Chữ** mà hợp xưng

55_ Nam mô **Kim Cương Bất Hoại Phật** (Vajra-pramardi Buddha)
Kim Cương Bất Hoại (Vajra-pramardi:Kim Cương năng đoạn)
Tịnh Danh nói là: "Thân của Như Lai, Thể của Kim Cương, vật chẳng thể hoại, các ác đã bị chặt đứt, mọi Thiện tập hội khắp thời bệnh gì, phiền não gì ? !..cho nên gọi là **Kim Cương Bất Hoại**

56_ Nam mô **Bảo Quang Phật** (Ratnārcis Buddha)

Bảo Quang (Ratnārcis). **Lăng Nghiêm** nói rằng: "Từ trong **Nhục Kế** phun ra ánh sáng trăm báu, trong ánh sáng hiện ra Đức Phật tuyên nói Thần Chú", cho nên gọi là **Bảo Quang**

57_ Nam mô **Long Tôn Vương Phật** (Nāgeśvara-rāja Buddha)

Long Tôn Vương (Nāgeśvara-rāja: Long Tự Tại Vương) là bậc tối tôn trong loài Rồng, cho nên xưng là ***vua*** (vương), dùng ví dụ ***Như Lai Pháp Vương*** là Tôn trong chúng Thánh, nên gọi là **Long Tôn Vương**

58_ Nam mô **Tinh Tiến Quân Phật** (Vīrasena Buddha)

Tinh Tiến Quân (Vīrasena) là bậc **Thế Quân** dũng mãnh tinh tiến, hay đẩy lui Oán Địch. Đức Như Lai là vị Tướng của Đại Pháp, giáng phục quân Ma, cho nên gọi là **Tinh Tiến Quân**

59_ Nam mô **Tinh Tiến Hỷ Phật** (Vīra-nandin Buddha)

Tinh Tiến Hỷ (Vīra-nandin) là tinh tiến tu tập báu của Đạo. Do tinh tiến cho nên chuyên Tâm hướng về Đạo, được sự vui thích của Pháp, viên thành Phật Quả, nên gọi là **Tinh Tiến Hỷ**

60_ Nam mô **Bảo Hỏa Phật** (Ratnāgni Buddha)

Bảo Hỏa (Ratnāgni) hiển lửa chẳng phải thuộc Thế Gian, có bốn nghĩa:

1_Nghĩa **thiêu đốt** dùng ví dụ cho sự thiêu đốt phiền não

2_ Nghĩa **chiếu soi rốt ráo** dùng ví dụ cho ánh sáng của Đức Phật chiếu soi khắp cả

3_ Nghĩa **nướng ướp** dùng ví dụ cho sự xông ướp bên trong Chân Như

4_ Nghĩa **thành thục** dùng ví dụ cho thành thục căn lành

Đủ 4 nghĩa này cho nên gọi là **Bảo Hỏa**. Như **Lăng Nghiêm** nói rằng: "Trong Như Lai Tạng, lửa chân thật của Tính Không, trong sạch vốn đang như thế. Vòng khắp Pháp Giới, tùy theo Tâm của chúng sinh, ứng theo chỗ biết lượng là vậy". Đây ví dụ cho thân **Như Như Phật**

61_ Nam mô **Bảo Nguyệt Quang Phật** (Ratna-candra-prabha Buddha)

Bảo Nguyệt Quang (Ratna-candra-prabha). **Bảo (**Ratna) là **Thể** dùng biểu thị cho Pháp Thân. **Nguyệt** (Candra) là **Tướng** dùng biểu thị cho Giải Thoát. **Quang** (Prabha) là **Dụng**, dùng biểu thị cho Bát Nhã. Hiển Thể Tướng Dụng cho nên gọi là **Bảo Nguyệt Quang**. Điều này ví dụ cho thân **Công Đức Phật** của Như Lai.

62_ Nam mô **Hiện Vô Ngu Phật** (Amogha-darśi Buddha)

Hiện Vô Ngu (Amogha-darśi:Bất Không Kiến) là ánh sáng Trí một lần phát ra thì Si Chướng bị tiêu tan hoàn toàn, cho nên gọi là **Hiện Vô Ngu**. Như Kinh **Viên Giác** nói: "***Trí Tuệ, ngu si*** thông là Bát Nhã". Đây ví dụ cho thân **Trí Tuệ Phật** của Như Lai

63_ Nam mô **Bảo Nguyệt Phật** (Ratna-candra Buddha)

Bảo Nguyệt (Ratna-candra). **Bảo** (Ratna) nghĩa là cứu giúp khổ đau. **Nguyệt** (Candra) nghĩa là trong mát. Ấy là dùng báu trong mát cứu giúp khắp chúng sinh, trừ

diệt khổ nóng bức, cho nên gọi là **Bảo Nguyệt**. Đây ví dụ cho thân **Ứng Hóa Phật** của Như Lai.

64_ Nam mô **Vô Cấu Phật** (Nirmala Buddha)

Vô Cấu (Amala, hay Nirmala) là Tự Tính của Như Lai trong sạch, vốn không có nhiễm dơ cho nên gọi là **Vô Cấu**.

Như **Pháp Giới Luận** nói: "Tự Tính trong sạch không có nhiễm dính, cho nên gọi là Như Lai"

65_ Nam mô **Ly Cấu Phật** (Vimala Buddha)

Ly Cấu (Vimala) là **Giác Thể** của Như Lai từ vô lượng kiếp đến nay, lìa hẳng bụi dơ phiền não, cho nên gọi là **Ly Cấu.**

Như **Pháp Giới Luận** nói: "Cõi chúng sinh chẳng trong sạch, Bồ Tát trong sạch trong sự nhiễm, bậc tối cực thanh tịnh được nói là **Như Lai**. Trước kia là **Tại Triền Như Lai Tạng** (Tâm Tự Tính thanh tịnh của Như Lai Tạng ẩn tàng trong phiền não trói buộc) là **Bản Giác Tính Tịnh**. Sau này là **Xuất Triền Như Lai Tạng** (Tâm Tự Tính thanh tịnh của Như Lai Tạng vượt khỏi sự trói buộc, hiển hiện Pháp Thân) là **Viên Giác Cứu Tịnh**

66_ Nam mô **Dũng Thí Phật** (Sūradatta Buddha)

Dũng Thí (Sūradatta) là dùng ba loại **Tài Thí, Pháp Thí, Vô Úy Thí** ban cho chúng sinh không có giải thoát, cho nên gọi là **Dũng Thí**

67_ Nam mô **Thanh Tịnh Phật** (Brahma Buddha)

Thanh Tịnh (Brahma) là Tự Tính của Đức Nhu Lai vốn thanh tịnh, lìa các bụi nhiễm, trong ngoài trong suốt, không có tối tăm chẳng có đuốc soi, cho nên gọi là **Thanh Tịnh**

68_ Nam mô **Thanh Tịnh Thí Phật** (Brahmadatta Buddha)

Thanh Tịnh Thí (Brahmadatta) là dùng **Chính** trợ giúp Đạo Pháp, giáo hóa chúng sinh, Thể của **ba Luân** trống rỗng, chẳng dính **Năng Sở**, cho nên gọi là **Thanh Tịnh Thí**

69_ Nam mô **Sa Lưu Na Phật** (Varuṇa Buddha)

Sa Lưu Na (Varuṇa) Đây nói là nước Cam Lộ nghĩa là Cam Lộ có công năng ***cải tử hoàn sinh***, Phật Pháp có Đức ***chuyển Phàm thành Thánh***. Có công năng này, cho nên gọi là **Sa Lưu Na**

70_ Nam mô **Thủy Thiên Phật** (Varuṇa-deva Buddha)

Thủy Thiên (Varuṇa-deva) là dùng nước **Thiên Lý** của Tính nuôi dưỡng mầm Tâm, tu tập Quán Hạnh thành quả Chính Giác, cho nên gọi là **Thủy Thiên**.

71_ Nam mô **Kiên Đức Phật** (Bhadra-śrī Buddha)

Kiên Đức (Bhadra-śrī:Hiền Đức) là dùng Pháp của **Giới không chảy rỉ** (vô lậu giới) tu nhiếp Tâm ấy, như ôm giữ cái **phao nổi** (vật dụng giúp cho người khỏi bị chết chìm), giữ gìn bền chắc chẳng bị phá hoại. Dùng **Đức** làm rạng danh, cho nên gọi là **Kiên Đức**

72_ Nam mô **Chiên Đàn Công Đức Phật** (Candana-śrī Buddha)

Chiên Đàn Công Đức (Candana-śrī) là có ích nơi việc nên nói là **Công**. Cứu độ tất cả nên nói là **Đức**. Nghĩa là Đức Như Lai nói Pháp chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sinh nghe thấy như được **Chiên Đàn** (Candana), bệnh liền trừ khỏi. Đủ Lực Dụng này cho nên nói là **Chiên Đàn Công Đức**

73_ Nam mô **Vô Lượng Cúc Quang Phật** (Ananta-ujjvalana Buddha)

Vô Lượng Cúc Quang (Ananta-ujjvalana). **Cúc** là tụm lại. Nghĩa là Diệu Tướng của Đức Như Lai tụm lại phát ra ánh sáng trùng trùng không tận, cho nên gọi là **vô Lượng Cúc Quang**

74_ Nam mô **Quang Đức Phật** (Prabhasa-śrī Buddha)

Quang Đức (Prabhasa-śrī) là **Từ Quang** soi chiếu khắp, lợi ích hữu tình, Ân Đức không tận cho nên gọi là **Quang Đức**

75_ Nam mô **Vô Ưu Đức Phật** (Aśoka-śrī Buddha)

Vô Ưu Đức (Aśoka-śrī) là Đức Như Lai chứng Đại Niết Bàn (Mahā-nirvāṇa), lìa hẳn các **Lậu** (Āsrava: tên khác của phiền não) không có ưu não. Đủ Công Đức này cho nên gọi là **Vô Ưu Đức**

76_ Nam mô **Na La Diên Phật** (Nārāyaṇa Buddha)

Na La Diên (Nārāyaṇa) Đây nói là bền chắc, nghĩa là thân Phật bền chắc giống như Kim Cương không gì có thể làm cho tan hoại, cho nên gọi là **Na La Diên**

77_ Nam mô **Công Đức Hoa Phật** (Kusuma-śrī Buddha)

Công Đức Hoa (Kusuma-śrī) là Đức Như Lai công thành Diệu Trí, ngộ thấu **Chân Thường**, Hoa của nhân vạn Hạnh trang nghiêm quả **Đức** cho nên gọi là **Công Đức Hoa**

78_ Nam mô **Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông Phật** (Padma-jyotir-vikṛditābhijñā Buddha)

Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông (Padma-jyotir-vikṛditābhijñā). **Liên Hoa Quang** (Padma-jyotir) biểu thị cho **Phật Trí** là ánh sáng tuy chiếu xa nhưng vốn chẳng dời đổi, dùng ví dụ cho Đức Như Lai du hóa mười phương, chẳng lìa **Hoa Quang Tam Muội** đều dùng Thần Thông biến hiện, cho nên gọi là **Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông**

79_ Nam mô **Tài Công Đức Phật** (Dhana-śrī Buddha)

Tài Công Đức (Padma-jyotir-vikṛditābhijñā) là Đức Như Lai dùng Công Đức **Pháp Tài** cứu giúp khắp chúng sinh chứng Đại Bồ Đề cho nên gọi là **Tài Công Đức**

80_ Nam mô **Đức Niệm Phật** (Smṛti-śrī Buddha)

Đức Niệm (Smṛti-śrī). **Đức** (Śrī) là gốc của **thành Phật**, Tâm của niệm lợi sinh. Dùng **Đức** cho nên bên trên hoằng dương Phật Đạo, bên dưới hóa độ chúng sinh. Hai Lợi đồng tròn cho nên gọi là **Đức Niệm**

81_ Nam mô **Thiện Danh Xưng Công Đức Phật** (Suparikirtita-nāmadheya-śrī Buddha)

Thiện Danh Xưng Công Đức (Suparikirtita-nāmadheya-śrī). **Thiện** là khen ngợi sự tốt đẹp. Nghĩa là Đức Như Lai đã tu Công Đức lợi sinh, khen ngợi chẳng thể cùng tận, thấy Tướng nghe Tên đều thấm ngấm lợi lạc, cho nên gọi là **Thiện Danh Xưng Công Đức**

82_ Nam mô **Hồng Diệm Đế Tràng Vương Phật** (Indra-ketu-dhavaja-rāja Buddha)

Hồng Diệm Đế Tràng Vương (Indra-ketu-dhavaja-rāja). **Hồng Diệm** tức là ánh sáng của **cây phướng** (ketu) ngọc màu đỏ trong cung **Thiên Đế** (Indra) cho nên nói là **Hồng Diệm**. Cây phướng này chỉ được sở hữu trong cung Thiên Đế, cho nên xưng là **Vương** (rāja) dùng ví dụ cho lửa ánh sáng vàng tía của thân tướng Như Lai. Đại Thiên quốc thổ chỉ có Đức Phật là tối tôn cho nên gọi là **Hồng Diệm Đề Tràng Vương**

83_ Nam mô **Thiện Du Bộ Công Đức Phật** (Vikrānta-gamin-śrī Buddha:Du Bộ Công Đức)

Thiện Du Bộ Công Đức (Vikrānta-gamin-śrī) là Đức Như Lai bước đi giống như con voi chúa, chẳng phải như loại người khác nhẹ nâng vọng động. Phàm nơi thi hành đều hay cảm phát tất cả chúng sinh phát Tâm Bồ Đề, tăng trưởng Công Đức, cho nên gọi là **Thiện Du Bộ**

Lại đủ ba loại **Ý Sinh Thân**. Thiện Du Bộ là **Chủng Loại Ý Thân**, Công là **Tam Muội Ý Thân**, Đức là **Giác Pháp Ý Thân** …rõ ràng như Kinh **Lăng Già** nói

84_ Nam mô **Đấu Chiến Thắng Phật** (Vijitasaṃgrama Buddha)

Đấu Chiến Thắng (Vijitasaṃgrama) là Đức Phật cùng mũi tên Trí, cây cung Thiền, cây kiếm Quang Minh Tuệ cùng đấu với **Uẩn Ma, Phiền Não Ma.** Sức chiến đấu của các Thiên Ma, Ngoại Đạo chẳng bằng nên thảy đều chịu nhận sự hóa độ, cho nên gọi là **Đấu Chiến Thắng**

85_ Nam mô **Thiện Du Bộ Phật** (Suvikrānta Buddha)

Thiện Du Bộ (Suvikrānta) là Đức Như Lai dùng sức **Thần Túc** vòng khắp mười phương, du hành tự tại, cảm hóa các cõi cho nên gọi là **Thiện Du Bộ**.

86_ Nam mô **Chu Táp Trang Nghiêm Công Đức Phật** (Samantāvabhāsa-vyūha-śrī Buddha)

Chu Táp Trang Nghiêm Công Đức (Samantāvabhāsa-vyūha-śrī) là mười phương ba mé sinh Phật y theo Chính đều dùng Công Đức, Pháp Hành tịnh diệu trang nghiêm chẳng phải là loại Thế Gian, vật Hữu Vi so sánh được, cho nên gọi là **Chu Táp Trang Nghiêm Công Đức**

87_ Nam mô **Bảo Hoa Du Bộ Phật** (Ratna-padma-vikramin Buddha)

Bảo Hoa Du Bộ (Ratna-padma-vikramin) có hai ý

Một là chất đầy mọi hoa màu nhiệm cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác, tức xong một bữa ăn liền quay trở về nước của mình, ăn cơm đi Kinh Hành

Hai là dưới bàn chân của Đức Như Lai có tướng bánh xe ngàn căm, phàm nơi du hành có hoa báu nâng đỡ bàn chân.

Cho nên gọi là **Bảo Hoa Du Bộ**

88_ Nam mô **Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Sa La Thọ Vương Phật** (Ratna-padma-supratiṣṭhita-śālendra-rāja Buddha)

Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Sa La Thọ Vương (Ratna-padma-supratiṣṭhita-śālendra-rāja). **Bảo Liên** (Ratna-padma) là hoa thanh tịnh không dơ bẩn. **Thiện Trụ** (Suoratiṣṭhita) đây nói là tối thắng, cũng nói là bền chắc. Đã thắng mà còn bền chắc cho nên gọi là **Thọ Vương**. Nghĩa là Đức Như Lai ở dưới cây này, an trụ thân tâm, khởi Trí chặt đứt **Hoặc** (phiền não), Tâm như hoa sen báu lìa hẳn các dơ bẩn, giống như cây vua tối thắng bền chắc, cho nên gọi là **Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Sa La Thọ Vương**

89_ Nam mô **Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật** (Namo Dharma-dhātu-garbha-kāya- Amitābha-buddha)

Pháp Giới Tạng Thân (Dharma-dhātu-garbha-kāya) có hai ý

Một là Nhân là tên gọi của ***Tỳ Kheo*** **Pháp Tạng** (Dharmakāra-bhikṣu), Quả là thành Báo của **Pháp Giới Tạng Thân**

Hai là như **Quán Kinh** nói: "Chư Phật Như Lai là **Pháp Giới Thân** (Dharma-kāya) nhập vào trong Tâm Tưởng của tất cả chúng sinh. Nay **Di Đà** (Amitābha) cũng là Pháp Giới Thân ở trong khắp cõi nước nhiều như hạt bụi nhỏ thuộc hư không Pháp Giới của mười phương"

A Di Đà. Phiên dịch này có hai ý: Một là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) là Đức Phật ấy có thọ mệnh vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Hai là **Vô Lượng Quang** (Amitābha) là Đức Phật có ánh sáng chiếu soi cõi nước mười phương không có chướng ngại. Song **Lý Thật, Thân Tướng, Công Đức Y Báo, Chính Báo** đều có vô lượng cho nên xưng là **A Di Đà**. Đây cũng đơn điệu thuận theo Pháp nói Tưởng như Kinh của các Tịnh Thổ.

_Kinh **Bảo Tích** nói rằng: "Tất cả chúng sinh, nếu có tội năm Nghịch, mười ác mà vạn kiếp chẳng thông Sám Hối thì nên đỉnh lễ 35 Đức Phật, chí Tâm Sám Hối ắt tất cả tội chướng liền đều trừ diệt"

Song, sau 35 Đức Phật này gia thêm Đức Phật **Di Đà** thì có bốn Ý:

1_ Tên của Đức Phật Di Đà, một lần xưng lễ thời hay diệt tội nặng sinh tử trong 84 ức kiếp. Đều siêu thoát được năm Nghịch, ba đường.

2_ **Di Đà** là đấng Hóa Chủ tuy ở tại Tây Phương, nhưng phát Nguyện đi đến cứu độ chúng sinh của Thế Giới **Sa Bà** (Sāha-loka), tiếp dẫn mười niệm, sinh về chín Phẩm.

3_ Từ khi thành Phật đến nay đã mười kiếp, hiện tại nói Pháp độ khắp các chúng sinh ở mười phương

4_ Đức **Thích Ca Như Lai** cùng với chư Phật mười phương đều khen ngợi Đức Phật A Di Đà.

Có bốn Ý này cho nên gia thêm vậy.

_ Lại có hai nghĩa:

1_ Danh Hiệu của chư Phật không có nhất định. Hoặc y theo Tính lập như **Thích Ca, Di Lặc**.

Hoặc tự xưng như **Vô Cấu, Ly Cấu**

Hoặc **Y Báo**, hoặc **Chính Báo** như **Chiên Đàn Quật, A Súc Tỳ**

Hoặc ví dụ, hoặc Pháp như: **Sơn Hải Tuệ, Kim Hải Quang**

Nhân Quả như **Di Đà**, Công Đức như **Dũng Thí**

Tên gọi tuy đều khác nhau nhưng Nghĩa thì trợ nhau thông suốt. Cho nên **Pháp Uyển** nói rằng: "Như **Thích Ca** phiên dịch là **Năng Nhân**, lại khởi có một Đức Phật chẳng phải là Năng Nhân. **A Di Đà** nói là **Vô Lượng Thọ** thì khởi có một Đức Phật chẳng phải là Trường Thọ….chỉ dùng hợp Cơ bày Hóa, tùy theo đời mà dựng lập

2_Danh Hiệu của chư Phật đồng thông với một.

Hoa Nghiêm nói: "Các Như Lai mười phương đồng chung một Pháp Thân, một Tâm, một Trí Tuệ, sức vô úy cũng thế"

Lăng Già nói: "Tất cả chư Phật có bốn loại đều ngang bằng

Một là **tên chữ ngang bằng** như mười Hiệu của Phật

Hai là **Ngữ ngang bằng**: 64 loại ngôn ngữ của Phạn Âm

Ba là **Thân ngang bằng**: Pháp với Sắc Thân

Bốn là **Pháp ngang bằng**: Phẩm **Chính Trợ Đạo**

Dựa theo nghĩa của hai Kinh này, ắt Danh Đức của 89 Đức Phật, một nhiều dung thông khắp cả, đó đây giao nhiếp, đề cử một Phật liền thông tất cả Phật, giải thích một nghĩa liền hiển vô lượng nghĩa, có tăng giảm nào mà chẳng viên dung chăng?!...

Hết

Biên soạn xong phần **Như Lai Phật Bộ** vào ngày 15/06/2013

TƯ LIỆU THAM CỨU

*) Hán Văn:
_Đại Chính Nguyên Bản Đại Tạng Kinh: Tập 18, Tập19, Tập 20, Tập 21
_ Mật Giáo Đồ Tượng: Tập 3, Tập 4, Tập 5, Tập 6, Tập 7, Tập 8, Tập 9, Tập 10
_ Phật Giáo Tiểu Bách Khoa: Từ quyển 1 đến quyển 18
_Phật Quang Đại Từ Điển
_Bách Khoa Toàn Thư
Phật Giáo Thủ Ấn Đồ Thuyết **Thi Vân Thủy** biên soạn
Mật Giáo Đại Tự Điển Tập 6
_Phật Tượng Đồ Vựng

*) Việt Văn:
_Thai Tạng Giới Man Đa La _ **Huyền Thanh** biên soạn
Kim Cương Giới Man Đa La **Huyền Thanh** biên soạn
Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Thập Nhị Thiên Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Tinh Tú Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
_Một số bài dịch của **Tống Phước Khải**

*) Trang Web:
_buddha-dharma.org
_tangthuphathoc.net
_chuaminhthanh.com
_electricwombworld.blog.fc2.com
_zenheart.hk
_en.wikipedia.org
_zh.wikipedia.org
_haaram.com
_sriharivayuguru.blogsport.com
_fanbop.com
_fodian.net
_haripurush-jagadbandhu.org
_hindudevotionalpower.com
_speakingtree.in
_qcny.net
_baike.baidu.com
_Một số Tôn Tượng trên images của google.com và Tư Liệu của **Tống Phước Khải**

MỤC LỤC

MƯỜI CÔNG ĐỨC ẤN TỐNG KINH PHÁP, TƯỢNG PHẬT

1_ Những nghiệp chướng lỗi lầm từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ

2_ Thường được các vị Thiện Thần ủng hộ. Tránh được tất cả tai ương, hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa. trộm cướp, đao binh, ngục tù.

3_ Vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán thù oan trái của đời trước cũng như đời này.

4_ Các vị Hộ Pháp, Thiện Thần thường gia hộ nên những loài Dạ Xoa, Quỷ ác, rắn độc, cọp, beo tránh xa không dám hãm hại.

5_ Tâm được an vui, ban ngày không gặp việc nguy hiểm, ban đêm không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khoẻ, an lành, việc làm thuận lợi được kết quả tốt.

6_ Chí thành hộ Pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên quần áo đầy đủ, gia đình hoà thuận, phước lộc đời đời.

7_ Lời nói, việc làm đều được Người, Trời hoan hỷ. Đi đến đâu cũng được mọi người kính mến khen ngợi.

8_ Ngu mê chuyển thành Trí Tuệ, bệnh lành, mạnh khoẻ, nghèo túng chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán thân nữ, đời sau sẽ được thân nam.

9_ Vĩnh viễn xa lìa đường ác, sinh vào cõi Trời, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.

10_ Hay vì tất cả chúng sinh gieo trồng căn lành. Lấy tâm mong cầu của chúng sinh làm ruộng Phước cho mình. Nhờ công đức ấy nên đạt được vô lượng quả Phước thù thắng. Sinh ra nơi nào cũng được thấy Phật, nghe Pháp, Phước Tuệ rộng lớn, chứng đạt sáu Thông, sớm thành Phật Quả.

Ấn Quang Tổ Sư dạy rằng: "Ấn tống Kinh Pháp, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên nhân dịp có lễ chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát được hiểm nạn, sám hối, cầu tiêu trừ tật bệnh, cầu siêu độ hương linh, cầu tiêu trừ nghiệp chướng… Hãy dũng mãnh phát Tâm Bồ Đề, ấn tống Kinh Pháp để trồng cội Phước Đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc…”

Chúng Phật Tử Đạo Tràng **Phổ Độ**
Nguyện xin đem Công Đức in Kinh
Cầu cho khắp cả chúng sinh
Thấm nhuần **Chính Pháp** thoát vòng tử sinh

KỆ HỒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức này
Tiêu trừ nghiệp xưa nay
Tăng trưởng các Phước Tuệ
Viên thành căn thắng thiện
Bao nhiêu kiếp đao binh
Cùng với nạn đói khát
Đều diệt sạch không còn
Nhân danh tập lễ tán
Tất cả giúp thành người
Người xoay chuyển lưu thông
Quyến thuộc nay an lạc
Tiên vong được siêu thăng
Mưa gió thường thuận hòa
Nhân dân đều khang ninh
Pháp Giới các hàm thức
Đồng chứng **Đạo Vô Thượng** .

